



Paul TRẦN VỸ

**TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ**  
**tại**  
**VIỆT NAM**

**2000**

## PRISONNIER POLITIQUE AU VIET-NAM

### TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT-NAM

Tập sách này là chứng tích đầu tiên viết bằng Pháp văn về các trại tù tập trung cải tạo ở Việt Nam của một nhà trí thức đã bị tù đầy suốt 51 tháng trời. Giá trị của cuốn sách ở chỗ vẫn giữ được tính cách khách quan, không thiên kiến, mặc dù người viết là nạn nhân trong thảm trạng. Chắc hẳn do tinh thần khoa học và y khoa hấp thụ được, mà tác giả đã trình bày hệ thống giam cầm của cộng sản dưới một cái nhìn không hận thù, hờn oán.



1920 - 1994

Đại học Y khoa Hà Nội (1941 - 1946).

Luận án Y khoa Bác sĩ tại Saigon (1951).

Cử nhân và Tiến sĩ quốc gia,

Khoa học thiên nhiên, Sorbonne 1955.

Bác sĩ chuyên khoa Lao và bệnh phổi, Paris 1954.

Thạc sĩ các trường đại học y khoa Pháp,  
môn Sinh lý học, Paris 1955.

Hoạt động y khoa trong kháng chiến 1946 - 1949.

Khảo cứu viên (Attaché de recherche)

tại Trung tâm Quốc gia Khảo cứu Khoa học Pháp  
(C.N.R.S) 1952 - 1955.

Giáo sư Thạc sĩ Y khoa Đại học Saigon,

Trưởng bộ môn Sinh lý học 1955.

Giáo sư thực thụ Y khoa Đại học Saigon.

Bộ trưởng Y tế Việt Nam Cộng Hòa 1956 - 1961.

Bị giam tại trại cải tạo Long Thành 1975,

Thủ Đức 1975 - 1976, Hà Sơn Bình 1976 - 1979;

Bị giam lỏng ở Saigon cho đến 1989 mới được  
xuất ngoại sang Pháp, diện đoàn tụ gia đình.

## TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ TẠI VIỆT NAM

(1975 – 1979)

*Nguyên bản sách này viết bằng Pháp ngữ của **Cố Bác Sĩ Trần Vỹ***

*do nhà xuất bản L'Harmattan, Paris phát hành năm 1990*

*Bản Việt ngữ này được thực hiện với sự cộng tác*

*của bà Như Nguyễn năm 1998*

***Lê Thy** đánh máy lại để phổ biến trên BVCV*

## ĐỀ TƯỞNG NIỆM

Anh linh Trung Úy TRƯƠNG QUANG HẬU,  
người đã bỏ mình vì tuyệt thực,  
để phản đối việc gia hạn cuộc tù đầy của chúng tôi;  
và  
của bạn tôi là NGUYỄN NGỌC THÚY  
người đã bỏ mình vì những cực hình  
do cơ quan công an của Bộ Nội Vụ Hà Nội áp đặt



**“Nếu không có công lý thì chính quyền nào cũng là  
sự kết hợp của những phường gian ác”**

***(Thánh Augustin)***



## MỤC LỤC



|                                             |                                |     |
|---------------------------------------------|--------------------------------|-----|
| Lời Tựa                                     | <i>(Lâm Lễ Trinh)</i>          | 3   |
| Lời Mở Đầu                                  | <i>(Tác giả: Paul Trần Vỹ)</i> | 5   |
| Chương I: Trách Nhiệm Của Một Cuộc Bại Trận |                                | 6   |
| Chương II: Cuộc Chiếm Đóng Của Cộng Sản     |                                | 20  |
| Chương III: Trại Tập Trung Long Thành       |                                | 32  |
| Chương IV: Nhà Tù Thủ Đức                   |                                | 41  |
| Chương V: Trại Tập Trung 52-A               |                                | 59  |
| Chương VI: Cải Tạo Lao Động Cường Bách      |                                | 79  |
| Chương VII: Tài Chánh Của Trại Cải Tạo      |                                | 85  |
| Chương VIII: Tù Nhân – Lính Gác Tù          |                                | 99  |
| Chương IX: Tù Nhân – Lòng Tin Trong Tù      |                                | 110 |
| Chương X: Tôi Được Thả                      |                                | 123 |



## LỜI TỰA

### ĐAU BUỒN NHỚ BẠN



Trong tủ sách tiếng Việt nói về các trại tầy nảo của Cộng Sản Việt Nam sau tháng tư 1975, có khá nhiều hồi ký của các tù chính trị, phần đông thuộc giới văn nghệ sĩ và Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà. Tác phẩm tiếng Pháp rất hiếm. Quyển sách *Prisonnier politique au Vietnam* của P.V. Trần (bút hiệu của Bác Sĩ Trần Vỹ) do nhà xuất bản Éditions L'Harmattan ở Paris phát hành năm 1990, có đặc điểm là không phải một hồi ký hay một quyển tiểu thuyết giả tưởng. Như tác giả đã xác nhận trong lời mở đầu, tác phẩm này là “thiên phóng sự sống” của một nhân chứng và nạn nhân cộng sản, từng trải qua bốn năm trong các trại giam của chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt hơn, người viết thiên phóng sự là một nhà khoa học đã tham gia kháng chiến từ 1947 đến 1950, trong hàng ngũ Việt Minh với tư thế y sĩ trưởng của Trung Đoàn 101 tại liên khu 4 Việt Nam, sau đó qua Pháp lấy bằng Tiến Sĩ Vạn Vật học và Thạc Sĩ Y Khoa, nghiên cứu tại CNRS (Centre National De La Recherche Scientifique), rồi về Việt Nam dạy môn Sinh Lý học tại Viện Đại Học Y Khoa Saigon, trước khi tham chính thời Đệ Nhứt Cộng Hoà tại miền Nam Việt Nam trong chức vụ Bộ Trưởng Y Tế (1956-1961) và được bổ nhiệm Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Khoa Học Việt Nam (1961-1965).

Bị gởi đi tầy nảo tại Bắc Việt từ 1975 đến 1979, bác sĩ Trần Vỹ phải trải qua mười năm thủ tục hành chánh mới được xuất ngoại và định cư ở Pháp với gia đình. Không ngại nhĩ, mặc dầu sức khoẻ yếu kém, ông đi nói chuyện nhiều nơi, ở Âu Châu và Hoa Kỳ, về thực trạng ở Việt Nam và đồng thời sáng tác. Ngoài quyển “*Prisonnier politique au Vietnam*”, hai tập tài liệu “Saigon dưới ách Cộng Sản, thời kỳ 1979-1989” được Hội Y Sĩ Việt Nam tại Hoa Kỳ ấn hành năm 1993 và “Thánh Vịnh” sắp xuất bản. Bác sĩ Trần Vỹ đã qua đời ngày 25 tháng 2 năm 1994 tại Les Yvelines, Pháp, lưu lại nhiều mền tiếc trong cộng đồng. Nay để tưởng niệm nhà bác học bất khuất, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam cho ấn hành bản tiếng Việt “Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam”. Đây là một quyết định rất hợp thời.

Tác phẩm “Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam” dài 240 trang, và gồm có 9 chương, phân tách sâu sắc một mặt trách nhiệm của sự thất bại tại Miền Nam (chương I) và mặt khác, chính sách khắc nghiệt kiểm thảo, tự kiểm thảo và giáo dục bằng lao động của Cộng Sản từ trại giam Long Thành và Thủ Đức (Nam Việt) cho đến trại 52A Hà Sơn Bình (Bắc Việt) được Bộ Nội Vụ cộng sản chọn làm trại kiểu mẫu số 1 để trưng bày mỗi khi có tổ chức ngoại quốc và báo giới quốc tế đến Việt Nam quan sát (chương II đến chương VI). Được chỉ định phụ tá một cán bộ cộng sản coi sóc trạm y tế của khu chính trị, tác giả có dịp tiếp xúc với nhiều tù nhân và đồng thời, nhận xét về các cơ cấu, hệ thống cán bộ, tổ chức kỷ luật, tài chính trong trại v.v... Các trại viên phải đối đầu với ba mối lo hắc ám: đói, lạnh và cô đơn (chương VII và VIII). Ngoài những tình tiết cảm động về cảnh

ngộ của một số tù nhân có khí phách như luật sư Trần Trung Dung, nhân viên Trung Ương Tình Báo Nguyễn Ngọc Thúy v.v.. tác giả còn kể lại tặc trách của một số tù nhân “ăng-ten và phản bội đồng đội”. Trong những giờ gần như tuyệt vọng, tác giả giữ vững đức tin nhờ cầu nguyện và lén lút rước lễ cùng một số tín hữu công giáo khác do sự móc nối kín đáo và hướng dẫn của một linh mục trại viên.

Được phóng thích ngày 11 tháng 09 năm 1979 sau 51 tháng giam cầm, Bác Sĩ Trần Vỹ đáp xe lửa về Nam trong lòng buồn vui lẫn lộn. Lạc lõng giữa một xã hội công an trị, người trí thức sa cơ này đắng cay nghĩ đến một tương lai “cá chậu chim lồng”, mỗi tuần phải trình diện tại phường trong vòng hai năm và học tập chính trị thường xuyên. Trong thế giới cộng sản, thành phần bị đảng dán cho cái nhãn hiệu “Phản Cách Mạng” đều chung một số phận: bị đặt ngoài lề xã hội, hưởng tự do tạm và đời sống đối với họ chỉ là một khám đường lớn hơn khi ra khỏi trại giam.

Hai mươi bốn năm lưu vong, đọc lại đoạn kết quyển sách “Tù Nhân Chính Trị tại Việt Nam” của người bạn quá vãng, lòng buồn vô hạn và đồng thời cũng tự vấn: tất cả chúng ta, bất chấp hữu hay tả khuynh, Quốc Gia hay Cộng Sản, đã rút được bài học đáng giá nào trong cuộc tương sát tương tàn vừa qua. Chừng nào đồng thuận về phương cách canh tân đất nước hiện lún sâu vào cái nhục chậm tiến? Lý do nào khiến giới trí thức Việt chưa thích nghi với trách nhiệm đưa xứ sở vùng lên? Truyền thống sĩ phu vì sao hiện vắng bóng?

Bạn Trần Vỹ quả là một tấm gương cho kẻ sĩ vì lúc sinh tiền, không một mối đầu tranh. Chưa thành công nhưng đã thành nhân. Bạn đã chiến đấu đến phút cuối cùng vì trong lòng, vẫn nuôi – như André Malraux đã nói – “chất lửa căm hờn và bất mãn”. Bạn không bao giờ thất vọng nơi tương lai của dân tộc.

**Lâm Lễ Trinh**

Ngày 14 tháng 07 năm 1999



## LỜI MỞ ĐẦU



Tác phẩm này không phải là một tiểu thuyết, cũng không phải là một nhật ký cá nhân kể lại những ngày qua cuộc sống của một tù nhân chính trị trong những trại tập trung để “cải tạo” bằng lao động ở Việt Nam, mà là một loại phóng sự mà tôi đã cố gắng viết lại về cuộc sống của một tù nhân chính trị Việt Nam trong những trại này. Vì vậy nó chỉ phản ánh lại những kinh nghiệm bản thân của tôi trong những trại nhất định và không phải là đời sống của tất cả những tù nhân chính trị trong mọi trại tập trung.

Một vài hoàn cảnh đã cho “phóng sự” này một tính cách đặc biệt:

– Trại 52A, nơi mà tôi đã trải qua 36 tháng trong 51 tháng tù đầy, là trại số một của Bộ Nội Vụ, có nghĩa trại ấy là đối tượng được Bộ chú ý đặc biệt. Đó là trại mà người đem ra phô bày cho khách ngoại quốc thăm viếng. Những nhân viên được chọn lựa kỹ càng và hành xử thích hợp với sự đòi hỏi của Bộ. Đó là cho khách thăm viếng ngoại quốc xem mặt nạ văn minh của chế độ nhà tù Việt Nam. Cuộc sống ở các trại khác tệ hơn nhiều.

– Là một y sĩ, tôi được chỉ định điều khiển bệnh xá của trại (khu vực chính trị), điều này đem lại cho tôi một hoàn cảnh vật chất hơi ưu đãi và cho phép tôi có một hiểu biết khá hơn về guồng máy hành chánh của trại.

Ngay cả sau khi được trả tự do, “người tù chính trị” ở Việt Nam vẫn ở dưới sự kiểm soát của những cơ sở công an địa phương. Còn đối với những tù nhân chính trị quan trọng thì có kèm theo kiểm soát trực tiếp từ các cơ quan an ninh của Bộ Nội Vụ. Vì lý do này với nguy cơ khám nhà, thường thì vào ban đêm, tôi không thể nào ghi lên giấy những điều tôi đã từng sống, thấy và nghe trong các trại, cho nên sau phải sau một vài tháng được trả tự do, tôi mới bắt đầu ghi chép những kỷ niệm mỗi buổi sáng và đem chúng ra đốt ngay chiều hôm đó. Đó là điều tôi phải làm trong suốt 10 năm, giữa lúc tôi nấp đơn rời khỏi nước và ngày tôi được chiếu khán xuất ngoại.

Trước khi vào “phóng sự”, tôi đã viết một chương vạch lại điều mà nhiều người Việt Nam quốc gia cũng như chúng tôi nghĩ về lý do của cuộc lưu trú trong những “đại học cải tạo bằng lao động” này, đại học mà không phải là “trường học” vì nhiều bạn đồng nghiệp của chúng tôi đã trải qua đến 12 hay 13 năm hay hơn thế nữa, trong cuộc sống của những người đã trưởng thành.

**Paul Trần Vỹ**



## CHƯƠNG I

### TRÁCH NHIỆM CỦA MỘT CUỘC BẠI TRẬN



Xê xích một vài giờ – đúng 11 năm 6 tháng – sau cuộc đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 01 tháng 11 năm 1963 – cây cờ đỏ sao vàng của Việt Cộng phát phới ngạo nghễ trên mái nhà của dinh Độc Lập ở Saigon. Điều này đã xảy ra, dù có sự hy sinh của trên hàng trăm ngàn, thậm chí hàng triệu nạn nhân Việt Nam, vừa dân sự lẫn binh lính.

Trách nhiệm của sự thất bại này trước hết ở trên đầu những người phù thủy tập sự, đã một cách ngây thơ, biến cuộc chiến du kích giữa những người Cộng Sản và những người Quốc Gia Việt



Nam – cuộc chiến mà có thể kéo dài hàng chục năm – thành một cuộc chiến tranh của Mỹ chống lại Bắc Việt, tuyển đầu phòng thủ ở mặt nam Trung Hoa Lục Địa.

Thêm vào lở lẫm về chiến lược này, còn có sự sợ hãi về chiến thuật “trả đũa từ từ”, con đẻ của cái mặc cảm vừa tự tôn lẫn tội lỗi. Trong trò này, những lực lượng của Mỹ đóng vai người đối đầu khoan dung trước quân đội Bắc Việt. Phía Trung Cộng, bức mình vì sự bất lực của mình trong việc tấn công các căn cứ Mỹ ở đảo Phi Luật Tân, do sự yếu kém của thủy quân, đã chu cấp một cách rộng rãi về binh nhu và về viện trợ kinh tế, sung sướng vì có thể chiến đấu chống người Mỹ, nếu cần cho đến người Bắc Việt cuối cùng.

Những lý do nào đã đưa một cường quốc “Bảo Vệ Tự Do” đến hành động đâm vào lưng một đồng minh yếu ớt đang đối chọi, nơi tuyển đầu, với Cộng Sản? Những chiến lược gia của Hoa Thịnh Đốn đã nghĩ gì khi đề nghị một giải pháp như thế?

Việc Tổng Thống Ngô Đình Diệm từ chối không chấp nhận cho những đại đơn vị của quân đội Mỹ có mặt ở miền Nam Việt Nam **(1)** chắc chắn đã là yếu tố quyết định nếu không là chính yếu. Vào thời điểm ấy chiến lược của Mỹ đối với Trung Cộng còn là chiến lược “cầm chân”. Nhưng Tổng Thống Diệm và em của ông, cố vấn Ngô Đình Nhu nhận định rằng sự có mặt của những đơn vị chính quy của quân đội Mỹ sẽ là một khiêu khích đối với Trung Cộng và sẽ không đem lại điều gì tốt đẹp cho Việt nam. Phải chăng tục ngữ Việt nam đã nói “trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết”?

**(1)** Theo ông Trương Công Cừu, quyền Tổng Trưởng Ngoại Giao vào năm 1963, thì Đại Sứ Hoa Kỳ đã chính thức xin phép đổ bộ 40.000 lính Hoa Kỳ và đầy Nhu đi sáu tháng. Tổng Thống Diệm đã không trả lời. Cơ quan tình báo Hoa Kỳ (C.I.A) giúp đỡ Phật Giáo chống đối không phải chỉ bắt đầu vào năm 1963; nó đã có trước từ lâu, nhưng là chỉ để tạo ra một sự chống đối dân chủ, nghĩa là có sẵn để khi cần thì dùng tới, một phương tiện để thuyết phục người đồng minh bạn. Khi đồng minh trở thành kẻ thù, sự hỗ trợ phe chống đối trở nên công khai với tính cách tranh đấu chống chánh phủ, nhất là việc cho một lãnh đạo của phe đối lập cư trú trong khuôn viên ngoại giao. Người ta lại còn nói rằng phe đối lập được báo tin cho biết về mọi dự định của chánh phủ nhờ vào một tổng trưởng điệp viên của C.I.A

Trước sự từ chối của Tổng Thống Diệm chấp nhận đưa những đơn vị chính quy của quân đội Mỹ vào Việt Nam, những người phù thủy tập sự nhận ra rằng cho đến bây giờ họ đã ủng hộ một vị Tổng Thống công giáo trong một đất nước mà những người cùng tôn giáo với ông chỉ chiếm 20% dân số **(2)**, trong khi tất cả những nước lân bang khác ở phía nam Trung Cộng đều theo Phật Giáo (Miến Điện, Thái Lan, Cao Miên). Thật là một giấc mộng khi biến Việt Nam thành một nước Phật Giáo! Lúc đó, để ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng về phía Đông Nam Châu Á, sẽ có một vòng đai gồm toàn những nước ít nhiều cùng một tư tưởng tôn giáo với một bản chất đối nghịch với vô thần Cộng Sản.

**(2)** Điều này không có nghĩa là, như một vài phóng viên báo chí quốc tế viết, 80% dân số còn lại là Phật

tử. Theo ý kiến của một người lãnh đạo Phật tử vào năm 1964, những người theo đạo Phật đã chỉ có khoảng 4,4 triệu tới 5,6 triệu trên 16 triệu dân số Miền Nam vào thời đó. Và số còn lại thì sao?

Trước hết có khoảng 1,5 triệu người theo đạo Cao Đài nhiệt tín dưới con mắt chăm chú đại diện Đấng Tối Cao, của Thích-Ca Mâu Ni cũng như của Chúa Giê-su, và cả của Victor Hugo. Rồi độ hai triệu tín đồ Hòa Hảo mệnh danh là Phật Giáo Hòa Hảo, thờ “Đức Thầy”. Sau đó, độ một triệu người Miền Núi phần đông là theo thuyết vật linh, với vài vạn người trở lại đạo Tin Lành; số còn lại của dân số Việt Nam, chỉ thờ ông bà.

Mộng đẹp thật sự, mà lỡ làm chết người vì họ đã quên rằng Phật Giáo rao giảng con người xa lánh hết mọi việc đời để đạt đến sự tiêu diệt bản ngã, hầu hòa nhập vào hư vô của Niết Bàn. Lịch sử nhân loại đã ghi chép lại kỷ niệm về những hiệp sĩ của Allah chinh phục Bắc Phi và của đoàn viễn chinh “thập tự” ở Âu Châu để giải thoát đất thánh, nhưng chưa hề bao giờ biết đến một cuộc xuất binh của Phật Giáo để thực hiện bất cứ công tác nào về tranh chấp ý thức hệ cả.

Lúc bấy giờ những tên gián điệp bắt đầu, hầu như một cách công khai, khuyến khích những Phật tử quá khích, mà số đông là Việt Cộng “nằm vùng”, như chính phủ Cộng Sản đã không ngần ngại công nhận một cách chính thức sau 1975, đó là trường hợp của Quách Thị Trang, Kiều Mộng Thu, Ni-cô Huỳnh Liên và của biết bao người khác nữa đã kiếm cách lũng đoạn chính phủ của Tổng Thống Diệm bằng cách biểu tình, xuống đường, reo hò, không hợp chợ, quỳ sinh tự hủy, mà báo chí quốc tế thổi phồng tầm quan trọng lên một cách thích thú.

Bị bỏ rơi tuy chưa chính thức, nhưng người Mỹ đã bán chính thức và công khai tỏ thái độ, Tổng Thống Diệm và ông Nhu không còn đường nào khác hơn là mở một đường về Bắc Việt Nam để thử tìm ra một “Tạm ước” giữa hai chính thể khác biệt của cùng một dân tộc. Nếu miền Nam Việt Nam có nạn “những Phật tử quá khích” được ủng hộ bởi cường quốc liên minh thì miền Bắc cũng có khó khăn của mình: những hậu quả của cải cách ruộng đất đẫm máu rồi đến cải cách kỹ nghệ, đã đưa một vài miền và cả địa phương quê hương của Hồ Chí Minh đến bờ nổi loạn. Vừa được êm êm thì cuộc đàn áp phong trào “Nhân văn giai phẩm” đã đột ngột đập xuống giới văn nghệ sĩ làm lung lay giai cấp trí thức. Cho nên Ngô Đình Nhu nghĩ rằng thực sự có thể có được một cuộc đàm thoại giữa Nam Bắc. Nhân một cuộc tiếp tân trong khuôn viên thuộc viện Đại Học Saigon để chào mừng các giáo sư Pháp dạy ở Đại Học, Ngô Đình Nhu tuyên bố một cách công khai là ông đã tiếp ở văn phòng ông, một vài ngày trước đó, một cấp chỉ huy cao cấp Việt Cộng và sắp sửa tiếp một người khác ở cấp bậc rất cao để đàm phán ... Tình báo Mỹ rủi thay là đã không vắng mặt trong số những kẻ được mời...

Vào cuối tháng 08 năm 1963, trong một cuộc tiếp tân tổ chức ở Bộ Ngoại Giao, ông Ngô Đình Nhu được vị đại diện Tòa Thánh Vatican giới thiệu với đại sứ Ba-Lan Maneli, thành viên của C.I.C. (Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình chiến Genève) trước sự hiện diện của các vị đại sứ Pháp, Ý và Ấn Độ. Vài hôm sau, ngày 20 tháng 09 năm 1963, Ngô Đình Nhu và Maneli lại gặp nhau. Trong cuộc hội kiến này Maneli đã nhận chuyển tới Bắc Việt Nam ước muốn của Ngô Đình Nhu là mở



ra với họ một cuộc thương thuyết hầu đạt đến một “Tạm ước”, tuy nhiên một cuộc gặp gỡ trực tiếp với chính quyền miền Bắc chưa được dự tính vào lúc đó.

Cố gắng của Ngô Đình Nhu để đàm thoại với miền Bắc Việt Nam đã làm phật lòng thật nhiều người Mỹ. Ngoài ra, dù có sự ủng hộ lộ liễu dành cho những Phật tử quá khích ở Saigon và dù có sử dụng đến những kẻ khiêu khích trong một cuộc họp Phật Giáo ở Huế, thì sự nổi loạn mong đợi ở quần chúng vẫn chưa hề xảy tới. Những kẻ phù thủy tập sự của Hoa Thịnh Đốn, trước sự đe dọa sắp mở những cuộc đàm phán trực tiếp giữa miền Nam và miền Bắc Việt Nam, đã dùng đến cuộc đảo chánh của quân đội, một việc khá dễ dàng vì cố vấn Mỹ có mặt trong nhiều bộ tham mưu quân sự. Cuộc đảo chánh này cũng như trong phần nhiều trường hợp khác, người ta cần đến những ông tướng. Mà những tướng lãnh Việt Nam năm 1963 là những ai? Phần nhiều là những hạ sĩ quan của Vệ Binh bản xứ (Garde indigène: khổ xanh) hay những lính Đông Dương (Tirailleurs indochinois: khổ đỏ), những cựu thư ký hay thanh tra sở cảnh sát hay điều tra, tóm lại những cựu cán sự bản xứ, thuộc cấp của các cơ quan đàn áp của cường quyền thực dân. Một vài người là cựu học sinh trường hạ sĩ quan trừ bị (Elèves sous-officiers de réserve = E. S. O. R) mà quân đội Pháp đã thành lập trong những năm trước khi Nhật Bản xâm chiếm Việt Nam, vì bị cắt đứt với hậu phương. Những cậu Tú mà đại học hay những trường cao đẳng đều không hấp dẫn họ hoặc đã đào thải họ, họ bị lôi cuốn bởi lương bổng gọi là “âu tây của hạ sĩ quan trừ bị, cao hơn nhiều lương bổng của công chức và cấp chỉ huy Việt Nam. Sự cần thiết có được các sĩ quan trong quân đội quốc gia của miền Nam Việt Nam trong lúc mới thành lập, đã cho phép họ được thăng chức nhanh chóng, qua một chuyến tập sự cấp tốc ở Paris hay ở đồn Fort Bragg, đã phết cho họ một lớp sơn nhân tạo, nhưng không thay đổi được gì về giá trị và bản chất của họ. Đã có chọn lọc đấy, nhưng chọn lọc bất đắc dĩ, không phải những người có năng khiếu nhất hay có học nhất, chắc chắn là không phải những người yêu nước nhất, cũng không phải là những người can đảm hay lương thiện nhất, nhưng là những người nhờ vào người Mỹ đang thao túng đất nước.

Cho đến lúc ấy, bị kèm chế bởi những công chức Pháp rồi bởi chánh quyền thật quan liêu của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, họ hành động khá đứng đắn và làm những gì người ta có thể trông cậy vào họ, nhưng lúc này họ tưởng mình là chủ đất nước thì con người thật của họ hiện nguyên hình dưới ánh sáng mặt trời. Điều mà dân chúng được biết nhanh chóng về hành động của “Hội Đồng Tướng Lãnh” thật đúng với giá trị các thành tích của những thành viên hội đồng: việc ám sát hèn nhát Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu sau khi họ đầu hàng (3); sự tranh chấp bần tiện giữa những tướng lãnh khi chia phần chiến lợi phẩm 17 triệu đồng quỹ đen mà Tổng Thống để lại ở dinh Gia Long; việc các tướng lãnh vội vã chiếm hữu những ngôi nhà của Nhà Nước để làm của riêng. Châm ngôn của Hội Đồng Tướng Lãnh dường như là: “hèn nhát, tham lam, xa hoa v.v...” vì vị bộ trưởng Nội Vụ của họ gọi cho bà Hiệu Trưởng trường Nữ Trung Học Saigon thiệp mời đi dự dạ vũ tư nhân, chính thức nhờ bà mời những học sinh của bà đến đấy!

**(3)** Ngay từ những ngày đầu, Bộ Trưởng Thông-tin của Hội Đồng Tướng Lãnh đã báo tin ông Ngô Đình Diệm và em ông, Ngô Đình Nhu, tự sát, điều nói dối ngu xuẩn đến nỗi không ai tin! Sự thật đã hoàn toàn khác hẳn.

Ngày 2 tháng 11, khi đại tá Nguyễn Văn Thiệu – vị tổng thống tương lai – người điều khiển các đoàn quân nổi loạn, báo cáo cho các tướng lãnh vẫn còn tụ họp ở Bộ Tổng Tham Mưu, là ông đã chiếm dinh Gia Long, nhưng không thấy cả Tổng Thống Ngô Đình Diệm lẫn ông Ngô Đình Nhu thì sự kinh hoàng đã lên tới độ nơi những tướng lãnh phiến loạn! Người ta còn nói là một vài người đã sửa soạn va-li sẵn! Tuy nhiên, khoảng 9 giờ, khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm điện thoại cho họ, và báo tin sự đầu hàng của ông, thì họ đã tái sinh và bắt đầu quyết định về số phận dành cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm và em ông. Không có một đa số rõ ràng nào, những người quyết liệt nhất là nhóm cựu hạ sĩ và cựu cảnh sát! Lúc bấy giờ, do một dấu hiệu của Dương Văn Minh, ông tướng Cảnh Sát đi ra, có Nhung, sĩ quan tùy tùng của Dương Văn Minh đi theo. Họ lấy những thiết giáp đầu tiên mà họ tìm được và lo đi kiểm TT Ngô Đình Diệm và em ông, chỉ sợ có người khác kiểm ra trước mình. Khi đến nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn, họ cho ông Diệm và ông Nhu lên xe thiết giáp với Nhung theo hộ vệ, khi đoàn xe của họ, trên đường về, đến khoảng Đại Học Y khoa, họ ngừng lại và cho thay tài xế bằng bộ hạ, những người thân tín mà họ đã tin cho biết trước khi đi. Đoàn xe lại lên đường về Bộ Tổng Tham Mưu, nhưng khi đến ngang đường xe lửa gần nhà Bảo Sanh Từ Dũ, Nhung và người đồng lõa của y, Nghĩa, đã ám sát TT Diệm và ông Nhu bằng những tràng đạn tiểu liên.

Thiếu Tá Nguyễn Đức Xích, Tỉnh Trưởng Gia Định, ngoại ô của Saigon, đã kể cho tôi nghe năm 1969 chi tiết sau đây ngày 2 tháng 11 năm 1963, ông đã bị gọi sớm vào Tổng Tham Mưu, ở đó ông phải đợi nhiều giờ trước khi được vào văn phòng của Dương Văn Minh, người thủ lãnh trên danh nghĩa của Hội Đồng Tướng Lãnh. Dương Văn Minh hỏi ông về những bố trí quân sự trong tỉnh của ông, câu chuyện bị ngắt ngang một cách bất ngờ do sự ào vào của sĩ quan tùy tùng, thiếu tá Nhung, người này chào theo kiểu nhà binh thượng cấp của mình bằng cách đập gót giày thật mạnh và nói bằng tiếng Pháp: “Thưa Đại Tướng, công tác đã hoàn thành”, lại chào nữa, rồi đi ra!

Nhưng những kẻ thật sự có trách nhiệm về vụ giết người không phải là những người này! Giáo sư Bửu Hội, một hóa học gia Việt Nam nổi tiếng làm việc ở Pháp, và kiêm nhiệm vào thời đó chức vụ đại sứ Việt Nam ở Maroc, đã kể cho tôi nghe năm 1965, là một chính trị gia Pháp đã cho ông hay rằng trong một buổi họp hội đồng Bộ Trưởng sau cuộc đảo chánh ở Saigon, Tướng De Gaulle, sau khi được thông báo sự ám sát TT Ngô Đình Diệm, dường như đã nói: ‘Thưa quý vị, ít nhất chúng ta không vấy máu trên tay chúng ta!’. Mọi người đều biết ông muốn ám chỉ ai!

Còn về những người Việt Nam Quốc Gia, quá yếu để phản ứng lại những biến cố này, họ chỉ còn trông vào sự phán xét của Thượng Đế để phạt những kẻ có tội và làm vơi đi những khốn cùng của họ.

Trong lãnh vực chính trị quân sự, biện pháp quan trọng duy nhất của chánh phủ mới là đình chỉ chương trình “áp Chiến Lược” **(4)**, biện pháp phi lý đã chứng minh cho tiếng đồn “ngây ngô” mà mọi người gán cho Dương Văn Minh, vị thủ lãnh của “Hội Đồng Tướng Lãnh” **(5)**. Nhiều người bạn trung học của tôi ở lại miền Bắc, trở thành cấp chỉ huy cao cấp của chính quyền Hà Nội, đến Saigon sau năm 1975, đã thổ lộ với tôi rằng: “cuộc đảo chánh tháng 11 năm 1963 ở Saigon đã là

món quà “Trời cho miền Bắc Việt Nam”.

(4) Chương trình “Áp Chiến Lược” dựa theo chiến thuật người Anh đã áp dụng ở Mã Lai và họ đã thành công trong việc loại bỏ kích Cộng Sản một thời đã đe dọa cả đất nước. Dĩ nhiên, hoàn cảnh kinh tế xã hội của Mã Lai khác hẳn với hoàn cảnh của Miền Nam: ở đó lúa gạo đều được nhập cảng, như vậy dễ dàng kiểm kê và dân chúng nông thôn phần đông làm việc ở các đồn điền cao su, dễ kiểm soát hơn là ở miền Nam Việt Nam mà đa số quần chúng làm việc rải rác ở đồng ruộng bát ngát để sản xuất thực phẩm cho chính mình. Tuy vậy, chương trình áp chiến lược, mặc dù quần chúng nông thôn thường không chấp nhận dễ dàng, vẫn thực sự hữu hiệu như những cán bộ cộng sản cao cấp của Bắc Việt đã công nhận sau năm 1975 . Đi đôi với chương trình Áp Chiến Lược này là việc thành lập đoàn dân quân, dùng để bảo vệ áp chiến lược. Năm 1956-57, Ngô Đình Diệm thành lập đoàn Bảo An, một loại vệ quân dân sự. Người Mỹ không đồng ý thành lập đoàn dân quân này, mà muốn chỉ có một quân đội quốc gia gồm 150.000 người do họ vũ trang, huấn luyện và bảo dưỡng, họ từ chối mọi sự giúp đỡ cho đoàn Bảo An. Tổng Thống Ngô Đình Diệm vũ trang đoàn Bảo An với súng trường mà quân đội quốc gia thải ra sau khi đã nhận được những thiết bị quân sự mới của Mỹ. Đó là một đám vũ khí hỗn tạp chấp vá, đi từ súng trường Đông Dương Pháp, cho tới súng carabine của Mỹ, rồi đến tiểu liên Thompson của Anh. Nhưng thiếu đạn dược, Tổng Thống Diệm đành dùng những ngoại tệ riêng của Việt Nam để xây cất một xưởng làm đạn dược. Công việc được giao phó cho đại tá Sâm- cựu chuẩn úy Thủy Quân Pháp, nay phụ trách Nha Quân Cự của Quân Đội quốc Gia. Xưởng được đặt ở Cát Lái, những cố gắng sản xuất đã rất khó khăn rồi cuối cùng xưởng bị nổ tan! Tác phẩm của C.I.A hay là sự bất lương của Đại Tá Sâm ? Sự nổ tung này đã ít nhiều ảnh hưởng trong việc dẹp bỏ chương trình Bảo An.

Ngô Đình Nhu còn lâu mới khâm phục chiến thuật chống du kích do cố vấn Mỹ chủ trương. Trong một bữa cơm tối với vài công chức cao cấp ủng hộ chế độ, Ngô Đình Nhu nói về vấn đề cần tổ chức đoàn Thanh Niên Cộng Hòa, đoàn thanh niên bán quân sự sẽ giúp thực hiện ở miền quê chương trình áp Chiến Lược. ông đã nói về quân đội quốc gia do Mỹ huấn luyện:

“Chúng ta hãy để cho họ lê gót giày và làm ồn trên những con đường lớn để dọa nạt mọi người, nhưng công việc có hiệu quả là do đoàn Thanh Niên Cộng Hòa thực hiện bằng cách sống kề cận bên người nông dân, trong làng mạc của họ, và giữa ruộng đồng của họ”

Chuyện xảy ra ở Ấp Bắc một ít lâu sau đó, có lẽ đã biện minh cho ý kiến của ông. Ấp Bắc là tên của một ấp nhỏ của một tỉnh miền Tây. Việt Cộng đã xâm nhập vào đó để tuyên truyền và thu thuế. Được điệp viên báo tin, quân đội gửi đến đây những đơn vị đầu tiên đã được huấn luyện trong việc chống đánh du kích do người Mỹ thực hiện, và lần đầu tiên dùng kỹ thuật chuyển quân bằng trực thăng. Sau một cuộc chiến đấu hung bạo và quyết liệt, Việt Cộng đã rút đi được mà không bị nhiều tổn thất. Việt Cộng la to chiến thắng, trong khi đó giới cao cấp quân sự và chính trị Miền Nam bàn bạc “Thất bại hay Không Thất bại”. Các tướng lãnh Việt Nam, nuôi bằng sữa bình của Viện Trợ Mỹ, đã ganh tỵ vì sự chú ý đặc biệt của Tổng Thống Diệm dành cho chương trình bình định nông thôn của các Ấp Chiến Lược. Điều này có thể giải thích sự hấp tấp của ‘Đại Ngây’ Thủ Lãnh Hội Đồng Tướng Lãnh thứ nhất, đã hủy bỏ chương trình này ngay vài tuần sau ngày 2 tháng 11 năm 1963, biện pháp mà ông Đại Tướng khác, người lật đổ ông ta tháng

giêng năm 1964, đã lật đặt thành lập lại chương trình bình định này dưới một tên gọi khác. “Than ôi! Chén vỡ đem hàn lại, không khi nào có giá trị như khi chén còn nguyên vẹn “.

(5) Không có gì chứng minh rõ ràng hơn sự ngây thơ của Dương Văn Minh, cựu thủ lĩnh của Hội đồng Tướng Lãnh đầu tiên, người đã trở thành chủ tịch của chính phủ giờ thứ 24, và thủ tướng của ông, Vũ trọc đầu, là chuyện thương thuyết để đoàn quân Cộng Sản vào Saigon. Câu chuyện này do Bùi Tường Huân, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng của Chính Phủ này kể lại cho Đại Tá Hoàng văn T., và ông ta đã kể lại cho tôi nghe. Lúc bấy giờ, chúng tôi có ba người đều ở cùng một trại lao cải cưỡng bách, trại 52-A tại Hà Sơn Bình. Theo sự thoả thuận giữa các đại biểu của nhóm cựu chủ tịch Hội Đồng Tướng Lãnh lần thứ nhất và các đại biểu của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, điều đình được thực hiện dưới sự chủ tọa của Thượng Tọa Thích Trí Quang, thì một khi cựu chủ tịch Hội Đồng Tướng Lãnh lần thứ nhất đã nắm chính quyền và thành lập chính phủ, đoàn quân Cộng Sản phải dừng bước tiến và những cuộc thương lượng sẽ mở ra để thành lập một chính phủ liên minh gồm ba thành phần: Cộng Sản, Quốc Gia, và Trung Lập. Nhờ đã tiết lộ kết quả những cuộc thương lượng này mà cựu chủ tịch của hội đồng tướng lãnh lần thứ nhất đã được quốc hội trao quyền lập chính phủ. Khi Bùi Tường Huân, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng của chính phủ giờ thứ 24 này, thấy rằng các đoàn quân Cộng Sản tiếp tục tiến quân, ông đã điện thoại cho Thích Trí Quang và yêu cầu ông này can thiệp. Thích Trí Quang trả lời rằng “chính ông” đang nói chuyện với đại diện của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam và ông đưa điện thoại cho hai người nói chuyện với nhau, Bùi Tường Huân bèn hỏi đại diện của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam:

“Tại sao còn tiến quân khi mà bây giờ, các điều kiện của thỏa hiệp đã được thi hành về phía chánh phủ ‘. Và anh ta nghe trả lời: “Tôi đã biểu họ ngưng, nhưng đ.. má chúng! (lời chửi thề rất... Nam Bộ) chúng nó không nghe tôi và tiếp tục tiến tới! Tôi làm gì được bây giờ?”

Quả thật từ 1956 với sự chối từ của Ngô Đình Diệm tổ chức cuộc tổng tuyển cử như hiệp định Genève đã dự định và, do sự cải tiến của hoàn cảnh chính trị và nhất là kinh tế của miền Nam Việt Nam – trái với điều đã xảy ra ở miền Bắc, sau vụ cải cách điền địa, kỹ nghệ và văn hóa- sự quân bình lực lượng đã nghiêng về miền Nam Việt Nam. Nếu như Hồ Chí Minh và những chính trị gia vẫn nói đến sự ‘Thống Nhất’ thì đó chỉ còn là một thói quen mồm miệng mà người ta không còn tin một chút nào; cả những người lạc quan nhất cũng đã không coi rằng sự thống nhất này có thể đến trong một tương lai có thể dự kiến được. Sự phân chia đất nước dưới thời Trịnh Nguyễn há đã chẳng kéo dài hàng nhiều thế kỷ ư ? Cuộc đảo chánh mới và sự ám sát tổng thống Diệm đã vang nổ như một tiếng sét thiên định, và ngày một ngày hai, người ta tin rằng sự thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản Hà Nội đã sẵn trong tầm tay với được. Những cấp chỉ huy cộng sản cũng đã công nhận rằng chính sách “Áp Chiến Lược”, phỏng theo kinh nghiệm của người Anh ở Mã Lai đã là phương tiện tốt nhất để chống lại hoạt động của đảng Cộng Sản ở miền Nam Việt Nam. Diệm bị ám sát, áp chiến lược bị dẹp bỏ, từ đó trở đi không còn gì có thể chống cản được sự thắng lợi sắp tới của Cộng Sản.

Một “Hội Đồng Tướng Lãnh” tồi tệ như vậy không thể tồn tại lâu dài. Chưa được ba tháng sau, một đêm tháng Giêng, Nguyễn Khánh, một ông tướng đầy tham vọng đã lật đổ họ bằng một hành

động thật hữu hiệu; những thành viên quan trọng nhất của Hội Đồng đã bị bắt tại tư gia và hầu như không có đổ máu. Nạn nhân duy nhất là Thiếu Tá Nhung, sĩ quan tùy viên của thủ lĩnh Hội Đồng Tướng Lãnh. Những người lính Dù đảo chánh đã bắt giữ ông và đã đánh ông đến chết, vì họ biết chính ông đã ra tay hạ sát, bằng những phát súng tiểu liên, Tổng Thống Ngô Đình Diệm -người mà lính Dù qui mến- và người em, ông Ngô Đình Nhu, trong xe thiết giáp chở hai ông từ Chợ Lớn đến đại bản doanh. Sáng hôm sau, lính Dù treo cổ Nhung và loan tin ông đã tự sát.

Kẻ chiến thắng, xuất thân từ giới kịch nghệ cải lương đã không chối bỏ gốc gác của mình, qua cách cư xử sau cuộc chỉnh lý của ông ta. Với sự công tác – như lời đồn- của Trần Chánh Thành, cựu Tổng Trưởng Thông Tin của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông cho thảo ra một hiến pháp mới gọi là “Hiến Chương Vũng Tàu” – lấy tên của một nơi tắm biển, với tên xưa Cáp Saint-Jacques – nơi mà Hiến Chương đã được soạn thảo và công bố. Trong bản Hiến Chương Vũng Tàu, ông Tổng Thống tự dành cho mình mọi quyền hành. Bản Hiến Chương vừa được công bố, các sinh viên và học sinh trung học Saigon xuống đường và biểu tình trước dinh chính phủ, nơi mà vị tân Nguyên Thủ Quốc gia có mặt. Lúc bấy giờ: trong truyền thống thuần túy hệ cải lương, nhà độc tài của chúng ta nhập bọn với họ và tuyên bố ông ta cũng chống lại bản hiến chương này.

Sự thất bại này đã kéo theo một thời kỳ dài rối loạn chính trị mà đảo chánh và chống đảo chánh nối tiếp nhau. Tình trạng này kéo dài đến cuối năm 1966. Dưới áp lực của người Mỹ đã chán ngấy, lúc bấy giờ xuất hiện một nhị đầu chế (Duumvirat). Gọi là Nhị đầu chế là nói quá bởi vì hai vị tướng; một vị mang tước vị ‘ Chủ tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia’, một chức vị hầu như chỉ có tính cách nghi thức, còn vị kia là “Chủ tịch Ủy Ban Hành Pháp” với mọi quyền hành. Hai vị này đều ở dưới sự điều khiển của “Hội Đồng Tướng Lãnh”. Đổi lại họ giới hạn quyền lực của họ ở trong vùng thủ đô, phần còn lại của đất nước ở dưới ách của những tướng tá các vùng chiến thuật khác biệt, những vị ấy là lãnh chúa chính cống, danh từ mà một tùy viên của tòa đại sứ Mỹ tại Saigon, ông Levine đã dùng trước mặt tôi, để nói đến họ trong một cuộc đối thoại. Nhờ vào tham nhũng, sự hỗn loạn và sự vô hiệu hành chánh lan rộng khắp nơi, kể cả trong quân đội. Nhờ vào đó du kích Việt Cộng có đủ thời gian để tổ chức và trở thành một lực lượng đáng nguy hiểm. Lúc bấy giờ để miền Nam khỏi rơi vào tay Việt Cộng, cái gì phải đến đã đến: sự can thiệp của lực lượng quân đội Mỹ.

Việc can thiệp leo thang của Mỹ đã đánh dấu một khúc quanh lịch sử quan trọng của miền Nam Việt Nam. Lúc ban đầu tình hình đất nước sáng hẳn, vì sự có mặt của một lực lượng Mỹ càng ngày càng đông hơn, khiến du kích Việt-cộng phải rút lui, trật tự vẫn hồi kèm theo một sự lắng dịu về chính trị đi đôi với một tình hình kinh tế tốt đẹp hơn nhờ viện trợ. Nhưng trong dài hạn, sự hiện diện của lực lượng Mỹ đã bán rẻ tương lai của miền Nam Việt Nam và đã là nguồn gốc của tình trạng rối loạn lan rộng ra cả vùng Đông Nam Á. Trung Cộng quả nhiên không thể, với bất cứ giá nào, chấp nhận sự có mặt của lực lượng Mỹ ở dưới 1000 cây số cách miền biên giới mỏng manh của mình, không được bảo vệ như về phía tây bởi dãy cao sơn bất khả nhập, hay ở phía



bắc bởi miền bằng giá bao la không có sinh động. Vì vậy, dù muốn dù không Trung Cộng bị đẩy vào thế phải giúp đỡ thật hữu hiệu miền Bắc Việt Nam và tạo thành một sức mạnh quân sự có khả năng chống đỡ sự hăm dọa từ phía Mỹ. Lúc bấy giờ tại Hoa Kỳ cũng như tại các nước Âu Châu, người ta đã nói thật nhiều về sự viện trợ của Nga cho Bắc Việt Nam. Giới truyền thông quốc tế, báo chí và truyền hình loan tin khắp nơi những hình ảnh ngoạn mục của những cuộc không tập: máy bay B52 rải từng đợt bom từ trên cao xuống, máy bay khu trục ném bom, cất cánh trong tiếng ầm ầm khủng khiếp từ những hàng không mẫu hạm để đi tiêu diệt những mục tiêu chẳng quan trọng bao nhiêu, hay là bị bắn rơi vì hỏa tiễn do Nga chu cấp. Nhưng nếu sự trả đũa tăng từng bậc (réponse graduée) của không lực Hoa Kỳ không đánh gục được miền Bắc thì cũng không phải vũ khí tân kỳ của Nga đã dẫn dắt miền Bắc đến thắng lợi chiến tranh. Vai trò này phải dành cho người lính bộ binh Cộng Sản mà nước Tàu nuôi nấng, cung cấp vũ khí và huấn luyện một cách hữu hiệu: lựu đạn, súng trường, súng tiểu liên, súng bazoka, xe vận tải, xe thiết giáp, những thiết bị cá nhân, lương thực để chiến đấu. Tất cả những thứ ấy Trung Cộng đã cung cấp cho Bắc Việt Nam một cách dồi dào. Một người anh họ tôi làm việc vào thập niên 70 ở biên giới Hoa-việt đã kể lại cho tôi nghe – vào năm 1980, khi mà phong trào chống Trung Cộng ở cực điểm- rằng ở biên giới Hoa-Việt, nơi mà anh phục vụ, đêm đêm từ hoàng hôn cho đến rạng đông những đoàn xe vận tải không ngừng chuyên chở hàng tấn vật liệu đủ loại, vật liệu quân sự cũng như lương thực. Một người khác cũng là bà con của tôi sống tại Hà Tĩnh kể cho tôi nghe sự quyết tâm của Tàu để giúp “chúng ta” trong chiến tranh không thể tưởng tượng được. Hà Tĩnh không sản xuất đủ gạo để nuôi dân, những vận chuyển đường bộ hầu như bị cắt đứt vì không lực Hoa Kỳ dội bom, mỗi ngày đánh phá đường sá và cầu cống. Lúc bấy giờ người Tàu tiếp tế dân Hà Tĩnh bằng những tàu đánh cá mà đêm đến, ở ngoài khơi cửa địa giới tỉnh, thả xuống hàng chục ngàn bao gạo nhỏ mà sóng biển đẩy vào bờ. “Nhờ vậy mà dân vẫn sống và tiếp tục cố gắng chiến đấu. Chúng tôi mang ơn họ lắm”.

Tại Saigon, trong địa hạt chính trị, quyền hành thực sự của Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp dần dần chuyển sang Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia. Năm 1966, ông Chủ Tịch Hành Pháp quyết định tất cả; do tính khoắc lác của ông ta (ví dụ: “quân đội là cha mẹ dân và quân đội là Tôi”), cũng như tham nhũng bị lộ ra ánh sáng mặt trời làm ông mất hết sự khâm phục của dân chúng, của một vài tướng lãnh và của người Mỹ. Ông ta cấm viên chức quan thuế phi cảng Saigon kiểm soát sự xuất nhập cảnh của các nhân viên không quân mà ông là thủ lãnh và nhờ vậy, biến phi cảng thành trung tâm buôn bán bất chính, mưu lợi cho ông và những kẻ ủng hộ ông ta.

Lúc bản hiến pháp, ít nhiều phỏng theo bản hiến pháp Hoa Kỳ thảo ra vào năm 1968 được trình bày với Tổng Thống Mỹ ở đảo Guam để được chấp thuận trước khi công bố, ông ta phải bằng lòng, sau nhiều pha sóng gió ở Hội Đồng Tướng Lãnh, với chiếc ghế ứng cử viên Phó Tổng Thống, đứng sau ông Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, đổi lại ông được lời hứa của người đối thủ nhiều may mắn hơn, là để cho ông ta chọn vị Thủ Tướng.

Cuộc bầu cử ít nhiều trung thực đã diễn ra sau đó và danh sách do Hội Đồng Tướng Lãnh giới thiệu đã thắng với đa số tương đối, khoảng 35% vì đã có năm hay sáu liên danh tranh cử. Vị Thủ Tướng quả nhiên đã được Phó Tổng Thống chọn, nhưng vài tháng sau, Tổng Thống đã thay thế bằng một người do chính ông ta chọn.

Vai trò của Phó Tổng Thống suy giảm dần dần và không tránh khỏi bị lu mờ sau cuộc tấn công Tết Mậu Thân vào đầu năm 1968. Vào những ngày cuối cùng của cuộc tấn công Cộng Sản này, cuộc chiến đấu đã chuyển về vùng ngoại ô phía tây của thủ đô và khi bộ tham mưu quân chính của Phó Tổng Thống đi thăm một căn cứ chiến đấu ở Chợ Lớn, một trực thăng Mỹ đã bắn hỏa tiễn vào gian phòng có ông ta ở trong đó, làm chết và gây thương tích cho nhiều sĩ quan; làm lẫn tác xạ hay tai nạn đã được cố ý gây ra? Thực vậy, trực thăng chỉ bắn vào mục tiêu chỉ định bởi những quan sát viên ở dưới đất! Bị mất đi những phụ tá và cố vấn, vị Phó Tổng Thống dần dần mờ nhạt đi và tuồng khoác lác cuối cùng của ông ta tái diễn ra vào dịp bầu cử tổng thống năm 1971.

Cuộc tổng tấn công của Cộng Sản vào dịp Tết Mậu Thân đã đánh dấu một khúc quanh trong tiến trình của chiến tranh Việt Nam. Quân đội Quốc Gia của miền Nam Việt Nam được thiết bị và huấn luyện bởi Hoa Kỳ, đã chống cự một cách hữu hiệu và thắng lợi cuộc tấn công của Việt Cộng, mặc dầu có yếu tố bất ngờ và có sự thiếu vắng quân đội Mỹ trong những ngày đầu của cuộc tấn công. Cuộc tấn công này đã để lộ ra những tổ chức bí mật của Việt Cộng ở miền Nam Việt Nam; sau cuộc tấn công, một số đông những cán bộ hoạt động bí mật bị bắt và tổ chức của chúng bị phá vỡ một cách trầm trọng.

Dù vậy, cuộc tấn công này đã có một tác động tâm lý rất lớn trên dư luận và trên chính giới Mỹ : thảm mạt vì chiến tranh kéo dài và nhạy cảm do việc gửi binh sĩ quân dịch Mỹ ra tiền tuyến, dân Mỹ bị lôi cuốn bởi những phong trào đòi hòa bình. Sự chống đối chiến tranh ở Nam Việt Nam càng mạnh mẽ ở quốc hội Mỹ đã đưa đến việc ngược đời là, Việt Cộng mặc dù bị đánh bại ở chiến trường tại Việt Nam, đang cả thắng chiến tranh ở Hoa Thịnh Đốn!

Những rối loạn chính trị ở Saigon chỉ làm củng cố thêm khuynh hướng này. Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu nổi giận vì sự nhấn mạnh của một vài phóng viên báo chí quốc tế ác ý lúc nào cũng tường thuật -một cách ngu xuẩn- là ông chỉ đắc cử vào năm 1967 với số phiếu ít hơn 35 % (điều này thường thấy khi có đến năm-sáu ứng cử viên). Tổng Thống đã quyết định là lần này sẽ đạt đến, nếu không phải là 99% thì ít nhất cũng gần như thế. Muốn thế ông phải là ứng cử viên duy nhất. Lợi dụng một điều luật tuyển cử quy định mỗi danh sách ứng cử viên phải được 100 dân biểu giới thiệu và mỗi dân biểu chỉ được giới thiệu một danh sách duy nhất (Tổng Thống + Phó Tổng Thống). Ngoài nhiều phương cách khác, bằng phương tiện tài chánh ông trợ cấp mỗi đại biểu ủng hộ ông một số tiền 500.000 đồng Việt Nam, khoảng 3.000 Mỹ kim, cho hoạt động gọi là xã hội của họ; ông được bảo đảm một số đáng kể chữ ký giới thiệu và như vậy để lại cho đối thủ

rất ít may mắn để hội đủ số phiếu của nghị viên! Vị Phó Tổng Thống, chỉ kiểm được khoảng sáu mươi chữ ký, giận dữ vì bị loại khỏi vòng tranh cử, hôm trước ngày hết hạn ghi danh ứng cử, đã dùng một đoàn thiết giáp, xe jeep và biểu chương, còi hú, đến trước trụ sở Tối Cao Pháp Viện, để nộp đơn ứng cử dù ông ta không hội đủ số chữ ký cần thiết. Nhân viên thừa hành ở phòng tiếp nhận ứng cử sợ có thể xảy ra việc đáng tiếc, do một ứng cử viên nóng tánh gây ra, đã nhận đơn với điều kiện phải được sự chuẩn y của Hội Đồng Thẩm Phán Tối Cao Pháp Viện. Những ngày sau đó, đơn của ứng cử viên này được Ủy Ban chấp nhận; nhưng lúc bấy giờ vị Phó Tổng Thống ý thức được rằng dù bằng cách nào đi nữa ông ta cũng không thể thắng cử, tuyên bố rút lui khỏi cuộc tranh cử. Một ứng cử viên khác, cựu Chủ Tịch Hội Đồng Tướng Lãnh cũng đã không thể hội đủ 100 chữ ký của đại biểu như luật tuyển cử đòi hỏi.

Ngụ tại Hoa Thịnh Đốn vào thời kỳ ấy, tôi muốn biết Hành Pháp Mỹ nghĩ gì về tám hài kịch tuyển cử này ở Saigon. Trong một bữa cơm trưa với ông Levine, một cựu tham vụ của tòa đại sứ Mỹ ở Saigon, lúc bấy giờ đang làm việc ở Hoa Thịnh Đốn trong Tòa Bạch Ốc tôi nói với ông ấy giữa hai tách cà phê:

“Báo chí Hoa Thịnh Đốn chê trách chính phủ Mỹ nhiều lắm vì nâng đỡ Tướng Thiệu. Vì lợi ích của cuộc vận động bầu cử Tổng Thống Nixon, ông có nghĩ chẳng tốt hơn là nên thay Thiệu bằng một ứng cử viên khác, một người dân sự chẳng hạn ?”

“Ông thấy đấy, ở Saigon giữa chúng ta và Việt Cộng giống như là một cuộc đua ngựa. Hiện giờ bên ta đang thắng thế và người ta không thay người nài của đội thắng khi đội đã gần tới đích”

Vài ngày sau tôi đến dự một cuộc họp khoa học ở Đại Học Georgetown. Lúc chia tay vị chủ nhà, mà cũng là một người bạn, nhờ một tham dự viên có xe đưa tôi về khách sạn. Trên chặn đường ngắn ngủi này vị giáo sư, một người Do Thái, nói với tôi trong thứ tiếng Pháp ngập ngừng:

“Chúng nó đang bán các ông cho tụi Vixi, tụi Vixi sẽ đến Saigon và cắt cổ các ông.”

Tôi đã không trả lời, vì tôi đã đồng ý với điểm thứ nhất nhưng không chia sẻ sự bi quan của ông ấy về tương lai. Than ôi! ba năm sau đó, chỉ còn một chút xíu nữa lời tiên đoán của ông ấy thành sự thật.

Ở Saigon tuy vậy Thiệu đã đạt được điều ông muốn: ứng cử viên duy nhất chắc chắn được trúng cử với một số bách phân thật cao về số phiếu. Nhưng ở miền Nam Việt Nam cuộc vận động bầu cử đã không làm ai chú ý nữa.

Vào tháng 12 năm 1971, Nguyễn Văn Thiệu đã trúng cử một cách ít nhiều đúng đắn (ít hơn là nhiều) thành Tổng Thống của nước Cộng Hòa với bách phân rất cao. Để làm Phó Tổng Thống ông đã chọn một vị giáo sư trung học già, cựu Đô Trưởng Saigon và nổi danh là thanh liêm.

Khi ván bài tuyển cử kết thúc, đã trúng cử Tổng Thống, Thiệu đáng lẽ phải “tin vào sự trúng cử của mình” và xử sự như một vị Tổng Thống thật sự đắc cử do ý muốn của quốc dân để phục vụ quốc dân. Tiếc thay, ông lại không làm gì cả, về mặt chính trị cũng như về mặt hành chánh. Ông cứ tưởng còn ở thời kỳ ông là Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia với điểm khác là lần này ông kiêm nhiệm luôn chức vụ của Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung ương. Ông có mọi quyền hành nhưng vẫn chịu nằm dưới sự giám hộ của Hội Đồng Tướng Lãnh.

Và điều này ông không hề che dấu. Lúc bấy giờ ở Hạ Nghị Viện vài thành viên ở khối đối lập Quốc Gia đã hoàn toàn bất lực trước đa số lớn lao những đồng viện theo Thiệu (được mua thì đúng hôm, họ không làm gì khác hơn là đôi khi chỉ trích một cách gay gắt Tổng Thống và coi là “gia nô” những dân biểu được Tổng Thống ưa chuộng, hay đã kích một cách mãnh liệt những hành động mờ ám của Thiệu và gia đình, coi ông như một kẻ bất lương, tham nhũng và đòi ông từ chức.

Phản ứng của Thiệu thật thảm hại: một ngày kia ông đã cho mời các dân biểu đối lập, đối thật hay đối giả, đến họp ở dinh Tổng Thống. Mọi người đã tưởng là ông sẽ tuyên bố thiện chí thực thi dân chủ, đoàn kết quốc gia. Tính thực thà của ông làm tôi ngạc nhiên: trả lời những chỉ trích của các dân biểu đối lập, ông tuyên bố chúng không làm ông thay đổi một chút nào, ông chỉ tùy thuộc vào Hội Đồng Tướng Lãnh và nếu Hội Đồng này không bằng lòng ông nữa thì ông sẽ lập tức trao quyền hành của ông cho Hội Đồng.

Tôi đã sửng sốt: vậy thì chính Thiệu đã cho sự tấn phong của mình không đáng kể và còn coi mình là đã được Hội Đồng Tướng Lãnh phong chức và giữ quyền rút lại sự tấn phong cho ông.

Kết quả của quan niệm này về vai trò Tổng Thống Cộng Hòa của ông: các tỉnh vẫn ở dưới sự cai quản của những lãnh chúa. Tại Saigon, Tổng Thống của nước Cộng Hòa và Thủ Tướng đã để bộ hạ tha hồ tham nhũng và thậm chí tranh nhau tham nhũng, vì họ chẳng phải cả hai đã do Hội Đồng Tướng Lãnh chỉ định là gì?

Cho nên vào một buổi tối trời đẹp năm 1973, từ tỉnh Mỹ Tho, quê hương của vị đệ nhất phu nhân của đất nước, một đoàn xe chạy bon bon sau chiếc Jeep, rọi đèn pha sáng trưng và rống còi hụ inh ỏi mở đường. Đến cầu Tân An, chiếc xe Jeep dừng lại, tài xế trình giấy cho hạ sĩ quan gác chặn đường và xin qua. Nhưng người hạ sĩ quan này lại muốn kiểm soát xem chuyển hàng của đoàn xe có đúng như giấy trình hay không.

Sĩ quan hộ tống đoàn xe từ chối, không cho xem. Hai bên bàn cãi, rồi các sĩ quan không đếm xỉa đến sự phản đối, cho giờ cản gác phòng thủ cầu và tiếp tục lộ trình. Nhưng người hạ sĩ quan nổi giận, lập tức báo động vị chỉ huy của đồn cách đó khoảng mười cây số. Vị trung úy này đã cho chặn đường lại và đoàn xe phải ngưng chạy. Vị trung úy cũng đòi kiểm soát chuyển hàng; hai bên bàn cãi thật lâu, rồi vị trung úy ngay sau đó lại gọi quân cảnh Saigon đến và kiểm soát chuyển

hàng. Toàn là hàng lập vải vóc, thuốc lá ngoại quốc, rượu mùi, phấn son, mỹ phẩm, mà trị giá vượt quá hàng trăm triệu đồng. Câu chuyện này được đăng ở trang nhất báo chí Saigon mấy ngày sau đó, nhưng sau đó ra sao thì không ai biết cả. Tuy nhiên có tin đồn rằng các vị Trung Úy và Hạ Sĩ quả cảm này đã chịu số phận mà vua David dành cho quân phu người đẹp Bethsabée.

Không bao lâu sau đó tư dinh của một bộ trưởng thân tín của thủ tướng đã bị cảnh sát lục soát và phát hiện ra rằng tư dinh bộ trưởng này có một cửa ngang đục qua tường và thông lưu với một căn nhà bên cạnh nơi mà cảnh sát phát giác ra một sòng bạc đang hồi sát phạt. Báo chí đăng tải vụ tai tiếng này; vị bộ trưởng vắng mặt khi có cuộc lùng soát, cho mọi chuyện là “vu khống”, nhưng đã không thuyết phục được ai cả.

Tôi không muốn nhấn mạnh nhiều về sự hủ hóa của chánh quyền Thiệu, vì nếu tôi đã không chịu đựng được sự thể vào lúc ấy, thì tôi cũng có thể ý thức sau đó rằng dưới chế độ Cộng Sản, sự thối nát còn trăm lần tệ hại hơn nữa. Trước 1975 độc đoán, bất công thối nát đã chỉ là hậu quả của sự lạm dụng quyền hành của các cá nhân nắm giữ trách nhiệm, những chức vụ nhiều hay ít quan trọng: nếu người ta dứt lốt các công chức là để được hưởng ân huệ. Những kẻ buôn lậu hối lộ viên chức kinh tế để trả ít thuế hoặc ít cước hơn; những người xin việc làm dứt lốt để được có chỗ, mà không cần có tài năng cần thiết hay để được ưu tiên; người xin giấy phép nào đó, đã biếu quà vì không hội đủ điều kiện đòi hỏi hay muốn được mau hơn và cũng có khi một thí sinh ở một khóa thi nào đó dứt lốt khi bài nộp không khá lắm? Tóm lại người ta dứt lốt công chức mỗi lần mà người ta mong muốn một đặc ân ít nhiều to lớn.

Hiện nay ở thành phố Saigon cũng như ở mọi nơi khác trên đất nước Việt Nam, kể cả miền Bắc, sự bất công, độc đoán, tham nhũng đã được thiết chế dưới chế độ Cộng Sản. Sự bất công cơ chế hóa này, quyền tự ý định đoạt của các nhà chức trách ở mọi cấp bậc của chánh quyền, là những kích thích cho tham nhũng, tôi đã nhanh chóng nhận thấy, ngay từ những ngày đầu tôi vừa trở về.

Tệ hơn thế nữa với hoàn cảnh kinh tế càng ngày càng khó khăn, cán bộ của “đảng và Nhà Nước” không thể trông cậy vào đồng lương thiếu hụt và vào sự phân phát thực phẩm càng ngày càng hiếm với giá chính thức “dành riêng cho cán bộ”, đã kiếm ra một cái cớ để “biện minh” cho sự tham nhũng của họ.

Tuy vậy trước năm 1975, dù những khác biệt căn bản đã có từ lâu – một bên là sự lạm dụng quyền hành cá nhân, một bên là sự bất công xã hội và một sự tham nhũng đã được “cơ chế hóa” do chế độ chính trị không giống như ngày nay.

Ở miền Nam Việt Nam, báo chí tương đối tự do, đã phơi bày những trường hợp bất công xã hội và tham nhũng ra ánh sáng, và một nền kinh tế khá thịnh vượng đã giải tỏa con người ra khỏi những lo âu về lương thực hàng ngày và cho phép họ đặt nghi vấn về dân chủ, tự do, công bằng



xã hội. Lúc bấy giờ không những chỉ có sự thành hình của một phe đối lập chính trị thôi, mà còn cả đối lập xã hội nữa. Cộng Sản đã lợi dụng sự bất bình của một thành phần khá đông dân chúng, đã muốn làm cho dân tin bằng một sự tuyên truyền láo khoét rằng cái xã hội lý tưởng mà họ hằng khao khát đó sẽ tìm ra dưới một thể độ Cộng Sản.

Sự quyết tâm của miền Nam Việt Nam chống lại du kích Cộng Sản, dưới chánh quyền của Thiệu, bị đình trệ một phần nào.

Ngược lại dưới chế độ Cộng Sản ở Bắc Việt Nam, sự kiểm soát dân chúng về mặt hành chánh và ý thức hệ được tổ chức một cách chặt chẽ bằng một mạng lưới công an mật thám có mặt ở mọi nơi mọi lúc. Sự nghèo nàn lan rộng khắp nơi đã đẩy dân chúng, một cách mâu thuẫn, đến sự phục tùng tuyệt đối chính sách độc tài nghiệt ngã của Đảng; ở trong khối dân đã được hoàn toàn kiểm soát này, lương thực bị hạn chế ở một mức độ chết đói (khẩu phần này gồm luôn cả số lương thực do cá nhân sản xuất), một sự chỉ trích dù nhẹ nhàng đến đâu đi nữa đối với chánh quyền, với đảng, hay đối với cả những cán bộ địa phương sẽ đưa đến việc hủy bỏ “khẩu phần gạo” của người vi phạm và của gia đình họ. Sự nghèo khổ này cũng là một yếu tố cho lòng hăng say và kỷ luật trong quân đội. Khẩu phần gạo của dân chúng trong nhiều địa phương của Bắc Việt chỉ có sáu kí lô thóc một tháng, tương đương với bốn kí gạo, trong khi binh lính nhận được 18 kí. Nhập ngũ là phương tiện tốt nhất để thoát khỏi nạn đói! Họ sợ bị đuổi khỏi quân đội vì vô kỷ luật hay vì bất tài (trong trường hợp này khẩu phần sáu kí thóc cũng không còn được bảo đảm nữa) điều đó đã góp phần hữu hiệu vào kỷ luật. Thêm vào động cơ vật chất là động cơ tâm lý. Giáo dục chính trị của người lính tương lai và cả của người dân đen, bắt đầu từ trong nôi. Ráo riết miệt mài, không một mỗi hiện diện suốt ngày, sự tẩy não này đã không có ý khắc sâu vào tâm trí những khái niệm thu trọng về công bằng tự do hay dân chủ, mà đề nghị một cái gì cụ thể hơn, dễ hiểu hơn với tâm hồn còn trong trắng của một trẻ thơ hay với tâm hồn còn thô sơ của một thanh niên ở chốn đồng nội không được học hành bao nhiêu. Đó là tình yêu tổ quốc cộng sản vì nếu tổ quốc không phải là cộng sản thì không còn là tổ quốc nữa, cụ thể hoá vào một nhân vật bằng xương bằng thịt: Bác Hồ!

Bác Hồ ư? Người ta gán ghép mọi đức tính của loài người, Bác vừa là bình sữa cho trẻ sơ sinh, bánh ngọt cho cháu nội, mẫu mực của học trò thông minh và chăm chỉ, người công nhân hầm mỏ “stakhanoviste” cho người thợ, anh hùng không biết sợ và không lỗi lầm của người lính, người mẹ dịu dàng và tận tụy của bệnh nhân và cũng là người còn được kẻ bị án tử hình ca tụng trước trung đội hành hình (để gia đình mình được đối xử rộng lượng). Tóm lại, ông là đối chiếu với “cha nhỏ của các dân tộc” của người Sô Viết. Ông ta là hình ảnh thu nhỏ, bởi vì đầy tớ không thể vĩ đại hơn ông chủ, cả trong hình ảnh do tuyên truyền chính thức ngày trước nhào nặn nên, lẫn trong những tội ác thực tế của ông mà ngày nay báo chí ở Nga Sô đã phơi bày.

Để chống lại quân đội cuồng nhiệt này, với kỷ luật sắt từ người binh nhì đến vị tổng chỉ huy, thiết

*bị thật đầy đủ do Trung cộng vũ trang, quân đội miền Nam Việt Nam thể hiện như thế nào?*

*Câu hỏi này thật quan trọng vì sự sát nhập miền Nam Việt Nam với miền Bắc là hậu quả của chiến thắng thiết yếu quân sự của quân đội Cộng Sản. Dân chúng miền Nam với vốn văn hóa, với cách sống, với những đức tính và những tật xấu, mặc dầu bị đàn áp, bạo hành, đói khổ đã không thua và còn lâu mới bị thua cuộc; một cách nào đó người ta còn có thể hy vọng như “nước Hy Lạp bị chiếm đóng, sẽ chinh phục được kẻ chiến thắng họ”. Lòng khao khát được tự do hơn, được công bằng hơn, được dân chủ hơn -dân chủ thực sự chứ không phải là dân chủ chỉ đạo- sự can đảm chống lại những bất công và lạm dụng quyền lực của chánh quyền mà ngày nay thấy xuất hiện ở miền Bắc Việt Nam, là “vì” miền Bắc đã chinh phục miền Nam năm 1975! Những thuyền nhân ngày hôm nay rời bờ biển Việt Nam ra khơi ở cả phía Bắc lẫn phía Nam đã là minh chứng chưa chút cho nhận xét này.*

*Sự thất bại của miền Nam trước hết là một thất bại quân sự. Quân Đội Quốc Gia miền Nam Việt Nam gánh chịu trách nhiệm. Tuy nhiên người lính Nam Việt nam đã bao lần chứng minh lòng can đảm, giá trị chiến đấu và tinh thần anh dũng ngay cả trong khi bại trận. Nếu quân lực đã bị đánh bại là vì họ bị các vị thủ lãnh phản bội, các vị “lãnh chúa” mà trong bao nhiêu năm tháng, từ 1963, đã dùng thời giờ của họ không phải để lo việc huấn luyện và luyện tập quân lính thực hiện những cuộc thao dượt hay nghiên cứu những chương trình phòng thủ lãnh thổ và dân chúng dưới quyền của họ, nhưng họ lại lo dần mình vào những thủ đoạn chính trị bẽ phái, vào buôn lậu, làm giàu bằng tham nhũng và thỏa mãn những đam mê về tình dục, cờ bạc, xì phé hoặc mật chược. Một đại tá làm việc ở tổng hành dinh đã tâm sự với tôi vào năm 1972 như sau:*

*“Chúng nó bán quân hàm cũng còn được đi, nhưng chúng lại bán cả những chức vụ chỉ huy nữa”.*

*Quân đội miền Nam Việt Nam không đáng bị đối xử như thế! Lỗi phải qui cho những người mà từ năm 1963 đã thao túng chánh quyền và quân đội, một bộ mặt gồm đa số những người mà vào những năm cuối cùng của thập niên 1940, vì không kiếm được một chân tốt, ông “tham” hay ông “kỳ” đã đầu quân vào phụ lực quân của quân đội thuộc địa Pháp. “Hãy thay đổi những gì cần thay đổi” (Mutatis mutandis) nhưng sự tuyển chọn cũng giống như tuyển chọn năm 1963 lại gồm những người trong “Hội Đồng Tướng Lãnh” kỳ thứ nhất và kết quả không sao có thể khác được. Đã có mấy người trong các tướng lãnh ấy đi đầu khi quân của họ tháo lui? Đã mấy người trong bọn họ biết hy sinh cho danh dự miền Nam Việt Nam? Thật may mắn đã có một vài người như vậy và chúng ta thành kính tưởng niệm. Nhưng hỡi ôi con số đó không quá đầu ngón tay!*

*Và vì vậy mà ngọn cờ của Việt Cộng Bắc Việt Nam đã có thể phát phới trên mái nhà cựu Dinh Độc Lập ở Saigon ngày 30 tháng 04 năm 1975 và tiếp tục phát phới.*



## CHƯƠNG II

### CUỘC CHIẾM ĐÓNG CỦA CỘNG SẢN

#### NHỮNG NGÀY ĐẦU



Ngày 30 tháng 04 năm 1975 vào 08 giờ sáng, tôi nghe trên đài phát thanh lời kêu gọi của Tổng Thống chính phủ vừa mới thành lập, ra lệnh cho binh sĩ quân đội Quốc Gia Việt Nam đơn phương ngưng chiến đấu.

Đã nhiều ngày nay, nhất là từ khi không nghe thấy tiếng rồ của trực thăng Mỹ nữa, và có lẽ ngoại trừ một vài thành viên ngây thơ của chính phủ này, trong lo âu và sợ hãi mọi người chờ sự tiến quân sắp đến của đoàn quân Cộng Sản vào Saigon. Riêng tôi, tôi có một cảm giác lạ thường, tâm hồn trống rỗng khi nghe lời kêu gọi ấy. Có thể nói như khi đứng trước mặt một người hấp hối sắp chết, nghe tiếng nấc cuối cùng kèm theo một sự im lặng kéo dài làm nát lòng người ta.

Saigon khốn nạn ơi, để che chở mi, mi đã có những tướng lãnh và chính trị gia mà tinh thần danh dự là con số không: đối với bọn này, đầu hàng không chiến đấu, phản bội công khai là tốt điểm của sự khôn ngoan chính trị.

Saigon khốn nạn ơi, chính những đứa con mi đã phản bội mi, anh em mi đã hiếp đáp mi, bóp cổ mi, tuy vậy chén đắng của mi chưa đầy. Chẳng bao lâu sau đó, người ta còn muốn vĩnh viễn xóa tên mi khỏi trí nhớ của chúng ta và người ta sẽ cướp mất tên mi.

Ngày mà trong trại tập trung, chúng tôi biết được giọt nước cuối cùng thêm vào chén khổ nhục của mi., một trong anh em chúng tôi vẫn còn biết tìm ra những từ ngữ thích đáng để tự khích lệ:

“Stalingrad bây giờ không còn nữa. Volga đã lấy lại tên mình! Vậy thì Saigon cũng thế, như con phượng hoàng trong huyền thoại, một ngày nào đó, sẽ sống lại từ đống tro tàn”.

Trong lúc ấy, ở dinh Độc Lập, Dương Văn Minh trong bộ quân phục tướng bốn sao, bên cạnh có Vũ trọc đầu và phần đông những thành viên của chính phủ giờ thứ 24, đang chờ trong lo âu “những đại biểu toàn quyền” cộng sản để thành lập một chính phủ liên minh gồm 3 thành phần (Cộng Sản, Quốc Gia và chính họ, những người trung lập). Thương thay cho họ, họ phải chờ cho đến ngày xuống mồ ... vì những lời đầu tiên mà người sĩ quan Bắc Việt nói với họ là: “các anh là tù binh của chúng tôi”.

Chính tại thành phố Saigon, cuộc tiến quân Cộng Sản vào lúc 11 giờ không có chi là “ngoạn mục”. Vài trung đội thiết giáp, tiếp theo là những xe vận tải chở đầy lính vũ trang hùng hậu, mặc đồ ngụy trang, tiến vào Saigon từ ngã xa lộ Biên Hoà và phân tán theo những trục lưu thông chính để chiếm những điểm chiến lược của thành phố.

Cũng chẳng có những đám đông hiếu kỳ để cổ vũ họ. Chỉ có vài nhóm người e sợ yên lặng đứng trước cửa nhà nhìn họ đi qua. Mặc dù nhà tôi ở gần chùa Xá Lợi, nơi một thuở đã là trụ sở của phong trào Phật Giáo chống chánh phủ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và không xa lắm Vương Cung Thánh Đường Saigon, tôi đã không nghe tiếng trống hay tiếng chuông đổ để đón chào những người Cộng Sản như một vị tu sĩ nào đó sống ở Gia Nã Đại tưởng là đã nghe được!

Không phải như ở Hà Nội năm 1945, mà cờ Việt Minh được treo hầu hết mọi mặt nhà, cả trước khi họ giành được chính quyền! Dù rằng, ở Saigon những ngày ấy, không có người nào để ngăn cản bất cứ ai muốn treo cờ! Chỉ 24 giờ sau khi đoàn quân Cộng Sản đã vào người ta mới thấy xuất hiện những toán thanh niên do “cán bộ Cộng Sản nằm vùng” tập hợp lại.

Từ hơn 48 giờ, cùng với gia đình, tôi cảm thấy như bị túm vào trong một cái lưới, tuy rằng vài ngày trước đó khoa trường đại học của tôi đã gặp lãnh sự Mỹ đặc trách chương trình di tản và ông này đã hứa là sẽ đem đi kịp thời tất cả các công chức cấp cao của đại học và gia đình của họ. Thật vậy, sáng 28 tháng 04 thật sớm, vài người trong chúng tôi đã nhận được điện thoại báo hãy sẵn sàng vì có xe ca sẽ đến đón. Chúng tôi đã uống công chờ cả ngày cho đến khi hết phi vụ trực thăng di tản. Lúc bấy giờ như chuột sa bẫy, chúng tôi chạy đôn chạy đáo để sẵn tin hầu cố trốn khỏi Saigon.

Ngày mùng 1 tháng 5, buổi sáng, một bà hàng xóm và cũng là bạn, cho tôi hay rằng đệ thất hạm đội Mỹ còn đi tuần ngoài khơi Vũng Tàu và người ta có thể từ Vũng Tàu ra bắt kịp và xin được tiếp nhận. Chúng tôi quyết định cùng với hai gia đình hàng xóm khác thử rời khỏi nước bằng đường này. Rất nhanh, vì những hành lý của chúng tôi đã sẵn sàng từ nhiều ngày rồi, chúng tôi lên xe đi ra bến tàu Saigon.

Tại đây, sau nhiều giờ thương thuyết khó khăn, chúng tôi thành công trong việc thuyết phục chủ một chiếc tàu xà-lúp bằng lòng đưa chúng tôi tới Vũng Tàu với một giá mười lần đắt hơn giá thường ngày. Vậy chớ cũng phải hơn một giờ sửa soạn chúng tôi mới có thể lên đường. Vào ba giờ chiều, đến hợp lưu sông Saigon và sông Đồng Nai khoảng cách Saigon độ 15 cây số chúng tôi thấy hai tàu xà-lúp chở đầy người đi ngược lại; khi đi ngang qua họ, chúng tôi hỏi vì sao họ trở về Saigon và họ trả lời vẫn tất là không thể đi ngả Vũng Tàu được nữa. Mặc dầu rất thất vọng, chúng tôi vẫn tiếp tục hành trình và ít lâu sau đó, chúng tôi lại gặp một chiếc xà-lúp mà chủ là bạn của chủ thuyền chúng tôi. Ngừng lại bên nhau anh ấy giải thích vì sao anh trở về: những tàu của đệ thất hạm đội Mỹ không còn ngoài khơi Vũng Tàu nữa và từ chiều hôm qua, Việt Cộng cấm ra khơi, kể cả những thuyền nhỏ đánh cá. Những lời giải thích cận kề này làm tan biến nỗi hy vọng của chúng tôi và chúng tôi quyết định trở về Saigon. Về đến vài trăm thước phía nam hải cảng, chủ tàu cặp vào cầu nhỏ sau nhà và mời chúng tôi nghỉ chốc lát ở bờ sông.

Vì trời tối rồi, ông ta bảo dọn cơm cho chúng tôi ăn và chúng tôi bàn bạc xem còn có thể kiếm

con đường nào khác để trốn. Ông ta đề nghị chúng tôi đi một lần nữa về hướng Vũng Tàu. Một khi đến cửa sông Đồng Nai và sông Cũ Long và qua những con kênh chúng tôi sẽ đến Rạch Giá, thành phố nằm ở vịnh Thái Lan. Ông ta nghĩ là ở đó người ta có thể dễ dàng thuê một thuyền chài để đi dọc theo bờ biển và rời khỏi nước. Dự tính này có vẻ thực hiện được, nhưng chúng tôi nài nỉ ông ta nhận môi giới cho chúng tôi những người đánh cá ở Rạch Giá để thuê thuyền. Ông ta từ chối và nói rằng sẽ không khó khăn gì tìm được một người bằng lòng chở chúng tôi đến tận Thái Lan. Chúng tôi bàn bạc tới khuya và đồng ý là mỗi gia đình sẽ nghiên cứu vấn đề này và sáng hôm sau, ai muốn sẽ đi, và những người kia sẽ trở về Saigon bằng xe cyclo đạp.

Sáng hôm sau, gia đình tôi và một gia đình nữa quyết định trở về Saigon, hai gia đình kia thử một cuộc mạo hiểm mới. Trong lúc chúng tôi lên xe cyclo đạp thì họ lên xà-lúp. Năm ngày sau họ cũng trở về Saigon, kiệt quệ về thể xác và tài chánh.

Ở thành phố, từ hôm trước, đài vô tuyến truyền hình phát thanh một thông cáo của bộ chỉ huy quân đội Cộng Sản ở Saigon, ra lệnh cho toàn dân phải tiếp tục hoạt động như trước, nếu không sẽ bị trừng phạt nặng nề. Công chức phải đến chỗ làm việc trong tất cả những cơ sở hành chánh, thợ thuyền phải đến xưởng và những người buôn bán đến cửa tiệm hay quầy hàng ở chợ ... Tôi gọi điện thoại đến sở tôi và biết được là phần đông các đồng nghiệp của tôi đã trình diện, tôi nói với người thư ký là tôi bị bệnh, nhưng người ta bảo tôi là chiều phải đến. Khoảng ba giờ chiều tôi đến sở và đi gặp cán bộ, người đã tiếp thu cơ quan của chúng tôi. Tôi thấy thật nhẹ nhõm khi nhận ra anh ta là một trong những người đàn anh của tôi ở đại học Hà Nội, và cũng là một đồng nghiệp ở Thanh Hóa, khi mà tôi còn ở trong hàng ngũ kháng chiến quốc gia chống ngoại xâm. Chúng tôi khá thân và ngày nay tôi còn nhớ đến một cuộc hành trình chung trong liên khu ba (vùng châu thổ sông Hồng Hà khi chúng tôi đến dự 'Hội Nghị Quân Y'. Trong hành trình này chúng tôi phải vượt một chặng đường vào đêm vì có thể đi gần một trạm kiểm soát của quân địch, nhưng thay vì đi chặng đường nguy hiểm này chúng tôi đã thuê một chiếc thuyền nhỏ đi trên một khúc sông, để khỏi phải đi bộ vào ban đêm. Đêm hôm ấy trời sáng trăng, chúng tôi ở trước mũi thuyền, người chèo thuyền ở đằng sau. Thuyền lắc lư ru chúng tôi ngủ, trong thanh tịnh và tươi mát của đêm khuya. Chúng tôi thật thoải mái, đó là một trong những giây phút thật hiếm có mà tâm hồn thổ lộ sự thực thà và tạm thời quên đi sự giả dối thường trực mà mọi người trí thức sống dưới chế độ Cộng Sản buộc phải tự bó mình vào lời nói và cử chỉ. Lúc bấy giờ chúng tôi trò chuyện thân mật về tương lai về chuyện gì sẽ xảy ra trong năm hoặc mười năm nữa, lúc hết chiến tranh, lúc chúng tôi trở về thành phố ... "Lúc ấy so với các đồng nghiệp đã ở lại thành phố, chúng tôi sẽ bị, mỗi ngày mỗi bị vượt qua, đốt nát hơn trong địa hạt khoa học; cả về phương diện chính trị chúng tôi cũng sẽ không được đối đãi hơn họ vì ông cha "tiểu tư sản", vì với học vấn trong những trường thực dân không khi nào Đảng sẽ tin cậy vào chúng tôi! Tuy vậy mà "chính nghĩa" có vẻ ở về phía chúng tôi và đảng, bởi vì nền độc lập mà đồng bào ở thành phố khoe khoang đã có, chỉ là bằng miệng lưỡi, vì toàn thể chánh quyền ở trong tay công chức Pháp, kể

*cả những đồn cảnh sát nhỏ, còn về lính Việt Nam thì là những vệ binh bản xứ, những phụ lực quân dưới quyền điều khiển của đạo quân viễn chinh Pháp”.*

*Sự thăng trầm dầu sao cũng có giới hạn của nó và chúng tôi giữ im lặng nhiều phút; mỗi người chìm đắm trong ý nghĩ thầm kín của mình... Trong những năm sau đó, tôi thường nhớ đến những giây phút cởi mở này và vào những năm đầu thập niên năm mươi, khi cộng sản bắt đầu thôn tính và lợi dụng kháng chiến quốc gia, khi họ kiếm cách thay thế những người Quốc Gia có chức phận ít nhiều quan trọng bằng những đảng viên của họ, khi vị giám đốc khu vực chỉ huy tôi bị một anh cộng sản “giờ chót” thay thế, ông ta bảo tôi dọn gia đình, lúc ấy ở gần thị xã Thanh Hóa, về một làng ở vùng núi xa biển, những suy tư trước đây lại trở về với tôi, đó là đi về miền tự trị Phát Diệm do tự vệ của Đức Giám Mục Lê Hữu Từ kiểm soát.*

*Vậy là buổi chiều ngày mùng 02 tháng 05 năm 1975, tôi lại đã ở đại học và gặp lại tất cả đồng nghiệp cũng như tôi, đã hoài công chờ chiếc xe buýt đáng lẽ phải đưa chúng tôi đến trục thẳng di tản. Khoảng 16 giờ, cán bộ chính trị đại diện cho bộ Y Tế (6) (Hà Nội) đến viếng thăm đại học và gặp nhân viên, vì trong guồng máy cộng sản đại học y khoa trực thuộc bộ Y Tế. Ông ta đọc một bài diễn văn ngắn bảo chúng tôi cộng tác trung thành với chế độ mới và hẹn sẽ trở lại để nói về việc giáo dục y khoa theo quan điểm của Cộng Sản. Ngày hôm sau chúng tôi được triệu tập tới dự một cuộc họp tất cả nhân viên mà trưởng phòng hành chánh và cũng là chánh trị viên của đại học, bảo chúng tôi viết báo cáo tiểu sử của mình và phải nộp cho ông ta trong vòng 24 giờ. ông ta phác họa nhiều điều mục bắt buộc: dòng họ nội ngoại (họ, tên, nghề nghiệp, hoạt động nghề nghiệp, khuynh hướng chính trị, tiểu sử cá nhân, từng chi tiết từ tiểu học đến đại học (tên trường, địa chỉ, tên thầy cô), bạn bè, sở thích, những công việc, những nơi liên tiếp đã ở, danh tánh của chồng/vợ, dòng họ, tiểu sử cá nhân từng chi tiết ..., bà con trực hệ và bàng hệ, hai bên nội ngoại ... Đúng là một sự thẩm tra gắt gao vừa về chiều sâu (theo thời gian) và về bề mặt (liên can đến vòng quan hệ họ hàng và quen biết)!*

*(6) “Cadre politique” trong nguyên bản Pháp văn là chữ dịch ra tiếng Pháp của chữ “cán bộ” chữ này là phiên âm bằng tiếng Việt của chữ Tàu “Kan Po”. Nhưng từ này cũng chỉ là phiên âm thu gọn lại của những tiếng Nga “Kadz polilitcheskii”. Những cán bộ chính trị trước hết là những cán bộ của đảng Cộng Sản, là những người mà đảng coi là có khả năng cho chức vụ lãnh đạo nào đó trong đảng hay trong chính phủ do tư tưởng mác-xít họ đã thấm nhuần, cho phép họ giải thích mọi điều và lãnh đạo tất cả. Trong một chính thể thật sự cộng sản, như là ở Việt Nam, không có giáo sư, không có bác sĩ, không có kỹ sư như chúng ta quan niệm, nhưng chỉ có những cán bộ giáo huấn, y-tế, kỹ-thuật. Thật sự thì những người này để chính trị mác-xít lên trên chức vụ kỹ thuật của họ. Bởi thế, trong một cuốn sách khoa học Liên Xô về đề tài “Thiết lập và Tồn Tại của phản xạ trên não bộ” tác giả đã không ngần ngại viết rằng lý luận của Pavlov là đúng vì nó phù hợp với lý thuyết vật chất lịch sử của Marx!*

*Những ngày sau đó, người ta triệu tập chúng tôi từng nhóm nhỏ vào bàn giấy chính ủy để làm căn cước mới có lấn dấu tay. Người ta cũng bắt đầu kiểm kê vật liệu của mỗi khu, kiểm kê thật tỉ*



mỉ, nhất là những gì liên can đến chất hóa học đều được cân, những gì trong lọ gắn kín cũng lấy ra cân và sau đó được để lại vào lọ!

Trong lúc đó thì “ủy ban Phường” được thành lập ở thành phố và người ta phát cho mỗi nhà mẫu khai lý lịch những người cư trú với những chi tiết về căn cước và tình trạng hộ tịch.

Ngay khi trở về, sau cuộc vượt biên qua ngã Vũng Tàu thất bại, dĩ nhiên tôi tiếp tục thăm dò những khả năng của một mưu toan khác. Ngày 06 tháng 05, tôi gặp một người bạn cũ, cựu dân biểu thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm và chúng tôi đồng ý tổ chức một cuộc ra đi bằng đường biển từ Phước Hải, một làng cách vài cây số ở phía bắc Vũng Tàu. Anh ấy cần một tuần lễ để góp đủ số tiền cần thiết. Ngày 12 tháng 05 anh ấy trở lại gặp tôi cùng con trai, một phụ giảng đại học. Chúng tôi đồng ý gởi cậu này ra Phước Hải để thương lượng mua một chiếc tàu đánh cá và thực hiện những chuẩn bị cần thiết. Vì từ vài ngày nay tôi có nghe nói là Việt Cộng cho phép những người di tản chạy trốn quân đội Cộng Sản được trở về địa phương quê quán của mình cho đến ngày 20 tháng 5, tôi căn dặn cậu ta cố gắng hết sức để có thể ra đi trễ lắm là ngày 17 tháng 5.

Ngày 14 tháng 5, cậu ấy trở về và nói là đã mua được một tàu đánh cá dài mười thước với 1 động cơ bốn khối, nhưng còn phải cho kiểm tra lại đầu máy và sửa lại lật vật vài chỗ trước khi sử dụng. Cậu ấy hy vọng là chúng tôi sẽ lên đường trước ngày 16 tháng 5, đồng thời cậu nói thiếu tiền và phải kiếm thêm hai hoặc ba người cùng đi nữa, để chia sẻ tổn phí hành trình. Ngày hôm sau, tôi giới thiệu với cậu một gia đình nữa gồm ba người trong đó có một bé thơ, cũng muốn đi cùng chúng tôi. Tôi cũng nói với cậu là ngày 18 tháng 5 là ngày khởi hành cuối cùng mà tôi có thể chấp nhận được và sau ngày đó tôi sẽ rút lui không đi nữa. Ngày 18 tháng 5, cậu đến nhà tôi lúc 12 giờ trưa để đưa gia đình tôi ra Phước Hải. Vào 15 giờ chúng tôi lên xe ca thường, ra đi đường Saigon-Vũng Tàu. Đến quãng cách Vũng Tàu 20 cây số, chúng tôi xuống xe và đi vào một con đường làng nhỏ đưa đến làng Phước Hải, ở vài cây số phía bắc Vũng Tàu. Một vài gia đình đã đến đó rồi, vài gia đình khác đến tiếp theo và khi đêm xuống mọi người tới đông đủ. Người ta cho chúng tôi trọ trong hai nhà tranh, lẩn lộn trên những chiếc chiếu trải ngay dưới đất. Dù thế, chúng tôi cũng không bất mãn lắm khi nghĩ rằng chỉ còn đợi một, vài giờ nữa thôi. Nhưng sau bữa cơm, cậu phụ giảng đại học trẻ tuổi phụ trách chuyển đi báo cho chúng tôi biết những khó khăn giờ chót: đầu tiên là chỉ có xăng nhớt tiếp tế đầy đủ vào đêm hôm sau, và phần khác là Ủy Ban Hành Chánh xã đáng lẽ cấp giấy thông hành giả cho chúng tôi, đã làm khó dễ, cho nên cậu bảo mỗi gia đình chúng tôi đóng góp thêm một lạng vàng và ráng đợi thêm một ngày nữa. Những yêu sách liên tiếp này, những đóng góp mới, sự thiếu tiện nghi của chỗ ở chật chội và ồn ào vì trẻ con la khóc..., thời hạn chậm trễ bất trắc, sự bất lực trong tiến trình sự việc, làm cho vợ chồng chúng tôi bất mãn.

Chúng tôi tự hỏi không biết cậu thanh niên này có lừa dối chúng tôi không, có làm eo sách chúng

tôi không khi đòi hỏi thêm tiền mãi. Có lúc chúng tôi toan bỏ cuộc và trở về Saigon. Nhưng cũng không dễ gì kiếm phương tiện để rời khỏi làng này và dù sao đi nữa chúng tôi cũng đã trả hết những phí tổn phần của chúng tôi. Tình trạng khó chịu này kéo dài hai ngày cho đến chiều ngày 20. Lúc ấy người phụ giảng trẻ tuổi cho chúng tôi hay là mọi chuyện đã được thu xếp xong xuôi và chúng tôi sẽ lên đường sáng hôm sau. Tin này làm chúng tôi đỡ bồn khoăn mặc dầu còn lo âu vì chiều hôm đó một thiếu nữ trong làng đã cho vợ tôi hay sáng nay Việt Cộng đã bắt lại cả một chiếc tàu đầy người kiếm cách rời nước và họ hiện đang bị giữ trong một trại tù binh ở bên kia sông. Cả đêm tôi không sao nhắm mắt được, tâm thần tôi đi từ giấc mơ đến ác mộng, khi thì tôi thấy tàu chúng tôi bị ca-nô Việt Cộng đuổi bắt, khi thì tàu yên lặng lướt sóng trên biển cả, còn khi thì tôi lại cùng bạn đồng hành ngồi chồm hổm trên một bãi biển dưới sự canh gác của công an Việt Cộng, bộ mặt đầy thù hận sát nhân, súng liên thanh chia thẳng vào đầu chúng tôi. Vào ba giờ sáng, mọi người đều đã thức dậy. Chúng tôi mặc quần áo vội vã bồn chồn dọn dẹp đồ đạc, va li, túi bị, rồi...chờ. Người ta dọn cho chúng tôi một bữa cơm sơ sài. Vào lúc bốn giờ, chúng tôi bắt đầu ra đi. Vừa đi được khoảng 100 thước, chúng tôi dừng lại, trong bóng tối ai đó đi giữa chúng tôi và bảo rằng du kích làng làm khó dễ và phải cho họ chút ít nữa? Nhiều người còn tiền trong túi đưa cho họ, riêng chúng tôi chẳng còn bao nhiêu, chúng tôi đưa cho anh ta đồng hồ đeo tay của con trai chúng tôi. Sau đó chúng tôi lại lên đường. Ít lâu sau đã đến bờ sông, chúng tôi đi dọc theo bên vài trăm thước thì đến tàu. Nhờ một tấm ván bắc nghiêng chúng tôi đi xuống từng gia đình một, vào ba khoang trong tàu. Trên boong chỉ còn người lái và anh phụ giảng trẻ tuổi.

Lúc đó khoảng 04 giờ rưỡi sáng. Mỗi người đều lo nguyện cầu; người thì cầu Chúa và “Mẹ vô nhiễm nhân từ”, kẻ khác “Phật cứu khổ cứu nạn”. Người ta cao giọng nguyện cầu, như thể là tiếng cầu kinh có thể làm dịu đi nỗi lo âu của mình. Tàu sẽ khởi hành sau năm giờ sáng như dự tính, vì Việt Cộng chỉ cho phép tàu bè đánh cá ra biển từ giờ đó thôi.

Thế rồi chúng tôi nghe được vài chiếc tàu đó về phía cửa sông, vài phút sau đó chúng tôi nhận thấy tiếng ù ù của động cơ tàu chúng tôi và vỏ tàu chuyển động; tiếng cầu nguyện cũng dịu dần. Từng phút dài trôi qua, đột nhiên chúng tôi nghe tiếng tắc tắc của tiều liên và cảm thấy tàu đổi hướng.

“Chuyện gì vậy ? Tôi kêu lên và đi về phía cửa boong tàu.

– Chúng nó đang bắn vào chúng ta!

– Mặc kệ! hãy cứ tiếp tục! cứ tiếp tục!

– Chúng nó đã bắn trúng vào mũi tàu!”

Hoa tiêu đã hướng tàu chúng tôi vào bến. Chúng nó không bắn nữa nhưng ra lệnh cho chúng tôi cập bến.

Thất vọng đến nỗi không ai nói nên lời, tiếng nguyện cầu cũng đã im bật. Riêng tôi, tôi thấy bình thản một cách lạ thường, như vào những giây phút cuối cùng của tử tù trước giờ bị hành quyết. Quả tôi đã trải qua cái cảm giác đó. Biến chuyển quá đột ngột từ hy vọng vào Tự Do cận kề sang một tin chắc chắn là bị bắt và bị cầm tù, làm tê liệt mọi phản ứng trong tâm hồn tôi, tôi đứng đưng nghe tiếng động cơ của đầu máy ngừng lại, tiếng cọ xát vỏ tàu trên cát, tiếng ồn ào và tiếng la hét bên ngoài, cho đến lúc có người nghiêng mình vào cửa boong tàu bảo chúng tôi lên cầu tàu, từng người một.

Tôi là người cuối cùng rời khỏi khoang tàu. Đứng ở dưới tàu là một người đàn ông bạn đồng phục màu xanh lá cây và mũ ca-lô có phù hiệu công an nhân dân tay đặt vào cò súng khẩu tiểu liên hướng về phía tôi. Biết trước sự khắt khe của họ, tôi cảm thấy hoàn toàn tuyệt vọng, khi mà thay vì để tôi như những người khác đi về phía cầu tàu xuống bến, anh ta ra lệnh cho tôi đến gần anh ta, và khi tôi đến khoảng hai thước cách anh ta, anh ta bảo tôi dừng lại, nhìn chăm chăm vào tôi vài khoảnh khắc rồi ra lệnh cho tôi quay lưng lại. Chậm chậm tuân lệnh anh ta, tôi chờ nhận một tràng đạn vào lưng .. Điều này cho tôi cảm tưởng là đã kéo dài một thế kỷ... cho đến lúc tôi nghe anh ta nói: “Hãy xuống đất liền.”

Trên bờ có ba công an khác đợi tôi, họ bảo tôi bỏ hết đồ trong túi ra và vất hết xuống một gốc cây, ngay gần đó, rồi trở lại với những bạn đồng hành của tôi, cách đó độ 100 thước dưới một nhà kho mà khoảng mười du kích quân vũ trang súng trường đang bao vây. Tôi lôi ra khỏi túi ví tiền, quyền sở tay, chìa khoá và vài giấy tờ khác mà tôi vất xuống đất, rồi đến nơi vợ tôi, con trai tôi và bạn đồng hành đã ở đó rồi.

Từ từ chúng tôi hoàn hồn, bắt đầu nhận xét tình cảnh bình tĩnh hơn và tự nhủ: ‘Mình đã là tù nhân rồi, một lát nữa họ sẽ đưa mình về một trại giam. Họ sẽ giữ mình làm tù nhân trong bao nhiêu lâu đây? không ai biết gì cả! Cho tới nay họ chưa thả một ai mà họ đã bắt, nhưng há chẳng đã có tin rằng một “đôi khi họ để cho đàn bà về, nhất là những bà có con nhỏ ...”

Một vài người đồng hành, đặc biệt đàn bà và trẻ con mà công an không buộc trút bỏ đồ trong túi xuống gốc cây, đã bắt đầu tiêu hủy những giấy tờ có thể gây liên lụy.

Một ông đại tá đã kể cho tôi nghe sau đó là trong lúc sợ hãi không suy xét, ông ta đã nhai và nuốt đi một ngân phiếu hai ngàn mỹ kim. Chính tôi tôi đã bảo vợ tôi đi vất bỏ những nữ trang giấu trong người. Bà đến một bụi cây như để phóng uế, và trở về nói với tôi là xong rồi. Một lát sau vợ tôi lại trở ra chỗ cũ, lần này tôi nghĩ là thật sự để tiểu tiện, và tôi đã không nói gì. Trong lúc đợi chờ dai dẳng này, mỗi gia đình tụ họp lại để ở chung với nhau hơn là để chuyện trò. Quả thật chúng tôi chẳng còn gì để nói nữa, nhưng chúng tôi thống nhất tư tưởng một cách mãnh liệt, như để an ủi nhau, để khích lệ nhau chịu đựng tương lai buồn khổ, chúng tôi nhìn nhau không nói gì như để ghi khắc hình ảnh của mỗi người trước khi bị vào tù trong những khu vực khác biệt.

Trong khi đó, cách khoảng 100 thước công an lục soát tàu Phải mất nhiều thời giờ: trong hơn hai tiếng đồng hồ bị lục soát, chúng tôi lo âu đợi chờ họ ra khỏi tàu và quyết định về số phận của chúng tôi. Cuối cùng chúng tôi thấy họ ra khỏi tàu và cả bốn người đi về phía bụi cây cách khoảng khá xa kho hàng, nơi mà chúng tôi bị giam giữ dưới sự canh chừng của du kích vũ trang. Họ tranh luận rất lâu, một tiếng đồng hồ hay hơn nữa. Sau cùng chúng tôi thấy một trong bọn họ đứng dậy và đến nói gì với một du kích đi theo họ. Tức thì anh ta đi về phía chúng tôi:

“Các chủ gia đình đi theo tôi để nhận lệnh của công an, Những người khác ở lại đây”.

Chúng tôi chào giã biệt gia đình và đi theo du kích tới bụi cây có những công an. Người du kích bảo chúng tôi dừng lại lúc còn cách họ vài thước. Những người công an này đang lượm giấy tờ rải rác dưới đất, liền đứng dậy tất cả và người lớn tuổi nhất trong bọn họ, người đã cầm giữ tôi trước mũi súng tiểu liên lúc ở trên tàu, nói với chúng tôi:

“Chúng tôi đã xem xét giấy thông hành do ủy ban hành chánh làng Phước Hải cấp phát và cho phép mấy người về quê ở thành phố Đà-Nẵng. Giấy tờ hợp lệ, tuy nhiên giấy tờ của tàu lại không cùng số với bảng số sơn trên ca-bin tàu, vậy là số giả. Cho nên chúng tôi tịch thu chiếc tàu này. Bây giờ chúng tôi cho phép mấy người lấy hành lý và rời khỏi nơi đây. Chúng tôi khuyến cáo các anh chị kiếm cách về Đà Nẵng bằng đường bộ, vì hải quân của chúng ta hiện đang kiểm soát cả mặt biển và các anh có nguy cơ bị đánh chìm xuống đáy bể! Bây giờ các anh có thể đi”.

Tôi không tin vào tai mình khi nghe thế. Cả những người đồng hành cũng vậy. Lập tức chúng tôi chạy về với gia đình mình, quên cả cảm ơn mấy người công an Đến khoảng 20 thước cách kho hàng, nơi mà gia đình đang đợi trong lo âu, chúng tôi reo lên :

“Leo lên tàu lấy hành lý. Họ để cho mình tự do đi. Họ chỉ tịch thu chiếc tàu thôi!”

Tất cả chạy về phía tàu đi ngang trước bụi cây, mà nhiều người đã vút ví tiền và giấy tờ, tôi lượm lại đồ của tôi. Chúng còn y nguyên và đã không ai động đến.

Chúng tôi chỉ cần có độ 15 phút để lấy va-livà túi xách còn ở trong khoang tàu. Một vài cái vẫn còn mở sau cuộc lục soát của công an. Chúng tôi vội vã đặt lại và cũng không để thì giờ soát xem có thiếu gì không vì nổi háo hức, hồi hã của chúng tôi để rời khỏi nơi này.

Trong lúc đó công an nhân dân đã leo lên xe jeep của họ và bỏ đi. Du kích cũng theo họ từ từ đi khuất.

Như một phần đông những gia đình khác, tôi đã lên bờ với gia đình và tất cả hành lý, bỗng một bà vợ của một người đồng hành bắt đầu la lên:

“Chúng nó đã lấy của tôi 20 lạng vàng và 2000 đô la Mỹ”.

Sợ du kích nghe được, tôi nói:

“Im miệng lại, nếu chúng nó nghe bà nói, chúng ta đều toi mạng .

– Thây kệ, chúng phải trả lại vàng và đô-la của tôi.”

Cuối cùng ông chồng cũng đã dỗ êm bà ấy.

Một vài khoảng khắc sau đó, chúng tôi thấy ló dạng trên sông một chiếc ghe đánh cá. Chúng tôi ới ới gọi người chèo thuyền và cùng với ba gia đình khác xin chở chúng tôi đến một xóm ở bên kia bờ sông, lên phía thượng lưu một chút.

Chúng tôi đến đó vừa kịp lúc để chen chúc leo lên một chiếc xe đồ nhỏ chuyên chở hành khách giữa xóm này và tỉnh Bà Rịa; ở đó chúng tôi cũng may mắn đến kịp để lên chuyến xe cuối cùng về Saigon.

Khoảng 17 giờ chúng tôi về đến cửa nhà. Không có người nào ở trong nhà, người đàn bà mà tôi nhờ giữ nhà đã vội vàng rời đi sau khi một trong những phụ tá của tôi ở đại học đến hỏi tin tôi vì ngạc nhiên thấy tôi vắng mặt lâu dài. Cô giữ nhà tưởng đó là một công an Tôi đã phải leo qua cổng để vào bên trong sân, và nhờ ơn trên, chùm chìa khóa phòng hờ của tôi vẫn tình cờ nằm trong va-li tôi, do đó chúng tôi đã vào được nhà.

Sau những giờ phút lo âu từ sáng sớm, chúng tôi sung sướng được về lại nhà mình, nghĩ rằng mặc dù mưu toan chạy trốn thất bại, chúng tôi vẫn gặp thật nhiều may mắn, vì hậu quả có thể tệ hại hơn nhiều.

Vợ tôi cũng thố lộ rằng sáng nay sau khi giấu nữ trang vào bụi cây, chốc sau đã trở ra lấy lại. Đó là lý do khác để chúng tôi vui mừng. Lúc bấy giờ, nhớ lại mọi sự việc tôi đã hiểu tại sao nhưng người công an nổi tiếng khắt khe này, đã không bắt giữ chúng tôi; họ đã kiếm thấy vàng và đô la và muốn cướp lấy cho riêng họ. Họ không dễ bị lừa về tấm thông hành giả do Ủy ban hành chánh xã cấp, nếu họ gửi chúng tôi đến trại giam, ở đó trong những báo cáo sẽ phải làm, chúng tôi sẽ không quên nói tới việc ăn cắp vàng và đô la Mỹ, và họ sẽ phải bắt buộc hoàn lại mọi thứ cho Nhà Nước Do vậy mà họ khoan hồng!

Ngày hôm sau, tôi trở lại đại học; không có ai ở văn phòng của thủ trưởng (đó là tước vị của bác sĩ Ngô Như H., người đã tiếp thu đại học) đã biết tôi vắng mặt lâu dài, còn với những phụ tá của tôi, tôi bảo rằng tôi đã đi nghỉ vài ngày ở Vũng Tàu – cũng không hoàn toàn sai lắm? Và lại chúng tôi không có gì nhiều để làm, ngoài việc kiểm kê đồ đạc trong nhà, vật liệu và hóa chất, nhưng không có gì liên quan đến sách vở và tài liệu! Hơn nữa tôi không phải đích thân lo những vụ kiểm kê này! Ông thủ trưởng rất muốn mở cửa đại học lại, nhưng đại diện của bộ Y Tế Hà Nội không đồng ý vì lý do chính trị. Cho nên chúng tôi đều đặn đến trường mỗi ngày từ 8 giờ sáng đến 16

giờ chiều với một bữa nghỉ ăn trưa vào 12 giờ, để mà buồn chán nhớ nhung hay chuyện gẫu mưa nắng.

Tôi về Saigon kịp thời vì thứ bảy sau đó, tôi tiếp hai cán bộ bạn quân phục đến bảo tôi đưa cho xem giấy tờ sở hữu căn nhà. Họ thêm rằng nhà này phải được giao lại cho chính quyền chiếm đóng vì theo một nghị quyết của ủy ban Quân Quản Saigon thì tất cả những nhà cho ngoại quốc thuê vào ngày 30 tháng 04 đều được coi là sở hữu ngoại quốc và bị tịch thu. Tôi đưa cho họ xem tờ hợp đồng chứng nhận rằng việc thuê nhà chấm dứt vào ngày 31 tháng 03 và nói với họ rằng tôi đã dọn về đây gần 1 tháng trước ngày 30 tháng 04.

Họ bỏ đi, nhưng hôm sau một trong bọn họ trở lại và dọa trục xuất tôi bằng vũ lực nếu tôi không giao nhà lại cho họ. Tôi phản kháng bằng quyền ở lại nhà của tôi và bảo anh ta đưa cho tôi coi bản quyết nghị của Ủy Ban Quân Quản. Anh ta không có và để giữ thể diện anh ta đòi tôi phải giao cho anh một bản sao tờ giao kèo cho thuê nhà và một tờ chứng nhận rằng tờ giao kèo không phải là giả, điều mà tôi chấp nhận làm để anh ta bỏ đi.

Trong thành phố, khắp nơi, những 'Ủy ban Phường' được thành lập. Trong quận của tôi ủy ban này được thành lập với hai người: một người là cựu chủ nhân một tiệm nhiếp ảnh và người khác ít ai biết và tự giới thiệu mình ở trong phường từ nhiều năm rồi. Mỗi tuần có một buổi họp mà mọi gia đình được mời gửi một đại diện đến dự. Lúc đầu có độ năm chục người, một vài gia đình đã tránh không đến, sau đó phường có không quá mười lăm người. Chúng tôi nói đủ thứ chuyện, về sự sạch sẽ của phường, về vấn đề an ninh, về những thông tư mới liên quan đến kiểm kê dân số, thống kê sở hữu nhà đất ... Hai vấn đề quan trọng nhất mà chúng tôi phải thảo luận là cuộc bầu cử "ủy ban nhân dân phường" và việc tham gia vào buổi họp chào mừng ủy ban Quân Quản thành phố.

Ngày bầu cử ủy ban nhân dân phường, chủ tịch ủy ban (tạm thời) bắt đầu kêu gọi người tự nguyện. Vì không ai ra ứng cử cả, anh ta đứng ra ứng cử, thư ký của ủy ban theo gương anh ta và chính họ giới thiệu người thứ ba ra làm ứng cử viên. Đó là một người chủ hiệu sắt vụn. Mọi người vỗ tay và bằng cách giơ tay lên bầu cho cả ba người. Người cựu chủ tịch và viên thư ký khiêm nhượng cảm ơn trong khi người chủ hiệu sắt vụn hứa sẽ đem lại trật tự và bảo đảm an ninh trong phường, kiểm tra sự trung thành của nhân dân với chánh quyền cách mạng và nếu cần sẽ tìm ra từng tích những kẻ phản Cách Mạng. Cán bộ đại diện cho công an quận, người lúc nào cũng có mặt ở những phiên họp của chúng tôi, khen ngợi mọi người, những người đắc cử cũng như những người bầu cử, và hứa sẽ xin cấp trên hợp thức hoá cuộc bầu cử này. Vào những phiên họp sau, anh bán sắt vụn được cử phụ trách an ninh đã trở nên càng ngày càng ngạo nghễ, nói đến mạng lưới những kẻ xung phong để giữ trật tự phường và dọa dẫm úp mở những người thiếu sốt sắng với Cách Mạng. Việc này kéo dài ba tháng, cho tới ngày -lúc bấy giờ tôi đã "đi rồi"- có một cuộc đột nhập của công an vào nhà anh ta và từ đó anh ta ... biệt tăm.



Về buổi họp liên hoan chào mừng ủy ban Quân Quản thành phố, chúng tôi phải chuẩn bị phần tham dự của phường vào buổi liên hoan và cuộc diễn hành kế tiếp sau đó. Trong những buổi thảo luận, một vài người đề nghị làm sao cho có số người tới đa đến dự cuộc họp liên hoan, để chào mừng ủy ban, những người khác gợi ý viết những khẩu hiệu trên biểu ngữ để cảm ơn ủy ban... Cuộc bàn cãi diễn ra sôi nổi. Sau đó tới phiên đại biểu của công an quận, anh tạ khen ngợi sự hăng hái của chúng tôi muốn (dự vào buổi họp liên hoan, nhưng nghĩ rằng về phương diện thực tiễn, tốt hơn là nên thành lập một phái đoàn ít người hơn vì theo anh ta ngoài gần 200 phái đoàn phường, còn phải kể đến những phái đoàn của những tổ chức và đoàn thể khác nữa. Rồi anh ta đề nghị chỉ những người trẻ tuổi từ 15 đến 35 tuổi đi dự. Còn những người lớn tuổi hơn, họ để họ hoàn toàn tự do đến hay không đến, dĩ nhiên lúc nào họ cũng được hoan nghênh ... nhưng mọi người phải tụ họp ở trụ sở phường từ ba giờ sáng, sau đó phải đếm số người, kiểm soát danh tánh chia họ ra từng nhóm 20 người, trong mỗi nhóm một người phụ trách sẽ làm hai bản danh sách những người có mặt; người phụ trách giữ một bản, bản kia đưa lại cho phòng an ninh, rồi khoảng năm giờ sẽ đến chỗ do tổng ủy ban tổ chức chỉ định. Còn về biểu ngữ thì vì “mỹ thuật” của cuộc diễn hành, chỉ những mẫu của Ủy Ban này đề nghị mới được chấp nhận! Ý kiến của đại biểu công an quận được hoan nghênh và “nhất trí” tán thành!

Lúc đó báo chí Saigon chỉ còn hai tờ thôi: tờ Saigon Giải Phóng, báo của Đảng và tờ Tin Mới do một nhóm thân cộng phát hành, nhấn mạnh về chánh sách khoan hồng mà Đảng và chính quyền Trung ương (Hà Nội) định áp dụng với những người Nam Việt Nam đã phục vụ vì thiếu kiến thức, làm đầy tớ cho đế quốc Mỹ. Họ thuật lại rất nhiều lời tuyên bố của những vị cao cấp trong Đảng và Nhà nước trung ương (Hà Nội) xác định ý muốn khoan hồng và ý định chỉ thực hành việc sát nhập miền Nam Việt Nam một cách từ từ, trong một thời gian từ hai đến ba năm.

Khoảng cuối tháng 5, một quyết định của ủy ban Quân Quản đăng trên báo, ra lệnh cho tất cả cựu quân nhân, công chức và chính trị gia phải đăng ký tại những cơ quan được thành lập để phụ trách việc này, nếu bất tuân sẽ bị trừng trị nặng. Là thành viên một đảng quốc gia, theo nghị định này tôi phải đăng ký. Dù vậy tôi lưỡng lự nhiều mặc dù tôi biết là những cơ quan công an Cộng Sản đều biết thành phần của những đảng phái quốc gia. Thực vậy, theo một đạo luật ban hành dưới thời Thiệu, chúng tôi phải nộp cho bộ Nội Vụ điều lệ và thành phần của ủy ban Trung ương Đảng và tất cả tài liệu lưu trữ của các bộ ở miền Nam Việt Nam đã nguyên vẹn rơi vào tay Cộng Sản. Trước ngày hết hạn đăng ký, tôi đến gặp một người bạn trong ủy ban trung ương đảng của chúng tôi để bàn xem phải làm gì. Anh ta nói với tôi rằng anh đã đi đăng ký chính sáng hôm nay, vì một thành viên khác của ủy Ban Trung ương đã đi đến đó và đã khai tên anh ta và tên tôi.

Vậy là ngày hôm sau, tôi đến bàn giấy đăng ký. Trước hết họ bảo tôi nộp thẻ căn cước, viết tờ khai lý lịch và làm một bản báo cáo về những hoạt động của đảng chính trị mà tôi là thành viên. Như đã thỏa thuận với bạn tôi hôm trước, tôi thêu dệt khá dài điều lệ, mục đích và mục tiêu của đảng chính trị chúng tôi, nhưng lại ít tiết lộ về những hoạt động thật sự và nhân số đảng viên. Khi

tôi đi nộp tờ trình cho cán bộ phụ trách đăng ký, anh ta đọc đi đọc lại nhiều lần và đòi tôi giải thích bổ túc trước khi nhận báo cáo và trả thẻ căn cước lại cho tôi.

Vào đầu tháng 6 một quyết nghị khác của ủy ban Quân Quản thành phố đăng trên báo và được đọc trên đài phát thanh, ra lệnh cho tất cả hạ sĩ quan và chuẩn úy của quân đội miền Nam Việt Nam phải ra trình diện để theo học một khóa cải tạo chính trị ba ngày. Những lớp học tập cải tạo này được thực hiện như dự định và kết thúc trong thời hạn như đã thông báo.

Ngày 10 và 11 tháng 06 nhiều quyết nghị mới được ban hành, một ra lệnh cho các thiếu úy, trung úy và đại úy trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa phải đi trình diện để học tập cải tạo, mang theo mười ngày lương thực hay số tiền tương đương. Quyết nghị khác liên can đến các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp, những công chức cao cấp những chính trị gia (thượng nghị sĩ dân biểu và thành viên ủy ban trung ương các đảng chính trị trước 1975), những người này phải đem theo khoảng 14.000 đồng tương đương với một tháng lương thực và phải đến trình diện những trung tâm tập trung đã dự định, từ 13 đến 16 tháng 06 năm 1975.

Tôi báo cho vị phụ trách đại học y khoa biết về hoàn cảnh của tôi; lúc đầu anh ấy khuyên tôi đừng đi trình diện, nếu nhà chức trách địa phương hỏi lý do thì nói với họ do lệnh của thủ trưởng. Nhưng hai ngày sau, anh ấy nói thêm là đã hỏi ý kiến của vị đại diện Bộ Y Tế và người ta đã trả lời là tôi phải đi học tập cải tạo chính trị. Anh ấy nói thêm rằng chỉ dài một tháng thôi và một trong một cuối tuần sắp tới, anh ấy sẽ đến thăm tôi tại trại cải tạo.



### CHƯƠNG III

## TRẠI TẬP TRUNG LONG THÀNH



Vậy là ngày 15 tháng 06 tôi đến trình diện tại địa điểm tập trung dành cho chính trị gia, đặt ở trường nữ trung học Lê văn Duyệt, Gia Định. Trường này cũng như tất cả những trường tiểu và trung học ở Saigon đã bỏ trống từ cuối tháng tư vì tất cả các lớp đã ngưng hoạt động. Nhiều trường đã trở thành nơi tập hợp của những người phải đến trình diện để đi cải tạo. Khi tôi đến trung tâm vào khoảng 15 giờ, có rất ít người. Người gác cổng để tôi vào khi tôi nói là tôi đến trình diện để đi cải tạo. Trong phòng đợi chỉ có ba hay bốn người mà tôi không quen biết đang đợi tới phiên mình để được một cán bộ ở một phòng nhỏ bên cạnh tiếp. Tất cả chúng tôi đều ngồi im lặng, ít nhiều lo âu về điều gì sẽ xảy đến trong những ngày sắp tới. Riêng tôi những lời trấn an của người thủ trưởng làm cho tôi tin rằng sẽ chỉ là một giai đoạn buồn phiền, nhưng nói cho cùng,

*học tập một tháng sẽ qua nhanh, và sau đó cộng sản nay “muốn chứng minh ưu quyền chính trị” sẽ để cho chúng tôi yên.*

*Lúc đến phiên tôi ngồi trước anh cán bộ, thì trước hết anh ta bảo tôi đưa cho anh ta thẻ căn cước mà anh ta tức khắc bỏ vào học tủ, rồi anh ta bắt đầu hỏi tôi và ghi vào một cuốn sổ những câu trả lời về hộ tịch, lý lịch nghề nghiệp và chính trị của tôi. Anh ta cũng hỏi về những hoạt động đảng chính trị của tôi. Tôi cố gắng trả lời giống như ngày tôi đi đăng ký, hai tuần trước đó. Cuộc hỏi cung kéo dài độ nửa giờ, sau đó tôi phải qua phòng bên cạnh đóng cho cán bộ khác món tiền “một tháng lương thực”. Sau đó tôi ra hành lang. Có độ sáu mươi người khác, trong đó có anh bạn Trần Văn H., người mà tôi đã đến gặp trước khi đi đăng ký với tư cách là thành viên ban chấp hành một đảng chính trị.*

*Khoảng 18 giờ, lúc không còn ai đến nữa, người công an đã tiếp chúng tôi dẫn chúng tôi lên lầu một tòa nhà và chỉ cho chúng tôi bốn lớp học trống, nơi mà chúng tôi phải sắp xếp để nghỉ qua đêm. Anh ta còn nói thêm là chúng tôi phải nhanh lên vì bữa cơm chiều sẽ được dọn trong sân chơi của trường trong vòng gần một giờ. Sự chọn những trường trung học làm nơi tập hợp lúc đầu đã làm chúng tôi tưởng rằng đó cũng là nơi dùng để cho những lớp “học tập cải tạo” nữa. Nhưng ngay sau đó chúng tôi đều hiểu rằng đó chỉ là một nơi để tập hợp và ngày hôm sau chúng tôi sẽ được chuyển đi chỗ khác. Lúc này, chúng tôi phải dọn bàn ghế trong phòng học, để mắc mùng và trải chiếu. Buổi cơm chiều dọn sau đó một chút đã được sửa soạn chu đáo. Chính quyền đã trưng dụng những tiệm ăn lớn để làm cơm cho chúng tôi. Trở về phòng học biến thành phòng ngủ chung sau buổi cơm, mỗi người vội vã dọn va-li và túi xách rồi nằm xuống nghỉ qua đêm, tuy nhiên chỉ một vài người có thể ngủ nhanh chóng, còn số đông vẫn thức. Tôi nghe họ vẫn không ngừng trăn trở trên chiếu và thỉnh thoảng một vài tiếng thở dài chứng tỏ nỗi lo âu của họ. Chính tôi, tôi không thể ngủ, hằng ngàn câu hỏi dồn dập trong tâm tư tôi: họ sẽ cho chúng tôi về đâu mai này. Những lớp học tập cải tạo chính trị sẽ là gì? Chúng tôi sẽ ra sao, sau tháng học tập cải tạo này. Và vợ con chúng tôi ở nhà chính quyền phường sẽ đối xử làm sao? Tôi thao thức như thế cho đến tiếng gà gáy đầu tiên của nhà bên cạnh.*

*Trái với sự chờ đợi của chúng tôi, ngày hôm sau tôi đi mà cán bộ chính trị không bảo chúng tôi làm gì cả! Chúng tôi dùng thời giờ này để làm quen, chuyện gẫu, sốt ruột và chờ đợi những bữa cơm!*

*Chỉ sau bữa cơm chiều ngày thứ hai, một cán bộ mới đến báo rằng chúng tôi sẽ lên đường không lâu nữa, rằng chúng tôi phải đi sửa soạn hành lý cho mau và trở xuống sân trường. Vậy là mọi người đổ xô về cái phòng học dùng làm phòng ngủ và không bao lâu mọi người đều đã có mặt ở sân với va-li, túi xách cột kỹ. Tôi có một cảm giác vừa lo lắng, vừa nhẹ nhõm vì không còn phải lo âu đợi chờ để khởi hành. Công an gọi tên theo thứ tự a,b,c rồi bảo chúng tôi sắp thành năm hàng. Sau đó họ ra lệnh cho chúng tôi ngồi xuống ngay trên mặt đất để đợi giờ khởi hành. Chúng*

tôi đợi lâu lắm, trời khá lạnh, khi đêm xuống dần và chúng tôi đều buồn ngủ. Những chiếc xe phải chờ chúng tôi đến trại học tập cải tạo mãi không thấy đến. Thời giờ trôi qua, và phần đông chúng tôi gục xuống trên hành lý của mình, vì rãng thức không được. Rồi thì vào quãng nửa đêm một cán bộ báo cho chúng tôi biết rằng xe sẽ chỉ tới buổi sáng mai và chúng tôi có thể về lại phòng ngủ.

Kéo lê hành lý của mình, chúng tôi vội vã trở về phòng ngủ nằm xuống không màng giặt mũng. Vào bốn giờ sáng, một cán bộ đến đánh thức chúng tôi dậy và ra lệnh phải xuống sân tức khắc để khởi hành. Lại cũng vội vã chúng tôi gom góp màn chiếu, cột buộc xách, túi và ba-lô rồi chạy về phía sân để đứng lại chỗ hôm trước. Nhiều công an đi qua các dãy hàng để kiểm soát xem mọi người đều có mặt, tuy nhiên chúng tôi còn phải đợi hơn hai giờ nữa trước khi có lệnh khởi hành. Để chờ chúng tôi đi có bốn xe ca với ba xe jeep vũ trang hùng hậu hộ tống. Một chiếc xe jeep mở đường và buộc mọi xe hơi và xe gắn máy đi ngược chiều phải ngừng lại bên lề đường. Chiếc xe jeep cuối ngăn cản mọi xe hơi và xe gắn máy qua mặt chúng tôi, và chiếc thứ ba chạy theo bên sườn đoàn công voa. Sự chuyển dịch dưới sự phòng vệ có vũ trang và theo thủ tục tối an ninh này làm cho tôi khó chịu. Lúc bấy giờ tôi tự hỏi không biết người ta có coi chúng tôi như những tù nhân nguy hiểm cần phải cách biệt xa dân chúng hay không. Đoàn xe trước tiên hướng về phía Bắc, rồi sau khi qua cầu Đồng Nai quẹo sang mặt về Vũng Tàu. Trong xe ca chúng tôi, một vài người đoán rằng họ dẫn chúng tôi đến Vũng Tàu nơi có một trại huấn luyện sĩ quan Cảnh Sát Quốc Gia thời cũ những kẻ khác nghĩ rằng đúng hơn họ đưa chúng tôi đến một trại đào tạo sĩ quan trừ bị của quân đội Cộng Hòa Việt Nam thời trước ở Long Thành. Sau khoảng 45 phút đoàn xe quẹo trái và đi vào con đường nhỏ dài dẫn đến Cô Nhi viện Long Thành, cách huyện Long Thành vài cây số. Viện mồ côi này gồm nhiều dãy nhà lớn, kiểu kho hàng, đã chứa trước tháng 4 năm 1975, từ 2000 đến 3000 trẻ mồ côi và hàng trăm người trẻ tuổi gọi là “chú tiểu” mà thực ra chỉ là những người thanh niên trốn quân dịch. Sở an ninh quốc gia đã nghi viên giám đốc viện mồ côi này là một kẻ thân Cộng, nhưng không thành công trong việc đóng cửa viện mồ côi tư này vì bộ Xã Hội phản đối. Các xe ca đỗ chúng tôi xuống trước một căn nhà lớn ở sau cùng viện mồ côi; những căn khác đã có người ở, họ tới từ những trung tâm tập trung cải tạo khác.

Đây là một căn nhà lớn khoảng ba mươi thước trên tám thước, với mái tôn gọn sòng và nền nhà bằng đất nện; ở hai đầu là bức tường bằng gạch có để chỗ rộng để ra vào và được xây lưng chừng. Cả căn nhà được chia làm hai phòng lớn với một phòng nhỏ ở giữa rộng khoảng ba thước.

Người cán bộ cùng đi với chúng tôi chia chúng tôi ra trong hai phòng lớn và bảo rằng “đây là chỗ chúng tôi sẽ ở trong suốt thời gian học tập cải tạo”.

Tình cờ, tôi ở bên cạnh hai người “cùng hội cùng thuyền”, một người quãng 50 tuổi, người kia trẻ hơn 10 tuổi. Chúng tôi làm quen nhau, và tôi được biết cả hai đều thuộc một khuynh hướng của Việt Nam Quốc Dân Đảng (tương tự như Quốc Dân Đảng, Kuo Ming Tang, Tàu). Sau khi trải

chiếu xuống đất và đặt sát vào tường các túi xách đựng đồ dùng cá nhân, tôi ngả lưng nghỉ ngơi, nhưng các bạn đồng hành thì đi thăm dò căn trại. Nửa giờ sau họ trở về với một tấm ván ép lớn rơi bỏ trong đám cỏ hoang. Họ chùi sơ sài tấm ván và bảo tôi cuốn chiếu lại như họ đã làm, rồi họ thay vào đó tấm ván ép nay dùng làm giường chung cho chúng tôi vì “nằm sát đất sẽ làm chúng ta bị bệnh tê thấp”. Tôi cảm ơn rồi chúng tôi trải ba chiếc chiếu lên tấm ván, chúng tôi đã ở chung như vậy cho đến hết cuộc cư trú ở Long Thành.

Lúc bây giờ đã quá Ngọ và chúng tôi đã không ăn gì từ sáng. Những cán bộ cùng đi với chúng tôi từ Saigon đã đi từ lâu đến khu hành chánh của trại và chưa thấy trở về. Chúng tôi không biết phải làm gì. Một lúc sau, 14 giờ, một cán bộ trở lại nói với chúng tôi rằng: “Họ không tổ chức tiếp tế lương thực hôm nay được, nhưng ngày mai nhà bếp của trại sẽ hoạt động”; còn hôm nay anh ta nhận đi Long Thành để mua bánh mì cho những ai gửi tiền để mua, vì chính anh không có tiền; vả lại anh ta nghĩ chỉ có thể mua cho mỗi người một ổ mà thôi; vì Long Thành là một thị trấn nhỏ và những người ở căn khác của trại cũng cần lương thực... Anh ta trở lại khoảng 16 giờ và mỗi người chúng tôi có một ổ bánh mì, bánh mì mà chúng tôi phải nướng khô, chỉ vài người có thể kèm thêm chút đường mà họ đã lo xa đem theo trong hành trang của họ.

Đời sống của trại được tổ chức dần dần; ngay ngày thứ nhì, các bữa ăn được dọn hai lần một ngày do một nhà thầu cung cấp, người này không ai khác hơn là vị cựu giám đốc sở hữu chủ của Cô Nhi Viện. Cơm thì đủ ăn về lượng, thức ăn gồm có một đĩa cá nhỏ hay tép, một đĩa rau luộc (rau muống hay cải tàu) và một món canh (rau muống hay mướp). Mỗi nhóm mười người cử hai người thay phiên nhau mỗi ngày hai lần xuống bếp đem lương thực lên cho nhóm mình. Nói chung thì lương thực không quá dở so với số tiền chúng tôi đã đóng.

Vào khoảng cuối tuần thứ nhất nhóm chính trị của chúng tôi phải dọn về một căn nhà ở phía cửa vào trại; căn này cũng giống như căn chúng tôi vừa ở, nhưng tường thì làm bằng đất nhồi rơm, mái bằng tranh, như vậy chỉ vài giọt nước mưa rơi xuống chiếu lúc mưa giông, cũng đem lại cho chúng tôi nhiều mát mẻ hơn là ở nhà có mái tôn gọn sòng.

Thời gian trôi qua, cán bộ không hề nói tới “học tập cải tạo” và không cho chúng tôi cảm tưởng là họ gấp gáp tổ chức những lớp học này, mà chúng tôi ai nấy đều nóng lòng muốn bắt đầu, để có thể rời trại sau thời hạn một tháng. Một ngày kia, chúng tôi đã hỏi cán bộ phụ trách nhóm là bao giờ các lớp học bắt đầu thì anh ta trả lời một cách mơ hồ rằng “sắp sửa” và khi chúng tôi lưu ý anh chỉ còn lại hai tuần thôi, anh ta nói rằng “theo ý anh ta những lớp học này sẽ kéo dài ba tháng”. Sau đó có một người nói với anh là chúng tôi chỉ trả có một tháng tiền ăn ở, anh ta trả lời rằng, đó không phải là một vấn đề quan trọng, vì chánh phủ sẽ đài thọ tiền ăn ở của chúng tôi! Vậy là lần đầu tiên, chúng tôi được cho biết một cách bán chính thức là thời gian học tập sẽ không phải là “một tháng” như chúng tôi đã tưởng trước khi đi trình diện mà lâu hơn nhiều, ít nhất cũng ba tháng! Riêng tôi cũng đã ngờ từ nhiều ngày nay về sự kéo dài như vậy. Thật vậy anh Hùng,

người trẻ tuổi nhất trong nhóm “bộ ba ván ép”, nguyên đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, đã tiên đoán với tôi nhiều lần, khi cậu kể cho tôi nghe cậu phải đi “học tập cải tạo” như thế nào năm 1948 ở Quảng Ngãi. Cậu ấy đã ngưng hoạt động chính trị “phản cách mạng” sau khi cộng sản cướp chính quyền năm 1945, mặc dầu vậy một ngày nọ năm 1948, nhân viên an ninh huyện đến tận cậu ở làng và tuyên bố rằng họ được lệnh đưa cậu đi “học tập cải tạo” trong một thời gian và cậu phải đem theo gạo đủ ăn một tháng. Bị đưa đến một làng cách xa làng khoảng ba mươi cây số, cậu được giao cho gia đình một nông dân thành viên đảng Cộng Sản. Cậu bị chỉ định sống với gia đình này. Cậu phải dùng nửa thời giờ của mình để viết về những hoạt động của Việt Nam Quốc Dân Đảng và nửa thời giờ còn lại thì giúp gia đình trong việc đồng áng ... nhưng cấm không được đi xa quá nhà 100 thước. Cậu ăn chung với gia chủ và góp phần gạo. Mỗi tháng hai hoặc ba lần, công an đến thăm cậu và góp các bài viết của cậu, và có khi đưa những đề tài khác để cậu bàn thêm, có khi bảo viết lại một bản báo cáo đã nộp trước (để kiểm tra cậu không nói dối). Cuối tháng cậu có thể viết thư về nhà qua trung gian của công an để xin gia đình gửi tiếp tế thêm một bao gạo nữa ... Như vậy trong hai năm! Còn chuyến này thì cậu ta đoán học tập cải tạo ít nhất cũng phải chín tháng.

Vào đầu tháng 7, cùng với những người tình nguyện người ta bắt đầu xếp dọn một căn nhà lớn còn bỏ trống thành lớp học: ở đầu phòng một bức được dựng lên bằng những tấm ván gỗ. Trong phòng còn có một số ghế dài đóng bằng hai thân cây tre dài khoảng ba thước đặt cạnh nhau, được những thân tre khác ngắn hơn dùng làm chân nâng đỡ, và đóng sâu xuống nền nhà làm bằng đất nện. Khoảng ba trăm chiếc ghế dài này xếp thành bốn dãy suốt theo bề dọc của căn nhà, trừ chỗ dành cho bức giảng. Cả thầy có thể ngồi khít vào nhau từ 2500 đến 3000 tù nhân trong những buổi học tập cải tạo. Trên tường phía sau “bức” là một lá cờ Bắc Việt Nam to và một bức chân dung của Hồ Chí Minh và những biểu ngữ ca ngợi bằng hàng chữ lớn: “Đảng Cộng Sản Việt Nam chiến thắng”, “Quân Đội nhân dân Việt Nam vô địch” và câu nói dai dẳng của Hồ Chí Minh: “Không có gì quý hơn Độc Lập Tự Do”. Trái lại không có cờ của mặt trận Giải Phóng miền Nam.

Bài học đầu tiên được tổ chức vào tuần thứ tư từ khi bị giam. Vì bây giờ không ai còn nghi ngờ đây thực sự là một sự giam giữ và hy vọng duy nhất của chúng tôi là những lớp học này có thể kết thúc trong vòng ba tháng. Một cán bộ chính trị ở cấp cao đến từ Saigon là giảng viên cho lớp học đầu tiên. Đề tài là “chủ nghĩa thực dân mới”. Sau khi nói về lịch sử chủ nghĩa thực dân, ông ta miêu tả sự độc ác của nó, sự tàn phá của nó trong những nước chậm tiến và làm thế nào dựa theo chủ nghĩa Cộng Sản Lê Nín, những dân tộc bị đô hộ đã nổi dậy chống chính quyền thực dân, cùng một lúc mà dân Nga chiến đấu chống phát-xít Hitler và cầm cự với những khuynh hướng đế quốc của các nước tư bản. Như vậy là nhờ Liên bang Xô-viết mà những nước bị đô hộ đã giành lại được độc lập từ những nước đế quốc tư bản do Hiệp Chúng Quốc Mỹ cầm đầu. Trước sự chống đối ngày càng lớn dần của các nước thuộc “thế giới thứ ba” được Liên bang Xô-



viết ủng hộ, Mỹ quốc đã che đậy mục đích ác độc của họ dưới bề ngoài của chủ nghĩa thực dân mới.

Những ngày kế tiếp, người ta phát cho mỗi người một số tập in bài học và chúng tôi được chia ra thành nhiều nhóm nhỏ độ mười hai người, để cùng thảo luận về bài học. Những cuộc thảo luận này, hai hoặc ba buổi cho mỗi bài, có mục đích làm thành bản tường trình chi tiết mà chúng tôi phải nộp cho cán bộ để chuyển lên ban giám đốc trại. Trong những buổi họp này, mọi người phải tích cực tham gia bằng cách nêu lên những sự việc, những thí dụ để xác nhận những khẳng định của giảng viên. Sau này chúng tôi được biết là những bài học này do cục Tuyên Huấn của ủy ban Trung ương đảng Cộng Sản phát hành và những giảng viên chỉ ở trên bục để tán rộng ra bản văn có sẵn thôi!

Anh Giản, người thứ ba của “bộ ba ván ép” chúng tôi xung phong điều khiển nhóm học tập. Cựu giáo viên ở Thanh Hóa và cựu chủ tịch của một chi phái Việt Nam Quốc Dân Đảng, anh ấy có một vốn kiến thức khá về lịch sử Trung Hoa và thành công trong việc điều khiển khéo léo những cuộc thảo luận, trong đó chúng tôi vừa phải giữ phong cách của mình, vừa làm vừa lòng các cán bộ. Nếu có một vài người trẻ vì muốn nịnh bợ cán bộ, đã dă kích hành động của Hoa Kỳ ở Phi Luật Tân, phần đông nói về sự cai trị hà khắc của Nhật ở Đại Hàn, về công ty Ấn Độ, về chiến tranh á phiện ở Trung Hoạ. Sau hai hoặc ba phiên bàn cãi trong nhóm, chúng tôi phải họp phiên khoáng đại tại phòng học và người quản giáo leo lên bục đúc kết các cuộc bàn luận và rút ra những kết luận:

Những cuộc bàn thảo của các anh thành thật. Các cải tạo viên đã hiểu ai là bạn, ai là thù của nhân dân Việt Nam, tuy nhiên sự lên án những kẻ thù cũng như lời ca ngợi nhưng người bạn của chúng ta, chưa được rõ ràng và minh bạch, có nhiều khi nhập nhằng nước đôi tuy nhiên điều này không quan trọng lắm. Vì từ nhiều năm rồi, các anh ở dưới sự đô hộ của đế quốc và chắc chắn là các anh cần thời gian để xóa nhòa ảnh hưởng của chúng ở trong tâm tư các anh! Chúng tôi hy vọng rằng các anh sẽ tiến mạnh trên con đường này, để chúng tôi có thể coi rằng các anh đã hoàn thành học tập !

Với những phiên thảo luận từng nhóm và phiên họp toàn thể, mỗi bài học mất từ mười ngày đến hai tuần Như vậy chúng tôi còn sáu bài nữa, trong đó có những bài về “Chủ nghĩa Thực dân Mỹ, Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ sen đầm quốc tế, Lao động là vinh quang”.

Những lớp học này và những cuộc thảo luận trong từng nhóm nhỏ cũng không đủ chiếm hết thời giờ của chúng tôi, chúng tôi trải qua những giờ dễ chán ngán và lo lắng về tương lai: tin đồn rằng trong những nhóm khác, có những trường hợp trầm uất nặng, dường như có cả mưu toan tự vận! Các cán bộ đã tìm cách cho chúng tôi dùng hết thời giờ: hai tuần một lần họ triệu tập chúng tôi lại sau bữa cơm chiều trong một căn nhà bỏ trống để tập cho chúng tôi hát những bài cách mạng

mới. Cũng mỗi tuần một lần, người ta đưa chúng tôi luân phiên nhau thực hiện một “ngày lao động bằng chân tay”. Để làm việc này chúng tôi được đưa đến một khu đất hoang khá xa dãy nhà chúng tôi đang ở, tuy nhiên còn ở trong khu vực của trại, giới hạn bằng một hàng rào kẽm gai, có những trạm gác rải rác chỗ này chỗ kia. Mỗi lần, người ta chỉ cho chúng tôi một mảnh đất phải phát cỏ dại, rồi sau đó phải đào đất bằng cuốc. Nhưng vì chỉ có bốn hay năm cái cuốc cho hai mươi người, nên chúng tôi chuyện gẫu hơn là cuốc đất! Lần khác người ta bảo chúng tôi sửa lộ hay đường nối đến những căn nhà trong trại và chúng tôi tự xoay sở lấy, bằng cách người thì dùng cành cây người thì dùng một mảnh cốt sắt cũ đã dùng để đỡ xi măng, người thì dùng viên gạch hay cục đá, sót lại giữa những tàn tích còn lại sau cuộc dọn nhà vệ của viện mồ côi một vài tháng trước đó trước sự tấn công của cộng sản Bắc Việt.

Riêng phần tôi, tinh thần xuống rất thấp, một chuyện dù nhỏ nhất cũng làm cho tôi mất tinh thần cả mấy ngày. Bên cạnh căn nhà chúng tôi có một cây to với những cành và nhánh lá ở trên cao. Từ nhiều ngày nay mỗi buổi sáng có con chào mào đến đậu giữa chùm lá và cất giọng hát trong trẻo và thanh tao tuyệt vời! Đối với tôi đó là một điệu ru vừa vỗ về, vừa khích lệ tôi chịu đựng hiện tại trong sự mong đợi những ngày tốt đẹp hơn mà tôi tin là gần kề. Cũng thường khi, nó trở lại trước khi đêm xuống và tiếng hát của nó lúc bấy giờ dường như để chúc tôi nhiều mộng đẹp trong lúc an giấc. Với anh bạn Hùng của tôi, chúng tôi ngồi chờ dưới gốc cây, mỗi buổi sáng và xế chiều, con chim bạn chào mào, và yên lặng nghe tiếng hát thanh tao và sắc sảo làm chúng tôi trong vài khoảnh khắc quên đi sự thật buồn bã của hiện tại.

Tiếng hót của con chim này tượng trưng cho chúng tôi một cái gì quý hơn là nhạc hay, nó là triệu chứng báo hiệu cho sự phóng thích gần kề, báo trước tự-do sắp tìm lại được?

Một ngày nọ vào một buổi chiều chửa nhật, lúc mà Hùng và tôi đang say mê với tiếng hát của anh bạn chào mào, tôi thấy một công an đang dùng súng khí áp bắn một con chim đang nhảy nhót trên nóc nhà bên cạnh. Rồi tôi thấy anh ta lượm con chưa bị thương trầm trọng và đi về phía chúng tôi. Tôi không biết phải làm gì, nhưng Hùng đã đứng dậy, lượm một hòn đá nhỏ ném về phía chim chào mào, chim tức thì cất cánh bay đi. “Đồ chó đẻ” Hùng nói khá to, nhưng không để cho anh công an nghe thấy. Tên này đến gần chúng tôi nhìn một lúc lên ngọn cây như để kiểm xem có mồi nào không, rồi bỏ đi.

Chiều hôm sau, anh ta lại trở lại, lần này thì đi thẳng về phía nhà chúng tôi. Hùng nhìn thấy anh ta khi anh ta chỉ còn cách chúng tôi khoảng ba mươi thước Lập tức Hùng lượm một hòn đá cuội và ném về phía con chào mào. Chim cất cánh bay đi. Nhưng đã muộn rồi. Chú công an đã thấy cử chỉ này và xẵng giọng chất vấn Hùng:

“Tại sao anh ném đá lên cây này?”

– Tôi thèm ăn thịt con chim này quá! Tôi không có súng như anh, vậy tôi thử hạ nó bằng viên sỏi.

Ở làng tôi có nhiều giống chim này và tôi bắt bằng bẫy. Khi nào tôi được thả anh hãy đến đây, anh sẽ giết bao nhiêu cũng được với súng của anh!”

Người công an lắng nghe không nói gì, nhún vai rồi bỏ đi.

Hai ngày sau tới phiên Hùng và tôi đi xuống bếp lấy cơm cho nhóm mình. Lúc trở về với khẩu phần của bữa cơm chiều, nhiều bạn của chúng tôi kêu lên:

“Thằng chó chết đã tới, nó bắn con chim của các anh, nhưng hụt”.

Tôi giận điên người nhưng cũng mừng cho con chim chào mào của tôi. Hùng thì nổi trận lôi đình.

“Thằng cán bộ bắn thiu này và ông cha nó ăn thịt chó. Chưa đủ hay sao mà bây giờ còn kiếm cách giết những con chim nhỏ nữa! Đồ chó chết! Đồ chó chết!”

Từ đó con chim chào mào của chúng tôi không khi nào trở lại nữa. Ngày qua ngày chúng tôi hoài công đợi nó. Trong hơn một tuần Hùng và tôi rất ủ rũ. Đối với chúng tôi, nó là biểu tượng cho sự hứa hẹn được tự do một ngày gần đây; bây giờ biểu tượng hứa hẹn đã tan biến mất rồi! Phải chăng điều này báo hiệu cho chúng tôi là sự trả tự do sẽ dời lại vào một ngày còn xa xăm?

Tuy nhiên, một tuần sau đó, hy vọng lại trở lại chúng tôi vừa mới xong hai bài học tập cải tạo thì một một sáng thứ bảy có nhiều xe jeep với công an bận đồng phục chạy vào cửa trại và ngừng trước căn nhà hành chánh, vài khoảnh khắc sau, họ trở lại phòng học và đi vào. Một lúc sau mười người, trong đó có Quang là thành phần khu chính trị, được gọi đến phòng học. Phần đông chúng tôi kiếm cách đến gần căn nhà này để xem chuyện gì xảy ra ở đó, nhưng bị công an đẩy lui. Chúng tôi tự hỏi căn do vì sao họ bị gọi đến đó.

“Phải là chuyện gì trầm trọng lắm để họ đến đây vào một sáng thứ bảy như vậy!

- Nhưng Quang là một người khá, làm việc ở một sở của Bộ Xã Hội, cả ngày lo phân phát quà của các hội từ thiện Hoa Kỳ.

- Ô nhưng những hội từ thiện Mỹ thường như phần đông đều có dính líu đến C.I.A?

– Vậy thì thật nguy hiểm cho anh ta! “

Hai giờ sau đó, chúng tôi thấy Quang trở về vừa chạy.

- Cái gì vậy ? Cái gì vậy ? Tại sao người ta gọi cậu lên thế ?

– Được tha, được tha, tôi được tha!

– Chúa ơi! Hạnh phúc làm sao! Chúng nó bắt đầu thả! Rồi sắp đến lượt chúng mình!”

Quang chạy ào đến chiếu mình và cuống cuống gom góp đồ tùy thân; anh ta trả lời ngắn gọn

*những câu hỏi tới từ tứ phía :*

*- Họ nói gì với anh vậy ?*

*– Họ nói gì với anh mà giữ anh lâu vậy ?*

*Các cán bộ bắt đầu một bài thuyết trình ngắn về chế độ khoan hồng của đảng và nhà nước, khuyến cáo họ là phải hợp tác thành thật với những cơ quan phường và quận, đừng ngần ngại tố cáo với nhà chức trách này những hành động hay lời nói của những kẻ vẫn tiếp tục chống lại chính quyền mới, và đó là vì lợi ích riêng của họ. Rồi các cán bộ bảo họ viết một báo cáo về hộ tịch của họ, ông bà, cha mẹ, những người quen biết, lý lịch cá nhân, nghề nghiệp và hoạt động chánh trị. Sau đó còn phải làm một phiếu đo người với ảnh và lặn dấu tay. Để chụp bóng căn cước người ta cài vào áo sơ mi đương sự một tấm bảng có mang một con số.*

*Nhưng những chuyện này chỉ là chi tiết, điều quan trọng là đã có người được thả về khi mà các lớp học tập cải tạo chỉ vừa mới bắt đầu thôi. Mọi người đều vui mừng không phải chỉ cho Quang lắm mà cho chính mình.*

*“Nếu Quang được thả, những người khác cũng sẽ được như vậy nhưng tại sao không phải là tôi”.*

*Niềm hy vọng về một sự phóng thích gần kề còn được củng cố thêm vào thứ bảy sau, khi mà một loạt nữa được thả. Một tin đồn khác còn làm hy vọng chắc chắn hơn, mấy người nấu bếp nói rằng sự tiếp tế lương thực sẽ chấm dứt vào cuối tháng và chính họ cũng được báo là người ta không thuê họ nữa từ tháng tới. Trong nhiều ngày chúng tôi không ngừng xây đắp những giả thuyết trên những dấu báo hiệu này. Rồi thì cuối tháng đã đến, và quả thực nhà thầu cơm ngưng cung cấp bữa ăn cho chúng tôi. Những người tình nguyện được chọn trong số người bị giam để thay người nấu bếp và những thứ bảy sau đó chúng tôi hoài công chờ công an đến đưa lệnh thả người bị giam.*

*Thỉnh thoảng cũng có những xe jeep đến đấy, nhưng lại để ra đi, dẫn theo một hay hai người bị giam mà cơ quan an ninh địa phương đòi họ đến để hỏi cung.*

*Lớp học tập cải tạo dường như đã xong vì từ ba tuần nay không có bài học nào nữa. Hy vọng tiêu tan, chúng tôi đều lo lắng, càng lo lắng vì chúng tôi cũng không có tin tức gì của gia đình, mặc dầu chúng tôi có được phép viết thư về nhà hai lần.*

*Một ngày nọ, đó là ngày 30 tháng 9 trong buổi xế trưa, chúng tôi thấy nhiều xe ca trống đến, nhưng không vào cổng trại mà lại đậu ở bên ngoài rào kẽm gai. Chắc là điều gì đó sẽ xảy ra liên quan đến chúng tôi, nhưng trong khi chúng tôi bàn tán thật lâu, gọi ra rất nhiều điều có thể sắp tới, tốt cũng như xấu, thì không có gì xảy ra cho tới khi đêm xuống. Chỉ khoảng nửa tiếng đồng hồ sau bữa cơm chiều, chúng tôi mới được lệnh ra sân trước nhà với tất cả hành lý, để sẵn sàng*

*lên đường tức khắc. Cũng xảy ra như vậy ở mọi khu vực khác. Riêng đối với chúng tôi, cán bộ phụ trách nhóm bảo chúng tôi sắp thành hai hàng, rồi đọc một danh sách khoảng 50 tên; những ai có tên phải rời hàng và tụ họp thành một nhóm riêng biệt. Tôi ở trong số đó. Sau khi đọc lại một lần nữa danh sách và kiểm soát sự có mặt của mọi người, anh ta ra lệnh cho những người không có tên trong danh sách trở về căn nhà và xếp đặt lại như trước .*

*Chúng tôi lại phải đợi hơn một giờ nữa trước khi chiếc xe dành riêng cho chuyến đi của khu vực chúng tôi đến. Người ta ra lệnh cho chúng tôi lên xe tức khắc rồi xe ca lăn bánh đến con đường chính của trại, tập hợp ở với những xe ca chở người bị giam ở những khu khác (cảnh sát, thông tin, và hành chính). Đoàn xe được kết hợp như thế, với nhiều xe jeep vũ trang hộ tống, rời khỏi trại theo thủ tục an ninh tối đa, lao vào sâu thẳm của đêm tối.*



## **CHƯƠNG IV**

### **NHÀ NGỤC THỦ ĐỨC**



*Đoàn xe chạy nhanh trong đêm tối mịt, hôm nay như hôm qua, như ngày mai... vẫn là những cuộc khởi hành vội vã, vào những giờ thích hợp với bóng đêm của ác quỷ, về những mục tiêu không biết là đâu, đó là kiểu di chuyển của những tù nhân chính trị ở nước Việt Nam Cộng Sản.*

*Anh Minh, nguyên thượng nghị sĩ trong những năm 1967-1972, người đã kết bạn với tôi trong khi ở trại Long Thành, ngồi bên cạnh tôi hỏi tôi có phải người ta đày chúng tôi ra Côn Sơn, nguyên là nhà giam thời thực dân.*

*“Anh lo thì có ích gì, mình chẳng phải là chim lồng cá chậu rồi ư?”*

*Điều duy nhất mà chúng tôi biết là xe đi về hướng Saigon, rồi một lúc nào đó chúng tôi rời xa lộ Biên Hoà và quẹo về phía tay mặt. Đoàn xe chạy chậm lại khoảng mười phút rồi ngưng lại dọc một bờ tường, chúng tôi được lệnh xuống xe với những xích đồ tỳ thân, vì chúng tôi đã tới rồi. Trong bóng đêm dày đặc của một bầu trời phủ mây và không trăng, chúng tôi chỉ kịp sắp hàng và có lính vũ trang hộ tống, chúng tôi được dẫn ngang qua một cổng đến một sân lát gạch và chúng tôi được lệnh ngồi xuống chờ.*

*Nhiều phút trôi qua, vì công an còn phải điểm danh những toán khác. Bóng tối dày đặc đến nỗi tôi không thấy mặt những người ngồi cạnh tôi. Mặc dầu vậy tôi vẫn hỏi:*

*- Các anh có biết mình ở đâu không ?*

– Có lẽ trong vùng Thủ Đức nhưng ở đâu đây. Tôi không thấy gì để đoán ra?

Một giọng ở sau tôi nói:

- Chúng ta ở trong nhà tù dành cho đàn bà ở Thủ Đức.

– Làm sao anh biết rành thế? Quả thực chẳng thấy gì chung quanh chúng ta.

– Chú Tư. nói đó, chú nguyên là phó giám đốc nhà tù này.

Rồi đến phiên chúng tôi đứng dậy và người ta dẫn chúng tôi đến một căn nhà lớn có vài ngọn đèn điện treo thật cao rọi sáng. Có hai hàng ghế dài bằng xi măng với con đường chính ở giữa rộng lớn, chạy dài từ đầu này sang đầu kia của căn nhà. Chúng tôi vút các túi xách xuống bằng ghế, và lúc mỗi người đã kiếm được một chỗ để trải chiếu liền nằm xuống ngay. Lúc đó đã quá hai giờ sáng, mọi người đều buồn ngủ. Chúng tôi ngủ cho tới bảy, tám giờ sáng. Chỉ lúc đó, phần đông mới thức dậy và bắt đầu “thăm thính” chỗ ở. Nhóm chúng tôi bị dẫn vào một góc cuối trại giam. Căn nhà lớn nơi chúng tôi đã ngủ, được nối bằng một bức tường độ mười lăm thước vào một căn phòng nhỏ hẹp mà dài xây bằng gạch và dựa vào bức tường của khuôn viên bên trong. Có một cửa thông đục xuyên qua bức tường này và được đóng lại bằng một cửa song sắt, đó là con đường ra vào duy nhất của toán chúng tôi. Còn chính căn nhà chúng tôi ở, lợp bằng ngói, thì bị đóng kín từ phía bằng một bức tường gạch cao ba thước và nổi lên cao tới mái nhà bằng hàng rào kẽm gai và chỉ có một cửa duy nhất ở cuối phòng. Một trong những tường bên hông dựa vào một căn nhà lâu (ở ngoài tường khu vực của chúng tôi) còn tường kia thì cách tường vây một khoảng rộng độ vài thước.

Cửa nhà chúng tôi đi ra một sân nhỏ giới hạn ba mặt: một là cửa có song sắt, hai là phòng nhỏ dài, và ba là hai căn sơ sài lợp tôn dùng để chứa một số tù nhân. Hầu như toàn bộ khoảng sân nhỏ này được lợp bằng tôn để cho chúng tôi dùng làm sân chơi, phòng ăn và phòng học. Có vài chiếc bàn và ghế dài bằng gỗ bào sơ sài và đóng cũng sơ sài.

Mãi tới khoảng mười giờ, cán bộ phụ trách toán chúng tôi mới đến. Anh ta chỉ định ba toán trưởng cho ba toán trong phòng, và nói rằng là mỗi ngày mỗi toán phải phái hai người đến nhà bếp để đem cơm về.

Trong nhiều ngày người ta để chúng tôi một mình. Chúng tôi không có gì làm ngoài chuyện ngồi sốt ruột, chuyện gẫu và đợi hai bữa cơm trưa và chiều. Cán bộ đến mỗi ngày một lần, thường chỉ vài phút thôi, có hôm anh ta cũng không đến nữa. Rồi một buổi sáng thứ hai anh ta đến với một đồng báo: tờ Sai gòn Giải Phóng và tờ Tin Mới. Anh ta cũng đưa cho chúng tôi thời khoá biểu thường nhật (trừ chúa nhật) :

– 05g30: thức dậy. Tức khắc tập thể dục trên nền xi măng, phương pháp Thụy Điển, tám động

tác tay và chân. Mỗi động tác lập lại sáu lần. Sau đó vệ sinh cá nhân và quét dọn phòng.

– 07g00: tập trung ở sân chơi.

– 07g30 – 09 giờ: Một người tình nguyện đọc to những bài báo do chính cán bộ chọn.

– 09g00 – 09g30: nghỉ.

– 09g30 – 11g 00: một lần đọc báo nữa.

-11g00- 12g00: cơm sáng.

– 12g00 – 14g00 : ngủ trưa.

– 14g30 – 16g30: lại đọc báo chọn lọc nữa.

– 16g30: nghỉ.

– 17g00 cơm chiều. Thể thao sau bữa cơm chiều.

– 21g00: giới nghiêm.

Chỉ đơn giản vài tiếng cồng, mọi người biết rằng từ giờ đó phải nằm ở chỗ mình, trên chiếu, nhưng đèn điện vẫn sáng cả đêm.

Theo cán bộ phụ trách nhóm chúng tôi, thì những phiên đọc báo là những bài học tập cải tạo và chúng tôi phải lắng nghe một cách nghiêm chỉnh, nghĩa là ngồi thẳng thẫn trên các ghế dài, ăn mặc hàng hoàng, thái độ chăm chỉ. Đó là điều chúng tôi thi hành trong khi anh ta có mặt. Thường thường, cả khi có mặt anh ta, tôi cố gắng lắng tai nhưng không nghe gì; nhiều người khác cũng làm thế. Tuy nhiên bắt buộc nghe cả ngày, tuần này sang tuần khác, để gì mà không nghe. Rốt cuộc, chúng tôi cũng nghe được vài điều.

Những bài báo mà cán bộ chọn để làm bài học cải tạo chính trị là những tin tức kể lại những thành quả tốt bụng của các cơ sở kỹ nghệ nhà nước hay sự anh hùng của anh lính cộng sản chống lại những kẻ cướp hay kẻ phản bội, hoặc của công nhân hầm mỏ Liên Xô phá mọi kỷ lục, hoặc bản trích (nhiều khi có toàn bài) những bài diễn văn của những người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam, Liên Xô hay Cu ba. thỉnh thoảng có những bài báo ca tụng những thành quả của các nước Cộng Hoà Dân chủ khác: Mông Cổ, Lào hoặc Kampuchia.

Dần dần tôi hiểu thấu loại lý luận mà cộng sản dùng để chứng minh là chủ nghĩa cộng sản là đỉnh cao của mọi tư tưởng chính trị, vì nó đáp ứng lý tưởng cho những khát vọng tự nhiên nhất và cao thượng nhất của con người: sự khao khát một cuộc sống vật chất dồi dào, tình thương gia đình, lòng yêu tổ quốc. Theo họ, khi người ta tận tụy với đảng, tức khắc người ta đã thực hiện vừa hạnh phúc vật chất, tình thương gia đình và tình thương tổ quốc. Tại sao?



Chỉ đơn giản là vì chủ nghĩa cộng sản là chủ nghĩa chính trị duy nhất đã vận động kế hoạch hóa một cách khoa học sự sản xuất về canh nông cũng như kỹ nghệ.

“Các anh không nghĩ rằng những xưởng lớn với những máy móc thật tối tân nhất sản xuất đồ vật, hàng ngàn hàng triệu đơn vị, quan trọng hơn là những xưởng nhỏ chỉ sản xuất từng chục hay từng trăm đơn vị thôi ư? Các anh không nghĩ rằng ở một nước mà sự sản xuất được kế hoạch hóa hoàn toàn, hoặc được chỉ huy đúng cách, không món đồ nào được chế tạo quá nhiều hay quá ít, chỉ vừa đúng với nhu cầu của các anh, nước ấy sẽ nhanh chóng giàu hơn và mạnh hơn một nước tư bản, mà sự cạnh tranh vô trật tự của những sở hữu chủ gây nên phung phí và gieo rắc hỗn loạn ở khắp nơi!

“Tình thương gia đình? Các anh yêu quý gia đình các anh, nghĩa là các anh muốn bảo đảm hạnh phúc cho các con mình, sửa soạn cho chúng một tương lai tốt đẹp. Hãy nghe kỹ điều này: Liên Xô và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa khác, các nhà giữ trẻ, việc săn sóc sức khỏe cho trẻ con và người lớn, giáo dục học hành từ tiểu học đến đại học, tất cả đều miễn phí, đảng và nhà nước đài thọ chu cấp tất cả. Dù các anh có tiền đi nữa, các anh cũng không thể làm mọi thứ ấy cho các con của mình. Vậy đúng là đảng là người cha tốt nhất!”

“Lòng yêu nước? Nhưng Đảng và Tổ Quốc chỉ là MỘT. Yêu Đảng là yêu nước. Vì sao? Tại vì đảng Cộng Sản là Đảng của những người lao động, mà người lao động chiếm 99% dân số; phần còn lại là những kẻ ăn bám: những kẻ phân bội đất nước. Đảng và Nhà Nước đã là một và chỉ một mà thôi, cái gì tốt cho Đảng là tốt cho Nước. Những người lãnh đạo Đảng biết cái gì tốt cho Đảng, cũng biết cái gì tốt cho Tổ Quốc. Vậy bổn phận của chúng ta là tin tưởng vào Đảng, nghe lời Đảng trong mọi hoàn cảnh: đó chính là lòng ái quốc!”

Bác bỏ biện chứng mà người ta muốn chúng tôi chấp nhận là một việc dễ dàng cho những người dù chỉ dấn thân một chút ít vào hoạt động chính trị, có cần chẳng nhắc lại hình ảnh những cái đuôi sắp hàng dài trước những cửa hiệu ở Moscow, sau gần sáu mươi năm dưới cờ lý tưởng và hình ảnh của những “thiếu nhi anh hùng” đem cha mẹ tố cáo với thầy giáo vì lòng “ái quốc”.

Nhưng điều làm tôi phân vân từ lâu là sự đồng hoá đảng Cộng Sản với đất nước: thật là quá giản dị khi nói rằng cái gì tốt cho đảng thì cũng tốt cho đất nước và ngược lại. Cái gì sẽ xảy ra nếu có sự khác biệt giữa quyền lợi của nhà nước và của đảng? Những người cộng sản thân nhiên chối bỏ tình huống đó có thể xảy ra, nhưng đối với tôi nó có thể xảy ra thực sự, và tôi tự hỏi không biết có cán bộ cao cấp nào của đảng đã nghĩ tới và tìm ra giải đáp chưa? Dĩ nhiên tôi không đặt câu hỏi này với cán bộ phụ trách cải tạo chúng tôi, tôi sẽ bị đem ra bắn chết! Cũng như hỏi những người đồng khổ như tôi ... vì ai biết được, một sự tố giác trong hoàn cảnh của chúng tôi, là một việc, lúc nào cũng có thể xảy ra được. Và lại tôi cũng hiểu rằng một vấn đề như thế và giải đáp của nó chỉ có thể đến từ người có trách nhiệm cao nhất trong đảng, tổng bí thư của đảng. Cho

nên trong những tờ báo bỏ lại sau những phiên đọc bắt buộc, tôi kiểm đọc những đoạn trích các bài diễn văn hay phát biểu của Lê Duẩn, tổng bí thư của đảng sau khi Hồ Chí Minh qua đời. Tôi phải kiểm thật lâu trong vòng mấy tháng và một ngày nọ tôi kiểm ra câu trả lời của ông ta, tôi không nhớ là vào dịp nào. Tổng bí thư đặt câu hỏi và trả lời rõ ràng:

“Trong trường hợp có sự đối đầu giữa các cường quốc, nước Việt Nam có nhập cuộc ngay từ đầu bên cạnh Liên Xô hay không ?”

Câu trả lời là khẳng định không ngần ngại :

“Dĩ nhiên, Việt Nam sẽ chịu đựng những tàn phá lớn lao, mất mát nhiều về người và có thể bị tạm chiếm đóng ở một vài vùng, nhưng những điều đó không ngăn cản được Việt Nam chiến đấu bên cạnh Liên Xô vì Liên Xô sẽ là kẻ chiến thắng và Việt Nam xã hội chủ nghĩa sẽ được xây dựng lại hàng trăm lần đẹp hơn và hùng cường hơn với sự giúp đỡ đầy tình anh em của Liên Xô”.

Đó là nội dung câu trả lời của tổng bí thư đảng Cộng Sản cho câu hỏi mà tôi đã tự đặt ra từ nhiều tháng qua. Vậy thì nó đã rõ ràng và rành mạch dù có vài nét điểm tô không thể tránh được.

“Nếu có sự khác biệt quyền lợi giữa đảng và nhà nước, thì quyền lợi của đảng phải thắng thế “

Ngoài những phiên “đọc báo – học tập cải tạo” này, chúng tôi đã có hai bài thuyết-giảng cải tạo được tổ chức đảng hoàng. Một cán bộ chính trị “thành viên của viện nghiên cứu lịch sử” đặc biệt từ Hà Nội vào thuyết trình về Học tập Chính Trị cho công chức Saigon, đã đặc ân cho chúng tôi, theo lời của viên giám đốc trung tâm cải tạo, đến lập lại những bài thuyết giảng của ông ta cho chúng tôi. Bài thứ nhất nói về thời kỳ đi từ nguồn gốc dân Việt cho đến cuối thời đại ít nhiều huyền thoại của Hùng Vương (thế kỷ thứ ba trước Công nguyên), bài thứ nhì đi từ lần đầu nước Tàu đô hộ Việt Nam cho đến ngày nay.

Bài thứ nhất khá lý thú, giảng viên nói thật lâu về những khai quật khảo cổ mới đây ở Bắc Việt Nam đã khám phá ra những nơi mà tổ tiên đầu tiên (?) của chúng ta đã sống ở thời đại đồ đá, thời đá mài và thời đồ đồng; những dấu tích thời điểm bằng carbon 14 cho thấy những vị trí của thời kỳ cuối cùng là vào thế kỷ thứ 13 trước công nguyên. Giảng viên nhấn mạnh đến sự giống nhau của vị trí địa hình này với những vị trí khác tìm thấy ở Nam Việt Nam và ở Đông Nam Á. Anh ta cũng đưa ra những “giải thích khoa học” về một vài huyền thoại trong những trang đầu của lịch sử Việt Nam. Anh ta tỏ ra khách quan, chỉ ve vuốt niềm tự hào của chúng ta là có một lịch sử khá cổ xưa !

Giảng viên thứ hai ít hấp dẫn hơn nhiều; theo anh ta lịch sử Việt Nam chỉ là hậu quả hữu lý của thực tại lịch sử, giải thích những sự kiện, chiến thắng hay chiến bại, thành công hay thất bại, là do những nhân vật trong các biến cố (vua, tướng, anh hùng, kẻ nổi loạn, những cuộc nổi dậy cũng như những cuộc chinh phục) có là đại diện hay không của nguyện vọng đất nước, nghĩa là

của giới lao động. Lịch sử Việt Nam cũng như của những nước khác chỉ là đồ hình minh họa từ lâu, trước khi có chữ nghĩa, quan niệm Mát-xít Lê-nin-Nít, về sự phát triển xã hội con người.

Chính trong những ngày “thuyết trình học tập” này mà một trực trặc nhỏ cho biết Việt Cộng đã tôn trọng sự thật lịch sử như thế nào! Vào thời kỳ ấy, nước Ê-ti-ô-pi có cuộc đảo chính lật đổ hoàng đế Hailé Sélassié và thiết lập chính thể cộng sản của Mengistu Hailé Mriam. Để chào mừng sự thành công của chính thể cộng sản này người phụ trách học tập cải tạo trung tâm của chúng tôi đã chép lại trên tám bảng đen đặt trước phòng thuyết trình một tóm lược về lịch sử Ê-ti-ô-pi, hẳn là chép lại từ nhật báo của đảng, tờ Nhân Dân của Hà Nội hay tờ Saigon Giải Phóng của Saigon. Bài tóm lược đó đã không nói đến thời kỳ Ý Đại Lợi chiếm đóng trước đệ nhị thế chiến và một phần trong đệ nhị thế chiến. Sau khi đọc và ghi nhận sự thiếu sót này, tôi nói cho người phụ trách cải tạo biết. Lúc đầu anh ta tỏ ra rất ngạc nhiên là đã có một sự nhầm lẫn trong một tờ báo của đảng (vì đó là kinh thánh của cán bộ chính trị), nhưng trước sự xác định trang trọng của tôi một lần nữa, anh ta nói với tôi:

“Đó không phải là một điều quan trọng, điều quan trọng là nước Ê-ti-ô-pi bây giờ là một nước cộng sản anh em của chúng ta!”

Tôi không còn gì để nói nữa, nhưng tôi đã hiểu cái gì là tượng trưng cho sự thật lịch sử của những nước cộng sản. Tám bảng còn ở đó vài ngày nữa, với bài tóm lược như lúc trước, cho đến khi bị tháo gỡ đi vào ngày hôm sau của bài “thuyết trình học tập” thứ hai.

Sau những ngày sinh hoạt với các bài ‘thuyết trình học tập’, cuộc sống tù nhân của chúng tôi lại trở về nhịp nhàm chán của những ngày trước đó. Chúng tôi trải qua những ngày hầu như không làm gì cả, những buổi đọc báo chọn lọc được nghe một cách thụ động, trí mơ nghĩ về những chuyện khác! Sự mất tinh thần lan dần đến mọi người, càng dễ dàng hơn nữa khi mà cơm nước lại giảm dần về lượng cũng như về phẩm: Mỗi người chỉ được một phần tư đấu (khoảng 400 gram) cơm chín mỗi bữa, lượng chỉ gọi là đủ cho một người ăn ít, và cơm này thuộc loại thật dở, không còn gì tệ hơn. Các bạn đầu bếp của chúng tôi nói rằng gạo này lấy từ kho dự trữ mà Việt Cộng giấu nơi đầm lầy, vùng Đồng Tháp Mười (đầm lầy miền Tây) để cung cấp cho du kích thuở ấy; những bao gạo rở xuống từ xe cam-nhông tiếp tế lương thực thường ẩm ướt, đầy mốc phủ và hạt gạo mốc xanh hay nâu thẫm, nát như và dính thành từng cục.

Một ngày kia có một cuộc tranh luận hài hước giữa chúng tôi trên vấn đề làm thế nào để phân biệt những “sinh viên bị giam để theo lớp học tập cải tạo” hay những tù nhân chính cống. Đối với một số người, chúng tôi là “những sinh viên” vì chúng tôi nghe những bài giảng chứ không làm lao động cưỡng bách, đối với những người khác thì chúng tôi là những tù nhân vì chúng tôi bị tước quyền tự do và không được tiếp thân nhân đến thăm... Viên cán bộ hay được tin về cuộc bàn cãi này đã giải quyết vấn đề bằng cách tuyên bố rõ ràng:

*“Các anh không phải là tù nhân, bằng chứng là căn nhà các anh ngủ không có khóa buổi tối”.*

*Không khí chán nản và buồn bã này dịu bớt đi khi Noel gần tới và năm sắp tàn: chúng tôi được phép viết thư cho gia đình và nhận một kiện quà tiếp tế năm kíp lô.*

*Riêng phần tôi, tôi có nhiều may mắn hơn những người khác, từ đầu tháng 11 tôi đã được chọn, vì tôi là bác sĩ chuyên ngành, để lo cho phòng khám y khoa của nhóm chúng tôi, những người “học tập cải tạo chính trị”, trong khi ba người khác chỉ là bác sĩ khoa tổng quát.*

*Từ trước đến giờ một cán bộ y tế của lực lượng công an thỉnh thoảng đi qua các phòng và phát vài thứ thuốc cho những người than van về một vài chứng bệnh. Nhiệm vụ này cho phép tôi làm việc thực sự hai hay ba giờ mỗi ngày, vào buổi sáng và thoát khỏi vòng vây của ‘khu chính trị’.*

*Lúc bảy giờ tôi nhận ra rằng trại lớn hơn tôi đã tưởng tượng nhiều lắm. Trại gồm hai phần: một cho tù nhân thường sự, phần kia cho tù nhân chính trị. Phần này chia làm bốn khu vực: khu những cựu chính trị gia (khu của tôi), khu những cựu cảnh sát, khu cựu tình báo viên, và cựu hành chính viên. Cựu cảnh sát ở tầng trệt của căn nhà lầu, tiếp cận với khu chính trị và ở một căn khác không có lầu, thẳng góc với căn thứ nhất. Hai căn này cùng với căn dành cho những cựu tình báo viên và một căn có lầu dành cho ban hành chánh của trại, bọc quanh một cái sân trong lót gạch, nơi mà chúng tôi đã tụ tập đêm mới tới đây. Những cựu nhân viên hành chánh ở xa hơn một chút sau khu chính trị. Ở tầng trên của căn “cựu cảnh sát”, người ta nhốt khoảng năm mươi tù nhân “thật quan trọng” từ các khu khác đến. Một phần tầng dưới căn nhà của ban hành chánh dùng làm nơi qua lại giữa sân trong và sân ngoài. Bệnh xá ở tầng dưới của căn nhà này, giữa bệnh xá và căn nhà trệt của cựu cảnh sát, là một phòng nhỏ trong đó nữ tù nhân duy nhất, cựu đại úy Thúy của đội Thiên Nga thuộc nha Cảnh Sát, đội được thành lập để chống đoàn cộng sản nằm vùng, nhưng bị tổng thống Thiệu dùng để do thám những đảng quốc gia của phe đối lập!*

*Mỗi sáng tôi đến bệnh xá để khám độ trung bình bốn mươi bệnh nhân (trên một nhân số độ 600 người). Tủ thuốc của tôi thật đơn sơ: một lọ thuốc viên aspirine, một lọ chloroquine, một lọ thuốc viên khác mà cơ bản là ma túy (opium), một lọ thuốc sulfamides và thuốc bổ PP (?). Anh cán bộ y khoa tiếp tế tủ thuốc của tôi mỗi tuần một lần. Về phần dụng cụ, tôi chỉ có ống nghe mà tôi đã đem theo khi trình diện học tập. Thỉnh thoảng khi tôi hỏi, thì anh ta cho tôi mượn một máy đo huyết áp trong một buổi sáng. Gần một nửa số người đến khám đều than nhức đầu, hẳn là do thiếu máu và thiếu dinh dưỡng, nhưng tôi không thể cho họ gì khác hơn là những viên aspirine (luôn luôn là hai viên, do vậy tôi có biệt danh là bác sĩ aspirine-hai viên!). Có độ chục người bị áp huyết cao, mà đối với họ trong nhiều tháng, tôi chỉ có thể khuyên là ... nhịn ăn rồi sau đó ăn một ít và ăn lại! Sau nhiều tuần nản nỉ, tôi nhận được một ống 50 viên réserpine. “Tôi chỉ kiếm ra có bấy nhiêu thôi, anh cán bộ y tế nói với tôi, hãy dùng thật dè dặt, vì sẽ không còn nữa đâu”. Với kho dự trữ giới hạn này tôi không thể cho hơn hai ngày, mỗi ngày hai viên, cho người nào mà áp*

huyết lên quá 180 m/m thủy ngân. Điều này đã khiến cho tôi mất rất nhiều bạn! Một mĩa mai của định mệnh khiến cho một người, một dược sĩ vốn giàu có nhất Saigon, với tư cách cựu nghị sĩ cùng học tập cải tạo trong trại chúng tôi, đã bị xuất huyết dưới kết mạc. Ông ấy đến khám, tôi khám phá ra một áp huyết cao quan trọng mà ông ấy cũng chỉ phải bằng lòng với một trị liệu cốt yếu là chạy lạt!

Có hai lần tôi gặp những ca bệnh trầm trọng, một cơn loét dạ dày, và một bệnh lý cấp tính. Trong mỗi trường hợp, cán bộ y tế đã đem cho tôi thuốc ống và một ống chích đã khử trùng trong một xoong nước sôi. Tôi đã phải chích thuốc “trên giường người bệnh” trước mặt anh ta, rồi anh ta mang về ống chích và cái xoong. Nhưng bệnh lý không giảm và tôi phải đề nghị chuyển về một bệnh viện ở Saigon. Người cán bộ đồng ý nhưng sự chuyển bệnh trì trệ. Ngày hôm sau bệnh tình trầm trọng hơn, tôi đi kiểm người quản đốc của trại và cho biết là người bệnh có thể thiệt mạng trong ngày. Chỉ lúc ấy anh ta mới bỏ người bệnh nằm co trên ghế sau chiếc xe jeep của nhà giam để chuyển bệnh nhân về nhà thương Chợ Quán ở Saigon; người bệnh một cựu đại tá làm việc ở phủ Thủ Tướng, đã bỏ mình vài ngày sau đó! Trường hợp loét dạ dày, ông này là một tướng lãnh lực lượng Hòa Hảo, cũng được đưa xe về cùng bệnh viện ấy và người ta giữ ông trong mười ngày rồi trả ông về gia đình và ông đã qua đời ít lâu sau!

Những kiện quà Giáng Sinh đem lại vui tươi trong vài ngày. Rồi cuộc sống tẻ nhạt, cuộc sống tinh thần suy sút lại trở về trong trại. Chúng tôi trải qua những ngày chán nản và đợi chờ, nhưng đợi chờ gì? Không ai có thể tiên đoán được cái gì có thể sẽ đến ngày hôm sau! Một vài người được thả lẻ loi, một vài người khác bị chuyển đi nhà tù khác, trong khi một số người mới chuyển đến nhà tù chúng tôi. Trong số này, có một bạn đồng trại của chúng tôi được thả ở Long Thành trước đây, đó là người em của một chủ nhà băng giàu có đã rời khỏi nước trước ngày 30 tháng 04; vợ ông ấy là bà con một cán bộ ở cấp cao mới đến từ Hà Nội và nhờ anh ta, bà ấy đã xin cho chồng được thả ra. Nhưng ủy ban hành chánh quận lại muốn trục xuất ông ra khỏi nhà, lấy cớ là nhà của ông anh đã chạy trốn, ông ta đã phản đối và công an khu vực đã đến bắt ông và đem vào trại chúng tôi.

Trong những ngày tháng lo âu và đợi chờ này tôi thường đi nói chuyện với một người bạn đồng nghiệp, bác sĩ Quýnh mà người em là Trương Như T. đã từng là một trong những lãnh đạo của MTGPMNVN, lúc bấy giờ là bộ trưởng bộ Tư Pháp của miền Nam Việt Nam. Quýnh đã phải trình diện học tập với tư cách là thành viên của ủy ban trung ương Việt Nam Quốc Dân Đảng, chi phái Nam bộ. Anh nói với tôi rằng, anh ấy chỉ nhận tước vị này để làm vui lòng người lãnh đạo của phong trào này vì anh là bác sĩ của ông! Vài ngày sau Tết tây, trong một cuộc đi dạo, anh ấy đưa tôi xem một bức thư của người em viết trên giấy có in tựa đề của Bộ Tư Pháp, trong đó ông em nói đã tưởng là anh em sẽ sum họp vào Tết Tây này, nhưng có trục trặc “dù vậy chắc chắn đến Tết ta, vào khoảng cuối tháng giêng, toàn thể đại gia đình chúng ta sẽ sum họp”.

Quýnh tỏ ra thật lạc quan và tôi cũng vậy, vì tôi mong không phải chỉ mình anh được thả.

Tết gần kề, ngày 20 tháng chạp âm lịch không khí rõ ràng bớt căng thẳng, chúng tôi vừa mới lại được viết thư cho gia đình và những kiện quà gia đình phải đến ngày 28, đã có dự trữ sẽ giết sáu con heo cho những bữa ăn ngày Tết. Nhiều người đã xung phong từ ngày 26 để gói bánh chưng (bánh gạo nếp với nhân đậu xanh và thịt heo gói thật chặt trong lá chuối và nấu thật lâu trong nước sôi, đó là chiếc bánh truyền thống, không có nó thì không phải là Tết.) Theo chương trình, chúng tôi tổ chức ngày mùng một Tết một cuộc đấu bóng chuyền giữa đội của “khu cảnh sát” và đội của “khu tình báo”, và cũng có cuộc đấu cờ người (cũng như cờ tướng, nhưng thay vì chơi bằng quân cờ trên bàn cờ bằng gỗ, người ta vẽ thẳng xuống mặt sân một bàn cờ thật lớn, và để làm quân cờ, người ta dùng 32 người, mỗi người cầm một cờ hiệu, tượng trưng một quân cờ của một trong hai bên. Hai người đánh cờ sẽ trực tiếp nhìn những con cờ người này để chơi, làm những người này di động trên bàn cờ lớn, giống như họ chơi cờ trên bàn bằng gỗ và những người kiểm soát trong một phòng sát bên, theo dõi cuộc chơi trên một bàn cờ thật).

Tết đến, ngay từ hôm trước thức ăn đã ngon hơn, những cuộc đua để đấu bóng chuyền thu hút thật nhiều khán giả, không khí đã dễ chịu: panem et circenses! Ngày Tết chúng tôi dạo bước ở sân trong, chúc nhau mau được thả, chuyện trò, nhìn trận đấu bóng chuyền và cuộc đánh cờ người.

Ngày mùng hai ngay từ sớm, Quýnh được mời tới nhà giám đốc trại. Anh ấy đi với đầy hy vọng, va-li đã xếp lại đàng hoàng. Nửa giờ sau anh ấy trở lại, đầu cúi xuống, vắt bên cạnh va-li nhiều gói mứt, bánh, và nằm xuống nền đất, không nói gì với ai. Sau này, anh tâm sự với một vài người bạn, là vợ của Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp đợi anh ở phòng khách nhà giám đốc trại, đưa cho anh những gói đồ tiếp tế và nói với anh rằng người em rất tiếc đã không thành công trong việc vận động cho anh được thả vào dịp Tết, nhưng ông ta tiếp tục lo cho anh được thả... Vài tuần sau, trong một buổi chuyện gẫu, anh ấy nói với tôi, những kẻ phải than van không phải là chúng ta mà là họ, những kẻ trong mặt trận Giải Phóng Miền Nam.

Bác sĩ Quýnh ở lại trại cải tạo đến cuối năm 1987, dù anh ấy đã hầu như hoàn toàn đui mù vì bệnh đục nhãn kính; việc người em cựu bộ trưởng bộ Tư Pháp của chánh phủ (ngần ngủi) miền Nam Việt Nam, chạy trốn như một thuyền nhân, có thể cũng đã góp phần vào việc kéo dài giam cầm anh ấy.

Sự nhàn rỗi, cố ý hay không cố ý, mà người ta đã lờ bỏ cho chúng tôi trong hơn một năm, đã trở thành khó mà chịu đựng được về mặt tâm lý, cho nên có rất nhiều người tình nguyện khi người tổng giám thị muốn tổ chức một đội làm vườn. Nhưng anh ta chỉ lấy có hai mươi người trong đó chỉ có ba người của khu chính trị chúng tôi. Anh ta cũng tuyển năm người thợ mộc, thợ cắt nhà mà một ở khu chúng tôi, cũng như năm người thợ điện và thợ sắt, người duy nhất biết nghề này

là một người trong chúng tôi và anh ta chọn hai người để phụ giúp. Những người xung phong được chọn đã rất hài lòng về số phận của mình vì hoạt động chân tay này giải trí họ và làm dịu đi nỗi lo âu hay sự sút giảm tinh thần mà hết thảy chúng tôi đều vấp phải. Đó cũng là dịp cho họ ra khỏi vòng kiểm tỏa của khu vực mình ở, mà thời gian dài làm cho người ta ngộp thở. Những người thợ làm vườn mỗi ngày ra khỏi trại dưới sự hướng dẫn của một cảnh vệ để làm rẫy trên một mảnh đất khoảng nửa hecta, tiếp cận với trại và có một hàng giậu gai dày bao bọc. Người cảnh vệ để họ một mình và trở lại ít lâu sau đem họ trở về trại. Họ kể cho chúng tôi nghe rằng, thường thường những người đi trên đường mòn dọc theo bờ giậu gai làm dấu hiệu thân thiện bằng cách vẫy tay hay giơ nón lá lên thật cao; hai lần họ còn ném cho cả một bao thuốc lá nữa. Những người thợ điện và thợ mộc đi sửa mỗi nơi một ít, ở mọi khu trong trại, cả nơi tù thường sự. Họ đã thấy ở đây những cựu chính trị gia bị công an quận bắt và gởi vào đây vì tội không tự động trình diện đi cải tạo, dù theo nguyên tắc ban hành, họ không bắt buộc phải đến. Một số người khác bị bắt trong lúc đang tìm cách chạy trốn khỏi nước; những người tù nhân mới đến đã kể cho họ nghe là Saigon bây giờ rất buồn, hầu như vắng vẻ ngay khi đêm xuống và rằng nhiều người đã bị gởi đi về những vùng gọi là 'kinh tế mới' để vỡ đất.

Một ngày tháng năm, tổng giám thị đến khu vực của chúng tôi giữa buổi đọc báo. Anh ta cho ngưng phiên đọc và bảo rằng theo một quyết định mới của Đảng và Nhà Nước, "ngay hôm nay chúng tôi bị coi là tù nhân do vậy mỗi buổi chiều khoảng 18 giờ, sẽ có điểm danh và ngay sau đó cửa trại sẽ bị khóa lại cho tới sáu giờ sáng". Bù lại ngoài lương thực chúng tôi sẽ có một năm hai bộ đồ và ba đồng một tháng để tiêu về thuốc lá và xà phòng.

Không còn ảo tưởng nữa! Gọng kìm đã siết lại. Sau này chúng tôi biết được rằng là chính vào thời kỳ đó mà Cộng Sản Bắc Việt, cố ý dối trá, nuốt lời hứa là chỉ thống nhất miền Nam Việt Nam trong vòng ba hay bốn năm, vào lúc ấy đã bắt đầu khai tử nước Cộng Hoà Nam Việt Nam ngắn số, do những thành viên của cựu Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thành lập.

Cả ba đồng hàng tháng, lương "ảo tưởng tù nhân – học viên" cũng không bao giờ được trả; hai hay ba lần chúng tôi nhận được những miếng xà phòng nhỏ để giặt đồ và số còn lại dùng mua máy truyền hình để chúng tôi có thể mỗi tuần một tối đến phòng họp của trại xem "phim truyền hình cải tạo chính trị". Tệ nữa.! Những người thợ mộc, thợ làm sườn nhà kể cho nghe là người ta đã mua không phải một máy truyền hình mà là ba máy, một để ở phòng họp, còn hai máy kia thì đưa về cho gia đình các cán bộ còn ở lại miền bắc! Chính những người thợ mộc đã đóng thùng để gởi những máy truyền hình này!

Vài phút sau khi tuyên bố biến đổi chúng tôi thành tù nhân, anh bạn Minh của tôi, cựu thượng nghị sĩ, người chỉ trình diện học tập do lời khuyến khích của một người anh họ (đại tá quân đội Cộng Sản đã đến vào đợt đầu đoàn quân xâm lăng) vì theo nguyên tắc ông ấy không phải đi học tập, nhiệm kỳ thượng nghị sĩ của ông đã kết thúc từ năm 1972 đã lo sợ hỏi tôi rằng:



*“Họ có xiềng chân mình vào ban đêm không ?*

*– Chưa đâu, hiện giờ họ chỉ xích cửa thôi!”*

*Than ôi, Minh đã nếm mùi xiềng xích ít lâu sau, không những xiềng cổ tay như mọi người chúng tôi, mà bị con đói hành hạ thúc đẩy, ông nuốt bất cứ loại lá quả, hay củ gì ông kiếm được, nhất là củ khoai mì mà ông ta lén lút đào lên và ăn sống; ông đã chết vì ngộ độc, chỉ một năm sau đó.*

*Tù nhân hay học viên cải tạo chỉ là một, khác chăng là có khoá cửa vào lúc ban đêm! Một vài người đã không còn giữ được phẩm cách của mình nữa vì hy vọng hảo huyền là phục vụ quá mức hay thái độ ngoại lệ của họ sẽ được trả tự do sớm. Là tù nhân chúng tôi đã không còn được phép giữ dao hay đồ vật gì nhọn nữa, chúng tôi phải đưa tất cả cho người quản tù của khu vực để anh ta đem cất ở kho tại ban giám đốc của trại. Sự thật chúng tôi không bao giờ thấy lại các thứ ấy! Nhưng trong khi mà ở ba khu vực kia, người ta chỉ thu dao, kéo và những vật nhọn khác, anh trưởng trại của chúng tôi lại thêm cái cắt móng tay vô tội!*

*Một câu chuyện khác làm cười ra nước mắt về những lời tỏ tình của một ông tướng nghị sĩ nào đó. Nữ tù nhân duy nhất của khu vực chúng tôi, đại úy Thúy, người ở một mình trong căn phòng nhỏ, thường đứng ở cửa phòng, nhìn những người bị giam khác chơi bóng chuyền hay đi dạo trong chiếc sân lớn bên trong. Ông tướng nghị sĩ, ở trên lầu cao, nơi những ông “lớn V.I.P” bị giam giữ, nhìn cô ấy có lẽ hơi quá nhiều và đem lòng yêu cô ấy. Ông viết cho cô một bức thư đầy thẩm thiết và một bữa xế trưa, đem nhét dưới cửa của cô nàng. Cô không thấy bức thư, thơ vẫn ở dưới cửa cả đêm và sáng hôm sau, tổng giám thị đi qua để mở khóa cửa, đã lượm được thư. Anh ta đem đọc thơ trong buổi “kiểm thảo và tự kiểm thảo” hàng tuần của cả khu vực ... Lòng kính trọng của tôi đối với những ông tướng lại hạ xuống một mức nữa!*

*Trong tháng 7 những anh bạn đầu bếp lại tung tin đồn là chúng tôi sắp bị chuyển đi một trại khác để “bổ túc học tập cải tạo bằng lao động tay chân”. Tin đó sau này được các bạn làm vườn xác nhận: người tổng giám thị hài lòng về công việc làm của họ, đã nói với họ: “Các anh làm ở đây thật tốt, vậy sao người ta còn muốn đưa các anh đến trại khác để cải tạo bằng lao động tay chân? Tôi sẽ cố gắng xin ít nhất là cho đội các anh ở lại đây!”. Chúng tôi đã bắt đầu bỏ thời giờ suốt ngày bàn cãi để đoán xem sẽ được chuyển về trại nào. Vài tháng trước đó chúng tôi được đọc trong báo là một nhóm người đã trốn thoát vào tháng 4/1975 và một khi đến đảo Guam, đã đòi hỏi phải được đưa trở về Việt Nam; người ta cấp cho họ một chiếc tàu, chiếc Việt Nam Thương Tín, nhưng ngay khi vào hải phận Việt Nam tàu này liền bị hải quân Việt Cộng bắt dẫn đến đảo Phú Quốc. “Đồ ngu dại! Chúng đang bị cải tạo chính trị ở đó! Phải chăng chúng tôi cũng có nhiều khả năng sẽ bị gửi đến đó?”*

*Một bài báo khác khen các cựu sĩ quan đang học tập cải tạo ở phía Tây Ninh, đã đốn cây, khai quang nhiều mẫu rừng và xây một trại khá tiện nghi cho họ trong vòng vài tuần. Họ cũng đang*

*khai quang một mảnh rừng khác để cất thêm những trại cho các tù nhân học tập cải tạo khác sắp đến trong vùng này. Đó phải chăng dành cho chúng tôi*

*Rồi một đêm lúc đã khuya buổi tối thứ ba đầu tiên của tháng 8 năm 1976, vào khoảng 23 giờ, khi mọi người đã ngủ, có tiếng náo động ồn ào xuất phát từ phòng cảnh sát bên cạnh làm chúng tôi thức giấc. Một người trong chúng tôi leo lên vai một người bạn nhìn sang phòng bên cạnh ngang phần có đóng lưới; anh thấy các cảnh sát đang náo nhiệt thu dọn để rời phòng, cửa phòng họ đã mở, một vài người đã bắt đầu ra đi... Chúng tôi chờ tổng giám thị tới đánh thức chúng tôi dậy để bảo ra đi và chúng tôi nhìn ra cửa từng lúc, từng lúc... Dần dần tiếng ồn ào giảm bớt và độ nửa giờ sau thì yên lặng trong khi cửa phòng của chúng tôi vẫn im lìm khoá kín. Chúng tôi lại nằm xuống, lo lắng, và hy vọng là việc di chuyển mà từ hơn một tuần nay chúng tôi cảm thấy sắp đến nơi, chỉ liên can đến các cựa cảnh sát. Nửa giờ sau đó chúng tôi nghe một giọng từ khá xa, gọi bằng ống loa tên những người bị giam của khu cảnh sát. Cuộc điểm danh này được thực hiện chậm chậm theo vần chữ. Rồi lại im lặng. Một ít lâu sau, có tiếng xe cam-nhông và sau cùng tiếng máy xe hơi nhỏ hơn, chắc chắn của những chiếc xe jeep hộ tống. Chúng tôi đếm được cả thấy bốn chiếc xe cam nhông, phù hợp với số tù nhân ở khu cảnh sát vào khoảng 150 người. Một lần nữa tất cả trở lại im lặng, một sự im lặng nặng nề..., ngộp thở.*

*“Họ đã ra đi rồi! bao giờ đến phiên chúng ta ?” một người cạnh chỗ tôi nằm hỏi. Sáng hôm sau khi tới làm việc ở bệnh xá, tôi nhận ra rằng những căn của cảnh sát hầu như hoàn toàn trống rỗng, chỉ còn lại một vài người. Một người đến hỏi tôi, vẻ rất lo lắng:*

*– Các bạn tôi đã đi rồi, chỉ còn mình tôi và hai người nữa. Vì sao, họ bỏ tôi lại đây ? Chắc hẳn là tôi bị “trù” rồi!*

*– Nhưng tại sao anh? – tôi trả lời, biết rằng anh ta không phải là một nhân vật tai to mặt lớn của sở cảnh sát Nam Việt Nam .*

*- Cách đây hai ngày, chúng nó vờ tôi lên bàn giấy và một điều tra viên từ Saigon đến, đã hỏi tôi về hai người thân cộng mà tôi đã bắt khi tôi làm việc ở Vũng Tàu. Tôi không còn nhớ người ấy là ai, nhưng tôi nói với anh ta – mà cái này là sự thật – là những cuộc bắt bớ đều được thực hành theo lệnh của tỉnh trưởng hay của chính sở Cảnh Sát Saigon. Và lại sau những cuộc bắt bớ này mà anh ta nhắc lại ngày tháng cho tôi, tôi đã bị đổi đi một tỉnh khác. Anh ta có vẻ tin tôi và cho tôi đi về Nhưng bây giờ họ lại không để cho tôi đi với mọi người thì chắc chắn là tôi đã bị “trù” rồi!”*

*– Ôi chúng ta không bao giờ hiểu được mấy cán bộ này toan tính gì! Có thể là anh và hai người kia sắp được thả ra. Biết đâu được!*

*Những điều anh ta kể với tôi phù hợp với những gì chúng tôi đã đoán: họ đã bị đánh thức vào khoảng 23 giờ lúc đang ngủ yên giấc, tổng giám thị đã cho họ nửa giờ để thu dọn rồi sau đó cùng*

với hành lý đến sân trong. Họ phải chờ khá lâu, ngồi bẹp xuống đất. Rồi giám đốc trại đến đọc một nghị quyết mà anh không còn nhớ rõ đúng bản văn, nhưng trong đó nói rằng “tất cả bị kết án ba năm học tập lại bằng lao động trong một trại tập trung”. Rồi tổng giám thị đọc một bản danh sách gồm những người tù nhân của khu cảnh sát, trừ anh ấy và hai người kia. Những người được gọi tên đứng dậy và sắp hàng hai mươi người sau lưng một công an, người này dẫn họ ra một hành lang đưa vào sân của khuôn viên bên ngoài. Ở sân trong cũng có những tù nhân của khu tình báo, nhưng người ta chỉ gọi độ ba mươi người lên đường. Sau đó cán bộ ra lệnh cho tất cả mọi người còn lại trong sân trở về phòng.

Cuộc ra đi của khu “cảnh sát” và một số tù nhân khu “tình báo” là đề tài của mọi câu chuyện trong suốt cả ngày. Về vấn đề này, những tù nhân làm vườn kể lại là hôm trước, lúc trở về sau khi làm việc, họ đã thấy hai chiếc xe jeep chất đầy bánh mì như thế có nghĩa là thời gian di chuyển sẽ dài và có thể kéo dài ra cả ngày, nếu không là lâu hơn nữa! Việc tù nhân của khu “tình báo”, được lấy theo thứ tự vần chữ cái, đã đi một phần rồi, có nghĩa là bắt buộc còn ít nhất một chuyến đi nữa, chắc chắn là vào đêm sắp tới! Hy vọng của chúng tôi là chỉ có các “cảnh sát” mới phải đi, đã tiêu tan một cách nhanh chóng!

Buổi chiều, khi đã điểm danh xong, sau khi tổng giám thị đã khoá cửa, chúng tôi mỗi người vội vàng sắp dọn túi, xách và ba-lô, chỉ giữ lại cái mũ và chiếc chiếu, rồi nằm xuống liền để ráng nghỉ ngơi một chút. “Các anh được yêu cầu ngủ tức khắc để thức dậy vào nửa đêm!”, một người đã nói đồn như vậy, nhưng không ai còn lòng dạ để trả lời anh ấy nữa! Giấc ngủ chập chờn, không yên, tôi chợt tỉnh nhiều lần, nhưng cũng ngủ được đến sáng hôm sau.

Sau khi cửa phòng mở, chúng tôi gặp lại nhau tất cả ngạc nhiên, nhưng thích thú vì còn ở lại trong ngục Thủ Đức. Đó là tạm thời hay là vì trại mới chỉ có thể tiếp đón được khoảng 200 người thôi. Không làm sao biết được. Người ta cũng có thể gởi chúng tôi đến đó để chúng tôi tự dựng nên trại, như những người bị giam ở Tây Ninh mà báo của đảng đã nói tới ở Côn Đảo hay ở Phú Quốc?

Lại thêm một ngày bồn chồn, lo lắng, rồi lại một đêm như hôm trước chúng tôi ngủ sớm để sửa soạn di chuyển vào nửa đêm ... nhưng chúng tôi ngủ đến sáng. Hy vọng lại tái sinh, và có thể biết đâu chúng tôi sẽ không ra đi!

Nhưng xế trưa đem lại một tin xấu: các bạn làm vườn đi làm về, đã nhìn thấy trong sân của khuôn viên ngoài, hai chiếc xe jeep chất đầy bánh mì! Vậy thì chắc chắn đến phiên chúng tôi tới nay!

Trở về phòng sau bữa cơm chiều, ngay sau khi cánh cửa được tổng giám thị khoá chặt hơn bao giờ cả, chúng tôi lại sắp dọn túi xách và va-li, rồi nằm xuống chiếu, mỗi người hy vọng có thể chợp mắt vài chốc. Riêng tôi, tôi không sao ngủ được, tâm tư tôi phập phồng từ tiếng động nhỏ bên ngoài, tiếng cành cây mục gãy rắc rơi xuống tiếng bước chân đến gần, phải chăng là của

lính gác đi tuần hay là của tổng giám thị có công an đi cùng? Nhưng những bước chân xa \_dần, không, không phải bước chân của tổng giám thị, và cứ thế rờn rã hàng giờ qua đi. Cuối cùng mệt mỏi, tôi thiếp đi để rồi gian như liền sau đó bị đánh thức bởi một giọng nói như sấm vọng của tổng giám thị, trước khi anh ta mở khoá cửa:

“Thức dậy, hãy thức dậy, các anh có nửa giờ để chuẩn bị và ra sân để lên đường, thức dậy!”

Vậy là náo động cùng khắp: việc chắc chắn ra đi đã xoá mất nỗi lo âu của đợi chờ; mọi người hối hả thu dọn thật mau hành trang của mình, rời khỏi phòng và ra khu sân trong. Khi chúng tôi đến nơi thì các bạn đồng hành ở khu “tình báo”, và khu “ông lớn V.I.P.” đã ở đó rồi. Mỗi người kiểm một chỗ để đặt xách túi và ngồi bệt xuống đất bên cạnh. Lúc bảy giờ qua ống loa, tổng giám thị bảo rằng: cấm ngặt mang theo mình hay để trong hành lý những đồ bằng thủy tinh: chai, lọ gương, hay ly cốc và sẽ khám kỹ trước khi lên đường. Vậy là mọi người phải mở túi xách và va-li ra để vớt tất cả những đồ cấm, còn những thứ đựng trong chai lọ, chúng tôi ráng giữ lại được chừng nào hay chừng ấy trong túi ny lông hay gói trong một tờ giấy nào đó.

Rồi viên giám đốc trại đến, đứng ở hành lang dãy nhà hành chánh, đọc trước máy vi âm, một nghị định do Huỳnh Tấn Phát, đại diện của chánh phủ Trung ương ở Nam Việt Nam ký :

“Chiếu theo pháp lệnh của Chủ tịch Nhà Nước,

– Chiếu theo ....

– Chiếu theo ....

Bị kết án tù trong trại tập trung cải tạo bằng lao động cưỡng bách trong ba năm, những tội phạm có tên trong danh sách đính kèm với nghị định này ...”

Kế tiếp tổng giám thị đến máy vi âm và đọc danh sách những người bị kết án theo thứ tự vần chữ cái. Trước hết anh ta kết thúc danh sách những người “cựu tình báo” mà một phần đã ra đi hôm thứ ba, rồi đến phiên chúng tôi, rồi những tù nhân “ông lớn” có tên theo thứ tự ở trong danh sách. Mỗi một tù nhân được gọi tên phải rời chỗ với hành lý và ra sắp hàng sau lưng một người công an đứng tách rời ra một chỗ; anh này dẫn chúng tôi từng nhóm hai mươi người ra sân khu sân ngoài. Việc đọc danh sách của khu chúng tôi dừng lại ở chữ S. Những người chưa được gọi tên nhận lệnh trở về phòng, có hai tù nhân “quan trọng VIP” đi theo chúng tôi vì khu của họ đã giải tán. Lúc đó khoảng hai giờ sáng. Chúng tôi về phòng và ngủ tới tám giờ hay chín giờ sáng, không có ai đến khoá cửa, cũng không ai đến mở cửa.

Những ngày sau đó, người ta bỏ chúng tôi hoàn toàn một mình, cán bộ cũng không thấy đến, cánh cửa nối liền khu chúng tôi với phần còn lại của trại để mở suốt ngày, những người làm vườn cũng không ra vườn nữa, và chỉ một mình tôi tiếp tục đến bệnh xá. Nhưng có rất ít bệnh nhân

đến xin thuốc và tôi dùng phần lớn thời giờ để chuyện gẫu, nhất là với các “cựu cảnh sát” và “tình báo viên” còn ở lại trại sau khi các bạn đồng cảnh đã ra đi. Tuy nhiên họ không phải là những người liên lụy nhiều nhất vào cuộc chống cộng sản trước năm 1975, tôi có cảm tưởng là một số người trong bọn họ được che chở bởi bà con tai to mặt lớn trong cấp chỉ đạo của cơ quan an ninh cộng sản. Một vài người khác còn liên lụy với cuộc điều tra đang tiếp diễn ở Sài Gòn và bởi vậy sự có mặt của họ ở Thủ Đức là cần thiết.

Sau này, chúng tôi đã kiểm chứng được là hai dự đoán của tôi là đúng: một vài người được thả ra hai hay ba tháng sau đó, một vài người khác đến nhập bọn với chúng tôi trong những điều kiện di chuyển khó nhọc hơn là của chúng tôi.

Việc chắc chắn được chuyển qua một trại khác bây giờ đã làm nhẹ một phần lớn nỗi lo âu những ngày qua. Câu hỏi quan trọng nhất còn làm bận lòng chúng tôi là đoán cho ra nơi sẽ di chuyển tới. Thời gian dài giữa hai chuyến di chuyển, theo chúng tôi, có nghĩa là sẽ bị đầy đến một trại tập trung nằm xa Saigon, rất có thể là Côn Đảo, ở đó có một nhà giam cải tạo đáng sợ với “chuồng cọp” lập ra từ thời thuộc địa, hay Phú Quốc nhà tù cải tạo mới hơn, mà ở đó những kẻ “ngu dại” của chiếc tàu Việt Nam Thương Tín đang chờ đợi chúng tôi.

Chúng tôi dự đoán sẽ lên đường vào đêm thứ hai rạng sáng thứ ba, cho nên sau bữa cơm chiều thứ hai, trở về phòng, chúng tôi nằm xuống liền để ráng có vài giờ nghỉ ngơi trước khi lên đường. Đã quen với những đợt chờ này, nỗi lo âu đã bớt đi, tôi cũng ngủ chập chùng, lắng tai nghe những tiếng động lạ thường. Cứ như thế cho đến lúc tôi nhận ra có tiếng ồn ào từ căn nhà lầu có vách kẻ với vách chúng tôi; lúc đó khoảng bốn giờ sáng. Những người cùng bị giam với tôi đã thức dậy chạy ra khỏi phòng và đến sát cửa sắt phân cách khu của chúng tôi với phần còn lại của trại, để quan sát. Liền sau đó họ trở lại và kể cho chúng tôi nghe là họ đã nhìn thấy nhiều toán người, độ chục người một nhóm, leo thang để lên lầu trước đây dành cho tù “quan trọng” ở. Những người này đều mang bị trên lưng hay cầm nơi tay, nhưng một chi tiết khác thường: họ đội trên đầu chiếc nón lá. Có phải là những người dân quê không? Hay là những tù nhân đã được gởi ra làm việc đồng áng?

Vào khoảng mười một giờ sáng, khi những người bạn đi lấy cơm trưa trở về nói với chúng tôi rằng đó là những tù nhân đến từ trại Long Thành, nơi chúng tôi đã ở khi trước. Vậy đó là đoàn tù nhân đầu tiên đến để thay vào chỗ trống để lại. Họ là ai ? Tại sao tất cả đều có nón lá ?

Vài người trong số chúng tôi, vì tò mò, đã ra sân trong, đi qua đi lại trước căn nhà những tù nhân mới tới ở nhưng cánh cửa vẫn đóng, họ bị nhốt trong phòng suốt cả ngày. Vào buổi xế trưa, người cán bộ y tế đến kiểm tôi và lấy lại các chìa khoá bệnh xá mà anh ta đã giao cho tôi giữ từ lâu. Khi giao lại chìa khoá cho anh ta, tôi hỏi:

“Chúng tôi sẽ đi đêm nay à?”

– Tôi không biết. Mai tôi sẽ mở cửa của bệnh xá cho ông nếu cần.”

Sau khi anh ta đi, những người đã nghe câu trả lời này, nói với tôi rằng :

“Chúng ta sẽ đi đêm nay, bây giờ chuyện đã chắc một trăm phần trăm rồi.”

Quả thật, đêm ấy chúng tôi đi. Trước nửa đêm một chút, cũng giọng nói như sấm vang, nhưng có phần thân thiện, của quản giáo đánh thức chúng tôi:

“Bây giờ đến phiên các anh đi! Thức dậy nhanh lên và trong nửa giờ phải ra sân trong. Đừng quên một món đồ nào của các anh cả”.

Đã sẵn sàng từ nhiều ngày rồi chúng tôi nhanh chóng cuộn chiếu, xếp mùng, đóng bao bị lại; sau khi rửa ráy sơ sài, chúng tôi không tiếc nuối rời căn phòng đã ở trong hơn mười tháng như tù nhân, một cuộc sống chán nản và sa sút tinh thần, nhưng không khó nhọc về vật chất.

Rồi trong sân trong rộng lớn, cùng đến với chúng tôi có những người tù thuộc “khu hành chánh” cũng như những người mới đến hôm qua. Tôi gặp tại đây vài người quen, trong đó có bác sĩ Nguyễn Văn Ái, cựu giám đốc viện Pasteur của Việt Nam và cũng là một người bạn thời trung học. Tôi hỏi anh về cái nón lá ‘tuyệt đẹp, vì nó đã kích thích sự tò mò của chúng tôi. Anh cho biết là người ta trao cho các nón ấy trước khi rời Long Thành và nói rằng thời kỳ cải tạo bằng lý thuyết đã chấm dứt, bây giờ phải tự cải tạo bằng lao động chân tay. Những chiếc nón mà người ta đưa cho là để dùng trong những ngày làm việc dưới nắng mặt trời trên đồng ruộng!

Chúng tôi ngồi chờ dưới đất, giữa những túi xách và bao bị trong gần một giờ rồi giám đốc trại đến và thủ tục lần trước lại tái diễn! Ông giám đốc đọc nghị định kết án mỗi người chúng tôi ba năm tù ở trại tập trung để cải tạo bằng lao động chân tay; tổng giám thị tiếp theo ông ta ở máy vi âm, gọi đích danh mỗi người chúng tôi. Người được gọi tên đứng dậy, đến tụ họp sau lưng một công an, anh này dẫn mỗi nhóm hai mươi người về phía sân bên ngoài. Chừng bốn mươi người thuộc khu “chính trị” còn ở lại sau chuyến đi hôm thứ sáu, trong đó có tôi, là những người đến trước trong sân này. Chúng tôi ngồi xuống đất đợi những người đến sau. Trong bóng tối, tôi thấy mờ mờ bốn chiếc xe cam nhông có bạt che, loại cam nhông chở hàng hoá và ba chiếc xe jeep đậu một bên sân. Những tù nhân khác từ sân của khu nội viên tiếp tục đến, cứ năm hay mười phút từng nhóm hai mươi người. Thủ tục này kéo dài hơn một giờ. Lúc bảy giờ chúng tôi ngồi lẫn lộn không kể ai thuộc khu nào. Rồi người ta ra lệnh cho chúng tôi đứng lên và sắp thành hai hàng kèm theo hành lý. Một công an điểm danh một lần nữa và mỗi người phải lớn tiếng trả lời để chứng minh sự có mặt, trong lúc đó một công an khác phát cho mỗi người một ổ bánh mì . Rồi giám thị tuyên bố rằng chúng tôi sắp bắt đầu một cuộc hành trình về một trại khác hội đủ những điều kiện tốt đẹp hơn cho việc cải tạo bằng lao động. Để ngăn chặn chúng tôi trước mọi mưu toan, ông ta thêm rằng chúng tôi sẽ bị xích cườm tay từng hai người một, rằng ngay sau đó công an đi

kèm với lính gác vũ trang sẽ tới xích chúng tôi, rằng mọi sự chống đối hay khước từ không chấp nhận biện pháp an ninh này sẽ bị trừng trị nghiêm khắc và cuối cùng bất cứ ai toan trốn chạy trong cuộc hành trình này sẽ bị bắn chết tại chỗ.

Biết làm gì trong hoàn cảnh của chúng tôi bây giờ? Nếu không là, một lần nữa, chịu đựng sự nhục nhã này. Tất cả chúng tôi tái mặt khi nghe những lời này, chắc chắn nhiều người đã rơi lụy; may thay đêm tối đã giúp chúng tôi giấu đi nỗi lo xấu hổ và nỗi đau khổ của mình.

Rồi công an có lính gác vũ trang đi kèm đến gần chúng tôi. Để xiềng từng hai người một, họ dùng một dây xiềng hơi ngắn mà một đầu dây có một vòng to hơn các vòng khác; họ thắt một loại nút quanh cổ tay của người tù thứ nhất, rồi họ cuốn sợi xiềng còn lại quanh cổ tay của người tù thứ hai và khoá đầu này lại với vòng lớn bằng một ổ khoá. Khi tất cả chúng tôi bị xiềng từng hai người một, công an chia chúng tôi thành bốn nhóm, giải tới bốn xe cam nhông có che bạt, và ra lệnh cho chúng tôi lên phía sau những cam nhông này. Chúng tôi gặp nhiều khó khăn để leo lên xe, vì sàn xe cam nhông khá cao, khoảng một thước cách mặt đất, bóng đêm khá sâu và cổ tay bị xiềng cản cản vô cùng. Nhiều người tù nhỏ con không lên xe cam nhông được và lính gác phải kéo họ lên. Có tới 40i hay 50 người trên một chiếc xe cam nhông, một số lớn phải đứng, chen chúc người này sát vào người kia, giữa những túi xách và va-li vắt ngổn ngang trên sàn xe. Một khi tất cả chúng tôi đã lên xe, và khi người lính gác đã đập bạt lại rồi, chúng tôi càng lúc càng ngột thở, xin họ đừng đóng bạt phía sau xe, nhưng bị từ chối. Đến lượt lính gác, hai người lên một xe, họ lên phía sau xe, nhưng ngồi bên ngoài bạt. Chúng tôi càng lúc càng thêm ngột thở, may thay xe cam nhông nổ máy chạy và một chút khí mát len vào khe hở giữa những tấm bạt đã cứu chúng tôi. Bóng tối dày đặc, chúng tôi chỉ nhìn thấy bóng người bên cạnh ép vào mình chúng tôi, một vài người ở trong góc, có thể nhìn ra ngoài qua khe hở giữa những tấm bạt và nhận ra ít nhiều cảnh vật quen thuộc của vùng phụ cận Saigon. Nhờ họ, chúng tôi theo dõi bằng tưởng tượng đoạn đường xe đi. Đoàn gồm bốn chiếc xe cam nhông chuyên chở hàng hoá, có xe jeep vũ trang dẫn đầu và theo sau hộ tống. Đoàn xe chậm chậm rời khỏi nhà ngục, từ từ chạy trên đường của vùng Thủ Đức. Rồi đi vào xa lộ Biên Hòa, và tăng nhanh tốc độ...

“Chúng ta. đến gần cầu sông Saigon, chúng ta vừa vào dốc cầu, chúng ta bắt đầu xuống dốc. Ô, họ chạy chậm. Họ chạy chậm lại nữa. Họ sẽ quẹo trái về Tân Cảng chăng ? Vậy thôi chắc chắn sẽ là Côn Đảo hay Phú Quốc. Họ chạy chậm lại nữa. Họ dừng lại. Họ chạy lại. Đã quá cửa vào Tân Cảng rồi. Họ tăng tốc độ. Chúng ta đang vào Saigon”

Trong Saigon, trời tối hơn ngoài đồng trống và các bạn chúng tôi, những người nhìn qua khe hở giữa các tấm bạt, không thể nhận ra đường đi của xe. Tuy nhiên căn cứ vào những cảm giác ghi nhận được mỗi khi xe chuyển hướng, chúng tôi có cảm tưởng là xe đi về phía Tây Ninh, nơi mà những trại cải tạo đã có sẵn để “cải tạo chúng tôi bằng lao động cưỡng bách”. Quả nhiên, vài phút sau, xe cam nhông quẹo mặt và tăng tốc độ. Nhưng sau độ mười lăm phút, đoàn xe chạy



chậm lại, quẹo tay mặt nhiều lần, rồi tay trái, trước khi dừng lại. Người ta ra lệnh cho chúng tôi chuẩn bị xuống xe, vậy là chúng tôi đã tới nơi rồi và không phải là Tây Ninh như đã tưởng vài phút trước đây. Bước xuống đất, chúng tôi thấy mình ở trên một mảnh đất trống trải, lát đá giảm nện, bên cạnh một bức tường cao. Những người lính gác cùng đi bảo chúng tôi ngồi xuống đất trong khi chờ lệnh của các cán bộ công an. Họ còn ngồi trên những chiếc xe jeep đi hộ tống, đậu khá xa nhóm tù nhân. Tôi nhìn bốn phía nhưng không sao nhận ra chúng tôi đang ở nơi nào. Cuối cùng một người bạn chúng tôi, cựu sĩ quan, nói với tôi là chúng ta đang ở bãi đậu của phi cơ quân sự tại phi trường Tân Sơn Nhứt; vậy thì họ sắp chở chúng tôi bằng máy bay tới nhà tù sắp tới: Côn Đảo hay Phú Quốc! Chúng tôi đợi thật lâu, lúc ngồi lúc đi vài bước giữa những người gác vũ trang, lúc nào cũng cặp đôi, vì bị xiềng ở cổ tay!

Bình minh trắng dần, và tôi đã có thể nhìn khá xa chung quanh, tuy vẫn chưa phân biệt được những căn nhà của phi trường dân sự, có lẽ vì quá xa ? Tôi chỉ thấy nhiều căn nhà lớn sau bức tường nhà kho ở gần ngay chúng tôi, nhiều người đồng cảnh với chúng tôi dựa vào chân tường đã ngủ gục. Đường bay vắng hoe, không có tiếng máy nổ nào quấy rầy sự yên lặng của ban mai. Tôi nghĩ đến gia đình, chỉ cách đây vài cây số thôi, mà tôi không thể gặp được! Có thể đây là lần cuối cùng chúng tôi ở gần nhau như vậy chăng? Ngày mai, thậm chí trong vài giờ nữa thôi, hàng trăm cây số đường bộ hay đường biển sẽ ngăn cách chúng tôi trong thời gian dài và có thể là mãi mãi! Và tôi bắt đầu cầu nguyện, hoàn toàn giao phó mình cho Chúa, cho ý muốn của Người và cho ý muốn của Con Người đã trở lại trong Vinh Quang, và tôi nói với họ trong thâm tâm :

“Hỡi người Cộng Sản vô thần. Những xiềng xích mà các anh khoá vào cổ tay chúng tôi chỉ là những lưới nhện bao lâu mà ý chí của chúng tôi vẫn còn, bao nhiêu lâu mà chúng tôi không thất vọng, mà nào chúng tôi có thể thất vọng được khi chúng tôi còn tin Chúa? Đúng như vậy.. chúng tôi sẽ trở lại trong vinh quang...”

Mặt trời đã lên cao nơi chân trời khi tôi thấy ở đằng xa ba chiếc máy bay nhô ra trên phi đạo và chạy về phía chúng tôi và dừng lại độ năm mươi thước cách chúng tôi, tôi nhận ra là những chiếc máy bay không vận. Từ mỗi chiếc, bốn hay năm người bước xuống, bận đồng phục kaki. Họ họp nhau lại và đi về phía những cán bộ công an cũng vừa bước xuống xe và đi về phía họ. Họ chào nhau kiểu nhà binh và nói với nhau trong vòng mười lăm phút. Sau đó bọn họ đi về phía chúng tôi và giám đốc trung tâm cải tạo Thủ Đức quay sang chúng tôi, giới thiệu những người mới đến. Những người này là công an của bộ Nội Vụ. Họ đến đây để hộ tống chúng tôi đến “trại tập trung mới để cải tạo bằng lao động”.

“Trong trại tập trung các anh sẽ đến, mọi điều kiện đều hội đủ để giúp các anh học tập cải tạo nhanh chóng để được thả và trở về với gia đình các anh và trở thành những công dân tốt; các anh sẽ lao động chăm chỉ và hiệu quả trong cuộc đời còn lại và sẽ đóng góp vào việc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa. Làm như thế các anh đền bù lại những thiệt hại mà các anh đã gây

ra cho đất nước trong bao nhiêu năm cộng tác với đế quốc Mỹ và tay sai”.

Sau đó, ông chúc chúng tôi học tập cải tạo tốt bằng lao động, hầu sớm được thả và trở về gia đình.

Chúng tôi đã nghe mà không nói gì: là tù nhân, chúng tôi đã có đặc ân không phải trả lời để cảm ơn, cũng không phải vỗ tay!

Cán bộ công an của bộ Nội Vụ tiếp theo chỉ nói với chúng tôi đơn giản là đứng lên, chia làm ba nhóm để lên máy bay đang chờ chúng tôi.

Trong cuộc tiếp xúc đầu tiên với công an Bắc Việt, chúng tôi đã để ý đến một sự khác biệt rõ ràng giữa họ với những công an miền Nam. Những người miền Bắc chăm sóc kỹ bề ngoài và cách cư xử của họ, lúc nào cũng mặc đồng phục chỉnh tề, nói năng với uy quyền và nghiêm nghị, họ giữ khoảng cách với tù nhân. Những người miền Nam trái lại bộc lộ hơn, “ba gai” một chút, cách ăn mặc của họ hay thay đổi, từ màu xanh lá cây như nhà binh, nâu hay đen như du kích, hoặc y phục dân sự; ngoài những chuyện hành chánh, họ dễ dàng nói chuyện với tù nhân, đôi khi còn đùa nữa, và xưng “mày tao” với những tù nhân cùng tuổi. Một người trong bọn họ ở Thủ Đức, còn nhận làm cả vài dịch vụ cho tù nhân lúc ra phố (như mua thuốc lá hay bánh kẹo). Có lần khi một tù nhân hỏi anh ta vì sao anh ta chưa có vợ?

“Tại vì tôi chưa đủ tiền. Ngày nào có, tôi sẽ lấy một người hay có thể lấy hai người nữa!

– Nhưng điều đó Đảng cấm mà!

– Đảng có mắc mớ gì trong chuyện này. Nếu tôi có đủ tiền để nuôi họ, tôi sẽ lấy bao nhiêu người tôi muốn à!”

Bây giờ theo lệnh của những người gác mới, chúng tôi đi về phía máy bay Người ta đã hạ phần sau xuống: phần này là một loại đường dốc để xe cộ lên. Dù cổ tay bị xiềng vào những người khác, chúng tôi cũng có thể leo lên tàu bay trong khi tay kia cầm hành lý, túi xách hay va-li. Chúng tôi ngồi bừa bãi chỗ nào được thì ngồi, người ngồi trên ghế dài, người ngồi ngay trên sàn. Phi cơ có vài cửa sổ nhỏ với tấm màn vàng che kín. Có tiếng động cơ nổ, chậm chậm tàu bay lăn bánh trên đường bay, dừng lại một chút, rồi các động cơ gầm lên, máy bay mở thẳng, tăng tốc độ rồi cất cánh.

Ngồi ngay trên sàn, lưng dựa vào bắp vế một người bạn ngồi trên ghế dài, tôi thiếp đi rất nhanh, mệt mỏi vì một đêm không ngủ, trong khi máy bay chờ tới nhà ngục thứ ba của tôi...



## CHƯƠNG V

### TRẠI TẬP TRUNG 52-A



Mòn mỏi vì thiếu ngủ, tôi đã thiếp đi và lúc tỉnh dậy, nhìn vào đồng hồ đeo tay, tôi nhận ra là chúng tôi đã rời Tân Sơn Nhứt hơn một giờ rồi. Lạ quá! Côn-Đảo hay Phú Quốc đều ở dưới một giờ bay mà! Hơn nữa nhìn theo những tia sáng mặt trời chiếu trên vách khoang tàu xuyên qua các màn cửa sổ, tôi nhận thấy chúng tôi đi về hướng Bắc. Họ chở chúng tôi về Lao Bảo chẳng? Tôi tự hỏi như vậy. Lao Bảo, trại tù ở miền Trung Việt Nam, nổi tiếng từ thuở thực dân! Nhưng máy bay tiếp tục bay, biết đâu phi công đã chọn tự do? Hy vọng hão huyền, không có một phần tỷ may mắn trên một máy bay quân sự chở tù lại có công an vũ trang hộ tống! Tuy nhiên thật là tuyệt diệu ru mình trong một giấc mơ như thế! Tôi sẽ nói gì một khi đặt chân xuống phi trường Manila hoặc Bangkok?

Nhưng đây rồi, máy bay xuống dần, bay chậm lại, nghiêng cánh ... bánh xe đụng đất, thắng mạnh, rồi lặn bánh khá lâu trước khi dừng lại. Người cán bộ công an ngồi giữa chúng tôi đứng dậy, mở khoá và tháo xích cổ tay chúng tôi. Cảm giác nhẹ thở làm sao! Cánh cửa bụng máy bay hạ xuống. Người công an bảo chúng tôi xuống và tự hơp gần máy bay. Xuống đất tôi nhìn chung quanh: khắp nơi đều bằng phẳng, ít nhiều khoảng màu xanh, xa xa có căn nhà lá với một cụm tre, và xa, thật xa, ở chân trời một dãy núi xanh dương nhạt. Thiệt tôi không biết đang ở đâu! Một người trong nhóm chúng tôi quả quyết! Đúng rồi, Lao Bảo đây mà, tôi đã ở đây một thời gian! nhưng đối với phần đông chúng tôi, không thể là Lao Bảo vì chung quanh phải có nhiều núi hơn nữa. Và câu hỏi để biết hiện ở đâu không có giải đáp ... Rồi năm chiếc xe ca trống đến và dừng cạnh chúng tôi. Vài phút sau, một người bạn thường phục, quần xám và áo sơ mi tay ngắn không trắng lấm, đi xe đạp đến. Các công an chào ông ta theo kiểu nhà binh và họ nói chuyện một lúc; rồi một công an đến ra lệnh chúng tôi tập trung lại để nghe cán bộ của bộ Nội Vụ đến nói chuyện. Ông này, người đã đến bằng xe đạp, bắt đầu hỏi chúng tôi:

- Các anh có biết hiện các anh ở đâu không?

— Không, chúng tôi không biết! Vài người trả lời.

- À các anh đang ở Hà Nội, tại phi trường Gia Lâm. Và tôi đến với tư cách là đại diện của bộ Nội Vụ để đón các anh ở đây, ở Gia Lâm, để xác định rằng chúng tôi chỉ đưa các anh về đây, về miền Bắc, vì lợi ích của các anh, để các anh ở trong những điều kiện vật chất, tinh thần và tâm lý tốt nhất hầu kiện toàn việc học tập cải tạo. Khi đó các anh có thể trở về với gia đình và đóng góp bằng việc làm hữu ích và hiệu quả, trong suốt cuộc đời còn lại của các anh, vào việc xây dựng tổ quốc xã hội, cho hạnh phúc của những thế hệ tương lai, của các con em và cháu chắt các anh. Đó là ước mong và đường lối chính trị mà Đảng và Chính Phủ với lòng khoan dung vô tận đã

quyết định cho các anh! Bộ Nội Vụ sẽ làm mọi điều có thể làm được để sự ước mong và đường lối chính trị này của Đảng và của Chính Phủ được thực hiện. Riêng tôi, tôi bảo đảm với các anh rằng các anh sẽ được ở đằng hoàng trong những căn nhà ngói và tôi sẽ đích thân đến khá thường xuyên để gặp các anh trong trại. Nếu có điều gì không tốt đừng ngại nói cho tôi hay. Bây giờ các anh sẽ lên xe ca, một số trong các anh sẽ đến một trại cách Hà Nội độ hai mươi cây số, những người còn lại sẽ tiếp tục đi trên cùng một đường, vài chục cây số xa hơn.

Đó là những chiếc xe ca bình thường, không quá cũ, nhưng tất cả kính bên hông và đằng sau xe đều có những tấm vải lớn che bên trong (khăn trải giường cũ hay biểu ngữ cũ); một vài bạn đã hỏi người công an đi cùng với chúng tôi vì sao đã có những tấm màn khác thường này:

“Để tránh cho các anh khỏi bị dân chúng nhìn thấy! Nhiều người ở miền Bắc cho rằng các anh có trách nhiệm về những thiệt hại và những khổ đau mà chúng tôi đã phải gánh chịu, do việc Mỹ thả bom, nếu họ thấy các anh, họ có thể hành hung, giết các anh”.

Có một chiếc xe, chiếc Molotova của Nga, tương đương với xe jeep, dẫn đầu đoàn xe ca năm chiếc. Thoạt tiên chúng tôi chạy trên đường lát gạch trong khuôn viên sân bay, ngang qua những chiếc máy bay khu trục Míg đậu gần đường bay, rồi ra khỏi phi trường, sau đó chúng tôi đi ngang trước những căn nhà gạch đã nám khói bởi thời gian và bởi khói của cơ xưởng sửa chữa hỏa xa; chúng tôi chạy dọc theo những cửa hàng nhỏ hay những nhà cũ kỹ, ít nhiều loang lổ, với lớp vôi quét trắng đã được vài chục năm, trước khi đến dốc dài dẫn lên cầu Paul Doumer cũ, nối liền Gia Lâm và Hà Nội từ đầu thế kỷ.

Cũng chiếc cầu mà tôi từng biết trước 1945, nhưng cũ hơn và bảo trì kém hơn; nước sông thì có lẽ từ trước chiến tranh! Cầu gồm có hai hành lang đường xe, chia cách bởi những lan can cầu của một đường ray xe lửa một chiều, những hành lang đường xe chạy cũng chỉ một chiều và rất hẹp, muốn qua mặt phải đến vài chỗ nhất định mà mặt đường được nói rộng ra. Sự lưu thông xe cộ dày đặc, ít xe ô-tô, nhưng nhiều xe bò hay xe kéo chở đầy những bó rau hay những giỏ bí và nhất là những xe đạp làm chật mặt đường. Chiếc xe ca của chúng tôi chạy chậm vì trước mặt lúc nào cũng có xe bò hay xe đạp làm chậm sự di chuyển. Chúng tôi có dịp thấy một chiếc xe lửa chạy qua, làm chúng tôi nhớ đến những thời kỳ khó khăn nhất của hỏa xa trong những năm 1945-1946: một đầu máy thở phì phào khó nhọc kéo độ một chục toa tàu chật ních hành khách hạng tư. Có hành khách ngồi phía trong và ở sàn xe hai đầu toa tàu và ở đây, ngổn ngang những bị thúng, xe đạp, lồng gà và giỏ lợn xen lẫn với người ở giữa; nhưng hơn thế nữa có những hành khách ngồi toòng ten nơi cửa sổ của toa tàu, chân đứng đưa ra ngoài!

Sau cầu Paul Doumer, xe ca chạy dọc theo đê sông Hồng Hà, hướng về phía nam. Chúng tôi đi ngang qua vài đường phố và nhà ở đã có từ trước đệ nhị thế chiến, bảo trì dở, ít nhiều đổ nát, và nước vôi trắng quét từ trước đã trở thành xanh với năm tháng trôi qua; viện bảo tàng Louis-Finot

cũng còn đó, còn như xưa, ít nhiều ẩn khuất giữa hàng cây cối. Chúng tôi quẹo phải, hướng về phía tây, trên một con đường xuyên qua đồng ruộng, ngang qua vài thị trấn không lớn lắm, một trong các thị trấn ấy có một căn nhà kiểu kho hàng, vách tường bằng gạch, mái ngói mang bằng hiệu hoa mỹ chữ nổi: "CHỢ.... 1975" dù không lớn hơn một sân bóng rổ! Rồi xe chúng tôi đổ ra quốc lộ số 1 nối liền Hà Nội và Sài Gòn. Đi ngang qua thị trấn Thường Tín, cách Hà Nội độ 15 cây số về phía Nam, đi thêm vài cây số nữa rồi rời lộ tráng nhựa, vào một tỉnh lộ trải đá. Vài chốc sau đến nơi: chúng tôi đi vào một khuôn viên giới hạn bởi một hàng rào tre và một hào sâu chạy dọc theo hàng rào này, rồi một khi đã qua khỏi cổng vào ngăn chặn đơn giản bằng một căn tre, mà người lính gác đã nhắc lên để chúng tôi đi qua, xe ca lăn bánh trên một con đường khá rộng với những căn nhà bằng lá hay bằng gạch hai bên đường dùng làm văn phòng hành chánh và nhà ở cho nhân viên của nhà tù cải tạo. Sau khoảng 200 thước chúng tôi quẹo tay mặt, rồi ngừng trước một cổng xây kiên cố, hai bên có hai căn phòng lớn mà tầng trên nối liền với nhau trên đầu cánh cổng. Cách đó vài thước là một chiếc rào cản bằng gỗ, có thể dờ lên phía trên và bên cạnh là một chòi canh với lính gác vũ trang. Bên này và bên kia của "khu cổng và điểm gác", một bức tường xây cao năm sáu thước với một mạng lưới giây kẽm gai chạy dài bên trên. Đó là mặt đông của một bức tường bao vòng hoàn toàn "khu vực tù nhân", một hàng rào khác bằng giây kẽm gai, chúng tôi chỉ thấy sau đó, song song với bức tường này và ở phía trong độ năm thước, do đó làm thành một con đường để đi tuần, với những tháp canh đây đó trên tường, luôn luôn có lính canh vũ trang trấn giữ.

Lúc này chúng tôi chỉ còn có hai xe, ba chiếc kia tiếp tục đi trên quốc lộ số 1. Người ta ra lệnh cho chúng tôi xuống xe, trong khi một công an leo lên mui xe để bỏ hành lý của chúng tôi xuống. Một lúc sau đó, cán bộ công an điểm danh. Anh ta ghi tên những người đến, những người không trả lời là những người đã đi qua trại khác, anh ta lại điểm danh một lần thứ hai để chắc chắn là không thiếu ai. Rồi thì công an cho giờ càng chắn lên, mở cánh cổng sắt và dẫn chúng tôi vào trại. Sau cổng vào, bắt đầu một con đường rộng với tường khá cao ở hai bên, con đường cũng đầy cỏ rậm và bùn lầy.

Sau khi đi bộ ba mươi thước, người công an dẫn đường mở một cánh cửa gỗ ở bức tường bên trái và đưa chúng tôi vào một căn phòng nhỏ mà thoạt nhìn tôi tưởng là hoàn toàn đóng kín bằng những vách tre đan, nhưng anh ta đi đến cuối phòng và mở ra một cánh cửa nhỏ, rồi chúng tôi đi vào một chiếc sân rộng ở trước một căn nhà lớn, khá cao, khoảng bốn mươi thước bề dài. Căn nhà lớn này được chia làm hai, vì có một bức tường nhỏ ở giữa, và kéo dài rất xa cho tới con đường đi tuần, tuy nhiên vẫn để một con đường rộng giữa hai sân.

Người công an ra lệnh cho chúng tôi chia thành hai nhóm để ở hai phần của căn nhà. Anh ta bảo chúng tôi phải nhanh lên vì ông giám đốc trại sẽ đến gặp chúng tôi trong nửa giờ nữa. Phần căn nhà mà tôi bước vào, cũng như phần kia, gồm có một phòng lớn ăn thông với một phòng nhỏ hơn dùng làm nhà vệ sinh. Trong phòng lớn, có hai hàng kệ dài hai tầng và ở giữa một đường rộng

độ hai thước. Tầng dưới là gạch tô, tầng trên là gỗ; hiện bây giờ chỉ có chiếu ở tầng dưới; chiếu mới với hình vẽ đỏ mà nhìn chung có vẻ sạch sẽ, nếu không nói là kiểu cách.

Người ta đã đặt gần cuối đường chánh phía cửa ra vào một bàn nhỏ có phủ một khăn đỏ; ở đầu kia, cũng có một chiếc bàn nhỏ khác, trên đó người ta đã đặt hai bình trà lớn bằng sành, đầy trà nóng. Mỗi người chúng tôi lập tức lấy ra cái ca nhỏ bằng nhựa của mình để uống trà, rồi đến dành một chiếc chiếu và dọn dẹp đồ đạc của mình.

Một chốc sau, một cán bộ đến tin cho chúng tôi hay giám đốc trại sắp đến. Anh ta bảo chúng tôi ngồi xuống, chân xếp bằng lại trên chiếu. Giám đốc trong đồng phục trung tá của lực lượng an ninh, có ba cán bộ khác cũng trong đồng phục thấp tùng, cùng đến. Trước hết, ông ta “duyet qua” chúng tôi bằng cách đi trên đường chính cho tới cuối phòng rồi trở lại ngồi sau chiếc bàn phủ khăn đỏ; trong khi đi qua ông gật đầu đáp lại một vài người nghiêng đầu chào ông.

Tiếp theo, ông ta đọc một bài diễn từ độ hai mươi phút, sau khi chào mừng chúng tôi đến trại của ông, ông giải thích là Đảng và Nhà Nước trong đường lối chánh trị thật đại lượng và khoan hồng đối với chúng tôi những người lạc lối vì chính kiến sai lầm và những thèm muốn vật chất đã chọn theo mục tiêu của “đế quốc Mỹ và đầy tớ của chúng” và do đó đã gây nên những thiệt hại không đo lường được cho đất nước Việt Nam mà đại diện là Đảng Cộng Sản, tuy vậy vẫn quyết định tha thứ cho chúng tôi và hội nhập chúng tôi vào xã hội xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sau khi chúng tôi chấp nhận học tập cải tạo, mà Đảng và Nhà Nước sẵn sàng hết sức giúp đỡ trong việc này. Người ta chỉ đợi chờ chính chúng tôi đóng góp vào công tác cải tạo này bằng cách cộng tác trung thành với cán bộ quản giáo của trại, thổ lộ thành khẩn hoàn toàn về quá khứ của mình, không dấu diếm điều gì, và không hối tiếc gì ông ta tuyên bố rằng trại này được bộ Nội Vụ đặc biệt chú ý và cán bộ của bộ sẽ thường xuyên đến giúp chúng tôi trong việc học tập cải tạo này.

Sau đó ông ra lệnh phát cho mỗi người một điếu thuốc lá, rồi cho chúng tôi hay là bữa cơm trưa, một bữa cơm để đón mừng, đã sẵn sàng trong sân chơi và chúng tôi có thể đến đó.

Đúng là một bữa cơm ngày hội, có rất nhiều thịt heo dọn làm nhiều món: heo quay, chả lụa, dồi trường, miến xào lòng. Người cán bộ đã dẫn chúng tôi đến “sân chơi-phòng ăn” nói với chúng tôi rằng đó là một bữa cơm để chào mừng, bởi vì bữa cơm thường ngày sẽ thanh đạm hơn và chúng tôi có thể giữ đồ ăn còn lại để ăn vào bữa cơm chiều.

Ngay ngày hôm sau, sinh hoạt được tổ chức nhanh chóng, giống như ở Thủ Đức: thức dậy lúc 5g30, vệ sinh, tập thể dục trước mỗi phòng (tám động tác tay hoặc thân hoặc cả hai, sáu lần liên tiếp), điểm danh, giờ đọc những bài báo đã được chọn (Nhân Dân, hoặc Quân Đội Nhân Dân), cơm trưa, nghỉ trưa, vệ sinh, lại phiên đọc những bài báo đã được chọn, giải trí, cơm chiều, giải lao, điểm danh buổi tối rồi lập tức vào phòng, cửa khoá cho tới sáng; ba lần trong mỗi tuần có phiên đọc một cuốn sách đã được chọn, hoặc một lần trong tuần có phiên báo cáo hoạt động hay

là phiên họp kiểm thảo hay tự kiểm thảo (mỗi tuần một phiên), giới nghiêm lúc 21g30- tuy nhiên đèn điện vẫn sáng cả đêm, trừ khi bị mất điện. vì cúp điện chung để dành điện cho những đòi hỏi cấp bách hơn (khi thì tưới ruộng, khi thì tát nước ruộng bị ngập) hay vì hỏng điện trong hệ thống điện của trại.

Ngay từ những ngày đầu, vấn đề trầm trọng nhất cho mọi người, là nạn đói; chúng tôi đói suốt ngày, kể cả lúc ăn xong. Thực vậy sau bữa cơm thịnh soạn chào đón, ngay ngày hôm sau là chế độ ẩm thực bình thường của trại. Chúng tôi chỉ còn được lãnh một ca cơm (ca bằng nhựa chứa độ 400 g) vào mỗi bữa cơm sáng và chiều, những món ăn khác gồm một đĩa rau xào qua loa với chút mỡ heo, và một tô canh rau, thường là rau muống, cần hoặc dưa leo.

Nhiều người than phiền với cán bộ của bộ Nội Vụ thường đến thăm chúng tôi. Họ trả lời rằng họ thông cảm với chúng tôi, nhưng toàn thể đất nước ở trong hoàn cảnh ăn uống rất khó khăn, chính phủ còn phải trả nợ cho Trung Hoa, nước đã cung cấp gạo cho chúng ta trong những năm chiến tranh, và rằng khẩu phần gạo chính thức của chúng tôi mười hai kí lô một tháng, đã là một biệt đãi so với khẩu phần của quần chúng dân sự, nhất là ở vùng quê!

Họ cũng nói với chúng tôi điều mà giám đốc trại khẳng định vài tuần trước, trong một buổi học tập cải tạo hàng tuần mà ông đảm nhiệm, rằng Đảng và Chính Phủ đã quyết định cấp cho mỗi tù nhân số trên 15 đồng một tháng để nuôi chúng tôi, với giấy phép để mua theo giá chính thức 12 kí gạo hay lương thực tương đương và 200 g thịt hay cá; giá mua chính thức của 12 kí gạo này và 200 g thịt heo (thịt mà chúng tôi không bao giờ thấy, vì theo người cán bộ đầu bếp, người ta lấy mỡ thay thịt để xào những món rau) , tốn khoảng năm đồng. Vậy là còn lại mười đồng để mua rau cải, gia vị và củ để sủi. Về rau cải, nhà bếp có thể mua với giá chính thức rau muống, cần tàu hay dưa chuột với giá năm tới mười lăm xu mỗi kí, khi chúng tôi – hay đúng hơn là trại chúng tôi cũng có một khu tù thường phạm- sản xuất; nếu không sẽ phải mua ở chợ vùng quanh đây với giá năm hay mười lần đắt hơn. Còn gia vị và củ để sủi thì lúc nào cũng mua ở thị trường tự do với giá ... tự do? Vậy thì ai cũng hiểu là trong những điều kiện này, giá trị dinh dưỡng của khẩu phần chúng tôi chỉ dựa đơn độc vào cơm gạo, ít nhất là cho tới những tháng đầu năm 1977. Sau đó gạo này bị thay thế bằng bắp nghiền, ít dinh dưỡng hơn nhiều hoặc tệ hơn nữa, bằng những hạt bo bo còn nguyên phần vỏ “cuốn” của nó, đồ ăn này không tiêu hóa được đã phé thải ra y nguyên như thế nhiều giờ sau bữa ăn! Nhưng ngay cả với cơm, người ta cũng không cho chúng tôi lượng cơm chín tương đương với khẩu phần gạo sống. Ban giám đốc trại quyết định một cách độc đoán rằng hệ số hoán chuyển gạo sống thành cơm phải là hai, trong khi thực tế (như đã học khi còn là nội trú trong các nhà thương, chúng tôi đã ở trong ủy ban tiếp nhận khẩu phần cho bệnh nhân do nhà thầu cung cấp), hệ số này từ 2,2 đến 2,5 theo độ nhão của cơm chín. Mỗi tù nhân như vậy chỉ nhận được 800 g cơm chín mỗi ngày – lượng cơm mỗi bữa đều được cân thực sự – mà giá trị dinh dưỡng so với giá trị dinh dưỡng của 400 g gạo sống, bị giảm bớt mất từ 10% đến 25 %, có nghĩa là khoảng 1000 ca-lô-ri mỗi một ngày, chút xíu mỡ của đĩa rau

xào, của bát canh và kể cả rau nữa, mang lại thêm nhiều lắm là vài chục ca-lô-ri phụ trội. Rau cải lúc nào cũng ít quá, không làm sao giữ được vai trò độn, giúp tránh được cảm giác đói, ngay khi vừa ăn xong bữa cơm (7). Những người trước khi bị giam là những kẻ vạm vỡ, lại càng khổ hơn vì hoàn cảnh này.

Các khẩu phần thiếu ca-lô-ri trầm trọng này cũng hoàn toàn không có chất đạm cũng như chất béo gốc từ động vật và các vi-ta-min cũng không có; không cần phải chờ lâu mới thấy kết quả: hai tháng sau, nhiều người bị phù vì thiếu dinh dưỡng, người thì mặt phì ra, cổ chân và bàn chân sưng lên, nhiều người khác phù chân về chiều, nhưng tất cả đều cảm thấy mệt mỏi, và kiệt sức lúc cố gắng làm gì một chút. Với những đợt lạnh đầu mùa, nhiều người xỉu và té xuống ngất đi; việc này xảy ra thường xuyên tới nỗi những người ở bên cạnh chỉ còn biết đỡ người ấy lên, dìu về chiếu và để người ấy tỉnh lại! Hầu như không có dịch vụ y khoa trong trại; một sĩ quan y tế, thiếu úy của lực lượng công an, tới trại một hai lần mỗi tuần trong vòng 15 phút, ghi vào sổ những lời khai bệnh của các tù nhân và không bao giờ nói gì trước khi ra đi; anh ta trở lại buổi chiều hay ngày hôm sau đưa cho cán bộ quản giáo những gói gồm có vài viên thuốc as-pi-rin hay những viên thuốc tròn có chứa chất ma túy cho một vài người trong số người đã đến khám anh ta. Tuy vậy, cho đến giữa tháng 10 không có trường hợp tử vong nào và cái chết đầu tiên trong nhóm bạn chúng tôi là cái chết của Trần Văn Tuyên, một trạng sư nổi tiếng và cựu phó Thủ Tướng của Việt Nam. Anh ấy đã qua đời vì xuất huyết não và tôi sẽ nói trở lại vụ này.

Nếu những cán bộ không trực tiếp có trách nhiệm về cái đói của chúng tôi, thì đối với cái lạnh khủng khiếp mà chúng tôi phải chịu đựng thì không phải như vậy, họ không chối được trách nhiệm. Lúc ra đi học tập ở Sai gon, chúng tôi nghĩ là sẽ đi một tháng và khi ấy trời mùa hè, không ai đã đem theo đồ ấm. Cả khi đã bị giam giữ kéo dài và khoảng đầu năm 1976 được phép viết thư về gia đình, chúng tôi không ai xin áo quần để đề phòng lạnh rét. Riêng tôi, tôi có nói gia đình cho tôi một chiếc áo gilet mỏng để phòng trời mát tháng giêng. Khi vào tháng 11 năm 1976, lúc đã được chờ ra Bắc ba tháng, chúng tôi xin phép viết thư về gia đình để xin gởi ra cho áo ấm thì người ta từ chối hẳn, cán bộ nói là chính phủ sẽ cung cấp nhu cầu cho chúng tôi về áo lạnh và chăn mền. Thiệt ra thì chỉ sau hơn một tháng, ban giám đốc trại mới phát cho một vài người trong chúng tôi, sau khi bắt thăm vì không có đủ cho tất cả, một cái áo chui cổ (áo pull-over) bằng sợi bông và một cái mền vải cho những ai không có mền.

Mệt là vì đói, run cả tay chân, với tấm áo mỏng manh, chúng tôi đã chịu khổ một cách ghê gớm vì mùa đông đất Bắc này vừa lạnh vừa ẩm. Ban ngày trong những giờ thật dài nghe đọc báo, mỗi người ngồi trên chiếu, trùm mền từ đầu đến chân, chỉ để có mặt hở ra chúng tôi run lẩy bẩy nghe mà không hiểu những “bài cải tạo”; thời gian còn lại, luôn luôn trùm mền, chúng tôi tụm lại thành nhóm năm hoặc sáu người để giảm bớt sự tiết nhiệt của cơ thể! Không dám vận động để “sưởi ấm cơ thể”, vì chúng tôi không có sức để cử động! Buổi tối, một số lồng ba hay bốn cái quần, bốn hay năm sơ mi để được ấm thêm một chút, một số khác dùng biện pháp ngược hẳn, họ cởi hết



áo quần và nằm hai, ba người áp sát vào nhau, đắp lên trên hai hoặc ba mền bông. Còn tôi, tôi nhớ lại câu chuyện những người lính trong chiến tranh địa hào thời Đệ Nhứt Thế Chiến, tôi tháo vải lót áo gilet ra, nhét giấy nhựt trình vào giữa và may lại. Tôi cũng bện hai băng dài bằng giấy nhựt trình và quấn quanh hai chân và bắt vế trước khi mang đôi tất thể thao mà tôi đã đem theo ngay từ đầu, dự trù có thể thao. Tôi cũng may mền lại bằng cách biến nó thành một túi dài kín mít, chỉ chứa một đầu mà mỗi tối tôi lướt mình chui vào chỉ để hở một tí để thở!

Chúng tôi cũng xin cán bộ quản giáo của nhóm cho đồ gì để sưởi phòng buổi tối. Anh ta cho đem đến một xe bò mật cưa và một thùng xăng rỗng đã cắt làm đôi để làm lò sưởi. Sau nhiều giờ thử mọi cách khó nhọc không có kết quả, chúng tôi sau cùng đã thành công trong việc thắp lò, nhưng hơi nóng không lan ra quá hai ba thước và nhất là nó xông khói ra nhiều quá, làm ngộp thở hầu như cả phòng. Chúng tôi chỉ thử có một đêm, rồi sau đó đành chịu thua không dùng.

Chúng tôi đã khổ sở khủng khiếp về cái lạnh, lạnh vì nhiệt độ xuống thấp và khí ẩm của đồng bằng Bắc Phần trong những tháng mùa đông, nhưng nỗi khổ khổ này lại tăng lên vì bệnh thiếu máu và những thiếu thốn khác của cơ thể, do sự thiếu thốn trầm trọng và kéo dài của chế độ lương thực. Sự khổ cực vô nhân đạo này đáng lẽ có thể được xoa dịu nếu ban giám đốc- mà thật ra chỉ hành sự theo lệnh của bộ Nội Vụ mà thôi – đã cho phép chúng tôi viết thư về nhà để xin gia đình gửi quần áo ấm. Nhưng điều đó bộ Nội Vụ không muốn, vì chính sách của họ là “biệt lập chúng tôi với phần còn lại của nhân loại”.

Quả thật, khu chính trị của chúng tôi bị nghiêm cấm đối với mọi người lạ, kể cả những người gác của khu vực tù nhân thường phạm trong trại. Căn phòng nhỏ bao bọc bằng vách tre đan có một cánh cửa gỗ mở ra đường chánh của trại và bằng một cửa khác bằng tre mở ra sân sau, dùng làm buồng thông để đưa đồ ăn vào. Mỗi ngày vào khoảng 6 g30 sáng, 11g00 và 17g00, những tù nhân thường phạm lo việc nấu nướng của trại, vào phòng này bằng cửa tường ngoài, đặt đó các khẩu phần của chúng tôi, rồi rút lui, khép cánh cửa gỗ lại và gõ vào cửa, phải đợi dấu hiệu này các bạn lo việc tiếp nhận lương thực trong ngày mới được mở cửa thông ra phía sân để vào phòng nhỏ và mang lương thực về phòng của chúng tôi. Nói về bữa cơm trưa và chiều, nhà bếp đặt hai thùng cơm và nhiều chậu sắt trắng đựng rau, canh và trà; trên mỗi thùng có viết bằng phấn chữ A hay chữ B chỉ phòng, số khẩu phần và trọng lượng cơm trong thùng, trên các chậu khác chỉ có chữ A hoặc B.

Những ngày đầu, nhiều người còn cười đùa về cái phòng ngăn cách nhỏ (sas) này và nói rằng chúng tôi là những người “tù kín”; nhưng vài tuần sau, khi đã chắc chắn là chúng tôi không được phép thư từ với gia đình thì tính cách vô nhân đạo của chánh sách biệt lập này đã quá rõ ràng. Vào tháng 11 hay tháng 12 năm 1976, chúng tôi đọc được trong tờ báo của đảng (tờ Nhân Dân hay tờ Quân Đội Nhân Dân là ở Chí Lợi nhà độc tài Pinochet đã bắt những người cộng sản, nhốt họ trong vòng hai tháng mà gia đình họ không thể biết là họ bị nhốt ở đâu, rằng dân chúng đã

phản đối và báo chí ngoại quốc đã chỉ trích nhà độc tài này đến nỗi ông phải cho phép gia đình đến thăm tù nhân. Ôi cha! những người tù cộng sản ở Chi Lợi thật là sung sướng! Chúng tôi thật sự thèm muốn số phận của họ; chỉ sau hai tháng người ta đã cho phép họ được thăm nuôi trong khi đã hơn năm tháng không ai trên đời này, trừ vài cán bộ của bộ Nội Vụ ở Hà Nội, biết chúng tôi ở đâu còn sống hay chết! Những người tù của Pinochet thiệt là sung sướng!

Chúng tôi ước mơ luôn đến cả số phận của những tù nhân ở Cộng Hòa Dân Chủ Kampuchia (tức Khmer đỏ). Một phái đoàn sở thông tin thành phố Hồ Chí Minh viếng thăm Kampuchia, được bà lang Sari tiếp đón (có hình ảnh chứng minh), đi thăm một trung tâm cải tạo; trong bài tường trình đăng trong một của hai tờ báo này, hai tờ duy nhất mà chúng tôi được phép đọc, người ta nói rằng tù nhân được lãnh mỗi tháng 28 kí gạo (!).

“Hai mươi tám kí gạo một tháng! Khi ra khỏi đây tôi sẽ tình nguyện làm tù nhân ở xứ họ”.

Một người thì thào như vậy. Trong khi chờ đợi, chúng tôi thêm chảy nước miếng khi nghe tin này. Từ khi chúng tôi đến trại vào ban đầu tháng 8 đến khoảng 20 tháng 10 năm 1976, những phiên đọc các bài báo do cán bộ quân giáo tuyển chọn được kể là “những bài học cải tạo” duy nhất.

Nhưng vào một buổi sáng thứ năm một cán bộ từ bộ Nội Vụ đến báo cho chúng tôi hay rằng tuần sau sẽ có những phiên học dưới dạng thảo luận mà họ đưa cho chúng tôi đề tài trước

“Trách nhiệm của những nhà trí thức miền Nam Việt Nam trong cuộc đấu tranh giành độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ”.

Ông ta thêm rằng chúng tôi phải đề cử một người làm một bản tường trình về vấn đề này và sau đó mọi người sẽ dựa vào bản phúc trình mà bàn cãi. Cuộc thảo luận được ấn định vào thứ hai sau đó lúc tám giờ sáng.

Chúng tôi thỏa thuận nhanh chóng đề cử phúc trình viên là Trần Văn Tuyên, một luật sư nổi tiếng tốt và tất cả chúng tôi đều biết.

Tuyên cảm ơn lòng tin cậy của chúng tôi và tuyên bố rằng anh rất sung sướng có dịp này để chứng minh với Việt Cộng là những nhà trí thức miền nam Việt Nam đã không phản bội đất nước Việt Nam, đã chiến đấu và đã giành lại độc lập cho Việt Nam theo quan niệm dân chủ của tự do của họ, quan niệm cũng có giá trị như mọi quan niệm khác.

Trong ba ngày sau đó, Tuyên suy nghĩ thật nhiều về bài tường trình của mình, anh không ra dạo vào giờ nghỉ nữa, ban đêm anh ngồi trong mùng tiếp tục viết. Sáng thứ hai, dù trời đã khá lạnh, Tuyên vẫn giữ thói quen của anh là tắm ở bên bể nước lớn, nơi mà chúng tôi vẫn thường tắm rửa, cách căn nhà chúng tôi ở độ năm mươi thước.

Trước tám giờ một chút, cán bộ quân giáo cho tất cả mọi người vào, các bạn phòng bên cạnh

nhập sang phòng chúng tôi, hai người ngồi một chiếu. Tôi ngồi xuống chiếu gần tường để có thể dựa lưng vào đó, trong khi “khách” phòng bên cạnh ngồi ở phía gần đường giữa. Tuyên ở phía bên kia lộ chính, không xa tôi ở cuối lộ gần cửa vào người ta đặt một chiếc bàn nhỏ phủ vải đỏ và ba chiếc ghế. Vài phút sau tám giờ, một nhóm cán bộ đi vào: phái viên của bộ Nội Vụ đứng sau bàn; ông ta mời phó giám đốc phụ trách cải tạo trong trại ngồi xuống ghế đặt bên cạnh bàn phía trái ông ta, trong khi những người khác đến đứng ở giữa những hàng đầu của bọn chúng tôi. Người cán bộ đại diện bộ Nội Vụ tuyên bố phiên họp bắt đầu, cảm ơn giám đốc trại đã giúp đỡ trong việc tổ chức những lớp học này; rồi ngồi xuống và bắt đầu nói về sự chú ý đặc biệt mà Bộ Nội Vụ dành cho những lớp học tập cải tạo này, về những cố gắng của Bộ đã có và sẽ tiếp tục thực hiện để giúp đỡ chúng tôi kiện toàn cải tạo.

Lúc bấy giờ, tôi nhận thấy có một sự náo động ở bên kia đường chính: có ai té xỉu và nhiều người đang lo cấp cứu. Vào thời kỳ này, với những cái lạnh đầu mùa, chúng tôi bị yếu trầm trọng vì những suy sút về dinh dưỡng thường xỉu đi mỗi khi phải gắng sức chút xíu. Điều này đã thành thường lệ đối với chúng tôi, và lại cho tới nay chưa có lần nào ngất xỉu kết thúc một cách không lành! Thuyết trình viên vẫn tiếp tục nói và chúng tôi ít nhiều tiếp tục nghe; khoảng năm sáu phút sau, tôi nhận thấy là bên kia đường chính giữa người ta vẫn tiếp tục vây chung quanh một người bệnh. Một chuyện gì bất thường đã xảy ra, tôi nghĩ như vậy và lập tức rời chỗ để ra xem. Đó là Tuyên, anh đã được đặt nằm xuống, thở gần như bình thường; vậy không phải là sự ngất xỉu. Anh ấy đã hôn mê rồi! Vì tôi đã biết anh có bệnh tăng áp huyết; ở Thủ Đức tôi đã nhiều lần đo huyết áp cho anh, lập tức tôi chẩn đoán anh bị xuất huyết não. Tôi bảo các bạn ngưng xoa bóp Tuyên và chuyển anh về cuối phòng. Họ tức thì làm ngay và tôi ngồi cạnh để trông chừng: hơi thở của anh điều hòa, nửa thân người đã liệt và các ngón chân có phản ứng Babinski (chứng tỏ anh đã bị liệt não).

Cán bộ quản giáo của nhóm chúng tôi đến hỏi chuyện gì đã xảy ra, tôi đáp rằng Tuyên đã đứt mạch máu não và phải đưa anh ta vào nhà thương. Anh ta bỏ đi không nói gì và một lúc sau trở lại với người cán bộ y tế. Người này hỏi tôi có chắc chắn về chẩn đoán không, tôi quả quyết là tôi chắc chắn như vậy, và hơn nữa tôi có biết bệnh tăng áp huyết của anh ấy từ Thủ Đức, rồi tôi nói với anh là phải cho chở Tuyên đi và trong khi chờ đợi, cho tôi mượn một máy đo áp huyết. Anh ta cũng bỏ đi không nói gì và trở lại hơn một giờ sau, với một ống chích đựng dung dịch không màu và bảo tôi chích cho Tuyên:

“Cái gì vậy?”

– Vi ta-min B1, để chích cho anh ấy đó!

– Nhưng không ích lợi gì đâu!

– Chích cho anh ấy đi!”

Tôi chích mũi thuốc rồi nói với anh ta :

“Cán bộ à, hãy đưa anh ấy vào nhà thương. Ở đây không làm được gì cho anh ấy cả?

– Chúng tôi không có phép đưa anh ấy ra khỏi trại!

– Vậy hãy chở anh ấy lên bệnh xá?

– Không thể được! không có chỗ. (Sự thật trại lúc đó chưa có bệnh xá)

– Để bệnh xá hay bất cứ phòng nào khác! Anh coi còn tất cả bạn của tôi ở đây! Anh không thể để họ nhìn thấy anh ấy chết như thế!”

Cán bộ y tế không trả lời, anh suy nghĩ một chút rồi bỏ đi.

Buổi học cũng vừa xong, và lại không tiếp tục chiều hôm đó, và ngày hôm sau cũng không. Nhiều người bạn đến gần chúng tôi, nhìn một cách buồn bã người bạn nằm thiếp trong cơn hôn mê, nói vài lời thương tiếc rồi đi về. Đã đến lúc sửa soạn để ăn trưa! Chung quanh Tuyên chỉ còn lại mình tôi với sáu bảy người khác tất cả đều là cựu thành viên của Việt Nam Quốc Dân Đảng, đảng mà Tuyên là một thành viên.

Hơn một giờ sau, người cán bộ y tế trở lại với hai tù nhân thường phạm mang theo một cánh cửa làm bằng khiêng.

“Chúng tôi chở anh ấy đi nhà thương”, lời cán bộ y tế .

Góp sức với các bạn, chúng tôi khiêng Tuyên lên cái cáng chế biến, đắp mền lại cho anh và để thêm một ít quần áo của anh bên cạnh; những người thường phạm nâng cáng lên và chúng tôi theo tiền anh đến cửa buồng thông ra vào, sau đó cáng khiêng Tuyên có cán bộ y tế theo sau biến dạng.

Cán bộ quản giáo của nhóm chúng tôi trở lại cho chúng tôi hay là chính anh ta và cán bộ y tế ngay từ lúc 9 giờ đi gặp giám đốc trại để báo tin là Tuyên bệnh, viên giám đốc đã lập tức điện thoại về bộ Nội Vụ để xin chỉ thị, và bộ Nội Vụ đã cho lệnh chuyển Tuyên về bệnh viện Hà Đông, cách đây nửa giờ. Ông ta cũng nhờ chúng tôi hợp lại ba người để liệt kê những đồ dùng cá nhân còn lại trong xách và va-li của anh. Một người bạn của Tuyên cho tôi biết là Tuyên có một người con gái, con của người vợ trước, đã ở lại miền Bắc từ năm 1954 với chế độ cộng sản và hiện là kỹ sư trong một cơ xưởng nhà nước ngay tại Hà Nội.

Ngày hôm sau, khi cán bộ y tế đến phòng chúng tôi, và cho biết là Tuyên vẫn còn trong cơn hôn mê, tôi nói với anh ta về con gái của Tuyên, mà anh ta có thể dễ dàng kiểm tra tên và địa chỉ trong tờ khai của Tuyên liên quan đến lý lịch của anh và của những người trong gia đình, tôi cũng đề nghị đưa cô ta đến bên giường bệnh của Tuyên ở nhà thương. Cũng như thường lệ anh ta không

trả lời.

Ngày hôm sau, thứ tư, cán bộ quản giáo của nhóm chúng tôi báo là Tuyên đã qua đời khoảng bốn giờ sáng hôm đó và xác anh sẽ được đưa về trại xé trưa. Anh ta cũng nói là giám đốc cho phép chúng tôi cử tám đại biểu đến dự lễ nhập quan và lễ an táng. Chúng tôi dành đặc ân cho những anh em đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, đảng của Tuyên. Vào buổi xế trưa, trước bốn giờ chiều một chút, một người gác đến kiểm tám đại biểu của chúng tôi và đưa ra ngoài khu tù nhân; họ trở về rất muộn, sau giờ giới nghiêm. Ngày hôm sau, họ kể lại cho chúng tôi nghe những gì họ đã thấy và làm. Họ tả lại bằng những lời khen ngợi! Xác Tuyên được đưa về trại khoảng 14 giờ và đặt ở “nhà khách của tù nhân”. Lúc họ đến thì xác đã nằm trong một chiếc hòm gỗ đóng không khéo lắm nhưng đầy đặn, đóng sáng hôm đó ở tại chính xưởng mộc của trại. Ở chân áo quan, có một chiếc bàn thấp với chén cát để cắm nhang (nhiều cây nhang đang cháy) có một chén cơm chín và một đĩa đựng một trứng luộc một đôi dưa tre còn mới cắm trên chén cơm. Bên cạnh áo quan, có một chiếc bàn, nhiều ghế và trên bàn có bình trà và tách chén. Một cán bộ, đóng vai đại diện gia đình người đã khuất, đón tiếp họ và dẫn họ về phía áo quan; họ đã nhận ra dễ dàng khuôn mặt rất thanh thần của người đã khuất, như là đang ngủ thôi; họ cũng đã thấy Tuyên mặc chiếc áo cánh bằng lụa của anh; xác anh được đặt trên một tấm khăn liệm bằng vải ‘tuyn’, mà hai đầu được xếp lại và để trên đầu và dưới chân anh. Họ đứng nhìn Tuyên một thời gian khá lâu, rồi người ta bảo họ dang ra xa, và những thường phạm có nhiệm vụ chôn cất anh tiến đến gần, phủ lên mặt và chân anh phần vải liệm còn lại. Họ cũng đặt lên xác anh áo quần mà chúng tôi đã để bên cạnh anh lúc anh đi nhà thương. Rồi nắp áo quan đóng kín lại. Trên quan tài có chén cát cắm nhang cùng chén cơm với đôi dưa mới tinh và đĩa trứng luộc; đại biểu của chúng tôi thấp nhang mới và cúi lạy hai lạy trước quan tài. Cán bộ đại diện gia đình người quá cố mời họ ngồi lại bàn bên cạnh áo quan và dùng trà. Họ ngồi đó khoảng mười phút, rồi một chiếc xe cam nhông có sàn đến trước nhà khách, mọi người đứng dậy và sáu người “thường phạm” sau khi cúi đầu lạy hai lạy trước quan tài, nâng quan tài lên và đặt trên sàn xe cam nhông. Những đại biểu của chúng tôi cũng lên xe với sáu “thường phạm” rồi ngồi quanh quan tài. Một lính gác vũ trang cũng leo lên với họ, trong khi một người gác khác ngồi trong khoang với tài xế. Trời đã bắt đầu tối, bởi thế họ đem theo một cây đèn bão.

Chiếc xe cam nhông ra khỏi trại và cẩn thận đi vào một con đường thật xấu, không đổ đá, xen giữa các thửa ruộng. Xe chạy rất chậm và sau khoảng nửa giờ ngừng lại bên bờ đường. Họ xuống xe, rồi sáu người “thường phạm” khiêng quan tài lên vai và đi theo người gác có cầm đèn bão; những đại biểu đi theo sau quan tài với người gác vũ trang kia. Sau một quãng đường khá dài xuyên qua đồng ruộng, họ đến một gò đất cao hơn một ít, và giữa nhiều nấm mồ đã thấy có sẵn huyết mộ mà những “thường phạm” đã đào trước sáng hôm nay. Họ hạ quan tài xuống huyết và lấp đất lên thành một nấm mồ nhỏ. Đại biểu của chúng tôi xá nhiều lần trước mộ; những “thường phạm” cũng xá. Sau khi đặt cơm và trứng lên mộ một chốc, những người này chia nhau chén

cơm và cái trứng luộc. Đó là “tưởng thưởng ‘ công việc họ làm.

Sau lời tường thuật của các bạn đại biểu, chúng tôi tất cả đều có chút cảm tình với ban giám đốc trại, họ đã bày tỏ lòng tôn trọng đối với người quá cố: một cái quan tài, vài món đồ cúng theo nghi lễ, những cây nhang, một người tù ở nước cộng sản không thể hy vọng hưởng nhiều đến thế khi qua đời!

“Khi những người cộng sản vô thần tôn trọng truyền thống thiêng liêng thì quả là không thể tưởng tượng được và đáng khâm phục”

Nhưng ai đó lại thêm rằng :

“Có lẽ để cho phép chúng ta được hưởng những đặc ân sau khi qua đời, nên họ đã cho chúng ta hưởng đói và lạnh!”

Cái tương phản lạ lùng giữa những nghi lễ truyền thống và những điều kiện sống khốn cùng của những người tù tạo ra một pha hài hước cực kỳ cảm động mà tôi được chứng kiến vài tháng sau đó: một buổi xế trưa, khi đến bệnh xá để lấy thuốc cho các bạn tôi, tôi đã thấy cách vài thước trước cửa vào, một người “thường phạm” suy mòn, ngồi ngay dưới đất bụi bặm, năn nỉ không ngừng, với giọng rên rỉ:

“Ôi cán bộ? ôi cán bộ ôi! Xin thương xót tôi! Hãy cho tôi ngay bây giờ chén cơm và cái trứng mà ông sẽ để lên quan tài khi tôi chết. Tôi đói quá! Hãy đưa cho tôi ăn ngay lúc này! Tôi không cần chúng sau khi tôi chết”

Sau khi Tuyên mất, chúng tôi được biết rằng người ta không hề kiếm gặp con gái anh; còn vợ con anh ở lại Saigon, bà ấy chỉ được báo tin chồng bà mất sáu tháng sau đó mà thôi.

Cái chết của Tuyên, cái chết đầu tiên từ khi chúng tôi tới miền Bắc, đã gây cho chúng tôi một cảm tưởng buồn bã và lo lắng. Nhưng điều đó chỉ kéo dài vài ngày thôi, rồi cái đói, cái lạnh và sự thiếu tin tức gia đình lại trở thành những lo âu ưu tiên của chúng tôi.

Cũng vào thời kỳ này, một số tù nhân mới đến trại chúng tôi. Trước hết là ba người bệnh mà nhà thương Hải Phòng gửi đến chỗ chúng tôi sau vài ngày nhập viện. Họ là thành viên của một đoàn tù nhân đến từ Saigon bằng tàu thủy. Những chiếc tàu hàng chở than tiếp tế than Hòn Gai cho Saigon, lúc trở về đã chở trong khoang hầm trống những tù nhân từ các trại cải tạo Người ta cho họ xuống những hầm còn ngập bụi than và cũng để trong đó hai phuy xăng trống nữa, một để chứa nước uống (và cũng để rửa ráy nữa) và thùng kia để “tiểu tiện và đại tiện”! Mỗi ngày một lần, người ta thông gió xuống cho họ một thúng bánh mì, mỗi người một ổ. Trước khi tới được Hải Phòng, họ phải sống như vậy, hai ngày và hai đêm, ngồi hay đứng giữa túi, bị và hành lý của họ trong một bầu không khí ngột thở và hôi hám, chỉ thông với không khí bên ngoài qua một cửa

boong tàu có lưới sắt ở trên đầu họ. Ba tù nhân kể trên đến đó đã kiệt sức: một người bị ung thư hạch cổ và đang được điều trị ở viện ung thư Saigon từ nhiều tháng trước tháng 5 -1975, hai người kia thì liên miên lên cơn suyễn ngay khi họ xuống hầm tàu chở than. Ở nhà thương Hải Phòng, sau vài ngày “hồi sinh” họ cảm thấy khá hơn và vì các bạn đồng hành của họ đã được gởi đi những trại ở các tỉnh xa, người ta gởi họ về trại chúng tôi, tương đối gần.

Một nhóm khác độ bốn mươi tù nhân, xuất phát từ một trại ở gần Mỹ Tho, đến vài ngày sau, họ là thành phần của một đoàn tù 500 đến 600 người từ miền Nam Việt Nam đến trên một tàu chở than: cuộc di chuyển của họ cũng đã được thực hiện trong những điều kiện ghê tởm như những người trước họ, hai ngày và hai đêm ngồi hay đứng trong một khoang chở than với hai thùng phuy ... Trong đoàn này, có những sinh viên Phật tử bị bắt sau cuộc biểu tình chống chính phủ tại các tỉnh miền tây, họ còn hăng say và hô to trước khi chia tay: “Chúng ta sẽ trở lại trong vinh quang và chúng ta sẽ gặp lại nhau!”

Tháng 12 năm 1976 và những tuần đầu của tháng giêng 1977 là thời gian khổ nhất trong đời tù nhân chính trị của chúng tôi trong nhà tù Bắc Việt. Với mùa đông đến dần, trời càng ngày càng lạnh, chúng tôi vẫn không có áo ấm mặc ban ngày, cũng không có mền dày cho ban đêm!

Hơn nữa, chế độ ăn uống vốn đã thiếu thốn trầm trọng, lại càng ngày càng thêm ít ỏi: nếu chúng tôi tiếp tục có hai “ca” cơm mỗi ngày, người ta không cho chúng tôi rau cải và canh nữa, và thay vào đó một lát mỏng củ cải muối đã lên men dày khoảng năm ly ! Củ cải này trong hai tháng ròng rã là món ăn duy nhất của chúng tôi, thỉnh thoảng được thay bằng một nhúm lá cải muối và cũng đã lên men. Tuy vậy cũng có hai lần chúng tôi được hưởng những món đặc biệt nhờ sự khắc nghiệt của mùa đông! Lần thứ nhất một đợt gió lạnh làm chết hầu hết cá nuôi trong các hồ của trại. Cá này thường chỉ để dọn trên mâm những cán bộ và các người gác, nhưng lần này thì có thật quá nhiều nên người ta cho chúng tôi vài con trong một bữa cơm; lần khác, một làn sóng lạnh cũng làm chết trâu của trại; thịt và lòng được dọn trên bàn của nhân viên trại giam, nhưng chúng tôi được hưởng da của chúng. Người ta cắt da trâu thành lát chừng vài phân, và sau khi hầm thật lâu cho nhừ, biến thành những miếng keo còn giữ được mùi thịt mà chúng tôi từ nhiều tháng dài không biết đến!

“Đói và Lạnh” mà không phải chịu cùng một lúc, kể như chưa khi nào biết Đói và Lạnh! Tiếng Việt có một chữ kép “Đói Rét” để nói về nỗi khổ không thể tả được này, có lẽ vì từ thời thượng cổ, tổ tiên chúng ta đã khổ vì nó! Có lẽ vì vậy mà người cộng sản Bắc Việt đã cố ý áp chế lên đầu người tù chính trị của họ cùng một phần dân chúng – trừ những thành phần đặc biệt như là một bài học yêu nước!

Rồi bất thành linh, một buổi sáng vào giữa tháng giêng, cán bộ quản giáo của trại báo tin là chúng tôi được phép gởi thư cho gia đình để xin gởi một “thùng quà Tết”:

“Đảng và nhà nước trong tinh thần khoan hồng vô biên đã quyết định cho phép các anh viết thư về cho gia đình và xin gửi một kiện quà năm kíp trong dịp Tết Nguyên Đán cổ truyền. Chúng tôi sẽ cung cấp cho mỗi người một phong bì và một tờ giấy cỡ giấy học trò; tuy vậy cấm các anh không được nói là các anh đang ở đâu, dấu là một cách gián tiếp. Nếu các anh xin quần áo ấm, các anh chỉ nói là các anh cần dùng những thứ ấy, nhưng đừng viết là các anh ở một vùng lạnh; tất cả đồ nước và đồ dễ hư đều bị cấm, cũng như rượu, trà, cà phê hay là muối **(8)**. Mọi vi phạm những khuyến cáo này, sẽ có hậu quả là thư các anh sẽ bị hủy bỏ. Những kiện quà mà gia đình các anh muốn gửi, phải đem đến khám Chí Hoà, chúng tôi sẽ ở đó những ngày 25 và 26 tháng chạp âm lịch để nhận. Hãy nộp thư đừng dán lại và trên phong bì các anh để tên các anh và tiếp theo là các chữ : T.D. 52-A, Chí Hoà ‘ nghĩa là Tiểu Đoàn 52-A, khám Chí Hoà.

Nhiều gia đình chúng tôi, đọc địa chỉ người gửi như thế tưởng là chúng tôi bị nhốt ở khám Chí Hoà, ở ngay tại Saigon. Chúng tôi tất cả đều hài lòng, rất hài lòng, mặc dầu sự khoan hồng của Đảng và Nhà Nước hãy còn xa, thật xa với sự khoan hồng của tên độc tài “đáng tởm” Pinochet. Thay vì được thăm nuôi, gia đình chúng tôi phải chấp nhận chỉ được tin là chúng tôi chưa chết và đang bị nhốt tại một nơi nào đó ở Việt Nam.

Những kiện quà Tết đến với chúng tôi vào đúng ngày mùng một Tết. Những xe vận tải của công an đã chở quà từ Sai gon ra chạy cả ngày và đêm. Chạy cả ngày lẫn đêm, quân giáo nhắc lại nhiều lần để cho chúng tôi nhận ra lòng tốt vô bờ bến của Đảng và Nhà Nước, qua sự tận tụy của những cán bộ chính trị và kỹ thuật của công an bộ Nội Vụ.

Từ ngày 25 tháng chạp âm lịch, chúng tôi được biết ít nhiều một cách bán chính thức về những biện pháp mà ban giám đốc đã quyết định để giúp chúng tôi “ăn” một cái Tết vui vẻ: sẽ thịt năm con heo để chẻ chén trong những ngày Tết: bốn bữa cơm thịnh soạn, một bữa lúc giao thừa, hai bữa ngày mùng một và một bữa khác vào sáng mùng hai. Thêm nữa mỗi người được hai chiếc bánh chưng (chiếc bánh cổ truyền, làm với nếp, nhân thịt và đậu); sẽ có những trận bóng chuyền và những cuộc chơi cờ tướng giao đấu giữa những phòng khác nhau; người ta cũng cho chúng tôi giấy màu và tre để làm lồng đèn và hoa giả nữa!

Nhưng hỡi ôi! người buồn cảnh có vui đâu bao giờ! **(9)**

Quả thật, sau phút ngắn ngủi vui vẻ, lúc nhận được quà và tin tức gia đình, thì buồn bã và u sầu sâu đậm lại trở về xâm chiếm chúng tôi; thậm chí nhiều người đến nằm bẹp xuống chiếu, tay ôm đầu như để hoài niệm lại quá khứ và những ngày Tết đã sống trong không khí ấm cúng của gia đình.

Cảm giác đói cồn cào cũng được tạm thời xoa dịu bởi bốn bữa ăn thịnh soạn và thêm vào đó vài món đồ ăn của kiện quà gia đình gửi, bây giờ chúng tôi đã có thể chịu đựng cái lạnh đông hàn khi đã có quần áo ấm của gia đình gửi đến. Chúng tôi chỉ còn nghĩ thật nhiều về gia đình, về quá



khứ, tiếc nhớ những giây phút hạnh phúc gia đình mà chúng tôi đã để qua đi, cầu mong những ngày tốt đẹp hơn cho gia cảnh và cho Tổ Quốc nữa. Sáng ngày mùng một Tết Nguyên Đán, sau khi mừng tuổi và chúc nhau “một năm mới tốt lành và mau chóng trở về”, tôi tách rời ra một góc phòng với ba người công giáo khác ở cùng phòng để cầu nguyện. Lời khấn cầu kết thúc của chúng tôi là theo gương của “Người sẽ trở lại trong Vinh Quang”, chúng tôi cũng vậy, chúng tôi sẽ trở lại trong Vinh quang, không phải vinh quang của chúng tôi, mà là Vinh Quang của Giáo Hội hiện nay bị áp bức và của Tổ Quốc hiện nay bị chà đạp!

Trong những tháng sau Tết, lạnh giảm dần, nhưng thực phẩm thì ngày càng dở hơn. Cơm dần dần bị thay thế hoặc bằng bắp nghiền vụn, hoặc bằng bo bo còn nguyên vỏ chưa chà. Món ăn duy nhất giúp chúng tôi sống sót là một cục bột tròn nhỏ độ 120 gr (được một người bạn làm kế toán trong bếp cân) làm bằng bột mì nhồi mà không lên men, và được hấp chín sau đó. Cái hòn bột này là bữa cơm sáng của chúng tôi trong một thời gian dài, nhưng dĩ nhiên là lượng bột dành để làm bánh này được trừ trong khẩu phần hàng tháng về gạo, bắp và bo bo cung cấp cho chúng tôi. Về rau, với xuân về, chúng tôi có lại rau muống, hay cần tàu, nhưng chất bổ dưỡng chúng cung cấp không đáng kể. Những ca suy mòn chết người xảy đến, dù có những viên đa sinh tố hầu như mọi người đều nhận được do gia đình gửi. Không có gì thay thế được ca-lô-ri thiếu hụt hay những chất đậm động vật cần thiết, mà trọng lượng giới hạn của thùng quà gia đình ngày Tết không cho phép gửi cho chúng tôi. Vào tháng 5, người ta cho phép gửi một lần nữa, rồi một lần nữa vào tháng 9.

Người đầu tiên bỏ mình vì suy mòn là người bạn đồng đội của chúng tôi, đại tá Đỗ Kiến N., cựu quận trưởng một quận Saigon. Người khá vạm vỡ, anh ấy thuộc thành phần những người chịu đựng rất khó khăn việc ăn uống thiếu thốn; anh phì ra, bị phù khắp cả người và đi đứng khó khăn. Cán bộ y tế ngây thơ tưởng là chỉ cần kiêng muối cho cơ thể là làm biến mất bệnh phù, đã cho anh ăn cháo với đường, điều này làm cho anh yếu thêm! Lúc bấy giờ anh ấy thêm muối đến nỗi anh đã đổi với người cùng bị giam những muống đường của gia đình gửi để lấy một tí muối! Một buổi sáng, sau một đêm lạnh hơn thường lệ trong mùa, không thấy anh ấy cử động khi tới giờ thức dậy, nhiều bạn bè nằm gần anh đến đánh thức anh, nhưng anh không trả lời, dù anh còn thở một cách yếu ớt. Chúng tôi báo động với cán bộ trực, người này tới, nhìn kẻ hấp hối, rồi gọi hai người thường phạm đem đến một cánh cửa dùng làm cánh khiên. Chúng tôi đặt anh lên chiếc “băng ca” chế biến, đắp mền cho anh, rồi chúng tôi thấy người cán bộ gác và những người khiêng cáng khuất sau chiếc cửa buồng thông ngăn cách chúng tôi với thế giới bên ngoài! Buổi xế trưa, cán bộ quản giáo nhờ chúng tôi làm bản kê khai những đồ dùng cá nhân mà N. đã để lại ... sau anh!

“Vì sao N. chết ?”

-Vì đói! Tất cả các bạn tù thì thảm.

*“Vì bệnh phù thũng.” Cán bộ công an tuyên bố.*

*“Vì suy nhược tổng quát”*

*Ban y tế của trại đã báo cáo như thế trong những trường hợp tương tự, như tôi đã có thể nhận xét sau này, khi tôi được ủy thác phụ trách bệnh xá của khu chính trị của trại.*

*Vào thời kỳ này, chưa có ban y tế thật sự cho tù nhân chính trị. Nhiều nhất là họ có người cán bộ y tế mà tôi đã nói tới, người mà một hay hai lần một tuần đến gặp chúng tôi và phân phát một vài viên thuốc. Một đội y khoa của bệnh viện Bạch Mai Hà Nội có đến một lần, nhưng thật ra là để khám cho nhân viên của trại dù người ta cũng có đem ra cho họ vài tù nhân bị bệnh. Có một loại “kết nghĩa” nào đó giữa trại tập trung 52 và một ban của nhà thương Bạch Mai. Hàng năm, một hay hai lần, nhà thương gửi một đội y sĩ đến khám cho nhân viên bị bệnh, và bù lại trại cung ứng cho nhà thương sản phẩm nông nghiệp của trại. Vào dịp này, khoảng hai mươi người trong chúng tôi được phép đến đội y khoa này khám. Tôi ở trong số đó vì bệnh tiểu đường của tôi. Cuộc thăm bệnh diễn ra trong một căn phòng ở sát phòng gác gần cửa ngõ ra vào. Người cán bộ y khoa bảo tôi đưa một lọ nước tiểu để thử nghiệm chất glu-cô trước khi dẫn tôi vào phòng khám. Ở đó có một chiếc bàn lớn chung quanh có năm người ngồi, một người làm thư ký. Trong số những người khác có một khuôn mặt mà tôi nghĩ đã biết trước đây, có thể là một bác sĩ, hồi xưa là sinh viên trường đại học y khoa Hà Nội vài năm sau tôi. Trong suốt cả buổi khám ông ta không nói gì cả và không có vẻ gì đã nhận ra tôi. Một người khác khám cho tôi hỏi tôi về bệnh lý, khám tôi một cách sơ sài, rồi hỏi tôi dùng thuốc gì và hẹn sẽ gửi thuốc ấy cho tôi một khi ông trở về bệnh viện. Cũng như đối với những tù nhân khác đến khám bệnh, những món thuốc hứa hẹn gửi đến đã không bao giờ đến!*

*Trong số các bệnh nhân có một cựu thiếu tá đã làm việc ở phủ Thủ Tướng và vì chức vụ này đã trình diện cải tạo như công chức dân sự; anh ấy đã sốt từ nhiều ngày và bị đau ở ngực. Khi được phép khám bệnh, người ta nói là anh ấy không có gì trầm trọng cả nhưng người ta gửi anh ấy đến bệnh xá của “thường phạm” để chích thuốc... Xế trưa, khi tôi nói chuyện với anh trong sân chơi, anh ấy kể bệnh cho tôi nghe và than đau ở ngực. Tôi đề nghị khám cho anh ấy và tôi đã áp tai vào lưng anh. Lúc bấy giờ tôi nghe rõ ràng những dấu hiệu của chứng viêm phổi. Tôi khuyên anh kiếm cho được vài viên thuốc kháng sinh để chữa bệnh bằng cách hỏi xem bạn nào có thuốc ấy. Quả thật theo lời anh nói, những mũi thuốc người ta chích cho anh là sinh tố B1. Tôi không bao giờ biết là anh có kiếm được kháng sinh hay không, nhưng anh tiếp tục đi tới cái chòi nhỏ “bệnh xá” và vài ngày sau đó, anh qua đời.*

*Sau cái chết này, và vài cái chết khác nữa, cán bộ y tế đến thường xuyên hơn, hầu như mỗi ngày, và ‘kê’ những mũi chích mà chúng tôi đi chích ở chòi lá nhỏ, đặt tại cuối đường lộ chính, lúc bấy giờ dùng làm phòng khám bệnh cho thường phạm. Còn đối với chúng tôi sự cảm cung cũng bớt*

*nghiêm khắc hơn và nhiều lần những thường phạm đến khu chúng tôi để sửa nhà hoặc hệ thống dẫn nước!*

*Vào khoảng tháng 5, cùng một lúc với việc cho phép chúng tôi viết thư cho gia đình để xin một kiện quà nữa, người ta báo cho chúng tôi biết là ít lâu sau sẽ có một khoá học mới “đặc biệt quan trọng” vì nó bắt đầu một giai đoạn mới trong chương trình cải tạo của chúng tôi, giai đoạn cần thiết để hoàn thiện việc cải tạo sau giai đoạn này chúng tôi có thể được phép trở về với gia đình.*

*Vài ngày sau đó, người ta bắt đầu chuẩn bị cho khoá học đặc biệt này. Trước phòng chúng tôi và chiếm cả diện tích sân, người ta cất một dàn lớn làm bằng những tấm tre đan. Người ta xếp trong đó độ sáu mươi băng ghế học trò mượn được ở đâu không biết. Ở một đầu có bục gỗ, trên đó đặt một chiếc bàn phủ vải đỏ, kèm hai bên là hai bàn khác và đằng trước là một cái bục để đọc và một máy vi âm; còn loa phóng thanh thì được treo ở đâu kia của ‘căn phòng’. Trên hai vách ngăn, cái ở sau bục gỗ, cái ở cuối phòng có treo nhiều biểu ngữ, mà một cái mĩa mai công bố rằng: “Không có gì quý hơn Độc Lập và Tự Do”. Một tấm khác, hợp với hoàn cảnh chúng tôi hơn, khuyên rằng: “Hãy thú tất cả, thú thật”. Trái lại không có cờ Việt-Cộng và người ta cũng không hát quốc ca vào buổi khai giảng khoá học... Là tù chính trị, chúng tôi có lẽ không đáng được những nghi thức này, càng tốt cho chúng tôi! ...*

*Ngày quan trọng đã đến, nhiều cán bộ từ bộ Nội Vụ tới trong đó có một thứ trưởng, người mà chúng tôi đã gặp ở phi trường Gia Lâm. Những đề tài thuyết trình gồm có bốn mục :*

- Thế giới xã hội chủ nghĩa hiện thời. Chỗ đứng của Việt Nam trong thế giới sau ba chiến thắng trên đế quốc Pháp, Nhật và Mỹ.*
- Vai trò giáo dục của lao động tay chân.*
- Sự cần thiết tự cải tạo và giúp các bạn đồng cảnh tự cải tạo*
- Sự tuân theo nội quy của trại.*

*Mỗi bài học, được tiếp nối vào buổi chiều, có khi cả ngày hôm sau bằng những buổi thảo luận từng nhóm để thêm “những sự kiện khách quan” xác định sự chính xác của quan điểm trình bày. Cũng có một phiên thứ năm toàn bộ, để các học viên có thể bày tỏ sự hài lòng của họ và “sự cam kết thực hiện những mục tiêu do thuyết trình viên đề nghị”. Có khoảng 15 người “tình nguyện” lên trước bục cảm ơn sự ân cần của đại biểu bộ Nội Vụ đã áp dụng chính sách khoan hồng vô biên của Đảng và Nhà Nước đối với tù nhân và cam đoan cương quyết tự cải tạo bằng cách theo lời chỉ bảo của những cán bộ của trại và bằng cách tôn trọng nội quy; một vài người đã không ngần ngại tuyên bố cương quyết sẽ tố cáo những kẻ nào vi phạm kỷ luật hay nói những lời phản động! Sự “cương quyết này” làm cho nhiều người trong chúng tôi khó chịu và những cán bộ cũng vậy họ tiếp đón với nhiều ngờ vực.*

Sau khoá học, người ta bảo chúng tôi “viết ra”, kể lại đời sống của mình từ thuở thơ ấu, không quên lý lịch của cha mẹ, cha mẹ vợ và thậm chí cả ông bà! Người ta cho chúng tôi một thời hạn là hai tuần để thảo tiểu sử này và nếu ai muốn thì có thể nói thêm thời hạn này.

Trong suốt thời kỳ này, chúng tôi được tự do ngồi viết hay đi dạo trong sân, để “suy nghĩ”. Nhiều khi những cán bộ của bộ Nội Vụ đến chuyện trò thân mật, hoặc nói chuyện riêng với một người, thường khi với những nhóm nhỏ của chúng tôi họp lại. Họ thường gọi đến địa vị quốc tế của Việt Nam. Theo họ và cũng theo những gì có thể đọc được trong báo của Đảng, tờ Nhân Dân và tờ Quân Đội Nhân Dân, chúng tôi được biết là Nhà Nước mong muốn được nhận vào tổ chức Liên Hiệp Quốc, nhưng vài tháng trước đây, họ đã bị ngăn chặn bởi quyền phủ quyết của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ ở Hội đồng Bảo An. Các báo chí chỉ trích mãnh liệt Hoa Kỳ, kết án họ là bất công, bất lương, cư xử như kẻ lưu manh, đã không hổ thẹn vi phạm quyền lợi của Việt Nam đạt được sau những chiến thắng vinh quang trên cả ba đế quốc thực dân, và đặc biệt là đế quốc Mỹ được coi là nham hiểm nhất. Vài tuần sau đó, báo chí loan báo rằng thực dân Mỹ, dưới áp lực và chỉ trích nhất loạt của mọi quốc gia trên thế giới, đã phải chấp nhận mở cuộc đàm phán với Việt Nam ở Ba Lê để sửa soạn sự gia nhập vinh quang của nước ta vào Liên Hiệp Quốc.

Những tin tức này được chúng tôi rất chú ý; chúng tôi nói chuyện với nhau nhiều về tin này. Riêng tôi, tôi bàn cãi về đề tài này trong nhiều tuần vào những giờ nghỉ trước bữa cơm chiều với anh bạn Nguyễn Duy Xuân (10), nguyên viện trưởng đại học Cần Thơ, một tiến sĩ kinh tế. Họ có lợi ích gì để mở cuộc thương thuyết với Việt Cộng, những kẻ đã vi phạm một cách trắng trợn hiệp định Paris bằng cách gửi quân đội chính quy Bắc Việt xâm chiếm miền Nam? (Điều mà tướng Văn Tiến Dũng của họ đã viết rõ ràng trong cuốn sách “Mùa Xuân Đại Thắng” của ông). Theo các báo, Việt Cộng đòi Hoa Kỳ phải trả cho họ nhiều tỷ đô-la mà dường như Tổng Thống Nixon đã hứa hẹn cho hai miền Việt Nam khi có hoà bình! Tất cả chuyện này thật là phi lý. Những đồng đô-la dành để củng cố hòa bình không thể tưởng tượng xâm lược, theo sự suy nghĩ của chúng tôi. Tuy vậy phải công nhận rằng chúng tôi một phần nào ở trong hoàn cảnh éch ngòai đáy giếng, chỉ nhìn thấy một phần nhỏ xíu của vòng trời lại muốn miêu tả vũ trụ! Nhưng bàn chuyện về vấn đề này làm chúng tôi thích thú biết bao!

Đối với chúng tôi, Hoa Kỳ không còn quyền lợi thật sự nào ở Việt Nam nữa: tù binh Mỹ đã được trao trả từ năm 1973-74. Những xác chết của anh Mỹ ư? Điều này có quan trọng đến thế chẳng? Khi mà Hoa Kỳ, theo sự hiểu biết của chúng tôi, đã không làm gì cho những người lính Mỹ thiệt mạng ở Bắc Hàn! Trái lại Hoa Kỳ còn có một “quân bài then chốt” thật quan trọng: đó là quyền phủ quyết ở Hội đồng Bảo An. Nghe các câu chuyện của các cán bộ bộ Nội Vụ và đọc những bài báo của hai tờ báo đảng, chúng tôi nhận thấy là Việt Cộng mong muốn thiết tha biết bao để được nhận vào Liên Hiệp Quốc, họ cho đó là một sự thừa nhận địa vị quốc gia văn minh độc lập. Với quyền phủ quyết này, theo sự suy nghĩ của chúng tôi, Hoa Kỳ có thể đòi Việt Cộng được nhiều điều, ngoại trừ việc phải ra khỏi Nam Việt Nam? Họ có thể, chẳng hạn, đòi hỏi hoàn trả mọi hài

*cốt của lính Mỹ bị giết ở Việt Nam, yêu sách cả việc thả hết những quân nhân và công chức Việt Nam bị nhốt trong các trại tập trung cải tạo! Sự chấp nhận Việt Nam đáng lẽ chỉ được thực hiện sau khi hai điều kiện này được thỏa mãn!*

*Liên quan đến việc trả tự do, chúng tôi không hề có tin tưởng về tính đa cảm của người Mỹ? Phải chăng người ta đã nhận rằng họ là những người thực tế nhất hoàn vũ? Nhưng cũng vì lợi ích riêng của họ nữa! Vì nếu không chính họ đích thân cố gắng đem chúng tôi ra khỏi những trại tập trung thì còn nhà chính trị nào của thế giới thứ ba, đặc biệt là ở Đông Nam Á, nơi mà hiểm họa Cộng Sản còn nhan nhản khắp nơi, lại có thể chấp nhận làm việc tay trong tay với họ? Trong cố gắng đạt được tự do cho chúng tôi họ có thể nhờ đó chứng tỏ rằng liên minh chống cộng không chỉ giới hạn đơn thuần vào việc bênh vực quyền lợi của Mỹ.*

*Ít lâu sau, báo chí loan tin Việt Cộng và Hoa Kỳ đã đi đến một thỏa hiệp và nước Việt Nam sẽ được nhận vào Liên Hiệp Quốc. Vậy thì họ đã được cả thế giới nhìn nhận là kẻ chiến thắng các cường quốc thực dân Pháp, Nhật và Mỹ! Như vậy là không còn ai lo đến chúng tôi nữa cả. Còn bao lâu nữa thì vấn đề của chúng tôi mới được giải quyết? Hoài công hy vọng, từng tuần, từng tháng cứ thế trôi qua, và chúng tôi phải nhấn nhục cam phận nhận thức rằng chính sách “trả đũa từng bậc” lần này được áp dụng vào ngoại giao. Trong chiến tranh cũng như trong các cuộc điều đình, người Hoa Kỳ ngây thơ bao giờ cũng biểu không cho đối thủ những lá bài tốt.*

#### **Chú Thích:**

*(7) Để so sánh, đây là vài chi tiết về khẩu phần lương thực của tù nhân ở nhà lao Côn Sơn (đảo Poulo Condor) ở Miền Nam, dựa theo những kết quả một cuộc điều tra mà chính phủ thuở ấy không biết. Những con số này trích ra từ một luận án y khoa bác sĩ, đệ trình tại Trường Đại Học Y Khoa Saigon năm 1979, luận án của Bác Sĩ Nguyễn Văn Khuông, nguyên Trưởng Phòng Y khoa đảo Côn Sơn:*

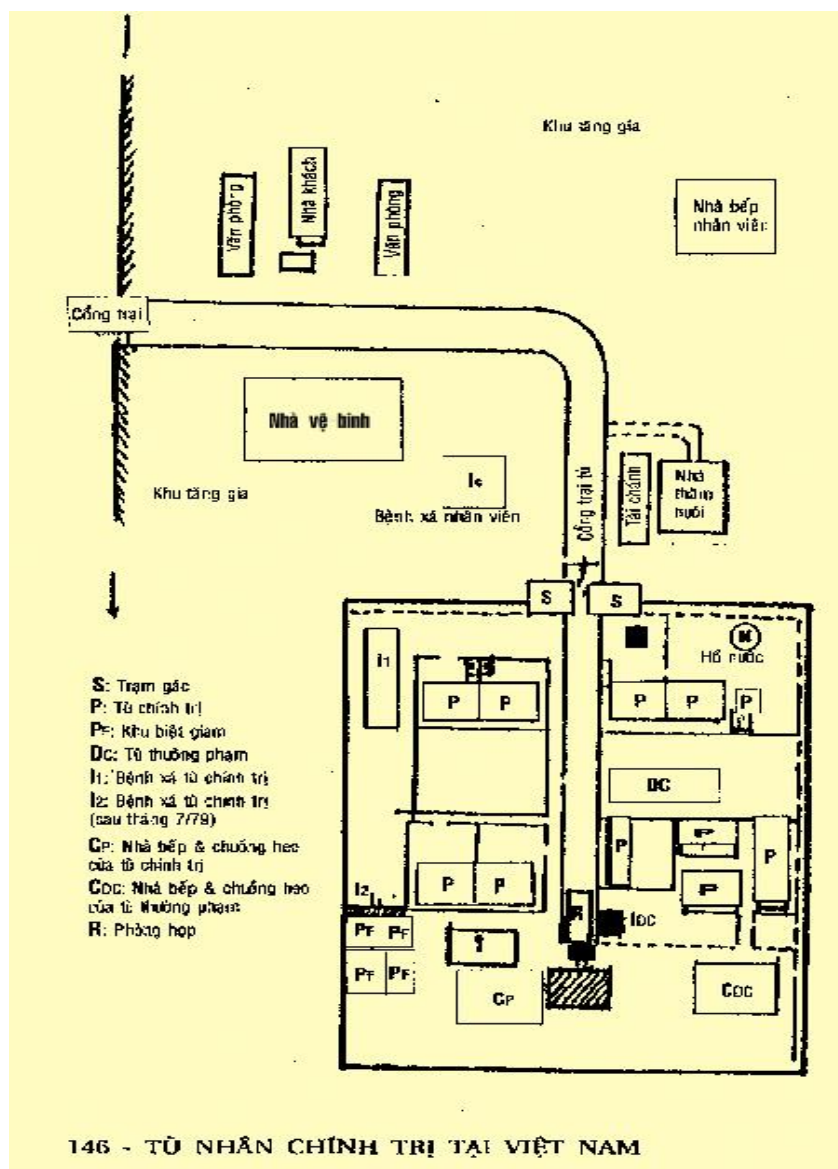
|                              |                              |
|------------------------------|------------------------------|
| <i>Giá trị dinh dưỡng</i>    | <i>1791calories/mỗi ngày</i> |
| <i>Glucides (chất đường)</i> | <i>335 g</i>                 |
| <i>Chất đạm</i>              | <i>52,54 g</i>               |
| <i>Chất béo</i>              | <i>4,26 g</i>                |
| <i>Sinh tố A</i>             | <i>1458 đơn vị</i>           |
| <i>Sinh tố B1</i>            | <i>52 microg</i>             |
| <i>Sinh tố B2</i>            | <i>71,37 microg</i>          |
| <i>Sinh tố C</i>             | <i>60 mg</i>                 |

*(8)Muối biển bị cấm vì trong phim “ca ngợi hoạt động phản tình báo cộng sản” một tù nhân đã để muối hột ở chần song sắt cửa sổ xà lim của anh; với thời gian muối ấy đã ăn mòn sắt chần song và người tù đã bẻ song trốn thoát.*

*(9)Đó là câu thơ thứ 1244 của tập thơ nổi tiếng Kim Vân Kiều của thi nhân Việt-nam! Nguyễn Du (1765-1820). Chuyện một cô gái đẹp, thông minh, tài hoa . . . mà để cứu cha bị vu oan và bị hạ ngục, cô ta phải*

bán mình cho một người nhưng người này chỉ là một tên lừa bịp, đã bán cô lại cho một mụ tú bà. Sau nhiều biến cố: hai lần trong lầu xanh, hai lần tự tử hụt, hai lần trốn trong chùa, sau cùng cô trở về được với người yêu cũ và cha mẹ.

(10) Nguyên Duy Xuân, tiến sĩ kinh tế, nguyên viện trưởng Viện Đại Học Cần Thơ, Bộ Trưởng Giáo Dục cuối cùng dưới thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu. Bị nhốt cải tạo lao động cưỡng bách từ năm 1975, chuyển sang trại 52A năm 1976, rồi sơ tán năm 1983 với tù nhân chính trị khác về trại Hà Nam Ninh, để dành chỗ tù lại, theo lời đồn đại, cho các bạn bè của Hoàng Văn Hoan, một thành viên của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam, trong một chuyến du hành đi Mạc Tư Khoa, đã xin tị nạn trong toà Đại Sứ Trung Quốc tại Karachi. Nguyên Duy Xuân đã chết ở đây vì ung thư cổ họng mà không bao giờ được điều trị đàng hoàng.



## CHƯƠNG VI

### CẢI TẠO LAO ĐỘNG CƯỜNG BÁCH



Vào lúc đó, đời sống ở trại của chúng tôi đã bắt đầu thay đổi hẳn không còn những phiên đọc báo sáng và trưa. Chỉ còn phiên đêm trước giờ tắt đèn. Bây giờ mọi người phải lao động bằng chân tay để hoàn thiện cải tạo với mồ hôi trên trán. Đầu tiên người ta tách riêng những người lớn tuổi, trên năm mươi lăm ra khỏi những người trẻ hơn. Những người già này, trong đó có tôi được xếp vào thành phần “đội đan lát”, còn những người trẻ hơn được phân chia ra thành nhiều đội, mỗi đội có một hoạt động đặc biệt: nghề mộc, nghề rèn (mà hoạt động chính là chế tạo đinh), làm gạch ngói, và công việc đồng áng.

Ngoại trừ ngành đan lát, làm việc ngay trong sân nhà, mọi đội khác đều đi làm ở bên ngoài “khuôn viên tù nhân”. Đội công nhân nông nghiệp còn ra khỏi trại nữa.

Mỗi buổi sáng, lúc bảy giờ chúng tôi tập hợp ở trong sân nhà; mỗi người đứng trước nhà mình. Rồi quản giáo điếm danh và dẫn những người tù khổ sai (vì đúng là thế) vào con đường lớn ở giữa; họ ở đó đợi cho mọi người khác đến, kể cả các ‘thường phạm’. Tổng giám thị đứng gần phòng gác gọi tên từng đội một, mỗi đội đi ngang trước mặt anh ta và báo cáo số người có mặt trong đội rồi ra ngoài bằng cổng lớn, có người cán bộ quản giáo đi kèm.

Một khi ra ngoài, một trung đội lính gác vũ trang nhập vào mỗi đội và đi theo đội này cho đến khi trở về trại khoảng 11 giờ sáng. Buổi chiều, vào 14 giờ, cũng những thủ tục ấy diễn lại cho lần xuất trại thứ hai của tù nhân và trở về vào 17 giờ. Chúng tôi làm việc như vậy sáu ngày trong tuần; ngày chúa nhật dành để giặt giũ, khâu vá quần áo cũng như dọn dẹp đồ đạc và quét dọn thu vén nhà cửa.

Ngoại trừ nghề đan lát ít mệt nhọc, công việc trong những đội khác thật kiệt sức vì dụng cụ quá cổ xưa.

Thợ mộc chỉ có những dụng cụ thủ công chế tạo bằng tiểu công nghệ, ngay đến cả việc xẻ những thân cây lớn thành ván, người ta còn dùng những lưỡi cưa lớn mà hai hoặc ba người luân phiên nhau kéo, hai người đứng dưới đất, người thứ ba đứng trên thân cây được giữ nghiêng với mặt đất bằng những cây chống, công việc này thật nặng nhọc, người cưa cây phải thường xuyên thay phiên nhau. Những đồ chế tạo có phẩm chất xấu: ghế đầu, ghế dựa, bàn, ghế dài, kệ tủ được dùng ngay trong trại hoặc bán cho trường học, xưởng hay hợp tác xã quốc doanh ở trong vùng.

Thợ rèn sử dụng phần lớn thì giờ của họ để dùng búa đập bẹp những tấm tôn gợn sóng, làm thành những xô, những thùng lớn nhỏ để chứa hoặc chuyển nước đi; họ cũng chế tạo đinh sắt, từ những giây kẽm gai họ bắt đầu tháo gỡ những gai nhọn đi, sau đó tách rời những sợi dây ra,



đạp cho thẳng bằng búa, rồi họ bỏ những giầy này vào máy cán bằng bàn đạp để làm thành những cái đinh.

Phần tế nhị nhất của việc chế tạo gạch ngói là khi chất gạch hoặc ngói vào lò để nung và việc canh độ nung. Trước khi chúng tôi đến, trại đã bắt đầu việc chế tạo này, người ta phải thuê một người làm gạch hạng ‘thầy’ trong vòng hơn một năm để dạy nghề cho ‘tù thường phạm’. Khi các bạn tù nhân chính trị chúng tôi đến làm việc ở lò gạch, hai tù thường phạm ở lại phụ trách kỹ thuật và điều khiển việc làm của họ. Các bạn chúng tôi có nhiệm vụ đào sâu đất để lấy đất sét lên, nhào nắn nó, rồi cho vào khuôn làm thành những viên gạch ướt, rồi phơi ra nắng trước khi bê chúng vào lò và xếp chúng theo lời chỉ dẫn của chuyên viên thường phạm. Đào đất thật là nặng nhọc vì chỉ thuần làm bằng cuốc và bằng mai. Những di chuyển gạch trước và sau khi nung cũng làm kiệt sức vì hoặc họ bê bằng hai tay từng đồng gạch cán vào trước ngực, hoặc trên cáng bằng tre đan.

Nhưng nặng nhọc nhất là công việc của những người làm ruộng. Dụng cụ làm việc duy nhất của họ là cái cuốc, vì hai con trâu của trại đã chết lạnh trong mùa đông trước. Đó là hai con trâu mà chúng tôi đã ăn da. Mùa hè, đất nứt vì nắng, cứng như đá; mùa đông sau những trận mưa lụt, người ta lội bì bõm, có khi tới háng trong bùn lầy mà đĩa bơi lội xung quanh. Các bạn chúng tôi bị ám ảnh bởi sợ đĩa chui vào hậu môn hay đường tiểu. Tuy nhiên trong suốt thời gian làm việc ở bệnh xá, tôi chưa thấy trường hợp nào như vậy cả nhưng nhiều tù nhân đã bị đĩa cắn chung quanh hậu môn hay ở chỗ đường tiểu. Họ đã bắt đĩa vất đi, nhưng máu vẫn còn chảy khá lâu, và điều này làm họ rất sợ hãi.

Còn về nghề đan lát của chúng tôi, thật là ít mệt. Trong nhóm tôi có một nghị viên hội đồng tỉnh biết nghề đan lát và anh ấy được chỉ định làm huấn luyện viên. Cái khó nhất trong nghề thủ công này, không phải là việc đan mà là việc chế tạo những que thật nhỏ hay là những nan (lát) thật mỏng dùng để đan; tre còn tươi, trước hết được cắt thành những khúc dài theo nhu cầu rồi chẻ ra từng thanh dài. Phải làm được những que nhỏ và mỏng nhưng không gãy khi đan lát. Công việc thật tỉ mỉ, dùng con dao thật sắc, phải khéo léo và thận trọng nếu không sẽ bị đứt tay dễ dàng.

Sự thay đổi hoạt động này, cho chúng tôi có dịp tiếp giáp với thế giới bên ngoài thường xuyên hơn, đem lại nhiều hậu quả trên đời sống tù khổ sai của chúng tôi.

Vừa mới bắt đầu làm việc ở đồng ruộng, ở xưởng hay công trường, nghĩa là ra khỏi khuôn viên nhà tù chừng gần một tuần, thì một buổi sáng ngay sau khi điểm danh xong, quản giáo ra lệnh cho chúng tôi trở về phòng và trở ra với tất cả túi, xách đựng đồ dùng cá nhân. Với một người cai tù phụ lực nữa, anh ta khám xét tỉ mỉ căn phòng, nhìn kỹ dưới chỗ nằm cũng như kệ trên đầu, sau đó anh ta bảo chúng tôi mở túi bị ra để kiểm soát đồ dùng ở trong; tất cả đồ vật kim loại hơi



sắc hay nhọn một chút xíu đều bị tịch thu. Thật là khó lòng thuyết phục họ để lại cho chúng tôi dao cạo râu an toàn (loại lưỡi gillette), còn về phần những hộp bằng sắt trắng, như những hộp bánh bít-quy rộng dùng để cất xếp các đồ lặt vặt thì có người gác dung thứ, có người tịch thu; cũng thế đối với những khúc dây thép hay dây điện mà chúng tôi đã nhặt được, vì đó là thói quen của tù nhân ở khắp nơi, thu lượm để phòng cho những nhu cầu bất chợt. Sự kiểm soát này sau đó tái diễn mỗi hai hay ba tháng.

Một hậu quả khác: sự cô lập nghiêm ngặt mà chúng tôi phải chịu trong sáu tháng đầu được từ từ nói rộng. Tù thường phạm sửa sang hay bảo trì cho khu chúng tôi đã không còn những công an đi theo họ nữa và đã có thể trò chuyện ít nhiều với chúng tôi. Chính những cai ngục, những người không có trách nhiệm gì trực tiếp, thỉnh thoảng đến chuyện gẫu với một vài người trong nhóm chúng tôi.

Cứ như vậy cho đến một buổi xế trưa chúa nhật, trong khi nhiều người đang ngồi nói chuyện, tôi thấy một ông già nhỏ thó, mặc một chiếc áo cánh và một cái quần nâu, vào phòng với những bước chân thắc nịch, đi về phía nhóm chúng tôi và ngồi xuống không chút kiểu cách. Một vài người trong bọn chúng tôi đã biết ông ấy ở bệnh xá, chào ông ấy : “Chào bác sĩ!”. Nhưng ông ta trả lời: “Tôi không phải là bác sĩ, tôi cũng như các anh!”

“Như chúng tôi ư”. Tôi tự hỏi ông ta muốn nói gì đây Như chúng tôi, những tù nhân? Nhưng quần áo ông ấy mặc không có số và là màu nâu, trong khi áo quần của tù nhân là màu xanh thợ thuyền; và thêm nữa một tù nhân không đi lại như vậy trong trại và nhất là đột nhập vào khu của chúng tôi.

Lúc bấy giờ, chúng tôi đang nói về vấn đề nước. Nước trong bồn bơm từ một cái hồ ở bìa trại và một làng lân cận, và dân làng dùng nước ấy cho mọi chuyện.

“Chúng tôi đã bảo họ -ông ấy nói- đừng để trâu bò đến uống thẳng trong hồ, nhưng không chắc là họ nghe lời, các anh không nên uống nước này, chỉ nên uống nước trà mà người ta đem cho các anh mỗi ngày”.

Cái câu “chúng tôi đã bảo họ” này có vẻ chỉ dấu rằng ông già nhỏ thó này phải là một cán bộ của trại. Ông ấy ở lại nói chuyện khá lâu và chỉ rời đi khi chúng tôi sửa soạn ăn bữa cơm chiều mà thôi. Sau khi ông ấy đi rồi, những người đã chào ông ấy bằng câu “Chào bác sĩ!”, kể rằng: chính ông ấy làm mọi việc ở bệnh xá, hỏi han bệnh nhân, thỉnh thoảng nhưng rất hiếm khi khám bệnh và phát mọi thứ thuốc. Quả thật không còn thấy cán bộ y tế như chúng tôi đã biết, nhưng thường thường có một cán bộ công an có mặt ở bệnh xá người này không khi nào can thiệp vào việc làm của ông Huệ, tên của ông già này.

Một đêm, một người bạn vốn bị bệnh suyễn, lên cơn suyễn nặng. Chúng tôi kêu cứu và gọi người

lính gác đang đi tuần. Họ đến, rồi đi tìm ông Huệ. Một lúc sau ông ấy đến, ra lệnh cho người bệnh đến gần cửa sổ và qua chấn song, tiêm cho anh ấy một mũi adrénaline. Trong vài ngày, tôi tự hỏi ông Huệ là ai đây ?

“Một bác sĩ-tù nhân mà người ta đã giao phó cho phụ trách bệnh xá của trại ? Một cán bộ y tá ? Một y tá dân sự làm việc cho trại ?”

Ít lâu sau tôi có dịp biết nhiều về ông ấy. Một hôm, tôi đang ngồi đan giỏ, một cán bộ đến hỏi tôi có muốn lo việc mỗi ngày đi thu thập những lời khai bệnh của tù nhân thuộc những đội khác nhau rồi đến bệnh xá nhận thuốc cấp phát, xong trao lại cho những tù binh bệnh. Tôi vui thích nhận làm việc này, vì nó cho phép tôi, ngoài nhiều điều khác, có thể thăm viếng những phòng khác nhau và như vậy có dịp gặp người này người kia.

Những ngày đầu tôi đến bệnh xá để đưa phiếu khai bệnh của các bạn tù cho ông Huệ. Vì cán bộ y tế không phải lúc nào cũng có mặt, tôi ở lại nhìn ông ấy làm việc mà không nói gì. Ông ấy đọc nhanh phiếu khai bệnh, ghi ở bên cạnh tên mỗi người những thứ thuốc chỉ định, rồi ở cuối phiếu làm tổng cộng mỗi thứ thuốc. Khi đã làm xong các phiếu, ông tổng cộng mỗi thứ rồi mở tủ ra lấy thuốc và giao cho tôi những thứ thuốc đã chỉ định. Trong một cuốn vở nhỏ, ông ấy chỉ ghi lại tổng số của những thứ đã cấp phát cho mỗi đội. Thuốc không có gì khác lạ: thuốc viên aspirine, éphédrine, chất rút từ opium (chống ho và tiêu chảy) ít khi có sulfamides hay tétracycline, những gói bicarbonate de soude. Sau đó tôi đến các đơn vị khác nhau để đưa thuốc hoặc đưa cho chính người bệnh nếu người ấy nghỉ lại ở phòng mình hoặc cho người ‘trực’ của mỗi đội.

Dần dần chúng tôi chuyện trò chút ít, ông Huệ kể cho tôi nghe là ông thiếu úy của ban y tế, người phải lo cho chúng tôi, đã chuyển qua một trại khác đông người hơn trại chúng tôi và có một cán bộ y tế thay thế anh ta; người này có học làm y tá nhãn khoa trong thời gian sáu tháng. Không biết nhiều về y học nhưng là một người mạnh mẽ vì cha anh là một ủy viên của ủy ban nhân dân huyện mà trại chúng ta trực thuộc còn chính anh ta là đảng viên của đảng cộng sản từ lâu rồi và là bí thư của đảng cộng sản trong tổ y khoa của trại, và với danh nghĩa này, anh ta là thượng cấp của cả người nữ bác sĩ điều khiển bệnh xá nữa. Tuy nhiên, đó là một người trung hậu đã để cho ông (ông Huệ) hoàn toàn được tự do điều hành bệnh xá của tù nhân và mỗi tháng đã ký mà không bao giờ phê bình gì cả những báo cáo của ông về sự chi dùng thuốc men hay về những đơn xin cấp thuốc cho tháng tới.

Thỉnh thoảng ông Huệ cho tôi biết nhiều điều thích thú mà từ lâu tôi đã mong muốn được biết, nhưng dù sao tôi cũng còn nghi kỵ ông ấy – vì bệnh “làm mật thám” là một căn bệnh mà chế độ cộng sản đã thành công trong việc tiêm nhiễm dân chúng, tôi không bao giờ cho phép mình hỏi ông một câu trực tiếp, mà đợi có dịp thuận tiện để gợi ra một câu trả lời. Như chuyện di chuyển của người cựu cán bộ y tế, một ngày kia tôi nói với ông là bộ Nội Vụ chắc là có nhiều trại cải tạo

khác cho tù nhân chính trị, ông ấy trả lời thẳng thắn là theo cán bộ y tế, bộ Nội Vụ có tới hai mươi lăm trại tù chính trị và những trại kia có một nhân số cao hơn trại chúng tôi nhiều, khoảng một ngàn tù nhân trong mỗi trại, hầu hết đến từ miền Nam. Trại chúng tôi là trại số 1 của bộ Nội Vụ, nơi cán bộ của Bộ đến hầu như mỗi ngày để khai thác những tin tức cung cấp do việc hỏi cung các tù nhân. Đó cũng là trại mà tù nhân được đối xử đàng hoàng nhất và sau cùng đó cũng là trại người ta đem ra “trình” cho những khách được phép đến thăm viếng, nhất là những nhà báo hay công chức cao cấp của các nước xã hội chủ nghĩa anh em hay của đảng cộng sản các nước bạn. Và lại, trại có một khu đặc biệt gọi là “khu F” trực thuộc bộ, và đối với khu này, trại chỉ có trách nhiệm cung ứng khẩu phần ăn uống và canh gác phía ngoài, tất cả còn lại thuộc quyền cán bộ của Bộ.

Vậy là tù nhân chính trị giam giữ ở những trại tập trung cải tạo bằng lao động ở miền Bắc Việt Nam và trực thuộc bộ Nội Vụ đã xấp xỉ với con số 25,000. Phần đông là thành phần dân sự: cựu công chức từ cấp trưởng phòng, chính khách, dân biểu ở nhiều cấp bậc (quốc gia, tỉnh, quận, thị xã thậm chí có những người chỉ là sở hữu chủ mà thôi (của một cơ sở thương mại quan trọng hay là giao thông) đã phản đối việc tịch thu tài sản của họ. Cũng có một số lớn quân nhân đã từng giữ một chức vụ dân sự hay từng là thành viên của một đảng chính trị, hoặc là đã bị bắt trong một lần toan vượt trốn sau tháng 4 -1975; ở đó cũng có những sĩ quan đã hưu trí mà theo quy định đã không phải ra trình diện học tập cải tạo, nhưng công an địa phương vẫn bắt giữ và gởi đi trại cải tạo ở các tỉnh. Trừ 540 tù nhân được di chuyển từ nhà ngục Thủ Đức vào tháng 8 -1976 bằng máy bay, tất cả mọi người khác đều chịu đựng cuộc hành trình ghê gớm trong những hầm chứa than của tàu hàng, trong những điều kiện so sánh được với một chuồng heo!

Còn những quân nhân bị bắt ở chiến trường hay đã trình diện học tập cải tạo, họ tùy thuộc vào bộ Quốc Phòng. Bộ này có những trại tập trung cải tạo lao động riêng trong những miền núi, gần biên giới với Trung Quốc và Lào. Rất lâu sau này, năm 1981, một người bạn tôi, cựu quân nhân từ trại tù trở về, đã cho tôi biết rằng trong những năm 1977-78, bộ Quốc Phòng đã duy trì ở miền Bắc mười lăm trại cải tạo, mỗi trại gồm có đến cả mười đơn vị phụ thuộc mà nhân số có thể lên đến năm trăm tù nhân ở mỗi đơn vị!

Khoảng hai tháng sau khi bắt đầu học tập việc đan lát đội chúng tôi được lệnh thay đổi hoạt động, từ việc sản xuất thúng rổ, bây giờ chuyển qua việc trồng trọt rau, cải. Quân giáo cắt nghĩa rằng: chúng tôi bắt buộc phải thay nghề vì lúc bấy giờ không thể nào kiếm được tre nữa. Đội chúng tôi cũng như những đội khác, mỗi sáng và xế trưa, bắt buộc phải rời khỏi khuôn viên tù nhân, đi ra một khoảng khá xa, nhưng vẫn ở trong vòng khu ngoại viên của trại. Đội phải sửa soạn một mảnh đất trồng trọt, trước hết là rau muống, rồi thì theo mùa, cần tàu, cải xanh hay là su hào. Công việc dù không nặng nhọc như làm ruộng sinh lầy, nhưng rất dơ dáy và khổ cực, nhất là chúng tôi tất cả đều đã già cả, phần đông đã ngoài lục tuần. Mỗi ngày khi đi làm buổi sáng, luân phiên nhau, một người tù gánh ở hai đầu đòn gánh hai thùng nước tiểu đêm trước để tưới rau cải. Rau cải

cũng được bón bằng phân của tù nhân. Mỗi buổi sáng, từ mỗi dãy nhà, người ta đem những thùng phân đem trước ra đặt ở một góc sân, một đội thường phạm sẽ đến lấy phân và đem ra đổ vào một chỗ chứa ở ngoài khuôn viên tù nhân trên một bãi đất hoang; các bạn tôi đến lấy phân bón, nhiều khi chỉ vài ngày sau đó thôi, lúc còn hơi thối lắm!

Nhờ vào công việc “trung gian y khoa” mà người ta giao phó cho, tôi không phải chính mình dự vào hoạt động nghề nghiệp của đội tôi. Tuy nhiên, bao lâu còn công việc đan lát, mỗi chiều tôi vẫn tiếp tục làm việc với các bạn bè vì khá thú, khi có thể chuyện trò trong lúc uốn nắn các nan tre. Nhưng một khi đội đã bắt đầu đi làm đất ở ngoài khuôn viên của tù nhân, tôi ngừng tham gia vào hoạt động nông nghiệp của đồng bạn.



## CHƯƠNG VII

### TÀI CHÁNH CỦA NHỮNG TRẠI CẢI TẠO



Tôi đã kể lại với ông Huệ về sự thay đổi hoạt động của đội tôi và thêm rằng tôi không hiểu vì sao người ta không thể kiếm ra tre nữa, khi mà có không biết bao nhiêu tre trong vùng.

“Không phải là không có tre ở xung quanh đây, nhưng vấn đề là giá thành của rổ và giỏ quá cao, năm lần đắt hơn giá ngoài chợ. Lúc đầu người ta dùng tre của trại, nhưng bây giờ hết tre rồi nên phải mua tre của làng bên cạnh, và điều đó khá tốn kém.

– Dĩ nhiên chúng tôi mới học nghề, thúng và giỏ không được khéo lắm, nhưng mà dù sao cũng không đến nỗi không bù lại giá tre?

– Còn lương bổng? Lương bổng của những ngày làm việc của các anh?

– Lương bổng của chúng tôi ư?

– Đúng lương bổng của trại trả cho những ngày làm việc của các anh”

Trước sự ngạc nhiên của tôi, ông ấy đã chịu khó cắt nghĩa hệ thống kinh tế của các trại tập trung dưới chế độ cộng sản: tù nhân được gọi vào các trại tập trung hay là ngục tù theo lệnh của bộ Nội Vụ hay của các Ủy Ban Hành Chánh địa phương, tỉnh hay huyện. Những cơ quan này là “sở hữu chủ” của những tù nhân này, vậy họ phải trả phí tổn ăn uống của tù nhân, với giá chính thức là mười lăm đồng cho mỗi người một tháng với quyền mua với giá chính thức mười 2 kilo gạo (hay sản phẩm thay thế gạo và 200 grammes thịt hay cá, cũng tính cho mỗi tháng. Đổi lại, trại

phải trả cho cơ quan đỡ đầu này, 90% tiền lương của các tù nhân. Số 10% còn lại được coi là dùng vào việc nội dịch, không tính vào sản xuất của mỗi ngày thực sự làm việc. Do vậy mà có sự kiểm soát của một tổng giám thị, đứng gần cổng kiểm điểm số người ra ngoài làm việc, số người vắng mặt không được quá 1% nhân số. Năm 1977, số lượng được ấn định chính thức là 1,35 đồng một ngày cho mỗi người làm việc. Thường thường số tiền trại trả lại cho cơ quan đỡ đầu dư thừa bù đắp phí tổn ăn uống của tù nhân cũng như lương bổng cán bộ và của lính gác trại – càng lợi hơn khi số tù nhân càng nhiều! Tất cả các phẩm vật do tù nhân sản xuất đều được đem bán: những nông phẩm (gạo, rau cải, sản phẩm chăn nuôi được ưu tiên bán cho nhà bếp của cán bộ và nhân viên trại và nhà bếp của tù nhân phần còn lại thì ra thị trường tự do. Những sản phẩm khác (gạch, ngói, ghế, bàn, ghế dài, xoong chảo, đinh....) được bán cho các trường học, hợp tác xã quốc doanh hay cơ sở công cộng vùng lân cận, cũng như thị trường tự do.

Tiền bán sản phẩm trừ chi phí sản xuất là lợi tức. Số tiền lợi tức này được chia thành ba phần bằng nhau:

1. Phần thứ nhất trả vào ngân sách cơ quan đỡ đầu, trường hợp chúng tôi thì là bộ Nội Vụ.
2. Phần thứ hai thì về ngân sách tự trị của trại, tự trị thật tương đối vì mọi sự sử dụng đều phải được chuẩn y của thẩm quyền cấp trên.
3. Phần thứ ba dùng để thưởng nhân viên của trại. Chính một phần rất nhỏ của phần này được dùng để cải thiện bữa ăn của tù nhân trong bốn hay năm ngày lễ chính thức: ngày 1 tháng 5, ngày 2 tháng 9 và 2 ngày Tết âm lịch.

Cho đến mùa thu năm 1977, số tù nhân chính trị ở trại chúng tôi (khu 52-A) vẫn khá giới hạn, vào khoảng 250 đến 300 người. Sau đó con số này tăng nhanh, đạt đến 1300 tù nhân chính trị vào khoảng đầu năm 1979. Sự tăng trưởng nhân số của khu 52-A được bù lại bằng sự giảm số tù nhân thường phạm đã chuyển qua “một chi nhánh” cách đó khoảng sáu mươi cây số về phía Nam.

Những người đầu tiên tới là một nhóm các tướng lĩnh của quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Họ đến từ những trại tù của bộ Quốc Phòng ở tỉnh Hoàng Liên Sơn giáp giới với Trung Quốc. Vì sự căng thẳng giữa Việt Nam và Trung Quốc, bộ Quốc Phòng trước mối đe dọa xâm lăng của Trung Quốc đã di chuyển tất cả những trại tù của họ về bộ Nội Vụ. Tôi đã không thể chứng kiến lúc họ tới, nhưng như một ngẫu nhiên, lúc bấy giờ tôi đang ở bệnh xá của trại (lúc đó chỉ có một bệnh xá duy nhất cho tất cả mọi tù nhân, chính trị và thường phạm) , bệnh xá ở ngay cạnh phòng họp, nên tôi nghe rất rõ những gì xảy ra ở đó. Người ta bắt đầu điểm danh, kêu cả họ và chức vụ của đương sự: tỉ dụ chuẩn tướng X, thiếu tướng Y v.v... Rồi có một bài diễn văn dài của ban quản đốc trại, và vài lời đáp từ của những người mới tới. Rồi người ta đem trà nước, bánh trái đãi họ ... Sau đó, họ được dẫn về khu F của trại.

Trong khu F này, có ba căn nhà biệt lập, mỗi nhà có ba hay bốn phòng, mỗi phòng chứa từ bốn đến sáu tù nhân. Khẩu phần lương thực, do nhà bếp của trại cung cấp, cũng giống như của chúng tôi, nhưng họ không bị bó buộc lao động khổ sai. Trái lại, họ trải qua nhiều tháng, thậm chí nhiều năm trả lời những cuộc thẩm tra của bộ Quốc Phòng hay bộ Nội Vụ, làm báo cáo những gì họ đã làm, đã thấy hay đã nghe. Trong khu F này, không những chỉ có các tướng lãnh, họ cũng giữ ở đó những tù nhân mà cán bộ của bộ cần thẩm vấn thường xuyên. Về phần những người mà cuộc thẩm vấn thật quan trọng, thẩm vấn do cán bộ rất cao cấp của bộ thực hiện, họ sẽ bị nhốt suốt thời gian cần thiết trong xà lim của nhà ngục trung ương ở Hà Nội, tại đó khu tốt nhất là khách sạn Hilton trước đây dành cho tù binh Mỹ. Đã bị nhốt qua những năm dài trong khu F này, Trần Trung Dung nguyên tổng trưởng bộ Quốc Phòng dưới thời Ngô Đình Diệm, nguyên thượng nghị sĩ thời các tướng lãnh, còn có nhiều đại tá, giáo sư của trường đại học quân sự Đà Lạt. Nguyễn Ngọc Thúy, cựu trưởng phòng nghiên cứu và sưu tầm của cục Trung ương Tình Báo Việt Nam Cộng Hòa đã ở đó nhiều tháng.

Vài tuần sau, một đội ngũ độ 180 đại tá của Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa đến. Cũng vậy họ từ những trại do bộ Quốc Phòng quản lý ở tỉnh Hoàng Liên Sơn chuyển đến vì bị đe dọa do cuộc xâm lăng của Trung Quốc.

Rồi còn những đoàn khác nữa, những cựu trung tá, cựu thiếu tá.

Vào khoảng đầu năm 1978, trước con số tăng dần của tù nhân khu A (tù nhân chính trị, tên chính thức được bộ Nội Vụ chấp thuận), ban quản đốc trại quyết định thành lập một bệnh xá riêng cho khu A. Họ cho biến đổi một dãy bốn phòng nhỏ dùng làm nhà kho cho khu F thành bệnh xá. Đó là những phòng nhỏ cỡ hai thước trên hai thước và cao độ 2m50, trần nhà bằng bê-ton tích trữ hơi nóng suốt ngày và về mùa hạ sẽ bị ngộp thở cho đến 21 hay 22 giờ. Về phía giáp giới với khu F, người ta đã mở cho mỗi phòng một cửa sổ nhỏ có song sắt, nhưng ngay tuần đầu sử dụng bệnh xá, tổng giám thị cho bít lại những cửa sổ nhỏ này bằng những tấm ván gỗ ở phía ngoài. Phía nhìn ra cái sân rộng lát gạch, mỗi phòng có một cửa sổ cũng ngăn bằng song sắt. Còn có hai cửa ra vào mở ra phía sân này. Cả bốn phòng thông với nhau bằng một khung trống không có cửa, cho phép đi từ phòng này sang phòng kia, cả sau khi cửa ngoài đã đóng lại.

Buổi sáng ngày 24 tháng 3 năm 1978, tôi được gọi lên bệnh xá, ông Huệ nói là tôi phải lập tức dọn “nhà” tới bệnh xá mới của tù nhân chính trị. Ông ấy cũng giới thiệu Nguyễn Ngọc Thúy làm phụ tá cho tôi, và chúng tôi làm quen nhau. Thúy nói là anh ấy đã thấy tôi ở Thủ Đức rồi, sau đó anh bị chuyển qua trại ở Hà Nam Ninh, rồi qua nhà ngục Trung ương của Hà Nội, cuối cùng về khu F của trại này và từ hai tuần nay bổ sung vào đoàn thợ mộc. Chúng tôi liền trở về đội của mình để lấy đồ dùng cá nhân rồi ông Huệ dẫn chúng tôi đến bệnh xá mới. Những căn phòng đã được đặt giường rồi: một trong phòng thứ nhất, một trong phòng thứ hai, hai trong căn thứ ba, và ba trong phòng cuối cùng, cũng có thêm một chiếc ghế dựa, hai ghế đầu và hai cái bàn. Việc xếp

đặt phòng ốc đã được quyết định rồi, căn phòng thứ nhất với chiếc giường khám bệnh, bàn và ghế sẽ là văn phòng của cán bộ y tế dù anh ta chỉ đến thất thường và chỉ tạt qua một chút mà thôi; phòng thứ nhì dành cho tôi: có một giường để ngủ, một bàn và hai ghế để khám bệnh và chữa bệnh cho những người đến khám, những chiếc giường kia là của người bệnh. Thúy sẽ ngủ trên một trong những chiếc giường này, nếu tất cả mọi giường này đều có người nằm, thì Thúy phải trải qua đêm trên chiếc giường trong bàn giấy của cán bộ y tế.

Dù sao chúng tôi cũng rất hài lòng, đây là lần đầu tiên, từ gần ba năm nay, được ngủ trên một chiếc giường lát gỗ, vì ngay từ ngày đầu đi học tập cải tạo, chúng tôi luôn luôn nằm ngay trên đất hoặc trên “nệm” xi-măng. Chiếc sân lát gạch trước bệnh xá có một giàn cây bằng tre và chúng tôi định gieo vài hột bí hoặc dưa leo để các cây này phủ lá trên giàn cây và đem bóng mát lại cho sân trước. Ngay ngày hôm sau, bệnh xá bắt đầu hoạt động: mỗi buổi sáng, trừ chủ nhật, khoảng tám giờ người trực của mỗi đội đem đến cho tôi phiếu khai bệnh của đồng đội, rồi trở lại buổi xế trưa để nhận thuốc giao cho mỗi người bệnh. Những người muốn khám bệnh phải đến bệnh xá trước sáu giờ sáng, tôi khám họ, rồi họ về chỗ ở để kịp đi làm. Những người mà tôi cho nghỉ, sẽ nhận được một mảnh giấy có ghi “miễn làm việc trong ngày” và phải đem giấy trình cho quản giáo, sau đó được phép ở lại trại. Theo nguyên tắc, các chứng chỉ “nhỏ bé” cho phép nghỉ dưỡng sức này phải được cán bộ y tế cấp, nhưng vì anh ta chỉ đến làm việc trễ và nhiều khi không đến nữa, nên chứng chỉ mà tôi cấp phát này đã mặc nhiên có sự đồng ý của anh ta, số người được cho nghỉ dưỡng sức không được quá ba phần tư của một phần trăm (0.75%) nhân số.

Trong thời gian đó, tôi chỉ dẫn cho Thúy băng bó và chích thuốc dưới da vì anh không biết gì về công việc điều dưỡng của một y tá. Sự chọn Thúy làm phụ tá chăm sóc là một bất ngờ đối với tôi: quả thật, mặc dù công việc của một phụ tá đã nặng nề, anh ấy còn phải lo việc quét dọn các phòng và đi lấy nước cho bệnh xá và các người bệnh, tắm rửa cho họ, và đôi khi phải cho họ ăn nữa, tóm lại không ngừng nghỉ từ sáu giờ sáng đến 18 hoặc 19 giờ chiều. Tuy nhiên cương vị này rất được ham chuộng, vì chúng tôi không bị cán bộ hoặc lính gác thường xuyên kiểm soát, ngoài ra chúng tôi có thể đi lại khá tự do trong trại, chúng tôi không bị bó buộc đi dự những buổi đọc báo trước giờ giới nghiêm, và cả những buổi kiểm thảo và tự kiểm thảo nữa. Ở trong bọn chúng tôi có nhiều người y tá hoặc cứu thương, nhưng ban giám đốc lại chỉ định Thúy vào công việc này.

Rất mau chóng tôi hiểu được lý do vì sao: Thúy, cử nhân luật, trưởng phòng nghiên cứu và sưu tầm của cục Trung ương Tình Báo miền Nam Việt Nam là một người dễ gây được tín nhiệm và tình bạn, anh ấy thông minh, người đẹp trai, nói năng từ tốn, lễ phép cho ấn tượng là người thành thật. Khi ở khu F, anh ấy đến ông Huệ để chữa bệnh viêm ruột. Ông Huệ mau chóng mềm lòng vì sự lôi cuốn của anh và một món quà nhỏ đặc biệt trong kiện quà gia đình do vợ anh gởi từ Sài-gòn, đối với người Bắc là món xa xỉ phẩm rất ưa chuộng, một bát lửa bằng gaz, khiến anh trở thành người được ông Huệ che chở. Ông Huệ đề nghị anh làm phụ tá chữa bệnh cho bệnh xá

mới, và cán bộ y tế, người không hề phản đối những đề nghị của ông Huệ, nói với giám đốc trại việc này và được ông ta chấp thuận bỏ nhậm Thúy.

Về bệnh xá này, theo nguyên tắc tôi là người chịu trách nhiệm dưới sự chỉ huy của cán bộ y tế. Tuy nhiên, anh này cũng như tất cả cán bộ khác, đã được nuôi dưỡng bằng hận thù và sợ sệt “đế quốc Mỹ” và “tay sai” của họ, rất ngại liên hệ với một tù nhân chính trị, cho nên anh nhờ ông Huệ thay anh ta để kiểm soát công việc của tôi. Điều này, cũng tiện cho tôi vì ông Huệ biết nhiều về những vấn đề y khoa hơn cán bộ y tế và ngoài ra, sau một thời gian khá dài làm việc chung, chúng tôi hiểu nhau hơn và có sự tôn trọng lẫn nhau một phần nào nữa.

Nhân cách của ông Huệ, dần dần, do vài hớ hênh hay do cả vài lần tâm sự trong những giờ phút nghỉ ngơi đã thể hiện rõ ràng hơn đối với tôi, và một tù nhân cựu đại tá vừa mới tới trại, biết rõ ông ấy, đã cho tôi biết quá khứ đầy sóng gió và thú vị của ông. Ông Huệ, trước năm 1945 đã là y tá trưởng trong một huyện thuộc tỉnh Nam-định và đã là đảng viên cộng sản. Sau khi cộng sản nắm chánh quyền, ông trở thành trưởng ban an-ninh của địa phương, rồi của khu Nam Định – Ninh Bình. Với danh nghĩa này, trong những năm 1946-47, ông ấy đã tổ chức những vụ ám sát chống phá lực lượng tự vệ của Đức Giám Mục Lê Hữu Từ. Sau đó ông trở thành trưởng phòng an-ninh của Liên Khu Ba, bao gồm cả Hà Nội do quân Pháp chiếm giữ. Những năm đó, với chức vụ này, ông đã nắm quyền sinh tử đồng bào trong tay ông. Không có phán xử nào ngoài sự phán xử của ông, và ông đã không nhẹ tay tí nào. Một ngày kia, khi nói đến các bác sĩ mà tôi quen biết ở Hà Nội trước năm 1945, tôi kể đến tên bác sĩ Đặng Vũ Hỷ, một bác sĩ chuyên về bệnh ngoài da và hoa liễu, ông ấy có một phòng mạch ở gần nhà trọ của tôi.. Ông Huệ nói với tôi:

- Tên đó, chút xíu nữa tôi đã làm thịt nó rồi !

– Sao vậy, trong hoàn cảnh nào thế?

– Hồi đó ở Đồng Quan (vùng này quy tụ nhiều người đã ra khỏi Hà Nội khi chiến sự bùng nổ nhiều năm đã trở thành một trung tâm thương mại quan trọng, nhất là buôn bán những sản phẩm đưa lậu từ kinh đô ra). Trong những năm chiến tranh này, mọi người đều ăn mặc đơn giản, ít nhiều lôi thôi. Vậy mà mỗi ngày tôi thấy một người mặc áo choàng sang trọng đi qua đi lại! Cái đó làm tôi ngứa mắt và tôi tính báo mấy đứa nhỏ của tôi (nhân viên của ông ấy) làm thịt anh này! May thay, có người nói với tôi đó là một bác sĩ, lúc bấy giờ tôi mới để anh ta yên!”

Giữa công vụ tình báo, nhất là trong thời kỳ chiến tranh, và việc buôn lậu, ở Việt Nam cũng như mọi nơi khác lúc nào cũng có những liên quan phức tạp. Ông Huệ cũng không tránh khỏi thông lệ này.

Một ngày kia, khi tôi biếu ông vài viên saccharine (đường hóa học), ông nói với tôi:

“Món saccharine quý hóa này, lúc xưa tôi đã cho giấy phép mua nó hằng ký và hằng ký! Và tôi



đã không bao giờ biết là vì sao; nhiều năm sau đó, một trong những giấy phép này (dĩ nhiên là lạm dụng) đã nằm trong hồ sơ của tôi trước toà án?”

Mặc dầu với dĩ vãng kinh hoàng mà ông đã kể cho tôi, và nhiều câu chuyện khác mà ông giữ kín cho riêng mình; dầu sao ông ta cũng đã phục vụ đắc lực cho chế độ vì ông đã được “Huân Chương Hồ Chí Minh”, một trong những huân chương cao quý nhất của cộng sản Việt Nam.

Sau 1954, có lẽ vì bắt đầu thay đổi đường lối chính trị của đảng, hay chắc là vì ông Huệ đã mất đi “cái dù che chở”, nên ông mất chức Trưởng Phòng Tình Báo này, và vì nhớ rằng ông từng là y tá, người ta bổ nhiệm ông làm giám đốc trường đào tạo bác sĩ Vùng Ba Quân Sự. Nhưng mà để thay nghề hơn là thay thói quen! Cả đến trong chức vụ mới này, ông ấy vẫn tiếp tục lẫn lộn tiền bạc nhà nước với tiền bạc của ông. Là giám đốc thông minh, ông để cho người phụ tá, một bác sĩ y khoa, giữ mọi trách nhiệm về phần kỹ thuật, và cả hành chánh của trường và ông chỉ giữ quyền cho lệnh phòng tài chánh của trường không được chi tiêu một khoản nào mà không có chữ ký của chính ông! Ông dành thì giờ để “liên lạc ngoại giao” với những cơ quan khác ở địa phương, nơi mà ông có nhiều người quen biết cũ. Ông cũng thường tới bộ để xin tiền cho trường của ông... và dĩ nhiên là những cuộc du hành của ông là do ngân quỹ của trường đài thọ. Một hôm, thấy ống nghe của tôi mà phòng giữ đồ của trại vừa trả lại cho tôi, ông nói với tôi rằng, khi là giám đốc trường đào tạo bác sĩ ông đã nhận từ bộ y tế ba trăm ống nghe để bán lại cho sinh viên, nhưng vì học trò không có tiền để đến mua cùng một lúc với nhau, họ đến gặp ông lẻ tẻ, mỗi lần mua một hay hai ống nghe mà thôi, ông bán và cất tiền vào túi. Sau đó ông không nhớ là tiền này đã đi về đâu!

Vào đầu những năm 70, ra tòa vì phí phạm của công, biến thủ công quỹ, và lạm quyền, ông bị kết án mười ba năm tù thường phạm. Riêng tôi, tôi nghĩ trước hết đó là kết quả của sự tranh chấp giữa những phe phái trong đảng cộng Sản và trong cuộc chống đối này, những người che chở ông Huệ một lần nữa đã thua cuộc!

Nhưng dù ở trong tù đi nữa, ông Huệ vẫn còn được che chở. Ông đã chẳng là một viên chức cao cấp của Đảng, lại có một người con trai là trung tá của lực lượng công an thỉnh thoảng đến thăm ông ... là gì ?

Từ đặc ân này đến đặc xá kia, người ta đã giảm sáu năm hạn tù và ông chỉ còn tất cả là bảy năm tù, nghĩa là đến cuối năm 1979. Thiệt ra đời sống của ông cũng khá thoải mái: ông ở bệnh xá với một người tù già hầu hạ, chính thức đó là một phụ tá y khoa và làm cơm cho riêng ông; gạo và thức ăn tươi được nhà bếp tù thường phạm cung cấp và ông ăn mặc như ông muốn, thường là bộ đồ nâu, đồng phục mà trại giam phát cho mỗi tù nhân khi được thả để trên đường về nhà, dân chúng không chú ý đến họ.

Sự từng trải rộng rãi đã dạy cho ông cách đối xử với những lớp người khác nhau. Đối với giám

đốc, ông luôn luôn kính trọng, dù khi vắng mặt, ông nói ông ấy là một người tử tế rộng lượng; đối với những người phó giám đốc thì ông có thái độ tôn kính, lo lắng về sức khỏe của họ, sẵn sàng giúp đỡ họ; đối với người cán bộ y tế, ông tỏ ra là một đồng chí nhiều kinh nghiệm hơn, nhưng luôn luôn nhường bước cho thượng cấp. Ông coi những người cán bộ khác như là đồng vai vế, thường cho họ thuốc men (lấy trong kho dành cho tù nhân, 20% trị giá ngân quỹ dành cho chúng tôi dùng vào việc mua những thuốc ngoại giao này: đa sinh tố, Filatov, thuốc bổ ...) nhưng không ngần ngại lấy lại khi họ thiếu lễ độ với ông. Một lần nọ, một cán bộ mới được bổ nhiệm về trại, đi xe đạp trên con đường bùn lầy sau một trận mưa; bùn này làm kẹt bánh xe, anh gọi một người tù đang đi ngang qua đó bảo anh ta gỡ bùn ra, rồi thay người tù ấy lại là ông Huệ, thì người cán bộ được nghe câu trả lời cộc lốc lớn tiếng này:”

“Đúng tôi là một tù nhân, nhưng là tù nhân của Đảng và Nhà Nước, tôi không phải là đầy tớ của anh! Hãy gỡ bùn với hai bàn tay của anh! Hãy học lại những điều lệ của bộ Nội Vụ!”

Người cán bộ chính trị chưa hết ngạc nhiên, thì người tù tiếp tục:

“Cả đời anh, anh đã gặp người nào được huân chương Hồ Chí Minh chưa? Hãy biết rằng, tôi có huân chương đó (ông ấy không thêm rằng người ta đã thu hồi huân chương ấy lại)”.

Rồi ông bỏ đi, cán bộ ngây ra, vì bị một tù nhân mắng chửi như vậy, không còn dám bảo người tù nào khác gỡ bùn ra khỏi bánh xe nữa!

Ông Huệ không thuận với cán bộ quản lý nhà bếp thường phạm mà theo lệnh của giám đốc, phải cung ứng gạo và thức ăn tươi cho ông mỗi ngày; một lần nọ, ông đã thuyết phục được nữ cán bộ y tế của ban y tế trại bận đồng phục đến thanh tra nhà bếp và lập biên bản vì “cơ sở không sạch sẽ và thiếu vệ sinh trong việc nấu nướng cơm nước”.

Đối với tù nhân chính trị, ông đối xử như một đồng bạn, nhưng với một sự hạ cố nào đó; đối với tù thường phạm, ông ấy như một quan lớn đối với dân quê nghèo khổ, thái độ xa cách, khinh bỉ và la mắng dễ dàng!

Đối với tôi ông ấy biểu lộ một sự tôn trọng nào đó và với thời gian một tình bằng hữu nào đó, và ngược lại tôi đối với ông cũng vậy. Tôi bị lôi cuốn vì ông ấy biết rất nhiều về tù nhân và sự hoạt động của các nhà tù cộng sản, mà ông sẵn sàng cho tôi biết ít nhiều, ông không lạm dụng lòng tin của cán bộ y tế đặt vào ông để gây khó khăn cho tôi, nhưng lại dùng nó để giúp đỡ tôi và đôi lúc che chở tôi với quyền uy của ông ấy. Một ít lâu sau khi tôi đến ở bệnh xá mới, một đêm có một nữ cán bộ gọi tôi qua cửa sổ và bảo tôi đưa vài viên tétracycline cho con chị bệnh, vì bệnh xá của nhân viên đã đóng cửa. Tôi trả lời là tôi không thi hành được khi không có giấy phép của cán bộ y tế, nhưng chị ấy nói là chỉ mượn đỡ thôi và sáng mai chị ấy sẽ nói với cán bộ y tế của tôi. Chị ấy nài nỉ đến nỗi cuối cùng tôi phải đưa vài viên thuốc cho con của chị. Ngày hôm sau, tôi

báo cáo lại cho cán bộ y tế, anh ta cười nói là đáng lẽ tôi không nên cho chị ấy thuốc như thế! Nhưng không dễ gì mà từ chối như vậy; tôi bèn kể vụ này cho ông Huệ nghe. Ông ta khuyên tôi lần tới có xảy ra như thế nữa, hãy trả lời rằng: “chìa khóa tử thuốc do ông Huệ giữ!” Cái mẹo này tỏ ra thiết hiệu nghiệm!

Trên mặt nghề nghiệp, lòng tin nhiệm của ông Huệ với tôi tăng lên thấy rõ từ ngày mà trước sự hiện diện của ông, tôi đã chẩn đoán một chứng bệnh tràn màng phổi, có thể là nang mủ, và liền đó chứng minh bằng cách chích và hút để thăm dò mà đã rút ra cả một ống mủ. Ông ấy thích thú đến nỗi đem sự việc kể lại không những cho cán bộ y tế, và cả cho giám đốc nữa khi ông gặp vài ngày sau đó. Ngược lại, tôi nhận thấy rằng đối với một người chỉ được huấn luyện làm y tá ông ta thường chẩn đoán đúng dù chỉ hỏi bệnh nhân chứ không khám họ. Vài lần hiếm hoi mà ông khám bệnh, thì làm một cách lạ lùng; để khám bụng, năm ngón tay ông chạm lại thọc xuống bụng bệnh nhân ba hay bốn lần, lẽ dĩ nhiên người bệnh không tránh được nhăn nhó hay kêu thét lên vì đau đớn! Nhưng để trị bệnh, ông ấy biết dùng những thứ thuốc chúng tôi có và còn có những công thức thuốc đặc biệt. Một hôm tôi đến bệnh xá của ông, bệnh xá của tù thường phạm, để chuyện trò. Tôi nghe tiếng rên siết dữ dội từ phòng bên cạnh phòng khám bệnh, nơi ông Huệ ở. Lúc ấy ông nhờ tôi khám và chữa trị cho bệnh nhân này mà người ta vừa đưa đến bệnh xá của ông. Tôi khám cho bệnh nhân: đó là một người đàn ông đau mãnh liệt ở vùng thượng vị; bụng còn mềm khi tôi khám, tôi lập tức nghĩ đến một cơn đau bao tử, đúng như tiền căn do bệnh nhân thuật lại. Tôi liền chích cho người bệnh một mũi thuốc atropine, và vì 15 phút sau bệnh nhân tiếp tục rên rỉ, tôi chích thêm một mũi atropine nữa, rồi ra ngồi đợi với ông Huệ hiệu quả của thuốc. Người bệnh vẫn tiếp tục rên la mười phút nữa và không thuyên giảm.

– “Atropine của anh, không có hiệu lực! Để anh xem làm sao tôi sẽ giải quyết đây!”

Ông Huệ kêu người phụ tá già -hay người hầu làm đủ mọi việc – bảo đem đến một bát đầy nước và một muống muối lớn. ông bỏ muối vào nước, quậy cho tan, rồi đứng dậy và đem cho bệnh nhân uống một hơi hết tô nước. Chúng tôi trở về phòng ngồi xuống, người bệnh la càng lúc càng to hơn:

“Tôi chết tới nơi rồi! Bác sĩ ơi? Cứu tôi với, bác sĩ!”.

Tôi muốn đứng lên đi coi người bệnh. ông Huệ ngăn lại và nói:

“Hãy kiên nhẫn, đợi thêm một lúc nữa đã!”

Tiếng rên rỉ và kêu la của bệnh nhân tiếp tục mỗi lúc một to hơn trong khoảng mười phút, rồi dịu dần dần. Tôi sợ bệnh nhân đã chết! Cuối cùng ông Huệ bảo tôi:

“Bây giờ nếu muốn, anh sang thăm người bệnh đi.”

Tôi vội vã đứng dậy đi qua phòng người bệnh; anh nằm bất động, nhưng khi tôi hỏi, anh ấy mấp máy nhẹ đôi môi và nói:

“Tôi đã khá hơn rồi.”

Tôi trở về bên cạnh ông Huệ và nói:

“Anh đã thành công! Nhưng đó là liều thuốc mạnh, tôi không khi nào dám dùng!

– Anh đừng quên là chúng ta đang ở trong nhà ngục! Liều thuốc của tôi hiệu nghiệm, rẻ tiền và lúc nào cũng sẵn!”

Ở bệnh xá, cùng với Thúy, tôi bắt đầu tổ chức cuộc sống hằng ngày cho khá hơn! Rất nhanh chóng, thật sự có nẩy một tình bạn; chúng tôi ăn chung, không những là đồ nhà bếp cung cấp, mà cả những miếng thịt bò khô, cá mặn phơi khô hay lạp xưởng nhận được trong những thùng quà gia đình gửi cho; mặc dầu ít ỏi về số lượng, những thứ ấy cũng đóng góp chất đạm rất hữu ích cho cơ thể. Chúng tôi cũng có phương tiện để có lửa, như vậy có thể nấu nước để pha trà, nhất là có thể nướng những hạt bo bo còn nguyên vỏ mà người ta phát cho để thay thế gạo. Một khi nướng cháy vỏ, hạt bo bo thành đòn và dễ tiêu. Để nấu nước và pha trà, nhất là buổi chiều, sau khi tổng giám thị đã khóa cửa bệnh xá, tôi dùng đến một dụng cụ mà tôi đã chế biến theo kiểu mẫu tôi thấy ở nhà ông Huệ: đó là hai lưỡi dao bằng sắt không rỉ cách nhau bằng một thanh tre mỏng bề ngang năm ly dày một ly. Mỗi lưỡi dao sắt được nối vào một giây điện, rồi để tất cả vào trong một cái cốc bằng nhựa đầy nước và cho dòng điện chạy qua. Nước càng lúc càng nóng và sau vài phút chúng tôi có nước sôi (thực ra đó là hiện tượng thủy điện-phân!). Tôi dùng hai lưỡi dao cạo Gillette thay thế hai lưỡi dao sắt không rỉ, giây điện thì do người tù thường phạm có trách nhiệm duy trì hệ thống điện và phát điện của trại cho tôi. Anh này là một kỹ sư điện, quê ở Thanh-hóa (Bắc Việt Nam được đào tạo ở Tiệp Khắc; anh kể cho tôi nghe rằng năm 1975 anh tiếp thu nhà máy điện Sai gon, nhưng theo lời ông Huệ, anh đã vét sạch đồ trong kho nhà máy. Bởi vậy anh đã lãnh sáu năm tù!

Trước bệnh xá, giàn tre đã bắt đầu được những lá dừa leo và lá bí bao phủ và vào lúc xế trưa, lúc trời nóng không chịu được ở trong phòng, chúng tôi ra ngoài sân có ít nhiều bóng mát để làm việc, thật là dễ chịu! Thúy mỗi ngày phải nhiều lần tới nhà bếp để nấu sôi xoong nước đựng ống chích cần được khử trùng, anh cũng thích đi một vòng vào các căn nhà khác, viện có đi thăm hay là đem thuốc cho người bệnh. Một ngày kia anh đã đem về những cây phòng phòng (họ cúc) còn non và trồng hai bên lề con đường dài độ năm mươi thước dẫn thẳng vào sân chúng tôi. Thúy cũng là một tay chơi phong lan, ở nhà anh có bốn mươi giống lan khác nhau, nhiều cây mua tận Bangkok. Anh kiếm đâu được hai bụi lan rừng anh làm hai cái giỏ bằng tre, bỏ lan vào đấy và treo lên giàn cây tre, gần vại nước. Mỗi ngày anh âu yếm chăm sóc lan vài tuần sau, một mầm nhỏ nhú ra: mầm lá hay là nụ hoa? Chúng tôi mỗi ngày tự hỏi thế! Một buổi sáng chúa nhật anh

ấy bảo: kìa nụ hoa! Ngừng một lúc lâu, anh nói với tôi: “ngày mà những hoa này nở, tôi sẽ được thả... không, chúng ta sẽ được thả!”.

Mỗi ngày, ngay khi khóa cửa mở, Thúy chạy ra ngay với cụm lan quý của anh và ngắm nghía những cánh hoa khép kín đang lớn lên dần dần. Một buổi sáng nọ, trời mưa nhỏ trong đêm, Thúy vừa ra tới ngoài, thì tôi đã nghe anh chửi bới, thét lên những tiếng chửi thề ... tôi vội vã chạy ra và thấy anh mặt tái đi nhợt nhạt và dưới đất những cánh hoa nhỏ bẹp nát, tôi tả từng mảnh nhỏ! Thúy tiếp tục chửi rủa trong nhiều phút, phỉ nhổ kẻ phá hoại đã ngắt những cánh hoa của anh! Có thể, hơn cả sự yêu hoa, anh thấy sự tàn phá này báo hiệu một điều dữ cho số phận của anh chẳng? Đêm hôm trước lính gác đi tuần đã đến trú mưa dưới giàn cây của chúng tôi và một người trong bọn họ đã thấy cành lan và ngắt nó để nhìn rõ hơn! Tôi cố hết sức an ủi Thúy, nói với anh rằng bọn gác này đều là những tên phá hoại! Há anh chẳng nhớ rằng vài tuần trước đây, giám đốc trại, trong bài học cải tạo hàng tuần đã kể rằng trại trồng hơn bốn trăm cây chuối, mà trong nhiều năm, không hề bẻ được một buồng chuối nào sao? Quả thật, khi buồng chuối vừa ló ra ngoài một vài trái xanh, người ta đã ăn cắp nó ngay trong đêm. Ai có thể trộm nó trong đêm, nếu không phải là lính gác?

Tôi cũng nói với anh rằng, với một chút may mắn, anh có thể kiếm lại được vài bụi lan khác, có cả hoa nữa! Nhưng cũng phải hơn hai ngày, công việc thật là bận rộn đã giúp anh quên đi nỗi buồn!

Về công việc, quả thật chúng tôi có nhiều việc làm lắm! Thức dậy từ 5g30 sáng vào bất cứ mùa nào, chúng tôi làm việc hầu như không ngừng cho đến 4g30 hay 5g00 chiều!

Về phần tôi, ngay khi tổng giám thị mở cửa vào khoảng sáu giờ sáng, tôi liền bắt đầu khám những bệnh nhân đã đợi sẵn trong sân, vì tổng giám thị bắt đầu vòng đi mở cửa các phòng từ lúc 5g30 sáng và đến chỗ chúng tôi là chỗ cuối cùng. Tôi làm rất nhanh chóng công việc khám bệnh này, người đến khám phải trở về đội của họ trước bảy giờ để đi làm. Tôi dành cho mình năm đến mười phút để nuốt chiếc “bánh hấp” nhỏ của bữa ăn sáng, rồi đi qua thăm những người “nằm bệnh viện” để nếu cần, chích thuốc hoặc chăm sóc khác. Khoảng tám giờ, người trực của các đội đem sổ khai bệnh đến, thường họ muốn nói với tôi vài điều, vì vậy tôi bận cho đến chín giờ, rồi tôi bắt đầu đọc các sổ bệnh và ghi theo tên từng người bệnh cách điều trị tôi phải chép lại trên một cuốn sổ của bệnh xá tất cả tên bệnh nhân, tên thuốc chữa trị, sau đó cộng lại và viết thành hai bản danh sách thuốc cần dùng trong ngày. Đó là một công việc mất nhiều thì giờ và phức tạp, có thể nhầm lẫn trong những bài toán cộng dài nhiều trang giấy. Tôi ráng làm xong trước 11g30 để ăn trưa, nhưng thường thì không kịp và phải làm tiếp sau bữa ăn; công việc của tôi thường bị cắt ngang, nhưng may thay không phải ngày nào cũng vậy, vì cán bộ y tế đến thăm và tôi phải báo cáo những người “nằm bệnh viện”, trình hồ sơ của họ cho anh ta xem, vì ít khi anh ta đòi gặp họ lắm. Đến 13g45, danh sách thuốc trong ngày làm xong, tôi ra cổng trại, chờ cán bộ y tế để xin

chữ ký và anh ta dẫn tôi ra khỏi cổng để có thể đến bệnh xá của nhân viên, nơi có tủ thuốc. Trước đó, nghĩa là vào khoảng một giờ trưa, hầu như mỗi ngày, ông Huệ đến bệnh xá tôi và chúng tôi trò chuyện, về công việc, hoặc về những chuyện khác.

Tại bệnh xá nhân viên, tôi đợi nữ cán bộ y tế, dĩ nhiên giờ giấc của bà ta thất thường. Bà ta đọc kỹ danh sách tôi trình, thỉnh thoảng gạch bỏ những tên thuốc mà bà ta bảo là kho trữ đã cạn rồi, xong mở tủ thuốc ra và đếm các thứ thuốc từng viên một. Sau đó bà bảo tôi ký trên bản danh sách thuốc mà tôi đã đưa cho bà, xong bà đưa thuốc cho tôi. Để trở về trại tù nhân, tôi phải trình diện trong tư thế “ng nghiêm” trước người lính gác cổng, rồi xin phép anh ta được qua cổng vào; tôi về bệnh xá khoảng bốn giờ chiều. Những người trực của các đội đã có mặt ở đó rồi, tôi trả cho mỗi người cuốn sổ khai bệnh của đội họ, rồi giao cho họ những thứ thuốc mà tôi đã ghi theo tên bệnh nhân. Công việc chấp phô buồn chán này nhiều khi kéo dài cả một giờ đồng hồ. Nhưng thời gian còn lại sau đó cho tới giờ khóa cửa, đối với Thúy và tôi là thời gian để chịu nhất trong ngày. Công việc làm đã xong, chúng tôi đợi bữa cơm chiều tới mà chúng tôi có thể ăn ngay hay để lại trễ hơn khi đã bị “nhốt” trong bệnh xá. Lúc này chúng tôi ngồi trên chiếc chiếu trải dưới đất dưới giàn cây hoa để nói về những chuyện vừa xảy ra trong ngày hay gọi lại kỷ niệm xa xưa. Ông Huệ cũng thường đến gặp, chúng tôi nấu một xoong nước để pha vài chén trà, với những nụ trà nhận được của gia đình hay là chính ông Huệ đem tới. Chúng tôi chuyện trò đủ thứ, về công việc làm cũng như những ưu tư ....

Không có những giây phút xả hơi xé chiều như thế trong những ngày đầu tháng. Vì thời gian đó tôi đã phải, trong vòng nhiều ngày, thức đến 21 hay 22 giờ để làm kế toán vật liệu và tài chánh thuốc men tiêu thụ trong bệnh xá. Đó là một công việc rất lâu và chán ngắt, trước hết phải làm tổng số mỗi thứ thuốc đã dùng trong tháng vừa qua; dịp này, tôi đã nhận thấy rằng khi người ta không có máy tính, bài toán cộng là một bài toán khó nhất khi phải cộng ba bốn chục con số, sau đó tôi phải tính phí tổn của những thứ thuốc này theo giá chính thức. Giá này tương đối thấp cho những thứ “thuốc thật”; ví dụ những giá như sau:

|                                     |            |
|-------------------------------------|------------|
| Aspirine, viên 0,30 g               | 0,015 đồng |
| Tétracycline, viên 0,250 g          | 0,04 đồng  |
| Pénicilline (chích) 500.000 đơn vị. | 0,20 đồng  |
| Streptomycine (thuốc chích) 1g      | 0,20 đồng  |

Nhưng những đồ “ngoại dược phẩm” thì tương đối đắt:

---

Băng vải thô, 0,05m x  
2m

0,10 đồng

---

Rượu còn 90 độ, một lít

10,00  
đồng

Ngân sách trợ cấp cho bệnh xá trong năm 1979 là 0,50 đồng cho mỗi người tù một tháng. Nhưng theo lời yêu cầu của ông Huệ, để cho sự hoạt động của bệnh xá được tốt đẹp, cần phải 20% ngân quỹ này mua những thuốc “quý” như đa sinh tố, thuốc bổ nước, filatov (thuốc uống và thuốc chích dành cho những cán bộ mà đáng lẽ phải được chính thức điều trị tại bệnh xá của nhân viên.

Mỗi tháng, mọi chi tiêu, kể cả số 20% này, chỉ được đạt tới khoảng từ 80% đến 95% ngân sách trợ cấp. Điều làm tôi lo âu nhiều nhất, là làm sao phân phối những “món thuốc ngoại giao” này, trong khi không thể ghi tên những người thụ hưởng trong sổ của tôi! Lúc đầu, tôi sửa, tôi xóa, tôi gạch bỏ và cuốn sổ biến thành những cuốn vở nháp. Tôi nói với ông Huệ việc này.

“Đừng sửa gì cả, đừng bỏ gì cả,

– Ông Huệ nói với tôi như vậy- “Hãy giữ sổ sách của anh y nguyên, nhưng đơn giản thôi, khi làm tổng cộng, hãy để con số nào anh thấy hợp lý. Không ai chịu khó nhúc nhủ đầu để kiểm soát toán cộng của anh đâu!”

May thay, không phải ngày nào cũng là ngày đầu tháng! Thường thường chính vào những giây phút thanh thản sau khi rất bận rộn, mà tôi đã nói với ông Huệ về những vấn đề làm tôi ưu tư. Một ngày nọ, lúc ấy vào khoảng cuối tháng 5 năm 1978, tôi nhớ rằng chúng tôi đã bị giam giữ gần ba năm rồi, và trong quyết định mà người ta đã đọc cho nghe trước khi di chuyển chúng tôi về miền Bắc Việt Nam, rằng chúng tôi bị kết án ba năm học tập cải tạo trong một trại tập trung. Lúc bấy giờ tôi nói với ông Huệ:

“Tôi hy vọng rằng chúng tôi sắp sửa được thả rồi! Có lẽ trong một tháng nữa! Chúng tôi đã bị kết án ba năm tù và 17 tháng 6 tới, sẽ đúng ba năm bị nhốt!

– Ba năm há! Đó chỉ là một cách nói mà thôi! Đối với những người P.C.M (chữ tắt của Phản Cách Mạng, tội danh chính thức của tù nhân chính trị, thì không có kỳ hạn. Sau ba năm này, sẽ tới ba năm khác... rồi lại ba năm khác nữa... Không có thời hạn. Đây nhé, trong trại này có một thiếu úy bị bắt trên đường đi Hoà Bình vào năm 1954; anh mới được thả cách đây không đầy hai năm, mà không phải để về nhà, mà là để nhập vào một công trường lục lộ. Anh ấy, anh chỉ là một thiếu úy, trong khi các anh... những đại tá, những tướng, những bộ trưởng... Việc trả tự do cho các anh ... hãy còn lâu lắm!”

Ông ấy ngừng lại một chốc, rồi nói tiếp:

“Có những kẻ đã kiếm ra một phương tiện tài tình để loại bỏ nhãn hiệu Phản Cách Mạng này trong tù, họ gây gổ với tù nhân khác, đánh cho đến gây thương tích nặng những người này. Lúc ấy họ bị đưa ra tòa xử và tòa kết án họ bốn hay năm năm tù thường phạm, người ta chuyển họ qua đó, và sau thời gian ở tù họ được thả ra”.

Lúc đứng dậy, ông nói thêm như để an ủi chúng tôi:

“Tôi nói với các anh các điều này, vì thường thường xảy ra như vậy, nhưng cũng có những ngoại lệ... và hơn nữa anh thiếu úy này đã theo Pháp, trong khi các anh lại theo Mỹ, có thể là chuyện sẽ xảy ra cách khác! Dù sao đi nữa, các anh cũng biết rằng trong tù, điều cần thiết là sống còn và sớm muợn gì, họ cũng phải thả các anh ra. Đừng tuyệt vọng!”

Chúng tôi choáng váng, cả Thúy lẫn tôi đều không thốt ra được lời nào. Tôi cố gắng giữ cho mình một thái độ bình tĩnh bằng cách uống vài ngụm trà. Nhưng trà sao mà đắng thế! Đắng hơn mật gấu! Tôi tự hỏi: “họ có còn là người nữa chẳng, những người cai trị miền Bắc Việt Nam đã công bố những bản án, lừa dối tù nhân như thế?”

Đối với tôi chưa bao giờ com lại nhạt như thế như vào buổi xế trưa đó, và một khi cửa đã khoá kín, mỗi người đều đi nằm, nhưng không phải để ngủ. Tôi bắt đầu cầu nguyện, cầu nguyện thật nhiều, và suy nghĩ về những gì ông Huệ đã nói với tôi sau cùng. Thật sự đã có khác biệt giữa trường hợp của người thiếu úy này và của chúng tôi, anh ấy hành động lẻ loi hay là thành phần của một nhóm nhỏ, trong lúc ấy chúng tôi gồm cả nhiều trăm ngàn người, thế giới biết rằng Việt Cộng vi phạm hiệp định Paris, họ đã giữ chúng tôi làm tù gần ba năm và người Mỹ vì lợi ích của chính sách ngoại giao của họ ở Đông Nam Á cần kiếm cách làm áp lực với Việt Cộng?... Nhưng bây giờ họ còn những phương tiện gì nữa, trong lúc họ đã rút quyền phủ quyết của họ ở Liên Hiệp Quốc .

Vài ngày sau đó, trước sự im lặng của Việt Cộng lúc gần đến kỳ hạn bản án của chúng tôi, Thúy và tôi, chúng tôi nhận thức rằng họ không dám tin vào họ, như chúng tôi tưởng. Trong các đội, quản giáo nhận được lệnh tổ chức các buổi học để giải thích, nghĩa là để biện minh việc lưu giữ chúng tôi thêm. Biện minh, có nghĩa là họ không được yên ổn lương tâm! Nhưng họ có chẳng một lương tâm với ý nghĩa đạo đức của nó? Chắc chắn là không! Đúng là lối biện chứng của họ cho thấy một cái gì đó không đúng lắm.

Về những buổi học giải thích này, tôi phải tham dự trong phiên của đội nhà bếp, vì nhân viên của bệnh xá thuộc vào đội này theo hệ thống tổ chức quản giáo; cán bộ cắt nghĩa rằng chúng tôi không phải là những tù nhân “thường”, mà là những tù nhân cải tạo và vì việc học tập cải tạo này chưa kết thúc, lẽ ra chúng tôi phải mong muốn ở lại nữa để hoàn chỉnh việc học. Rồi anh ta bắt



đầu kêu gọi chúng tôi phải tôn trọng hơn những điều lệ của trại, phải làm việc hăng say hơn ... và để hoàn toàn là người cộng sản, anh ta nói thêm:

“Các anh đừng mất thời giờ cầu nguyện, để xin Chúa trả lại tự do cho các anh, vì có phải Chúa ký lệnh trả tự do hay không? Không! Chính là những cán bộ cao cấp của bộ Nội Vụ ra lệnh theo lời đề nghị của giám đốc chúng ta!”

Không có ai lên tiếng phản đối anh ta, vì chúng tôi tất cả đều hèn nhát. Tôi cũng vậy, tôi đã nín thinh, tôi chỉ mong có một điều: là buổi họp chấm dứt nhanh chóng! Nhưng cũng có vài bạn đứng dậy để biểu lộ ... tán thành sự biện luận hữu lý của cán bộ và sự gia hạn thời gian cải tạo. Can đảm hay hèn nhát quá đỗi?

Giống hệt như thế trong tất cả các đội, theo lời những người trực nói với tôi ngày hôm sau khi họ đến nhận thuốc ở bệnh xá: cùng những lời giải thích ấy, cũng sự im lặng ấy, cũng sự tán thành ấy của những kẻ cộng tác. Còn những người phản đối, đã không có đến 50, cũng không có đến 45, cũng không có bốn mươi, cũng không có ba mươi, cũng không có hai mươi, cũng không có mười, chẳng có đến một người nữa! Việc kéo dài giam giữ chúng tôi, “họ” không dùng nghị quyết cũng không bằng một tuyên bố ít nhiều chính thức, nhưng một cách âm thầm: họ chỉ quên thả chúng tôi mà thôi.

Cuộc sống vẫn tiếp diễn: Thúy và tôi cố gắng tổ chức thật tốt đẹp kiếp sống thường nhật của tù nhân được ít nhiều biệt đãi! Vào những ngày cuối tháng năm, trại chúng tôi tiếp một số sinh viên sĩ quan của công an đến thực tập. Hai người được bỏ vào đội chúng tôi và một người thường ở lại bệnh xá trò chuyện thường xuyên với Thúy. Hai người có vẻ tâm đầu ý hiệp lắm. Một buổi xế chiều, khi chúng tôi trò chuyện với ông Huệ, Thúy nói với chúng tôi rằng người sinh viên sĩ quan trẻ ấy rất thân thiện với anh và đã nói rằng anh ta coi anh không phải như một người tù, mà là “một người bạn tốt như người ta thường gặp trong một cuộc du hành”

“Anh tin như thế à?”

Ông Huệ bèn hỏi

. “Anh nên biết rằng trong những trường đào tạo sĩ quan công an này, mỗi ngày người ta dạy cho họ là những kẻ thù phải ghét nhất, trước hết là những tên đế quốc, sau là những tù nhân và đặc biệt nhất là những tù nhân P.C.M. (Phản Cách Mạng)”

Khi ông Huệ đi rồi, chúng tôi bàn lại về “bài học” này, bằng cách lưu ý đến khoảng cách mà người cán bộ y tế luôn luôn giữ đối với chúng tôi. Tôi nói với Thúy:

“Các cán bộ coi tù nhân thường phạm như là cục phân; còn chúng ta, những tù nhân chính trị như là vi khuẩn nguy hiểm; nếu cần người ta dẫm lên phân, còn vi khuẩn thì không khi nào đến

*gần!”*

*Một buổi sáng nọ, khoảng đầu tháng bảy, phó giám đốc hành chánh đến bệnh xá sớm và lập tức cùng với Thúy đóng cửa ở trong bàn giấy của cán bộ y tế. Vì thấy họ ở lâu trong đó, tôi lo sợ một điều gì không hay xảy ra cho chúng tôi! Chỉ sau hơn hai giờ, lúc bữa cơm sáng đã dọn đến, phó giám đốc mới ra đi, và Thúy buồn bã đến nói với tôi:*

*“Tôi sắp phải xa anh, rất gần đây!”*

*– Khi nào? Vì sao ?*

*– Có lẽ ngay xế trưa này!”*

*Và anh kể cho tôi nghe rằng phó giám đốc đã để cả buổi sáng để cố gắng thuyết phục anh nên rời bệnh xá, vì quyền lợi của anh, để đi học một nghề khác có ích lợi cho tương lai của anh! Ông ta nói ở đây không đủ kỹ thuật để anh học nghề y tá, và nghề này hiện nay không đủ nuôi sống một người mới vào nghề vì đã có nhiều người làm rồi, và anh cần chọn một nghề khác; trong trại này, thì có thể là nghề mộc hay nghề thợ rèn.*

*Hình như phó giám đốc có ý gì khác trong đầu, bởi vậy ông nói đi nói lại chỉ một chuyện đó mà thôi. Cuối cùng, Thúy hiểu dù sao đi nữa anh cũng không thể ở lại bệnh xá, và anh đã chọn trở về đội thợ mộc cũ của anh. Phó giám đốc, lúc từ giã anh, hứa là sẽ đưa anh về nhiệm sở mới vào lúc xế trưa.*

*Chúng tôi nuốt “ca” cơm trong im lặng, rồi Thúy đi sửa soạn túi, bị của anh, trong khi tôi vội vã làm cho xong phiếu xin thuốc trong ngày, vì Thúy vắng mặt trong cả buổi sáng, tôi có thêm nhiều việc, nên trễ công chuyện thường ngày. Trước hai giờ chiều một chút, tôi chào từ biệt Thúy, chúng tôi ôm nhau và cố gắng nói đùa để che giấu cảm xúc, và tôi đi liền gặp cán bộ y tế để anh ta ký các phiếu xin thuốc. Tôi báo cho anh ta tin Thúy ra đi. Anh chưa biết gì cả. Sau đó tôi đến bệnh xá nhân viên để lãnh thuốc.*

*Lúc tôi trở về, Thúy không còn ở đó nữa! Khoảng năm giờ chiều, ông Huệ đến, tôi tin cho ông biết sự ra đi gấp rút của Thúy; ông ấy rất ngạc nhiên, tỏ vẻ lo lắng, rồi bỏ đi ngay và hứa với tôi là ông sẽ tìm hiểu lý do thật của sự chuyển trại này.*

*Lúc 06 giờ 30 chiều, tổng giám thị khi đến khóa cửa, có dẫn theo một tù nhân (chính trị) mà tôi không quen, và nói với tôi đó là người phụ y tá mới. Tôi chưa khi nào thấy người đàn ông này, nhưng ít lâu sau, người ấy cho tôi biết anh ta là một cựu du kích quận thuộc tỉnh Long An (cách Sai gòn độ bốn mươi cây số về phía tây nam) , anh ta đã về hồi chánh Chánh Phủ Quốc Gia năm 1972. Chính vì lý do này mà anh đã bị bắt cuối năm 1975, và gởi đi học tập cải tạo và chuyển ra trại chúng tôi cuối năm 1976.*

Ngày hôm sau, ông Huệ kể cho tôi nghe lý do thật sự vì sao Thúy bị chuyển. Như cán bộ cho ông biết, đó là một lệnh từ bộ Nội Vụ đến. Việc bổ nhiệm Thúy về bệnh xá chỉ được bộ biết khi đọc báo cáo lục cá nguyệt của giám đốc về hoạt động của trại chúng tôi. Các cán bộ của Bộ thấy sự bổ nhiệm này là nguy hiểm, vì Thúy vốn là một cựu công chức cao cấp của Cục Trung Ương Tình Báo miền Nam Việt Nam, khi làm phụ y tá, có thể liên lạc dễ dàng với những tù nhân khác.



## CHƯƠNG VIII

- TÙ NHÂN

- LÍNH GÁC TÙ

- CUỘC GẶP GỠ BIỆT KỊCH DÙ

- TRƯƠNG QUANG HẬU TUYỆT THỰC ĐẾN CHẾT

- TÔI BỊ VIÊM ĐỘNG MẠCH TIM



Ông Huệ có vẻ không ưa gì Tài, người phụ y tá mới, kẻ đã đến thế người được ông che chở, mà không hỏi ý kiến ông. Ông kêu Tài lại, hỏi vài câu về nghề anh đã làm trước đây, rồi nói với anh rằng, vì học vấn anh kém, công việc chánh của anh là lo về vệ sinh của bệnh xá, tải nước đủ cho chúng tôi và bệnh nhân dùng, lo về cơm nước, áo quần, vệ sinh cá nhân của các bệnh nhân nằm bệnh viện và cũng phải trông trọt miếng đất nhỏ khoảng 300 thước vuông trước sân bệnh xá.

Nhưng hôm sau, vừa tới nơi, ông Huệ kêu Tài lại và với ngón tay dọa anh và nói to tiếng:

“Tổng giám thị gọi mày lại đây để do thám tao và ông V. Liệu hồn đó, mày là chỉ điểm viên của tổng giám thị, nếu tao bắt được mày lảng vảng chung quanh tao và ông V. để nghe chuyện chúng tao nói, tao sẽ đập nát mặt mày. Tao cấm mày không đến gần tao dưới bốn thước khi tao nói chuyện với ông V.”

Tài cúi đầu và không nói gì.

Được báo trước, tôi luôn luôn giữ một khoảng cách nào đó giữa Tài và tôi, và sự quan hệ với anh ta không khi nào giống như với Thúy. Tài thực hiện tốt những công việc mà ông Huệ đã giao cho: anh vỡ miếng đất nhỏ trước bệnh xá và trồng cà tím. Thường thường, nhất là buổi chiều, khi cửa đã khóa, chúng tôi đã vào giường nhưng chưa ngủ, Tài kể cho tôi nghe một ít về đời sống của anh ở Saigon và những giai đoạn nhiều khi phóng đảng của một hời chánh viên khi cần phải xoay

trở, để sống trong những khu lao động ở ven thành phố.

Anh ta cũng biết làm món thịt chuột rất ngon và có một bữa có cả rắn, đã rơi vào bẫy anh làm bằng tre và đất sét

Một tuần sau khi ra đi, Thúy đã trở lại thăm tôi một buổi sáng chúa nhật. Tôi rất vui, chúng tôi nấu nước và uống trà trong khi trò chuyện. Thúy nói đã làm được khoen mộng đường hoàng, điều quan trọng nhất trong việc làm ghế đầu và ghế tựa; tôi kể lại cho anh nghe những gì ông Huệ đã nói với tôi về lý do vì sao anh ra đi và dặn anh cẩn thận về những giao thiệp của anh. Chúng tôi ở lại với nhau hơn một giờ rồi anh mới ra đi.

Vài ngày sau đó tôi thật ngạc nhiên khi thấy anh đến trong giờ làm việc của trại. Anh được miễn đến xưởng hai tuần vì một cán bộ của bộ Nội Vụ đến gặp anh và bảo làm một bản báo cáo về tình hình quốc tế. Anh lấy trong túi ra năm điếu thuốc ra và một gói giấy thật nhỏ đưa cho tôi:

“Anh cán bộ này đã cho tôi nửa bao thuốc và một nhúm trà. Tôi biếu lại anh phân nửa”.

Rồi anh kể cho tôi nghe rằng trong những tờ khai trước lúc anh còn ở trong khu F, anh ta đã tiên đoán sự nổi dậy của phong trào FULRO (Mặt Trận Thống Nhất Giải Phóng của các sắc tộc bị áp bức, Front Unis De Libération des Races Opprimées) và nguy cơ có thể đến từ Trung Hoa. Những điều này đúng và hiện nay liên lạc giữa Việt Cộng và Trung Hoa rất căng thẳng, điều mà cán bộ của Bộ đã xác nhận với anh. Ông Phụ Tá Bộ Nội Vụ, người đã gặp anh lúc bấy giờ, muốn biết anh nghĩ sao về tiến triển của tình hình.

“Cám ơn ông từ cố vấn chính trị của Phụ Tá Bộ Nội Vụ! Nhưng anh đáng lẽ phải đòi một lương bổng hậu hơn!”

Trong hai tuần này Thúy đến thăm tôi nhiều lần, mỗi lần anh nói với người trực của đội anh, là anh bị nhức đầu vì phải suy nghĩ nhiều để soạn báo cáo của anh và anh đi lại bệnh xá để xin aspirine. Khi đã chắc rằng Tài không ở gần quá, chúng tôi trò chuyện đủ thứ, những chuyện cũ Saigon, những chuyện gẫu của trại như chuyện một người tù dùng mấy miếng nhôm làm ra những chiếc lược đẹp đến nỗi một cán bộ đã đến mỗi ngày ba hoặc bốn lần để nhìn anh ấy làm việc, và dĩ nhiên cũng có bàn về chính trị quốc tế!

“Vũ khí Mỹ trang bị cho lính Trung Hoa, nếu cứ tiếp tục như thế, sẽ là một lực lượng kinh khủng! Người Nga bắt đầu đá trong quần; còn mấy chú ở Hà Nội, sớm hay muộn, chúng cũng sẽ bị một trận đòn!”

Cán bộ quân giáo cũng cho chúng tôi biết về sự căng thẳng tăng dần giữa Việt Nam và Trung Quốc và nói rằng cũng có thể có di tản khẩn cấp của trại. Bởi vậy đồ tùy thân của chúng tôi lúc nào cũng phải sẵn sàng để có thể ra đi bất thành lình sau mười lăm phút báo trước. Khi có hiệu

báo động, mọi người đều phải nhanh chóng tập hợp, và dưới sự hướng dẫn của một người cán bộ và lính gác, rời trại và tập trung vào những nơi đã được định trước; chúng tôi phải đi có trật tự và phải im lặng; tù nhân nào đi ra khỏi hàng hoặc tỏ ra vô kỷ luật sẽ bị bắn bỏ lập tức ... Những buổi tập dượt di tản sẽ được tổ chức, nhưng mỗi lần chỉ vài đội tham dự thôi, và sẽ không có tổng báo động (đánh mõ, hụ còi) ...

Quả thật, đã có hai buổi tập dượt; mỗi lần tù nhân của các đội phải tập với tất cả hành lý trên lưng, đi ra khỏi trại giữa đêm và lội bùn giữa ruộng trong hơn hai tiếng đồng hồ, trước khi được về trại! Sau đó người ta cho họ nghỉ buổi sáng hôm sau!

Hậu quả của sự va chạm chính trị giữa Việt Nam và Trung Quốc trên đời sống của trại chúng tôi không chỉ giới hạn vào những buổi tập dượt di tản này. Có những ông tướng tù binh đến, sau đó tới phiên các đại tá, rồi có những tù khổ sai đến nữa.

Một buổi xế trưa, trong tháng chín, trong lúc tôi đi nhận thuốc hằng ngày từ bệnh xá nhân viên trở về, khi đi vào con đường lớn chạy thẳng vào sân, tôi thấy trước bệnh xá một đám đông người mặc đồ beo gấm. Tôi bước vội lên và lúc đến nơi, tôi được một số đông người bao quanh chào hỏi một cách nồng nhiệt; một vài người ôm tôi như là họ vừa gặp lại một người bạn đã bị xa cách từ lâu. Ngạc nhiên vì nhiều cử chỉ thân thiện đến thế, tôi hỏi họ:

“Mấy anh từ đâu đến?”

Trong tiếng ồn ào trả lời, tôi hiểu một lúc sau rằng họ là những chiến sĩ Việt Nam đã được thả dù xuống miền thượng du Bắc Việt trong những năm 1960 và 1961, nhằm gây ra một cuộc nổi dậy của dân tộc thiểu số trong những tỉnh này. Nhưng Việt Cộng đã tổ chức kiểm soát gắt gao các dân tộc thiểu số, và các anh biệt kích dù của chúng ta đều bị bắt mau chóng. Họ đã bị giữ lại như tù binh từ ngày ấy, luôn luôn ở trong núi rừng, hoàn toàn cách ly với dân chúng xung quanh; họ không bao giờ được phép thư từ với gia đình còn ở lại Sài Gòn. Vợ, con, cha mẹ đều coi như họ đã chết từ lâu rồi! Lúc tôi hỏi vài người địa chỉ của họ ở Sài Gòn, họ cho tôi những tên đường của thời Pháp thuộc:

“Tôi ở với gia đình, đường Colonel Grimaud!”

– Gia đình tôi ở trong một hẻm đường Mayer!”

Tôi hình dung lại họ đứng đặc trong quân phục nhảy dù trên những đường phố Sài Gòn xưa và bây giờ, mười bảy hay mười tám năm sau, họ đó, trong quân phục beo gấm ít nhiều vá đắp (chiến lợi phẩm Việt Cộng lấy được ở Sài Gòn và cho tù binh mặc để họ không thể trốn được giữa dân chúng nếu họ vượt ngục được), ngày này qua ngày khác, năm này qua năm khác, sống cuộc đời đáng thương hại của tù khổ sai, không mấy may hy vọng được thả. Tuy nhiên, tôi phải giấu mọi cảm xúc và nói với họ để tôi lo trước việc phân phối thuốc cho những người trực. Với tinh thần kỷ

luật, họ chịu ý tôi, và tôi bước qua phòng bên cạnh để nói chuyện với vài bệnh nhân “nằm bệnh viện”. Lúc tôi xong công việc và có thể trở lại, họ nói với tôi rằng họ đến không phải để xin thuốc, mà chỉ đến thăm tôi. Họ đến trại từ đêm trước và xé trưa hôm nay, vì có người nói với họ rằng có một bác sĩ miền Nam Việt Nam trong trại, mọi người đều muốn đến bệnh xá để thăm tôi. Cuối cùng, người trưởng đoàn của họ quyết định chỉ cho một số người trong bọn họ đến gặp tôi thôi. Họ nói rằng, đã hơn mười bảy, mười tám năm rồi, họ chưa gặp được một người đồng hương ở miền Nam Việt Nam; cái miền Nam Việt Nam này họ nhớ tới nỗi mà thay vào chỗ “có thể nhìn Sài Gòn”, nhìn thấy một người Nam Việt Nam nói chuyện với “lũy” (lui) thì đã là một niềm vui. Họ kể cho tôi nghe rằng khi người ta báo tin cho hay về vụ ám sát Ngô Đình Diệm, nhiều người đã khóc suốt cả ngày, vài người còn không tin là chuyện ấy có thể xảy ra; khi họ nghe tin Sài Gòn sụp đổ, cả đoàn nhin ăn suốt hai ngày!

Vì giờ đóng cửa sắp đến, tôi bảo họ trở về mau, về đội của họ và họ nghe lời liền; khi ra đi, tất cả đều siết chặt tay hoặc cánh tay tôi, như để tỏ sự đoàn kết của chúng tôi và họ hứa sẽ trở lại thăm tôi thường xuyên.

Đêm hôm ấy, tôi không sao ngủ được khi nghĩ đến họ! Những dòng lệ trào ra mắt! Những người đang còn trong tuổi tràn đầy nhựa sống đã được số phận an bài trong ngục tù suốt đời! Những tên Việt cộng dã man đã dấn họ với thế giới loài người; nếu không có sự căng thẳng với Trung Quốc, họ sẽ còn ở trên miền thượng du, di chuyển từ núi này qua núi nọ, mỗi sáu tháng hay mỗi năm cho đến ngày họ từ trần. Và điều đó họ cũng đã biết. Nhưng cái đã cho họ sức sống, không phải là hy vọng một ngày kia còn có thể gặp lại gia đình, nhưng chỉ là tinh thần đoàn kết đã hợp nhất họ, đoàn của họ đã trở thành gia đình mới! Từ ngày họ bị bắt cho đến năm 1975, đã có nhiều cuộc trao đổi tù binh, nhưng những người chỉ huy của họ, những người đã gởi họ đi thi hành công tác nguy hiểm này, những tướng lãnh ngự trị ở Sài Gòn, đã chỉ đơn giản quên họ thôi, vì mãi bận với những tham vọng và truy lạc!

Nhưng tôi đã hoài công chờ họ, vì ngày hôm sau ông Huệ cho tôi biết đoàn mới đến đã bị xếp vào một khu đặc biệt khu C, và ai bị bệnh sẽ đến bệnh xá của thường phạm.

Ít lâu sau, khi nói về những tù nhân này, ông Huệ nói với tôi rằng họ là những người hoạt động, có kỷ luật thi hành đúng đắn những công việc giao phó; cán bộ đã để cho họ tự chọn thủ lĩnh và người này có quyền hành thật sự trên đồng bạn. Với sự chấp thuận của cán bộ, lúc ở trên miền thượng du, họ đã trồng cây thuốc lá nhờ vậy họ có thuốc để hút, họ cũng làm những ống sáo và cả đờn ghi-ta (cán bộ đã cho họ giấy đàn) để giải trí chung.

Một lần nọ, có cãi lộn lớn giữa hai tù nhân, quản giáo muốn can thiệp, nhưng người trưởng đoàn xin để tù nhân tự giải quyết những vấn đề nội bộ, anh đã thành công lập lại trật tự, buộc người có lỗi phải xin lỗi và nhận trừng phạt bằng cách không được ăn phần cơm của mình.

Một buổi xế trưa, tôi đến bệnh xá tù thường phạm, ông Huệ đã đi ra ngoài, và khi thấy người trực của đoàn này đi lại, tôi hỏi anh ta:

“Khi các anh ở miền thượng du, các anh có khi nào gặp tù binh Mỹ chẳng?”

– Có, tôi có thấy họ nhiều lần, nhưng ở khá xa!”

Vừa lúc ấy ông Huệ đi về, và chúng tôi không thể nói chuyện tiếp.

Khoảng tháng 11 năm 1978, đoàn 113 biệt kích dù Việt Nam Cộng Hòa đã từng bị giữ hơn mười bảy năm ấy lên đường đến một trạm mới trong cuộc viễn du vô tận!

Một buổi sáng tháng giêng 1979, hai đội tù khổ sai cựu đại tá đang tụ tập nơi đường lộ chính trước khi ra đồng, được lệnh trở về phòng và sửa soạn dự một khóa học đặc biệt quan trọng dưới sự hướng dẫn của cán bộ từ bộ Nội Vụ về.

Các tù nhân, trong những trường hợp tương tự luôn luôn nghi ngờ là có tin xấu, nhưng lần này thì đã trái lại! Nhìn nhận ngẫm “giá trị quân sự” của họ, cán bộ của bộ Nội Vụ đã đến báo cho họ biết, và chỉ cho họ mà thôi, sự chiến thắng của quân đội Cộng Sản Việt Nam trong cuộc xâm lược Campuchia. Nhờ một bản đồ vẽ trên tám bảng đen vừa mới đem tới, phái viên của Bộ tả cho họ sự tấn công nhanh chóng của Việt Nam bắt đầu ngày 25 tháng chạp, đã tiến chiếm Phnom-Penh ngày 07 tháng Giêng do nhiều quân đoàn Việt Nam xuất phát từ những khu biên giới khác nhau tập trung mũi dùi lại. Chiến thắng chớp nhoáng! Chiến thắng quyết định? Chỉ còn lại một câu hỏi nhỏ: “Những sư đoàn Khmer có trước cuộc tấn công đã đi đâu rồi?”

Đoàn quân Việt Nam đã không gặp họ đâu cả, họa chăng vài tiểu đoàn mà thôi. Chúng đã biến mất, có lẽ rút về những núi ở miền tây, nhưng đó chỉ là chuyện trong vài tuần nữa thôi. Người ta ăn mừng chiến thắng: trà và bánh ngọt cho những tù nhân này, những quân nhân nhà nghề đã biết giá trị của quân đội Cộng Sản Việt Nam!

Các phòng của tù nhân đại tá còn có một hân hạnh nữa, được đón tiếp khách ngoại quốc thăm viếng, trong đó có những thông tin viên. Người ta chuẩn bị cho việc này từ nhiều tuần qua, không phải chỉ tại hai đội nói trên, mà tất cả những đội khác cũng chuẩn bị, vì người ta quá cẩn thận, khách có thể đánh lừa hướng dẫn viên và ghé mắt vào những chỗ khác hơn những nơi đã định trước! Bởi vậy việc chuẩn bị làm chung cho cả trại, trong tất cả các phòng, phải quét, lau, xếp dọn lại các túi đồ dùng cá nhân (chỉ một túi cho mỗi người mà thôi, để trên kệ tường, những túi khác thì vắt lộn xộn trong một phòng nhỏ chứa đồ lặt vặt), ở đầu mỗi chiếu, phải cuốn mùng, mền và gối thành một gói, tất cả xếp hàng hoàng và cùng kích thước. Trong vài phòng một bích chương viết chữ lớn trên một tờ giấy rộng dán vào tường gần cửa ra vào, để không một ai không đọc nó khi bước vào phòng, kê thực đơn mỗi ngày trong tuần: thứ hai, thứ ba, ... chủ nhật: ăn điểm tâm, cơm sáng, cơm chiều .

Theo thực đơn này, mỗi bữa cơm chính, chúng tôi được một ký cơm nấu chín, một món thịt hay cá, một món rau cải và một tô canh miến ... Thực đơn mỗi ngày khác nhau, ngày chủ nhật có thêm món tráng miệng. Dĩ nhiên những thực đơn tuyệt vời này làm chúng tôi chảy nước miếng, chỉ có trong tưởng tượng của người viết, cũng như rủi thay, trong những bài phóng sự của những phóng viên quá ngây thơ hoặc đã từ lâu theo lý tưởng cộng sản!

Con đường chánh lớn và phòng họp ở cuối đường được chú ý đặc biệt. Từ hơn hai tháng rồi, một đội sáu người tù dưới sự hướng dẫn của một người trong số bạn hữu của tôi, Nguyễn Tri T., nguyên công cán ủy viên bộ Giáo Dục miền Nam, đã được giao nhiệm vụ sửa sang và bảo trì con đường này. Bùn được vét đi, mặt đường được cán bằng và người ta xây dọc theo hai bờ tường hai bồn hoa với vài đoạn nói rộng ra hình bán nguyệt. Trong những vòng bán nguyệt này, người ta trồng hoa hướng dương hoặc tầm xuân, trong vườn cảnh bên cạnh đường những cây phụng tiên với hoa muôn màu đã bắt đầu nở. Một ngày nọ, khi tôi đi qua con đường chính này, Nguyễn Tri T. bắt chuyện và nói:

“Anh ơi, nhìn xem con đường này, với những cây hoa phụng tiên đủ màu sắc, có đẹp không?

-Ừ, đẹp tuyệt vời! Cũng đẹp như ở Père Lachaise

(tên nghĩa địa nổi tiếng ở Paris) vậy!”

Nguyễn Tri T. nhăn mặt.

Còn về phòng học, trước đây là một căn trại rộng lớn lộng gió bốn phương, một toán của đội thợ mộc đến đó để biến đổi toàn diện, họ dựng vách bằng tre đan, cao nửa chiều phòng, bọc ba mặt phòng, trừ phía nhìn ra con đường lớn. Một vách bên trong ngăn ra làm hai phòng. Trong phòng thứ nhất người ta đặt hai bàn dài, có ghế hai bên và nhiều kệ, độ trăm cuốn sách được để trên kệ buổi sáng hôm có thăm viếng, và biến mất ngay buổi chiều, để không có một lăm lẩn nào, người ta đã viết trên vách ứng dụng của phòng bằng chữ lớn: “Phòng Đọc Sách”. Trong phòng kia, người ta đã kê một bàn bóng bàn và vài ghế dài dựa sát vách, lưới đã căng sẵn trên bàn, nhưng mà vợt và banh chỉ được để ở đó, trong thời gian dự trù trước cho những cuộc viếng thăm. Sau khi thăm viếng xong, những người gác tù đã đến chơi, sau đó bỏ đi mang theo vợt và banh; họ còn trở lại chơi nhiều lần nữa; nhưng tù nhân không được phép, kể cả nhìn họ chơi! Một tuần sau bàn ping-pong, cũng như những bàn khác ghế dài, kệ sách, tất cả biến mất ...

Trong bệnh xá, chúng tôi cũng phải quét dọn tất cả chỉnh đốn lại mọi thứ: những biểu đồ về số người đến khám bệnh, số người bị bệnh và những ngày nằm bệnh viện đã bị gỡ khỏi tường và cắt vào học tử bàn giấy “Bí mật quốc gia”, đó là lời cán bộ y tế nói với chúng tôi. Cuộc viếng thăm bệnh xá không có trong dự tính, vì theo lời vài người tù gốc đại tá, bệnh xá “với những song sắt ở cửa sổ, giống như những chuồng cọp nổi tiếng hung dữ của nhà tù Côn Đảo. nhưng nhỏ hơn



và ngộp thở hơn”. Theo họ, bệnh xá đáng được gọi là “Chuồng Chó Diên”. Điều này, không tránh cho ông Huệ và tôi, ngày thăm viếng, đồ mồ hôi hột, dưới một chiếc áo blouse dày mới tinh, áo chỉ được cán bộ y tế dùng một hay hai lần khi anh ta phải đứng chụp hình bên cạnh một người tù chính trị chết và làm bộ dạng chẩn bệnh hay tiêm thuốc vào cánh tay “người bệnh” (lệ thường chụp ba kiểu ảnh cho mỗi người tù chính trị từ trần).

Nhưng thành công nhất là sự dàn cảnh trong những đại đội tù nhân nguyên đại tá. Nguyên những người này bị nhốt 90 người trong những buồng dự tính cho sáu mươi người; bởi vậy họ phải trải chiếu trườn lên nhau theo kiểu “vẩy cá” theo lệnh của cán bộ, họ chỉ có thể ngủ bằng cách nằm nghiêng. Vài ngày trước khi có cuộc thăm viếng, người ta thay những chiếc chiếu cá nhân bằng những chiếc chiếu rộng một thước bề ngang và họ phải ngủ hai người một chiếc. Sáng ngày có cuộc thăm viếng, cán bộ đến thật sớm, ra lệnh cho họ chỉ để trên chiếu và trên kệ, một gói mùng mền và một cái túi mà thôi, những đồ khác tạm thời bỏ vào phòng kho. Trên tấm bảng nhỏ ở đầu cửa, thường dùng để ghi nhân số trong ngày của tù nhân (để tiện việc kiểm soát hằng ngày của tổng giám thị), người ta đã xoá con số 90 và thay vào đó con số 45. Ngày hôm đó, tù nhân không được trở về lúc trưa để ăn cơm; người ta đưa cơm ra ngoài đồng, chỗ họ làm việc để tránh cho khách thăm viếng khỏi gặp họ và đặt những câu hỏi khó chịu. Phiền hơn nữa, người ta đã báo trước là triệt để cấm chúng tôi “nói chuyện” với khách thăm viếng.

Quả nhiên, vào dịp thăm viếng xưởng mộc, một nữ phóng viên hỏi một tù nhân: “Anh làm nghề gì trước năm 1975?”. Người tù không trả lời, nhưng nữ phóng viên cố nài và dòn anh đến tận cùng bằng cách hỏi anh có hiểu tiếng Anh hay là tiếng hoặc là câm; người tù đáng thương hại này không nhịn được và đã nói rằng anh là giáo sư Anh văn và Pháp văn trong một trường trung học; một người khác cũng bị khiêu khích cách đó, trả lời rằng anh ta là thiếu tá tỉnh trưởng... Chiều trở về trại, hai người bị phỏng vấn bất đắc dĩ này, đã bị phạt như đã hứa: “một tuần ở ngục và bắt khô.”

“Hỡi các phóng viên báo chí và nghị sĩ đi tìm sự thật, chúng tôi năn nỉ quý vị đừng đến thăm chúng tôi nữa! Quý vị sẽ không thấy ở đây cái gì là thật cả và dù có thiện chí cho đến đâu, các vị cũng chỉ làm khổ thêm cho chúng tôi!”.

Đó là lời mong ước của tất cả tù nhân chính trị trong các trại tập trung cải tạo ở Việt Nam.

Về những cuộc viếng thăm này, nguyên đại tá Hoàng văn T. đã kể cho tôi nghe về một cuộc phiêu lưu lạ lùng đã xảy ra cho hai vị nguyên tướng lãnh. Một ngày nọ, hai cán bộ từ bộ Nội Vụ xuống đề nghị các ông đi với họ vài ngày để gặp vài nhà báo ngoại quốc. Vì các ông muốn từ chối, một cán bộ chánh trị nói với họ rằng không phải sợ gì cả; nếu họ không muốn trả lời các nhà báo, một cựu đại tá của quân đội miền Nam Việt Nam sẽ trả lời thay họ, người ta chỉ cần họ có mặt! Dù họ có muốn từ chối, người ta cũng cho biết không thể được! Vậy là công an để họ lên

băng sau xe jeep và trong khi mọi người chuyển trò xe bắt đầu chuyển bánh dưới ánh mặt trời buổi sáng. Đi ngang một gánh mì, cán bộ nói nếu họ có tiền và nếu họ muốn, người ta có thể dừng lại để họ ăn. Các tướng lĩnh của chúng ta không mong gì hơn là thế. Chiếc xe jeep liền đó dừng lại khi gặp quán ăn đầu tiên, nhưng cán bộ ở lại trên xe và để hai người tù vào quán ăn mì; nửa giờ sau họ rời quán, lại lên xe và độ mười cây số sau, đã tới trước một biệt thự, cách không xa một huyện lỵ.

Trong biệt thự, ngoài nhiều thứ khác, có một phòng khách, một phòng ăn, một phòng ngủ dành cho họ; phòng này có hai giường, với nệm, drap và mền ... Ở đó họ gặp một người tự giới thiệu là một cựu đại tá của quân đội Cộng Hòa Việt Nam, nhưng họ không sao nhớ mặt được. Trong bữa cơm trưa sau đó, mọi người trò chuyện và ông đại tá cho biết chi tiết về những năm sống ở đơn vị này hay đơn vị khác; với những thượng cấp này hay thượng cấp kia ... Bữa cơm thật tuyệt : chẳng phải mỗi người có một miếng beefsteak mà họ đã quên mùi vị từ hơn ba năm nay rồi sao ? Sau bữa ăn, họ tự hỏi thật lạ làm sao mà sự nghiệp của họ, hai ông tướng và ông đại tá, lại không bao giờ có dịp gặp nhau, nhưng những chi tiết rõ ràng mà ông đại tá này nói với họ, tuy vậy mà đúng với sự thật. Bữa cơm chiều cũng ngon như vậy, cũng như những bữa cơm của ngày hôm sau; họ ngủ với đầy đủ tiện nghi trong hai đêm, nhưng những nhà báo mà người ta đợi không đến. Ngày thứ ba, công an báo cho họ hay là cuộc hẹn với các nhà báo đã được hủy bỏ và phải lập tức trở về trại. Họ lại lên băng sau xe jeep, nhưng lần này với xiềng xích nơi tay! Không còn chuyện ăn mì nữa, người ta chạy một mạch tới cổng trại 52A và chỉ tới đó, người ta mới mở xích khoá cho họ! Các tướng của chúng ta không thể không hài lòng: hai ngày ăn ngon, và có mì ăn nữa chớ, đối với một người tù Việt Cộng có phải ít đâu!

Một buổi sáng tháng hai năm 1979, từ sớm tôi thấy một người bệnh được hai người đồng bạn khiêng đến, người xanh xao, phì, và hầu như bất tỉnh. Tôi nhận ra liền đó là Trương Quang Hậu, ở đội đan lát cũ mà tôi đã được cho về đó trước khi về bệnh xá. Những đồng bạn đang bồng anh nói rằng Hậu đã tình nguyện tuyệt thực từ một tuần rồi để chống lại việc triển hạn giam giữ chúng tôi. Hai ngày trước đây, họ đã muốn đem anh ấy đến bệnh xá, nhưng quản giáo không cho phép. Chỉ đến sáng nay khi Hậu bất động cán bộ mới cho phép đưa lên bệnh xá. Tôi khám bệnh nhanh chóng và xác định là Hậu đang ở trong một tình trạng kiệt sức cực điểm: huyết áp thấp, mạch chậm, hơi thở hết sức yếu ớt. Tôi lập tức chích cho anh ta tất cả số dự trữ về dung dịch glu-cô mà tôi hiện có, cả thấy sáu ống mỗi ống năm phân khối! Tôi bảo Tài xuống bếp hỏi xin một ít đường và bảo họ nấu cho chén cháo. Ở lại một mình với Hậu tôi ngồi xuống bên thành giường của anh, cầm tay anh trong tay tôi, cố gắng thuyết phục anh ăn trở lại. Tôi nói với anh rằng, bây giờ tất cả các bạn ở trong trại đã biết anh tuyệt thực để phản đối rồi, anh không cần phải tiếp tục nữa, rằng tốt hơn hết anh phải ăn uống lại để chiến đấu dưới một hình thức khác và anh còn sống những người khác có thể nhìn nơi anh một tấm gương để theo. Nếu anh mất đi, trái lại, rất nhanh không còn ai nhớ đến hành động can đảm của anh nữa! Hậu không trả lời gì. Cái nhìn của anh

vẫn đứng đưng như thế; có thể anh đã chớp mắt ? Lúc bấy giờ Tài trở về đem theo một chén nước có đường và một cái muỗng. Tôi múc một ít nước đường và đưa đến gần môi Hậu; sau một chút do dự, anh hé mở miệng ra để tôi có thể đổ nước đường vào, rồi anh tiếp tục như thế từng muỗng một. Lúc bấy giờ có nhiều việc cần phải làm, tôi giao muỗng cho Tài tiếp tục cho anh uống. Cán bộ y tế lúc đó đã đến; tôi kể lại trường hợp của Hậu và nói với anh rằng ở trại chúng ta không có phương tiện vật chất nào để cứu anh và phải chuyển anh về nhà thương Hà Đông. Anh ta trả lời là sẽ đi nói với ban giám đốc trại, cơ quan duy nhất có thể quyết định chuyển một người bệnh qua nhà thương và anh ta bỏ đi không muốn nhìn cả người bệnh!

Trong lúc đó, sau khi cho Hậu uống một nửa chén nước đường, Tài đưa thêm cháo, Hậu chịu ăn vài muỗng, nhưng ngậm trong miệng khá lâu không chịu nuốt rồi nhổ ra ngoài. Sau đó anh từ chối cả nước đường, tôi chích cho Hậu một mũi nikéthamide và cho uống vài giọt trợ tim, nhưng tình trạng chẳng khả quan hơn.

Người trực trong đội của Hậu, đã đến thăm Hậu và kể cho tôi nghe rằng từ tháng 9 Hậu không chịu đi làm nữa; khi người đội trưởng, Phạm T. rầy Hậu vì từ chối đi làm, Hậu trả lời rằng: khi người ta đã áp đặt cho anh một bản án là ba năm cải tạo trong trại tập trung, thì anh không có bổn phận phải đi làm khi thời hạn ấy đã qua từ lâu. Phạm T. choáng váng, chạy đi kể lại những lời này cho cán bộ quản giáo, anh này đến nói chuyện với Hậu, chuyện này kéo dài khá lâu và cuối cùng cán bộ ra lệnh cho Phạm T. để Hậu yên, cho phép tùy ý đi hay không đi làm việc. Nhưng tuần trước Hậu có nói với vài người bạn là anh đã chán việc chờ đợi và anh sẽ bắt đầu tuyệt thực để người ta cho anh “về hay chết”; nhiều bạn anh nhất định khuyên can, nhưng Hậu cương quyết từ chối và bắt đầu tuyệt thực.

Tôi đợi cho đến trưa và vì cán bộ y tế không đến, tôi quyết định đi nhờ ông Huệ can thiệp đùm. Tôi gặp ông ấy đang ăn cơm trưa. Tôi trình bày trường hợp của Hậu và nói là tôi đang chờ cán bộ y tế đến và hỏi ông ta xem có thể nào giúp thêm vào lời yêu cầu di chuyển này không vì Hậu sắp chết. Ông Huệ đặt đĩa xuống bàn, nhìn thẳng vào mặt tôi và nói:

“Chuyển Hậu qua nhà thương à? Để cho tất cả mọi người biết là trong trại này có một người tù chính trị đang tuyệt thực làm reo chăng? Cán bộ y tế sẽ không dám kể trường hợp này cho giám đốc! Anh ta sẽ bị cảnh cáo tức thì. Còn về chuyện xin di chuyển, anh ta không khi nào dám nghĩ đến!”

Số phận của Hậu vậy là đã an bài rồi!

Trong buổi xế trưa, tôi rất khó khăn kiếm được hai mươi ống dung dịch glu-cô loại năm phân khối; và cũng khó mà chích cho anh ta, vì tôi chỉ có một ống chích năm phân khối. Tôi quyết định mỗi giờ chích cho anh mười phân khối, cho đến mười giờ đêm, sau đó cách hai giờ một mũi. Sáng hôm sau lúc bấy giờ, Hậu hấp hối : tiếng thở ran của anh vang dội từ đầu này qua đầu kia bệnh

xá. Tôi hoài công đợi cán bộ y tá đến! Đúng, hôm nay, anh ta không đến! ông Huệ tới nhìn người bệnh vài phút và nói: “Tôi nghiệp kẻ bất hạnh!”, ông lắc đầu, tỏ dấu bất lực rồi bỏ đi về nhà.

Tôi thật hoàn toàn ý thức về sự vô ích của cách chữa trị kém cỏi của trại, nhưng một cái gì đó trong lương tâm thúc đẩy tôi cứ kiên trì: tôi chích cho anh ống nikéthamide cuối cùng. Tới nửa đêm, tôi thức dậy để chích cho anh hai ống dung dịch glu-cô, rồi ngủ đến hai giờ sáng tôi thức dậy để chích thuốc một lần nữa. Tôi run lạnh khi thức giấc, vì trời rất lạnh vào tháng hai ở ngoài Bắc, tôi chui liền dưới mền khi xong công việc và ngủ liền. Khoảng bốn giờ sáng, tôi giật mình thức dậy vì bị đau nhói ở ngực, đau như bị dao găm đâm thường thấy tả trong các sách y học. Tôi nghĩ là mình đã bị viêm phổi rồi, thật vậy tất cả triệu chứng đều hội đủ để xác định bệnh: lạnh giá, suy nhược trong một cơ thể yếu đuối toàn diện vì thiếu dinh dưỡng.

Mười lăm phút, nửa giờ trôi qua, cơn đau giảm dần, nhưng cũng còn khá mãnh liệt, và tự lại rõ ràng hơn ở phần trước ngực. Điểm đau này thường không thấy trong bệnh viêm phổi, nhưng những triệu chứng của một bệnh phải chăng lúc nào cũng giống như trong sách vở. Tôi trăn qua trở lại trên giường . . . Tôi nằm sấp xuống, một tay đặt lên gối; cái gối này xẹp xuống để một phần ngực đưa vào đấy và ... không cần tìm, tôi nghe nhịp tim đập : nhịp đập bất thường, từng nhóm sáu tiếng đập, được tiếp theo bởi một khoảng nghỉ dài. Tôi đếm: 1, 2, 3, 4, 5, 6, nghỉ 1, 2, 3, 4, 5, 6 lại nghỉ và tiếp tục như thế, mỗi lần tim ngưng đập tôi tự hỏi không biết nó có đập trở lại chẳng? Vậy là chẩn đoán sai rồi: không phải tôi bị sưng phổi, nhưng đang bị đau động mạch tim. Nếu là viêm phổi, tôi đã nghĩ đến thuốc péniciline có ở bệnh xá, nhưng mà đau thắt ngực, không có thuốc gì để trị cả, kể cả nơi tủ thuốc của bệnh xá nhân viên! Xin di chuyển về bệnh viện Hà Đông chẳng? Điều đó khó lắm! Đã có một trường hợp “viêm động mạch tim” trong toán chúng tôi mà bệnh nhân ấy cũng không được nhận vào bệnh xá; ban giám đốc trại chỉ cho phép “được nằm bệnh viện” những bệnh nhân có triệu chứng bệnh nặng rõ ràng! Người bệnh này đã có ba cơn đau rồi, may mà anh ta có thuốc sẵn trong hành lý! Tôi đang nghiền ngẫm những ý nghĩ ấy, đột nhiên tôi nhận ra rằng không còn nghe tiếng rên vang dội của Hậu nữa. Anh ấy đã tắt thở rồi chẳng ? hay là đã tỉnh lại ? Chậm chậm thời gian trôi qua, tiếng gong báo thức vang lên, tôi gọi Tài ngủ phòng bên cạnh:

” Anh Hậu ra sao rồi ?

– Anh ấy đã chết khoảng bốn giờ sáng!

– Anh chịu khó, ngay khi cửa mở, đi tìm ông Huệ và tin cho ông ấy rằng Hậu đã chết, và chính tôi cũng bị cơn đau tim, và tôi không thể dậy để làm việc”.

Ông Huệ đến rất mau, tôi tin cho ông biết trong hoàn cảnh nào tôi bị đau động mạch tim và những lo lắng của tôi về sự thiếu thuốc chữa. Ông ấy khích lệ tôi và bảo tôi có thể nghỉ ở giường, ông sẽ lo mọi công việc của tôi trong vài ngày. Một giờ sau, ông ấy trở lại, cho tôi một gói bánh mì

*nướng (mà ai đó đã biếu cho ông) và một cuốn sách nhỏ hướng dẫn điều trị của bộ Y Tế Hà Nội. Ông ấy chỉ cho tôi bài “Đau thắt lồng ngực” trong ấy người ta viết là có thể dùng atropine để trị bệnh ấy. Tôi rất hài lòng vì atropine thì chúng tôi có mà có nhiều nữa. Ông ấy liền bắt đầu chữa cho tôi, điều trị trong năm ngày, mỗi ngày hai ống atropine 1/4 mg, rồi bảy ngày tiếp theo mỗi ngày một ống. Tôi nghỉ được ba ngày, ngày thứ tư tôi bắt đầu làm việc lại và ngày kế đó tôi làm việc lại bình thường. Trong mười lăm ngày, tôi nhịn hút thuốc và uống trà và trong một tháng tôi tự cho phép uống một chén trà và hút một điếu thuốc mỗi ngày mà thôi.*



**CHƯƠNG IX**  
**- TÙ NHÂN**  
**- LÒNG TIN TRONG TÙ**  
**- “WATCHGATE”**  
**- CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN NGỌC THÚY**



*Trong suốt thời gian tôi bị bệnh đau động mạch tim, Thúy thường đến thăm tôi, đều đều mỗi chủ nhật và đôi khi buổi sáng trong giờ khám bệnh của tôi. Thúy có thể đọc báo (của đảng) trong đội của anh, đã cho tôi biết về chiến trận ở biên giới với Trung Cộng; chiến tranh làm chúng tôi lo nhiều vì có thể trại chúng tôi phải sơ tán khẩn cấp, điều nguy hiểm khủng khiếp cho tôi vì tôi vừa bị bệnh. Chúng tôi hết băn khoăn khi được tin có mở hoà đàm nhưng bực mình vì sự ngu xuẩn của những người đàm phán của họ (đáng lẽ phải nói của chúng ta, vì đây là những người của Hà Nội), họ không hiểu là người Trung Hoa không phải là người Pháp, cũng không phải là người Mỹ. Quen thuộc với chiến thuật dọa dẫm bằng tù nhân và xác chết, chiến thuật đem lại thành công với Pháp và Mỹ, họ bắt đầu đề nghị với Trung Hoa việc trao đổi tù binh! Nhưng những người Trung Hoa cũng như những người cộng sản Việt Nam, không đếm xỉa gì đến tù binh cũng như thi hài, giáng cho họ một cái nhục đầu tiên bằng cách tuyên bố rằng tù binh là việc của Hồng Thập Tự! Một cái tát thứ hai tiếp theo đó, khi Trung Hoa tuyên bố: “Tù binh của các anh à, hãy đến mà đem họ về không phải tốn kém gì?”. Bắc Việt tuyên bố khắp nơi rằng đã giết và bắt làm tù binh cả ngàn, nếu không nói là cả vạn người Tàu, chỉ đưa ra được độ một chục người Tàu, để đổi lại hơn một trăm người. Đó là sự mất mặt thứ ba mà họ tự háng lấy...*

*Một ngày kia, Thúy đến trong giờ làm việc, tôi nghĩ là anh ta lại có một bản báo cáo nữa cho ông thứ trưởng bộ Nội Vụ. Thật vậy, Thúy bắt đầu đưa cho tôi năm điều thuốc, một nửa tiền lương của anh, và nói với tôi:*

*“Anh thử đoán xem người ta bảo tôi viết cái gì đây!*

*– Về những người Fulros, người Trung Hoa hay ... về các tướng lĩnh của anh!*

*– Những cái đó đã xưa rồi. Người ta đòi tôi cái khác hôm nay!*

*– Vậy thì, địa chỉ ổ điểm ở Sài Gòn !*

*– Cái đó, bây giờ họ biết rõ hơn tôi. Anh không bao giờ đoán ra được đâu! Họ muốn tôi viết ra những gì tôi biết về Nguyễn Hữu Thọ và Huỳnh Tấn Phát.*

*– Ồ! ... Thật sự tôi không lắm lắm đâu. Tôi chỉ dùng giống cái thay vì giống đực!... Nhưng tại sao họ lại bảo anh làm việc này?*

*– Họ có một cái sợ kỳ cục về đoàn quân thứ năm và họ cũng không tin lắm những tên của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam này.*

*– Và anh biết một vài điều về những người này chẳng?*

*– Về Nguyễn Hữu Thọ, không, nhưng về Huỳnh Tấn Phát, thì có! Tôi biết vài điều.*

*– Và anh sẽ nói cho họ nghe?*

*– Tại sao không? Bây giờ chúng ta đã ở đây rồi, vì sao anh còn muốn tôi che chở cho những tên khốn nạn này. Tôi sẽ nói hết.*

*Và giờ tay mặt lên cao, bắt chước điệu bộ của người làm chứng trước tòa, anh nói tiếp*

*: sự thật tất cả sự thật, không gì ngoài sự thật ‘.*

*Sau đó Thúy kể cho tôi nghe rằng, vì là Trưởng Ban Nghiên Cứu của Cục Tình Báo Trung Ương (Miền Nam Việt Nam), anh không phải lo việc chiêu hồi những người ly khai, nhưng mỗi thứ bảy anh dự buổi họp của tất cả tất cả các trưởng ban, với sự hiện diện của các nhân vật quan trọng trong Cục. Các Trưởng Ban phải trình bày đại thể các hoạt động chính của họ trong tuần qua. Chính trong những buổi họp này mà anh được biết đã có thương lượng để chiêu hồi Huỳnh Tấn Phát; những cuộc thương lượng này đã tiến khá xa. Khi có hiệp định Paris, Huỳnh Tấn Phát liền cắt đứt mọi liên lạc.*

*Sự tự nguyện hy sinh của Trương Quang Hậu, dù tất cả các đội đều biết rõ, đã không gây nên một phản ứng nào và những kẻ cộng tác tiếp tục hiếp đáp đồng đội. Nổi tiếng nhất là trường hợp của Phạm T., nguyên trưởng đội đan lát, và sau đó được đổi sang trồng rau cải. Ngay những tháng đầu được chuyển về Bắc Việt chúng tôi đã cử anh ta làm đội trưởng vì anh ta ăn nói hoạt bát, anh ta đã là Bộ Trưởng Bộ Thông Tin trong vài tháng dưới thời các tướng lĩnh. Nhưng dần dần vì quá muốn được trả tự do mau chóng, anh hết sức sốt sắng tăng công một cách đáng*

thương. Anh tưởng rằng những “điểm tốt” của ban giám đốc trại sẽ làm cho anh ta được thả ra mau chóng; sự tin tưởng này hoàn toàn sai, vì nếu những điểm xấu có thể kéo dài sự giam cầm, các điểm tốt trái lại chẳng có hiệu nghiệm gì. Việc thả một tù nhân chính trị trước hết là một vấn đề “thời điểm chính trị đúng lúc”. Bởi thế đảng có lợi khi trả tự do cho một cựu bộ trưởng hoặc cựu đại tá mà nhiều người quen biết, hơn là thả một tên trung úy vô danh.

Việc rắc rối kỳ cục nhất liên can đến Phạm T. bắt đầu ở chính bệnh xá, dù rằng tôi không dự gì đến. Một trong những người bạn của tôi, Lê Quang T., cựu Bộ Trưởng bộ Tài Chánh vào năm 1975, vì có những dấu hiệu suy mòn trầm trọng: mặt phì, phù cả tứ chi, nói năng khó khăn, đi đứng chập chững, được nhận vào bệnh xá. Anh ấy sinh trưởng trong một gia đình gốc Công giáo lâu đời ở miền Nam, nhưng đã không giữ đạo từ lâu. Ở bệnh xá thường thấy Hồ Nai hay đến, anh là người trực của một trong hai đội các cựu đại tá và là người công giáo giữ đạo rất tốt, anh tự coi như có bổn phận phải khích lệ và giúp đỡ tất cả người bệnh. Anh ở lại lâu nói chuyện với Lê Quang T. và từ từ trỗi dậy nơi T. nếu không phải là lòng tin của thời thơ ấu, thì ít ra cũng là hy vọng nơi Thiên Chúa. Hồ Nai biếu T. một thánh giá nhỏ bằng gỗ (làm hằng loạt do một người bạn ở xưởng mộc) máng vào sợi dây nhỏ và T. đeo vào cổ mình. Ít lâu sau, sức khỏe khả quan, Lê Quang T. trở về đơn vị mình. Một buổi xế trưa, chúng tôi tắm bên cạnh bể nước, Phạm T. nhìn thấy cây thánh giá trên ngực của Lê Quang T. và ngày hôm sau anh vội vàng báo cáo cho quản giáo là Lê Quang T. đeo trước ngực một cây thánh giá mà anh không có trước khi đi nằm bệnh xá. Cán bộ này đến tra vấn Lê Quang T., anh này, thiếu can đảm, đã không khó khăn gì thú thật là chính Hồ Nai cho anh, và anh còn thêm rằng Hồ Nai đã dọa nạt anh nếu anh không chịu đeo thánh giá này! Quản giáo báo lên phó giám đốc người đã quyết định đàn áp mọi hình thức truyền giáo hoạt động bị cấm ngặt theo điều lệ của trại, ông này bèn gọi Hồ Nai lên văn phòng. Hồ Nai nhận đã cho Lê Quang T. thánh giá vì T. hỏi xin anh thánh giá mà anh đeo trên ngực, anh không hề dọa nạt Lê Quang T., bởi vì nếu anh dọa nạt, thì tại sao Lê Quang T. lại tiếp tục đeo thánh giá khi đã trở về đội mình? Nhưng điều mà vị phó giám đốc muốn biết là nguồn gốc của thánh giá và ai đã làm ra trong trại. Hồ Nai đã trả lời rằng thánh giá ấy do vợ anh cho anh ngay trước khi lên đường đi học tập và thánh giá hầu như còn mới vì anh chỉ đeo những ngày chủ nhật mà thôi. Trong một tuần lễ, mỗi buổi sáng Hồ Nai bị kêu lên bàn giấy phó giám đốc và bị hỏi về chuyện này, nhưng anh giữ bình tĩnh, duy trì lời khai là chính vợ anh đã cho anh thánh giá; cuối cùng phó giám đốc ngưng các cuộc thẩm vấn nhưng không quên dọa anh nhốt vào “ca-sô”, nếu anh còn tiếp tục phân phát thánh giá!

Nhưng những nguyên đại tá rất tức giận Phạm T., cho nên hai lần trong ngày, là trên đường cái lớn lúc đi làm, khi đi ngang Phạm T., mỗi người kêu tên anh méo mó đi một chút thành Phạm Thúi, có nghĩa là “tù nhân thúi”. Bị mắng cả trăm lần mỗi ngày, Phạm T. đi than với cán bộ của anh ta, người này đem sự việc ra trước buổi họp hằng tuần của các cán bộ quản giáo và của trưởng toán. Phạm T. được gọi lên trình bày khiếu nại, mọi người bật cười, nhưng cũng có quyết

định rằng từ đây, tù nhân nào bị bắt gặp kê phạm thúi sẽ bị phạt nhốt ca-sô một tuần; Phạm T. thật đã hài lòng ... Nhưng không lâu, ngay hôm sau, khi đi ngang qua anh ta, người ta không kê lên phạm thúi nữa, nhưng người ta chỉ bịt mũi lại.

Tuy nhiên, Phạm T. vẫn tiếp tục sốt sắng quá mức, mỗi lần anh bán sản phẩm rau cải của đội anh ta cho nhà bếp tù nhân, anh ta cho cân rau muống, cải với rế còn đầy đất, đầu bếp sau đó phải cắt bỏ đi trước khi nấu nướng. Anh làm như thế cho nặng cân hơn để cải thiện thành tích của đội anh nhưng có hại cho lương thực của tù nhân. Một đêm mùa đông năm 1979, trong khi điện bị cúp, bốn bóng đèn đến vây quanh Phạm T. lúc ấy đang ngủ, giữ anh dưới mền và đánh anh ta bằng những cú đấm. Phạm T. kêu thét như heo bị thọc tiết và kêu cứu: “Cán bộ ơi! Cứu tôi với! Người ta giết tôi! Cứu tôi với!” Bốn bóng người vẫn tiếp tục đánh đập anh ta cho tới khi có một giọng từ đâu đó cất lên nói rằng anh ta chết tới nơi rồi và như thế đủ rồi. Những bóng đèn biến mất, nhưng Phạm T. vẫn tiếp tục kêu cứu, những tù nhân khác, để đùa nghịch cũng kêu gào với anh ta! Lính gác đang đi tuần đến gần cửa sổ để hỏi lý do ồn ào giữa đêm khuya. Phạm T. rên rỉ nói rằng người ta đã đánh anh, người ta sắp giết anh. Lính gác bèn đi báo động tổng giám thị, ông này liền đến với lính vũ trang và cây đèn bão ... ông ta mở cửa vào phòng và hỏi Phạm T. vì sao anh ta kêu cứu. Sau đó, ông ra lệnh cho mọi người đứng dậy, mỗi người đứng dưới chân chiếu mình, hai bàn tay xoè ra ngang ngực. Rồi ông ta duyệt qua các bàn tay ấy, hy vọng tìm ra vài bàn tay bấm đập vì đã đánh đập. Không bàn tay nào tự tổ cáo đã là thủ phạm dưới ánh sáng nhợt nhạt của cây đèn bão. Ông rầy la cả phòng, dọa sẽ bỏ tất cả vào cũi, rồi bỏ đi. Sáng hôm sau, khi trở lại mở cửa, ông ta duyệt lại một lần nữa các bàn tay và vì không kiếm ra thủ phạm, tuyên bố hủy bỏ bữa ăn điểm tâm của mọi người (kể cả Phạm T.)

Phạm T. không phải là người duy nhất đã ăn ở không xứng đáng như thế. Cũng có vài người khác, nhưng ít thôi, và bớt trơ trẽn hơn; nhưng một điều đáng buồn phải công nhận là không phải những cấp nhỏ đại úy hay thiếu tá, mà là những người có chức vụ cao trong hàng ngũ quân đội Việt Nam Cộng Hòa. Lâm T., “khách” của khu F, tới khám bệnh vì bị nặng bụng và phân nhão, tôi cắt nghĩa cho anh ta đó là dấu hiệu của bệnh viêm ruột tràng kinh niên, di tích của bệnh kiết lỵ cũ và tôi không có thuốc men thích hợp để chữa trị; tôi chỉ cho anh ăn cháo vài ngày và khuyên anh, trong thùng quà gia đình kỳ tới, nên xin những thuốc như direxide, vioforme cho ruột, và cá émetine nữa để phòng ngừa tái phát. Anh ta vẫn tiếp tục nài nỉ, nói đến ung thư, chết chóc ... Tôi hiểu là anh ta muốn dùng những rối loạn của mình như cái cớ để xin được thả. Lúc bấy giờ tôi nói với anh ta là có stovarsol với số lượng rất giới hạn, nhưng tôi để dành cho những trường hợp lỵ cấp tính và trầm trọng vì đó là một chất độc, rất nguy hiểm vì chúng ta là những người thiếu dinh dưỡng. Anh ta vẫn tiếp tục nài nỉ và cuối cùng tôi cho anh ta thuốc để uống trong hai ngày. Những rối loạn của anh bớt đi và tôi cho ngừng thuốc. Một tuần sau, ông Huệ đưa cho tôi coi đơn thỉnh cầu mà Lâm T. đã gửi cho giám đốc trại, ông này chuyển cho cán bộ y tế, rồi đơn này lại chuyển qua tay ông Huệ. Trong đơn gửi cho giám đốc này, Lâm T. tự xưng như “con trai của ông



ta”, mô tả căn bệnh, công nhận là tình trạng sức khỏe của anh đã khá hơn, nhưng không thể khỏi hẳn bệnh được; sau khi đã tán tụng lòng khoan dung vô bờ bến của Hồ Chí Minh, anh xin giám đốc coi anh như “con trai của ông ta” và vui lòng đề nghị với bộ Nội Vụ thả anh, để anh ta có thể chữa bệnh ở nhà hay ít nữa là sống những ngày cuối cùng ở đó!

Khi tôi trả lại đơn cho ông Huệ, ông ấy cầm lấy, đưa ngang tầm mắt tôi và nói:

” Cái này, mà từ một ông tướng!”

– Đúng. Chúng tôi có nhiều tướng như vậy, và vì họ mà tôi phải ở đây!”

Im lặng một hồi lâu, rồi ông Huệ nói nấp:

“Dầu sao đi nữa, thì chính chúng ta bị rầy rà đó! Hãy tiếp tục cho anh ta stovarsol. Nếu anh ta muốn chết, hãy để anh ta chết!

– Không, bệnh của anh ta chỉ là cái có để xin được thả!

– Thả một người tù chính trị vì đau ốm ư? Và hơn nữa đó là một ông tướng! Dưới bầu trời này và trên khắp mặt đất, không có một người ngu nào tin như thế! Nhưng cuối cùng, đối với chúng ta, ... vẫn luôn luôn còn vấn đề giải quyết cái đơn thỉnh nguyện này...

– Để đấy cho tôi, tôi trả lời, tôi sẽ làm anh ấy lành. Nếu không lành bệnh, thì cũng lành các thỉnh cầu của anh. Tôi sẽ chích cho anh ta nước cất trong da.

– Làm thế nào?

Tôi cắt nghĩa: trong những năm 1940-1945, khi mà thuốc men không còn từ Pháp đến nữa, ông giáo sư môn giải phẫu của tôi, giáo sư Huard ở nhà thương Yersin Hà-nội, nơi tôi đã là sinh viên ngoại trú, đã cho điều trị những trường hợp loét bao tử bằng cách chích nước cất vào nội bì (intra-dermique) miền thượng vị; ông đã giải thích rằng những mũi chích này sẽ gây phản ứng tạo ra chất histamine, tương tự như histidine, chất này có trong thuốc laristine dùng để trị bệnh loét bao tử. Nhiều bệnh nhân được điều trị bằng cách này nói là đã lành bệnh; nhưng chúng tôi, những sinh viên ngoại trú, chúng tôi cười và nói rằng các mũi thuốc ấy làm đau quá cho nên bệnh nhân có lẽ đã khai lành bệnh còn hơn là bị chích một lần nữa!

Hôm sau, tôi đến bên cạnh Lâm T. với một ống chích đựng hai phân khối nước cất, bông gòn, còn... và có ông Huệ đi theo. Tôi nói với Lâm T. rằng giám đốc đã nhận được thỉnh cầu của anh và đã ra lệnh cho cán bộ y tế phải chăm sóc cho anh thật tốt; anh cán bộ đã đến bệnh xá nhân viên và đã xin được hai ống émetine; nhưng hai ống, thì ít quá và chúng tôi đã quyết định, để tăng cường hiệu lực của thuốc, nên chích gần chỗ anh đau nhất. Tôi bảo anh đi rửa hạ bộ vì thuốc sẽ được chích bốn chỗ vùng xung quanh hậu môn. Lúc anh trở lại, tôi bảo anh hạ quần

xuống và giữ vị thế chồm hồm, mông càng cao càng tốt. Tôi chích mũi thuốc đầu, ấn mạnh hết sức để được một nốt to bằng hạt bắp; anh ta rên càng lúc càng nhiều, khi tôi chích xong mũi thứ nhất, anh nói rằng đủ lắm rồi và yêu cầu tôi ngưng.

“Xem nào, can đảm lên một chút đi!

Lời ông Huệ; một ông tướng phải can đảm! Tướng Quan Công (11)

vẫn chơi cờ trong lúc người ta nạo xương tay ông ta.”

Tôi chích cho anh ta mũi thứ hai để có một nốt to hơn nốt thứ nhất một chút, anh tiếp tục rên rĩ và lúc tôi chích xong, anh ta khấn khoản xin tôi đừng tiếp tục nữa, vì anh không chịu được nữa.

“Thật hơi một tý anh đã kêu đau! Đành vậy, tùy ý anh, hôm nay tôi nghĩ chúng ta sẽ bắt đầu lại trong hai ngày nữa.”

Ngày hôm sau, khi tôi đến thăm một người bệnh khác, trong khu của anh, anh đến gặp tôi và nói:

“Bác sĩ ơi, tôi đã lành, hoàn toàn lành bệnh rồi! Mai bác sĩ đừng đến nữa!

– Tôi thật hài lòng anh đã khỏi bệnh mau như thế! Tùy ý anh, mai tôi sẽ không trở lại nữa’ À này, ông Huệ có đưa cho tôi đọc đơn thỉnh cầu anh gởi cho ông giám đốc, anh viết rất hay, quá hay nữa!”

Lâm cười gượng!

Đã vào xuân những cây hoa phòng phong mà Thúy đã trồng trước sân và hai bên đường dài khoảng 50 thước đi thẳng vào cửa chánh của chúng tôi, đã bắt đầu nở hoa; mỗi buổi xế trưa, lúc từ bệnh xá nhân viên lấy thuốc trở về, tôi thường dừng lại vài phút ngắm ngời để ngắm cảnh sắc đẹp mắt của hoa muôn màu! Một hôm, vừa đi vào con đường này, tôi thoáng thấy một người đang cúi xuống mấy cây phòng phong và hái hoa. Nổi giận, tôi nhảy ào tới bên cạnh kẻ đột nhập, cộc lốc dữ dằn hỏi:

“Ai cho phép anh hái hoa của tôi?”

Người ấy dịu dàng trả lời:

“Xin lỗi, tôi chỉ xin anh vài đóa hoa cho bàn thờ Đức Trinh Nữ thôi!”

Tôi vô cùng ngạc nhiên:

“Bàn thờ Đức Trinh Nữ à? Ở đâu thế?

– Dạ, trong đội của tôi, ngay cạnh đây, chúng tôi gần đây vừa dựng lên một bàn thờ kính dâng Đức Trinh Nữ Maria. Anh hãy đến xem!”

– Vậy thì anh muốn hái bao nhiêu hoa cũng được và xin anh vui lòng thêm vào đó lễ vật nhỏ của tôi”

Tôi trả lời anh và hái ba hoa thật đẹp rồi đưa cho anh.

Khoảng nửa giờ sau, khi đã làm xong công việc phân phát thuốc cho những người trực, tôi lấy ống nghe như thể để đi thăm một người bệnh, đến đội bên cạnh bệnh xá mà chắc là bàn thờ Đức Trinh Nữ đã được dựng lên. Lúc tôi đến trước cửa phòng, tôi thấy trên cửa sổ đối diện, treo lên ở lưng chừng các song sắt một thanh gỗ nằm ngang to bằng một tờ giấy trên đó có đặt một ly nhựa với một bó hoa. Sau khi kín đáo nghiêng đầu, tôi đi tự nhiên về phía một người bệnh kinh niên nằm ở cuối phòng. Anh ấy hết sức ngạc nhiên thấy tôi đến thăm, chúng tôi nói chuyện chốc lát về bệnh tình của anh; rồi tôi đi ra, chào kín đáo bàn thờ trước khi đi về phía cửa. Tôi rất mong muốn biết cán bộ quân giáo của các anh nghĩ gì về chuyện này!

Ngày hôm sau, giữa trưa lúc Hồ Nai đến chuyện gẫu với tôi như thường lệ, anh ta xin lỗi tôi đã không xin phép trước khi hái hoa; tôi trả lời không hề gì, và hỏi anh:

“Tại sao cán bộ lại để cho các anh lập bàn thờ vậy?”

– Anh ta có hỏi để hoa này làm gì vậy, và chúng tôi đã trả lời rằng theo lệnh của giám đốc trại, muốn cho đẹp phòng nên chúng tôi đã để ở đó bình hoa này. Anh ta không nói gì nữa. Đối với chúng tôi, mặc dầu không thể đặt ở đó hình Đức Mẹ Đồng Trinh, bó hoa ấy, mà chúng tôi định thay mỗi ngày, tượng trưng cho Mẹ và mỗi tối, tới giờ giới nghiêm, tất cả các bạn công giáo, mỗi người ngồi dưới mừng, quay về bàn thờ để đọc lời cầu nguyện. Hơn một phần ba tổng số người trong đội chúng tôi là người công giáo; những người khác nhìn chúng tôi hành đạo với thiện cảm.

-Trong giới sĩ quan, tỷ lệ người công giáo cao hơn là ở trong dân chúng nói chung. Chúng tôi chỉ chiếm có non hai mươi phần trăm dân chúng.

– Anh biết là năm 1954, tối thiểu 90% dân di cư từ Bắc là những người công giáo.”

Trong câu chuyện tiếp theo đó, tôi nói với Hồ Nai, chuyện mà anh biết từ lâu, rằng tôi cũng là một người công giáo .

“Tôi đã được rửa tội vào ngày Phục Sinh, từ đó đến nay đã hơn 25 năm rồi, và tôi luôn luôn đều có rước lễ ngày Phục Sinh, nhưng vậy là đã ba năm rồi tôi không thể làm được; tôi tự hỏi khi nào tôi mới có thể rước lễ lại được!”

Hồ Nai im lặng một chốc, rồi sau khi liếc nhìn xung quanh, bèn nói với tôi:

“Nếu muốn, anh có thể rước lễ vào Phục Sinh này!”

Sửng sốt, thật là bất ngờ, tôi hỏi:

“Làm sao được?”

– Chúng tôi có bánh thánh dâng hiến rồi. Tôi sẽ đem lại cho anh một mảnh và anh sẽ rước lễ sau khi đọc kinh cầu nguyện. Ngày mai, anh đưa cho tôi một cái hộp nhỏ để đựng Bánh Thánh.”

Nỗi vui của tôi thật tốt cùng, đã hơn ba năm tôi không thể đến Bàn Thánh, và đôi khi tôi tưởng rằng không bao giờ còn có dịp rước lễ lại được nữa! Nhưng...

“Đây rồi, đông đã qua,  
Mưa đã tạnh, mưa đã biến mất rồi,  
Trên đất ta, hoa chóng nở.”

(Thánh ca 2-II-12)

Tôi không nhắm mắt được đêm hôm ấy, quá kích động bởi nỗi vui mừng to lớn này. Và tôi đã nghĩ đến một đêm Phục Sinh tương tự, hơn 25 năm về trước, khi tôi dọn mình để rửa tội. Phải chăng đây là một dấu hiệu báo rằng Phục Sinh này là những ngày cuối cùng mà tôi phải trải qua trong ngục tù? Mọi điều này quay cuồng trong đầu tôi khiến tôi thức cả đêm đến sáng.

Ngày hôm sau, khi Hồ Nai đến, tôi đưa anh một chiếc hộp sắt nhỏ mà tôi đã kiếm ra trong tủ thuốc trực của bệnh xá và tôi đã rửa sạch kỹ càng, rồi chúng tôi nói chuyện về Phục Sinh tới. Hồ Nai cho tôi biết là vào dịp này, sẽ có rửa tội cho một bạn đồng đội của chúng tôi. Đó là lễ rửa tội thứ ba từ khi có các cựu đại tá đến trại này. Người sẽ được rửa tội là cựu đại tá Wong S., cựu giám-đốc sở xã-hội của quân-đội miền Nam. Ông ta đã về hưu từ nhiều năm rồi, như vậy đáng lẽ không phải đi cải tạo, nhưng ủy Ban Nhân Dân của Quận buộc ông đến trình diện. Tôi biết mặt Wong S.; ông luôn luôn đi đứng với một cây gậy, cành tre hay cành cây lượm được đâu đó, và điều này làm bức mình cán bộ, người này đã lưu ý ông, nhưng ông vẫn tiếp tục dùng vì ông cần đi đứng cho vững. Mặc dù đã quá bảy mươi tuổi, ông cũng bị bắt buộc ra đồng mỗi ngày nhưng các bạn dành cho ông những công việc ít khó nhọc: nhổ cỏ, bảo trì những bờ ruộng nhỏ...

Vào dịp này, tôi làm một hộp nhỏ bằng giấy dày cứng không lớn hơn một gói thuốc lá và tôi bỏ đầy nho khô mà gia-đình đã gửi cho tôi, để biếu ông ta. Sáng ngày trước ngày lễ Phục Sinh, lúc Hồ Nai đến đưa cho tôi cái hộp nhỏ đựng Bánh Thánh, tôi nhờ anh đem món quà của tôi để trao cho Wong S., sau lễ rửa tội của ông ấy, mà không nói là của ai đưa đến.

Chiều đó, liền sau khi các cửa đã khóa, tôi vào giường nằm để dụ người phụ tá -mật thám ở phòng bên cạnh, chỉ cách tôi khoảng hai thước- cũng lên giường như tôi. Nhưng tôi vẫn thức, vừa nghĩ đến gia-đình, đến cuộc hành hương ở Jérusalem năm 1972 và về những giai đoạn khác nhau của thánh sử mà tôi đã đọc đi đọc lại trong sách của Daniel Rops. Ít lâu sau tiếng cồng giơ nghiêm, tôi đứng dậy, mặc áo quần sạch sẽ nhút, vẫn ở trong mừng và rất lạnh lẽ, để tránh tai mắt không những của người y tá phụ, mà còn của những người lính đi tuần, thường đảo mắt vào

song cửa sổ lúc nào cũng bắt buộc để mở (trừ khi hơi mưa) để kiểm soát phòng tù nhân. Ngồi xếp bằng lại, với chiếc hộp đựng Mình Thánh Chúa để trên một thùng nhỏ (thùng đựng thuốc) trước mặt, tôi đọc thánh kinh và hát thật nhỏ vài khúc thánh vịnh bằng tiếng Pháp và tiếng Latinh mà tôi nhớ lại từ thuở trẻ trung xa xôi, lúc tôi còn là học trò ở nhà các cha-

*“Không cho chúng tôi, không cho chúng tôi,  
Mà cho Danh Người,  
Hãy đem vinh quang đến cho Công Bằng và Tình Yêu của Người” –*

(Thánh Vịnh 115.I)

Ít lâu sau, khoảng nửa đêm khi các loa phóng thanh của trại ngưng hét vang, tôi tự ôn lại những giai đoạn khác nhau của thánh lễ và sau cùng rước Mình Thánh Chúa.

Một cảm giác yên bình khó tả xâm chiếm tôi, và tôi vững niềm tin là lần sau rước lễ, sẽ ở giữa gia đình tôi, bạn bè tôi, giữa giáo dân của họ đạo tôi ở Sài Gòn!

Khi Hố Nai đến thăm tôi hôm sau, tôi bảo anh kể cho tôi nghe buổi lễ của các anh đêm qua. Anh nói rằng các anh đã họp lại không phải trước bàn thờ Đức Trinh Nữ, bên ngoài dễ thấy, nhưng trong một góc của phòng. Các anh đã xếp lại hai chiếc mùng và như vậy có đủ chỗ cho khoảng ba mươi người tất cả ngồi trên chiếu rơm và nhờ mùng của những người lân cận che mắt lính gác. Các anh bắt đầu bằng kinh nguyện, rồi làm nghi thức rửa tội cho Wong S. với nước và muối; chỉ thiếu dầu thánh mà thôi! Rồi họ cũng cử hành lễ như tôi đã làm và tất cả đều rước Chúa. Sau buổi lễ, nhiều người trao quà nhỏ cho Wong S, anh ấy vừa khóc vừa nói chưa khi nào cảm thấy được yêu thương, phong phú và sung sướng như vậy. Hố Nai cũng tâm sự rằng anh ta đã chảy nước mắt khi nghe ông lão này, người đã trải giàu sang danh vọng, nói rằng ông đã cảm thấy sung sướng và giàu có với món quà nhỏ mọn như là một hai miếng thuốc, hai ba miếng đường hay là vài viên kẹo! Chính tôi khi nghe Hố Nai kể lại cảnh tượng này, tôi rất cảm động và suy nghĩ về chuyện này trong nhiều ngày.

Ngay từ đầu tháng năm, cán bộ cho chúng tôi biết rằng Đảng và Nhà Nước đang nghiên cứu một chương trình mới cho những tù nhân từ Miền Nam tới, chúng tôi sẽ được chia làm ba hạng: những người có tội trung bình, những người có tội nặng, và những người có nợ máu với tổ quốc và nhân dân. Hạng người đầu tiên, nhiều nhất sẽ từ từ được trả về gia đình; những người cuối cùng sẽ được đưa ra tòa án nhân dân và bị trừng phạt đúng với tội ác của họ; đối với những người ở nhóm thứ hai, họ sẽ bị quản thúc trong những trung tâm nông nghiệp và ở đó phải làm việc để tự sinh sống và lo cuộc sống của gia đình, lúc đó sẽ được phép đến ở cùng họ. Những trung tâm nông nghiệp này đặt dưới sự kiểm soát của bộ Nội Vụ.

Để bắt đầu, người ta chỉ định một toán mười một người dưới sự điều khiển của cựu tướng Nguyễn

O., công tác của nhóm này là đi nghiên cứu tại chỗ những vùng có thể thiết lập trung- tâm khuếch trương nông-nghiệp. Mười thành viên kia được chọn vì khả năng của họ trong các đại đội, cán bộ nói với họ rằng chính thức thì họ đã được thả rồi, nhưng Bộ chỉ giữ họ lại vì công vụ; bằng chứng về địa vị mới của họ là mỗi người được phát hai bộ đồ (quần và áo cánh) nâu; một bằng chứng khác là cửa nhà nơi họ ở không bị khóa lại ban đêm; họ có thể ra ngoài để ngắm trăng nếu họ muốn (tuy nhiên chung quanh khuôn viên được khóa chặt để không thể liên lạc được với các trại tù nhân). Một bữa nọ tôi đến thăm một người bệnh trong toán này, tôi thấy người trưởng toán ngồi trên chiếu, trước một đồng mền xếp lại làm bàn viết, đang thảo diễn văn khai mạc anh sẽ đọc vài đêm sau đó, để đánh dấu ngày toán anh khởi hành đi công tác trong vùng Thanh-Hóa, Nghệ-An. Trong diễn văn này mà tôi được nghe vài đoạn, vì anh đọc trước mấy vi âm trong buổi lễ diễn ra không xa bệnh xá lắm; anh bắt đầu ca tụng lòng cao thượng của Bác Hồ, rồi anh bày tỏ lòng biết ơn vô bờ bến của anh đối với Đảng và Nhà Nước mà vì khoan hồng vô biên đã ban bố chương trình tái thiết đầy nhân đạo cho các cựu quân nhân và công chức của miền Nam, những đứa con đã phản bội tổ quốc và nhân dân Việt Nam ... Họ ra đi tham quan địa điểm các trại lao động tương lai vào ngày 11 tháng 6 ... Họ trở về giữa tháng 8, soạn báo cáo và chờ đợi. Vài năm sau, tôi tình cờ gặp ở Sài Gòn, một người trong toán này, trước kia là giám-đốc điền địa miền Nam Việt Nam, anh ta kể cho tôi biết rằng các anh chờ nhiều tháng.... rồi được trả về đội cũ để làm công việc khổ sai hàng ngày: đảng và nhà nước, trong sự “khoan hồng vô biên” đã quên “chính thức trả tự-do” lúc thành lập toán và họ tiếp tục được “nuôi ăn ở bằng tiền của nhà nước” đến năm 1982 riêng cho anh và đến năm 1987 cho viên cựu tướng lĩnh dù anh ta đã bán linh hồn mình rồi.

Vào giữa năm 1979, đời sống nhàm chán nơi trại 52-A bỗng nhiên bị xáo trộn bởi một vụ tai tiếng không liên quan trực tiếp đến tù nhân, luôn luôn bị cưỡng bách đều đặn vào công việc khổ sai hằng ngày, nhưng lại liên quan đến những người lính gác. Chúng tôi kêu đó là vụ “Watchgate” vì nó dính dáng đến đồng hồ và xảy ra bên cạnh cổng vào khuôn viên trại tù nhân. Sau khi đến trại này, chúng tôi không được phép giữ đồng hồ đeo tay, nhẫn và mọi thứ “không cần thiết cho đời sống một người tù”, chúng tôi phải gởi lại để ban hành chánh của trại cất giữ. Nhiều người có những đồng hồ thật đẹp của những hãng quốc tế nổi tiếng, phần nhiều là bằng vàng; riêng phần tôi, tôi phải gởi lại đồng hồ thợ lặn, một cây đèn pin bỏ túi và một ống nghe. Những đồ gởi lại được bỏ vào một túi nylon có tên tù nhân và niêm lại với ngọn lửa của cây đèn cầy. Người phụ trách kho cất này là một nữ cán bộ. Một buổi sáng tháng sáu, khi đến văn phòng đặt trong một căn nhà ở ngoài khu của tù nhân ngay trước chòi lính canh, bà ta nhận thấy cái tủ đựng đồ gởi này đã bị nạy ra và một vài miếng ngói bị rở trên mái phòng.

Ban giám đốc trại mở cuộc điều tra, nhận ra đã thiếu bốn mươi túi đựng những món đồ cất giữ và báo cáo cho bộ Nội Vụ hay. Các điều tra viên đến, và hai ngày sau chờ đợi người nữ trung úy trẻ, xiềng khóa ở tay. Bà ta đã dàn cảnh với sự đồng lõa của một cán bộ và hai người gác an-

ninh, còn về những chiếc đồng hồ đeo tay, bà ta đã lấy từ nhiều tháng trước và bán rẻ cho nhiều cán bộ trong trại, một vài chiếc chưa bán được vào ngày có cuộc điều-tra, đồng lõa của bà vớt xuống ao của trại; người ta đã không vớt chúng lên được. Một vài người khác cũng bị bắt và nhiều sĩ quan công an bị chuyển; trong vụ này tôi đã mất vừa cán bộ quản giáo (người của đội nhà bếp), vừa cái đồng hồ đeo tay, mà tôi chỉ được biết mấy tháng sau đó.

Cái hình ảnh của người nữ trung úy lực lượng công an xiềng khóa nơi tay, tương phản mãnh liệt với thái độ ngạo nghễ, xa cách, kiêu kỳ của những cán bộ mà chúng tôi đã gặp khi đến miền Bắc! Lúc bấy giờ họ đang hoang với chúng tôi, những người tù chính-trị; nhưng nhận xét này không đúng đối với những tù nhân thường phạm như tôi đã thấy ở bệnh xá của họ, cũng không đúng ở những trại tù nhân chính-trị khác, như các bạn di tản năm 1978 từ những trại đóng ở biên giới đã kể cho tôi nghe; trong những trại này, việc hành hung, đánh bằng báng súng, đá vào mông, và tát tai là việc thường thấy; lại còn có những trận đòn chí tử, như một người thoát được trong nhóm ba thiếu-tá mưu toan trốn trại đã kể cho tôi nghe.

Tuy nhiên, thời thế đã đổi thay: năm 1976 chúng tôi còn bị biệt giam lúc các bạn ở một đội khác đã nhờ được quản giáo, một thượng sĩ công an, mua giùm ở thị trường tự-do (còn gọi là chợ đen nữa) đường vàng (đúng hơn sô-cô-la đậm) dĩ nhiên có hoa hồng cho anh ta, chúng tôi cũng xin cán bộ của chúng tôi, một viên đại úy, làm như vậy, anh ta đã từ chối, nói rằng với đồng phục của anh, anh thà trả đồng phục cho chính phủ chứ không thể mua ở chợ đen. Nhưng bây giờ năm 1979, cũng chính đại úy này bị bắt quả tang đang đánh cắp vật liệu xây dựng; ông Huệ kể rằng; góa vợ, anh ta đã tái giá. Nhưng ông giám đốc của chúng tôi, người luôn luôn ở với một bà vợ, một thiếu úy công an đã từ chức, đã để vợ ông mỗi ngày mang hai thùng thịt mua ở hợp tác xã bán lại cho tù nhân tận chỗ làm việc và trong xưởng nữa! Còn về những lính gác mà bốn phạm là trông chừng các tội phạm tại nơi làm việc của họ, thường hay “mượn” hộp quẹt bật lửa hay kéo cắt móng tay, và “quên” trả lại. Buổi tối, họ hay đến cửa sổ của chúng tôi hỏi xin, bán hoặc đổi đồ ăn lấy những cái quần không quá cũ mà chúng tôi có thể xin gia-đình ở Saigon! Sau này, tôi có gặp lại những bạn từ Hà Nam Ninh trở về, họ kể lại rằng phải thu xếp trong mỗi đội để vào thời kỳ có những thùng quà của gia-đình, một số quà cho cán bộ quản giáo, và sau đó, mỗi ngày khi anh ta đưa họ ra đồng làm việc khổ sai, thì họ được ngồi nghỉ dưới bóng cây.

Một hôm trong tháng 7 năm 1979 khoảng 11 giờ trưa, tôi đang sửa soạn ăn trưa, thì có người cựu trưởng toán (cũng là tù nhân) mới được thăng lên chức giám thị, đi qua nói với tôi rằng 12 giờ trưa, tôi phải có mặt ở phòng họp để gặp phó giám đốc. Tôi rất lo âu, ông phó giám đốc này muốn gì đây? Tôi nuốt vội chén bột bắp, rồi đến phòng họp ở cuối con đường chính giữa. Từ đó, tôi nhìn về phía cổng ở đầu kia của đường chính, đợi ông phó giám đốc xuất hiện. Chờ khá lâu, rồi tôi thấy ở cổng một người vẫy tay như để gọi tôi. Tôi liền rời phòng họp và đi ra cổng, đến đó tôi thấy một người khá trọng tuổi, bận quần và áo cánh bằng vải trúc bầu (cách ăn mặc đơn giản của cán bộ cao cấp) người ấy hỏi tên tôi và bảo tôi đi theo ông ta vào bàn giấy của giám đốc. Khi

đi ngang qua phòng gác, người sĩ quan trực kính cẩn chào ông và người lính gác đứng nghiêm. Ông đưa tôi vào phòng khách ở bên cạnh văn phòng của giám đốc trại, ngồi vào một chiếc ghế bành và chỉ cho tôi ghế trước mặt ông ta. Ông mời tôi trà đã có sẵn trên bàn, rồi hỏi thăm sức khỏe của tôi. Rồi ông nói rằng ông ta từ bộ Nội Vụ tới, và rằng chính ông và những cán bộ khác của bộ nghĩ rằng sẽ có “lợi hơn” nếu để tôi trở về với gia-đình hơn là giữ tôi lâu nữa ở trại. Ông ấy hỏi tôi có thấy thời gian ở trại lâu quá hay không. Tôi trả lời là có. Ông hỏi tiếp có hay không những hành vi tàn bạo đối với tù nhân chính trị. Tôi trả lời thành thực và không mặc cảm là ở trong trại này tôi không khi nào thấy những cử chỉ thô bạo đối với tù nhân chính trị và chuyện làm chúng tôi khổ nhất là thực phẩm thiếu thốn. Ông nói với tôi sau đó về vài bác sĩ ở Saigon, về một người mà chánh phủ đã để đi Pháp vì ông ấy muốn đi với bất cứ giá nào, mặc dầu chánh phủ muốn giữ ông ở lại ... Rồi ông biểu tôi viết ra những gì tôi đã nói và đưa lại cho ông trong một tiếng đồng hồ nữa. Ông thêm rằng, khi trở về bộ, ông sẽ đề nghị với ông bộ trưởng trả tự do cho tôi vào dịp quốc khánh mùng 2 tháng 9 tới đây .

Sau đó ông dẫn tôi tới cổng và bảo sĩ quan trực hãy vui lòng nhận chuyển tờ trình mà tôi sẽ đem nộp trong vòng một giờ.

Trở về bệnh xá, tôi liền bắt đầu thảo bản tường trình sẽ phải nộp, tôi lập lại những gì đã nói với cán bộ của bộ; tôi rất thỏa mãn là những câu trả lời đã làm ông ấy hài lòng và đó là đúng với sự thật ; lương tâm tôi và phẩm cách trí thức của tôi không hề bị xáo trộn. Tôi cũng rất sung sướng về viễn tượng một ngày gần đây sẽ được trả tự do. Sau khi nộp bản tường trình cho sĩ quan trực ở cổng, tôi lập tức trầm mình vào công việc thường nhật và cho báo với cán bộ y tế là tôi sẽ đến chậm vì phải gặp cán bộ từ bộ Nội Vụ xuống. Thay vì ký “phiếu xin thuốc” tại cổng khoảng 14 giờ như thường lệ, anh ta đến bệnh xá lúc 16 giờ, ký phiếu “đặt hàng ‘ và đưa tôi đến bệnh xá của nhân viên, mà không hỏi tôi điều gì về cuộc hội kiến với cán bộ của Bộ.

Tối đến, trong giường tôi hồi tưởng lại cuộc nói chuyện với cán bộ của Bộ, ông ấy đã dùng từ ngữ “có lợi...” có lợi để tôi về với gia đình hơn là giờ tôi lại trại lâu hơn nữa”.

– Nhưng có lợi cho ai ?

– Cho tôi, chắc chắn rồi! Nhưng mà tôi đáng kể gì đối với đảng và nhà nước!

– Lợi cho ông ấy, ông cán bộ ? Phải có đoàn kỵ binh của St-George ở đằng sau! Điều đó, tôi không rõ. Cũng có thể lắm!

– Có lợi cho đảng và chánh phủ? Có thể lắm!

Thanh danh về sự rộng lượng của đảng quả được lợi hơn nhiều khi đảng trả tự do cho một đại tá, một tướng lãnh hay một nhân vật chính trị mà nhiều người biết đến hơn là cho một trung úy, một thượng sĩ, ít tội hơn, nhưng mà vô danh!



Ngày hôm sau, khi tôi kể lại cho ông Huệ nghe những điều cán bộ của bộ Nội Vụ nói với tôi và lời hứa là ông ta sẽ đề nghị trả tự do cho tôi trong dịp quốc khánh tháng chín, ông có vẻ nghi ngờ và nói :

“Tôi cũng vậy, đến tháng mười sẽ mãn hạn tù (thường phạm) . Không ai biết trong hai chúng ta, người nào sẽ ra trước!”

Niềm lạc quan của tôi cũng không được một người bệnh (cựu đại tá) nằm ở bệnh xá chia sẻ. Đáng lẽ từ trước tôi phải kể đã nhiều tháng nay có tin đồn nhân dịp thân nhân đến thăm (đã được phép từ một năm nay) hay qua thư từ với lời lẽ bóng gió, theo đó thì có những cuộc thương lượng để trả tù chính trị với giá là 3000 đô la Mỹ mỗi đầu người tù. Chúng tôi sẽ được bốc đưa thẳng từ trại đến Hawaii hay Phi Luật Tân, và gia đình sẽ đi sau. Một cựu trung úy phi công đã kể cho tôi rằng cha anh từ Saigon đến thăm, đã thừa dịp vắng mặt chốc lát của cán bộ để nói nhanh bằng tiếng Pháp: “Con sắp đi Mỹ. Đã tính xong rồi, 3000 đô la cho mỗi đầu người!” Trong viễn tượng này, người bệnh của tôi đã nói :

“Họ có thể chơi anh một cú đau đấy! Vì chúng tôi sắp đi từ đây qua Mỹ, họ trả anh về Saigon để anh không xuất ngoại được!”.

Mười ngày sau, ông Huệ nói rằng giám đốc trại vừa đề nghị chính thức với Bộ trả tự do cho tôi trong dịp quốc khánh tháng 9. Lần này ông có vẻ tin tưởng. Tin mừng vì sắp được trả tự do tôi chưa có dịp thông báo cho Thúy hay, thì người trực của đội anh kể cho tôi mới nghe sáng nay Thúy đã bị chuyển về nhà ngục trung ương ở Hà-nội. Thúy đã bị nhốt ở đó một lần rồi trước khi bị giam trong khu F của chúng tôi. Anh đã tả cho tôi nghe đời sống ghê rợn anh đã trải qua: nhốt kín trong những xà lim hai thước trên một thước, đèn chiếu sáng 24 trên 24 giờ, phải ở trường về mùa hè vì sức nóng ngộp thở, có một xô nhỏ để uống, một xô khác lớn hơn một chút cho nước tiểu và phân ... Người tù được quyền đi dạo đơn độc mười lăm phút trong một sân nhỏ hai lần mỗi ngày. Những cuộc thăm vấn không bao giờ chấm dứt, nhiều khi bị đánh thức giữa đêm để những điều tra viên thay phiên nhau tra tấn để làm cho anh kiệt quệ về mặt tâm lý! Hy vọng là Thúy có thể ra khỏi đó lần này nữa! Anh ấy mạnh khỏe, tràn đầy sức sống trong tuổi bốn mươi. Lạy Chúa! Xin đoái thương Thúy? Xin hãy thương xót bạn con!’

Hai năm sau, một đồng bạn được thả năm 1981, đã tả cho tôi nghe những hoàn cảnh bi đát về cái chết của Thúy. Vài tháng sau khi anh bị đưa về nhà ngục trung ương ở Hà-nội, người ta trả anh về trại 52-A trong một tình trạng suy mòn và tiêu tụy kinh khủng, ra đi tương đối khỏe mạnh, anh trở về, già trước tuổi, mặt xanh xao gầy còm, tay chân da bọc xương, chỉ đi được nếu có những bàn tay bạn đỡ dần! Vài tuần lưu trú ở trại 52-A đem lại cho anh một ít sức lực và một buổi sáng người ta báo tin là vợ anh từ Saigon ra, đang đợi anh ở nhà khách. Tin mừng này đã mang lại một chút nghị lực, anh đã đi, một mình và tràn ngập xúc động, tới nhà khách, có người tù giám

thị đi cùng. Nhưng những giòng lệ vui mừng và xúc cảm chưa ngừng chảy trên má Thúy và vợ Thúy thì công an của cơ quan an-ninh bộ Nội Vụ đã tới và trao cho anh lệnh chuyển qua một nhà tù khác! Họ phải rút Thúy ra khỏi vợ Thúy, Thúy mà bây giờ chỉ là cái bóng của Thúy ngày xưa. Tiếp theo sự vui mừng ngắn ngủi, là một sự thất vọng ghê gớm: họ la, họ khóc, những giòng lệ khổ đau đã chảy dù họ có can đảm đi nữa, cả những trái tim bằng đá của những phái viên của Bộ cũng đã mềm lòng và cho phép vợ anh theo chồng về nhà tù mới..

Vài ngày sau đó, cán bộ quản giáo của đội của Thúy đã báo cho những bạn Thúy hay rằng Thúy đã qua đời!... Như những cánh hoa lan đã chết, đã bị ngắt đi, và dày xéo bởi sự hung bạo của lính gác, những cánh hoa lan mà Thúy đã coi như một biểu tượng cách đây hai mươi tháng.

Tôi đã đợi trong lo âu và nóng lòng tin báo trả tự do cho tôi. Sáng ngày 6 tháng 9, tôi được triệu lên văn phòng giám đốc, tôi gặp lại cán bộ của Bộ đã gặp hôm tháng 7, lần này có mặt ông giám đốc. Ông ấy nói với tôi là nghị định trả tự do cho tôi đã được ký ngày 20 tháng 8, nhưng vì bận nhiều việc khác, ông chỉ có thể đem đến ngày hôm nay và ông ấy bảo ông giám đốc chuẩn bị thủ tục cần thiết về việc trả tự do và việc trở về Saigon của tôi. Ông ấy cũng bảo tôi viết ngay tại chỗ một thư cảm ơn ông Bộ Trưởng bộ Nội Vụ và ghi vào đó là tôi sẽ không quên báo cáo cho cơ quan an ninh địa phương mọi “âm mưu phản động mà người ta rủ tôi tham gia”. Tôi thêm vào đó “như mọi công dân tốt phải làm ‘.

Ngày 11 tháng 9, sau 51 tháng bị giam giữ trong những trại tập trung cải tạo bằng công việc khổ sai, tôi rời trại cải tạo Hà Sơn Bình để ra ga Hà-nội, chỉ một mình ông Huệ đưa tôi ra tận cửa trại. Ông ấy dặn dò tôi:

“Ở Saigon hãy cẩn thận! Dưới chế độ này, đối với cơ quan công an, nhãn hiệu P.C.M. (phản cách mạng) phải mang suốt đời.”

### **Chú Thích:**

(11) Quan Công nhân vật truyện Tam Quốc thuộc thế kỷ thứ III, sau công nguyên, nổi tiếng nhờ sự can đảm và tính nóng của ông. Bị thương ở tay vì một mũi tên độc, ông để Hoa Đà nạo xương tay trong khi ông vẫn chơi cờ tướng.



## **CHƯƠNG X**

### **TÔI ĐƯỢC THẢ**



Đến ga Hà Nội, tôi được biết chỉ có thể có chỗ trên xe lửa đi về Saigon ba ngày sau đó thôi. Tôi bèn đến nhà người bà con bên vợ, người ta nhận tôi ở trọ sau khi thấy là tôi hợp lệ với chánh quyền; và chị ấy đi báo chính thức với cơ quan an ninh phường về sự có mặt của tôi.

Đáng lẽ tôi muốn dành cả ngày đầu được tự do để đi thăm thành phố mà tôi đã sống mười năm của tuổi trẻ; nhưng trước hết tôi phải viếng “lăng Bác”, một “bổn phận” do người bà con đề nghị mà tôi không dám từ chối! Cái lăng này, một khối đá to bằng cẩm thạch đen, hai bên có hai khối đá hình hộp khác thấp hơn, không có gì đặc biệt mỹ thuật cả, nhưng có cả một cái đuôi dài xếp hàng đứng đó từ sáu giờ sáng: đó là những đoàn đại diện các “tổ chức yêu nước” hay là những cơ quan nhà nước từ các tỉnh tới. Trong lăng, bác Hồ trong y phục Mao, mặt rạng rỡ khỏe mạnh nhờ phấn sáp của mấy người ướp xác, nằm bình thản trong cái quách bằng kính, có mấy sĩ quan mặc đại phục canh gác. Điều đáng kể đối với tôi, và theo tôi nghĩ cũng như đối với nhiều người đến viếng khác – nhìn qua sự hấp tấp của họ – là khúc bánh mì có jambon hay pâté mà chúng tôi được phép mua theo giá chính thức sau cuộc viếng thăm.

Vòng dạo phố cũng làm tôi thất vọng nhiều. Đâu rồi phố Hàng Đào, phố Hàng Bông, đầy dãy cửa hiệu tràn ngập hàng hóa và tập nập người đi lại. Đâu rồi những “Grands Magasins Godard”, nơi mà sinh viên nghèo như tôi cũng vẫn đi dạo để ngắm những đồ hàng đẹp trưng bày trong tủ kính mỗi sáng chủ nhật và nhìn những người ăn mặc sang trọng? Những dãy nhà vẫn còn đó, không có bom Mỹ nào phá cả, nhưng mà gần như trống không, chỉ còn là những mặt phố cũ kỹ, ít nhiều đồ nát với lớp vôi đã quét từ trước chiến tranh; đây đó vài cửa hiệu nghèo nàn may áo quần hay là sửa đồ điện lặt vặt. Những cửa hàng lớn Godard bảo trì tồi như thế chỉ bán những món hàng khan hiếm cho người có phiếu tiếp tế. Một khu nhỏ đặc biệt dành cho cán bộ cấp cao của đảng và nhà nước, ở đó tôi có thể thấy vài cái quạt điện, máy hút bụi và tủ lạnh!

Tôi đi về, thất vọng về buổi viếng thăm thành phố! Nếu Hà Nội, thủ đô của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, thành phố số một của đất nước mà nghèo đến thế, thiếu thốn đủ thứ, vậy thì Sài Gòn yêu dấu của tôi đã ra sao rồi? Có còn lại một chút gì của thời vàng son xưa chẳng, hay nó đã thật sự biến thành thành phố Hồ Chí Minh, nghĩa là còn nghèo khó và túng quẫn hơn cả Hà Nội, thủ đô? Ngày hôm sau, tôi quyết định ở lại nhà để chờ giờ ra ga vào buổi chiều. Trong khi chờ đợi, tôi đọc vài tờ báo để ở trên bàn, vận rủi đã khiến tôi đọc nhầm số báo ngày 12 (hay 13) tháng 9 của tờ Nhân Dân, tờ báo của đảng. Tôi không tin nơi mắt mình khi tôi đọc được cái nghị định mới của bộ Giáo Dục Đại Học Cao Đẳng và Kỹ Thuật liên quan đến việc nhận vào các trường Cao Đẳng và Đại Học ở Miền Nam, trong đó quy định rằng con và cháu của cựu quân nhân và công chức của Việt Nam Cộng Hòa không được phép dự các cuộc thi tuyển nhập học.

Vậy là nghị định này đã chính thức hóa sự kỳ thị trên thực tế áp dụng từ năm 1976, khi ấy một người bạn trong trại đã kể cho tôi nghe rằng, con gái của anh ta, đậu thủ khoa ra trường Nữ Trung Học Sài Gòn, đã bị từ chối không được dự cuộc thi tuyển vào đại học! Và lúc ấy tôi nhớ lại điều

mà một người vợ đã kể cho chồng, một bạn đồng đội trong đội đan lát, người vợ từ Sài Gòn ra và được phép ở lại với anh trong vòng 24 tiếng đồng hồ ở nhà khách, chị cho chồng hay rằng ở Sài Gòn,, dân chúng bị kiểm soát chặt chẽ bởi các cơ quan an ninh, rằng mỗi nhóm năm mươi gia đình có một công an khu vực, người này có thể bất cứ giờ nào, ban ngày hay ban đêm, vào nhà lục soát mọi nơi, mọi góc nhà, để kiểm soát coi những người ở trong nhà có phải là những người có tên trong hộ khẩu. Nếu có thiếu hay thừa người, chủ gia đình có cơ nguy bị đem đến trụ sở để giải thích và chịu phạt, ít thì là một món tiền phạt, nếu không thì là tù. Chị ấy cũng tâm sự với anh rằng những người được thả từ những trại cải tạo về, phải trong một hoặc hai năm trình diện mỗi tuần tại trạm an ninh của phường và thỉnh thoảng bị triệu tập trong vài ngày đến dự những buổi học tập cải tạo. Thành phố Sài Gòn trở nên buồn tẻ, đường xá vắng ngắt khi trời vừa tối; những người bán hàng rong cháo hay bún, bị bắt gặp trên đường sau sáu giờ chiều, đều bị chở lên xe công an! Phần đông các tiệm đã đóng cửa và người ta không có gì để mua; mỗi năm, mỗi người lớn được phép mua bốn thước vải phẩm chất xấu, còn tham những thật là khủng khiếp: chính chị đã phải đưa tiền cho trưởng phòng công an phường, rồi cho thợ ký công an quận, để được phép ra Hà Nội và chị phải biếu xén để đem thức ăn ra cho chồng mà không bị nhân viên kiểm soát kinh tế tịch thu.

Cho nên với một cảm giác lẫn lộn vui mừng – vui vì sắp được gặp lại gia đình – và lo lắng nếu không nói là âu sầu, mà tôi bước lên xe lửa, xe đi ba ngày để đưa tôi về thành phố Sài Gòn cũ của tôi, để bắt đầu một giai đoạn mới của cuộc đời.

- HẾT -

